

VIÊN GIÁC



BỘ MŨI
SỐ

21

THÁNG SÁU NĂM 1984

JUNI 1984

AUSGABE IN VIETNAMESISH UND DEUTSCH



TẠP CHÍ CỦA KIỀU BÀO VÀ PHẬT TỬ VIỆT NAM TẠI CỘNG HÒA LIÊN BANG ĐỨC
ZEITSCHRIFT DER VIETNAMESEN UND VIETNAMESISCHEN BUDDHISTEN
IN DER BUNDESREPUBLIK DEUTSCHLAND

GIAO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM THỐNG NHẤT
CHI BỘ TÂY ĐỨC

Chùa Viên Giác, Eichelkampstr. 35A, 3000 Hannover 81. Tel. 0511-864638

Phật lịch 2527; Hannover ngày 28 tháng 4 năm 1984

Thư mời

Kính gửi: Quý Đạo Hữu và Quý Phật Tử xa gần
Trích yếu: v/v mời tham dự Đại Lễ Phật Đản 2528 năm tổ chức tại chùa Viên Giác
Hannover từ 25-27/5/1984.

Nam Mô Bốn Sư Thích Ca Mẫu Ni Phật

Kính thưa Quý Vị;

Một lần nữa mùa Đản Sinh của Đức Từ Phụ Bốn Sư Thích Ca lại trở về với người còn Phật khắp năm châu trên quả địa cầu này. Năm nay, theo thông lệ như những năm trước, Chi Bộ Phật Giáo và Hội Phật Tử Việt Nam tại Tây Đức thành kính tổ chức kỷ niệm ngày Đại Lễ để cúng dường sự Thi Hiện của Ngài, cầu nguyện cho đất nước sớm thanh bình, Dân Tộc bớt điều linh thống khổ và lòng người muôn độ nở hoa để đón mừng ngày Giáng Trần của bậc Giác Ngộ.

Cũng nhân Đại Lễ này, chúng ta sẽ cầu nguyện cho những người ra đi vượt biển tìm tự do được đến nơi chốn bình yên, những kẻ không may đã ra người thiên cổ được siêu sanh Lạc Quốc, và đồng bào Việt Nam tại Tây Đức chúng ta chung l ở i cầu nguyện để có được một ngôi chùa Viên Giác trong tương lai như nguyện ước.

Nguyện cầu chư Phật, chư Tổ Sư từ bi gia hộ cho ý nguyện của chúng ta sớm đạt thành, người còn được an lạc; kẻ thác được siêu thăng và kính chúc bình quyên của Quý vị được vạn sự kiết tường như ý.

Nay kính;



TM. Chi Bộ Phật Giáo Việt Nam Tây Đức
Trụ Trì chùa Viên Giác

Thích Như Điển

- Bí chú:
- Để giúp đỡ Ban Trại Soạn trong vấn đề ẩm thực. Kính mong Quý vị tham dự Đại Lễ đóng góp 20DM cho 2-3 ngày và 10DM một ngày cho mỗi người tham dự.
 - Để gây quỹ xây dựng chùa Viên Giác - nếu Quý Vị nào dự định tham dự đêm văn nghệ, xin đóng lệ phí 30DM vào cửa. Trong đó có 10DM trang trái tiền thù l a o cho các nghệ sĩ và 20DM góp phần công đức xây dựng chùa.
 - Quý vị nào muốn Quy Y Tam Bảo, xin gửi tên, tuổi, ngày, tháng, năm và nơi sinh về chùa trước ngày Đại Lễ và xin có mặt vào ngày thứ bảy (26/5/84 - xem chương trình mặt sau) để thọ lãnh quy giới.
 - Các phái đoàn về đồng người xin cho chùa biết trước để tiện việc sắp xếp cho Quý Vị. Quý vị nào có túi ngủ mang theo tiện hơn, phòng khi trời trở tiết.
 - Để cho đêm văn nghệ bớt ồn ào và những lúc cử hành lễ được trang nghiêm, mong Quý vị không nên mang trẻ em dưới 10 tuổi đi dự. Kính mong Quý vị thông cảm và hỗ trợ cho những điều đã ghi trên.

Trong số này
In dieser Ausgabe

Thư Tòa Soạn.....	Trang 01
Tâm là gì, Thức là gì.....	02
Quan diêm.....	05
Lá Thờ Tịnh Độ.....	07
Tuyển Tập PG với VH.....	09
Việt Nam Phong Sự.....	13
Quốc Sư' Tập Lục.....	15
Bắc Du Chôn Vó.....	19
Vương Quốc Bhutan.....	22
Thờ.....	25
Allgemeine Buddhlehre.....	26
Gefangener des Vietcong.....	29
Die ill. Geschichte Buddh.....	33
Das Wunder, wach zu sein.....	36
Thờ.....	40
Có hay không có.....	41
Đường Không Biên Giới.....	44
Văn Chương Nữ Giới VN.....	47
Nổi buồn viên xứ.....	51
Cô gái Bình Định.....	53
Hai cảnh sống.....	57
Dưỡng sĩ Lê Nguyên.....	60
Hạnh Phúc của Thi.....	62
Vụ án Thị Lộ.....	64
Trang Giáo Lý GĐPT.....	66
Đoàn tụ Gia Đình.....	69
Gia Chánh chay.....	75
Tin tức.....	76
Phường Danh Phật Tử.....	78



Thư tòa soạn

Kính thưa Quý vị Độc giả,
VIÊN GIÁC số 21 lẽ ra sẽ xuất bản vào tháng 6; nhưng hôm nay đến sớm với Quý vị hơn một tháng và Viên Giác số 22 sẽ đến với Quý vị vào cuối tháng 8/84 thay vì đầu tháng 8 như mọi khi.

Số dĩ có vấn đề sớm hay chậm như vậy là vì trong mùa An Cư Kiết Hạ - như lần trước Viên Giác đã trình bày với Quý vị - chúng tôi muốn yên tĩnh để tu hành, không muốn bận rộn đến những công việc ăn loát nữa. Kính mong Quý vị độc giả bốn phương niệm tình hỷ thú cho vấn đề đã nêu trên.

Năm nay mùa Phật Đản lại về trong lòng người con P h â t khắp năm châu và ngay trong mọi miền của đất nước Việt Nam chúng ta. Chúng ta - là những người Phật tử - đã sống ở nơi đây, cũng nên nhân ngày Đản Sanh lần thứ 2528 năm của Đức Từ Phụ hãy chấp tay và lắng lòng để hướng về quê hương cầu nguyện cho đất nước sớm thanh bình, đạo pháp hết điều linh thông khổ và mọi người con Phật có cơ hội ngồi lại cùng nhau để cùng xây dựng lại một quê hương đã đổ nát hơn mấy mươi năm chinh chiến do hận thù và dục vọng gây nên.

Ngày 2.4.84 vừa qua, tin tức trong nước đưa ra là Hòa Thượng Thích Trí Thủ, nguyên Viện trưởng Viện Hóa Đạo Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam thống nhất và hiện là Chủ tịch Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam thân chính quyền đã viên tịch một cách tức tưởi không có lý do. Đồng thời 12 vị Thượng Tọa Đại Đức Tăng Ni danh tiếng như Đại Đức Thích Tuệ Sỹ, Đại Đức Thích Mạnh Thát, sư cô Thích Nữ Trí Hải v.v... cũng đã bị bắt giam biệt tích. Một lần nữa được chứng minh rằng: Người cộng sản không dung thứ bất cứ một Tôn Giáo hay 1 tổ chức nào - ngay cả những người chịu hòa đàm với họ. Họ chỉ cần những người biết cúi đầu khuất phục, nhận chịu mệnh lệnh của Đảng ban ra, chứ không cần những ý kiến xây dựng đóng góp. Do đó, những ai còn đang lâm tương ngộ, cộng sản, hãy nhìn gương của Hòa Thượng Thích Trí Thủ để có một bài học đáng giá cho đời mình.

Xin chấp tay nguyện cầu cho giác linh của Hòa Thượng sớm cao đăng Phật Quốc và cầu nguyện cho đất nước Việt Nam của chúng ta bớt hận thù và thêm tình thương nhân mùa Đản Sanh lần thứ 2528 năm này.

— VIÊN GIÁC —

Chủ trương Thích Như Điển
Herausgeber
Ký thuật Thị Chơn
Layout

Cùng sự cộng tác của
Mitwirkung der
Hội Sinh viên và Kiều bào
Phật tử Việt nam
tại Cộng hòa Liên bang Đức
Vereinigung d. vietn. buddh.
Stud. u. Vietn. in d. BRD e. V.

Tòa soạn Pagode VIÊN GIÁC
Redaktion
Trung tâm Văn Hóa Phật Giáo VN
Vietnam. buddh. Kulturzentrum

Eichelkampstr 35a, 3000 Hannover 81
Tel. 0511. 864638

Tâm là gì? Thức là gì?

CÁI VÒNG HUYỀN HIỆN CỦA THỨC BIẾN - CHÂN THỨC, HIỆN THỨC VÀ CHUYỂN THỨC - TÂM VƯỢNG VÀ TÂM SỞ - SẮC PHÁP VÀ BẤT TƯỢNG ỨNG HÀNH PHÁP - CÁN TRẦN THỨC ĐẢM, NHIỆM LẤN NHAU - LÝ TRUNG TRUNG HUYỀN KHỞI TƯỢNG ỨNG.

Giáo lý nhà Phật có thể coi là nền B i ê n chứng chuyển hiện của những cái cực vi, của những làn sóng ba động cực kỳ vi tế, của ánh quang minh trùng trùng... Những cực vi này còn siêu xuất hơn những nguyên tử, điện tử hoặc lượng tử của khoa học ngày nay, nghĩa là còn vi tế và biến ảo hơn nhiều... Cực vi hay lượng tử hay hạt tử (particule) cũng không thể tách rời ra khỏi ba động, vì 2 cái đó chỉ là 2 hình thái biến hiện, 2 khía cạnh TÍNH ĐỘNG hay ẨN HIỆN của cái tam gọi là Quang minh. Tách rời ra thì là 1 làm 1 lạc lớn.

Cho nên, giáo lý nhà Phật chính là giáo lý của sự Ẩn hiện bí mật cấu thành, và đó là danh hiệu của một trong 10 huyền môn của tứ tướng Hoa nghiêm.

Với thuyết SÁT NA tức Tia chớp nháng biến hiện, những lời dạy của Kinh xưa đã bao trùm lên nền vật lý học cực vi cũng mọi q u a n g minh học. Và khoa học ngày nay bắt buộc phải đi sâu vào sự nghiên cứu những quang minh (radiations) thì mới có thể hiểu thêm được ít nhiều về vũ trụ khí thế giới.

Với hệ thống Duy thức của ngài Tư thị Di Lạc, diễn nói về sự chuyển hiện của cái Vòng minh hay Hư minh le lói, diễn nói về sự chuyển hiện nở ra của 8 thức, đồng thời chiếu cảm những ảnh tượng cảnh giới tương ứng... giáo lý nhà Phật đã thấu gồm nên phân tâm học hiện đại đứng muốn đi vào tiềm thức cũng vô thức... Và khi phân tâm học đi sâu vào sự nghiên cứu não bộ cũng thần kinh hệ vào trạng thái Ngủ cũng Mộng寐, nhà k h o a học sẽ bắt buộc phải nhận thấy sự hiện hữu của những quang minh tâm thức... Và những quang minh này còn vượt xa những quang minh thô kệch thấp kém, hiện nay tạo nên điện lực tử lực, nguyên tử, hạt nhân, tia laser h o ả c ánh sáng... Cho nên, nếu một nhà khoa học am hiểu được

nhận thức quan của lối Kinh xưa, rồi nương vào đó để làm những giả thiết (hypotheses), thì người đó sẽ đi tới những khám phá kỳ đặc...

Thuyết Sát na biến hiện đã nói ở trên rồi. Nay cố gắng đi vào những nét chính của hệ thống Duy thức để tìm hiểu Kinh Lăng Nghiêm. Trong khi khoa học mới chỉ biết nghiên cứu những tương quan giữa Vật và vật, thì từ ngàn xưa, giáo lý của Bắc Đạo sư Tội Thắng đã diễn nói về những tương quan giữa vật và vật và nhất là về những tương quan cấu kết giữa Tâm và Vật, về sự huân tập chiếu cảm trong cái màn huyền khởi trùng trùng ấy.

Hệ thống Duy thức giữ một vai trò thiết yếu trong sự diễn giải ấy. Vì nó diễn nói về cái lịch trình tư tâm chuyển thành Thức Sơn ảnh biến, rồi lại từ Thức này chuyển hiện thành 7 thức chuyển thức, tức là những mức độ h u minh le lói lập lờ trong thân tâm c h ứ n g sanh. Và mỗi mức độ le lói này lại t h ứ n g chiếu cảm những ảnh tượng tương ứng và thô kệch bên ngoài, mà ta thường gọi là c a n h giới. Cũng bởi thế, nên hệ thống Duy thức là một khu rừng rậm, bao la mịt mù, nhiều khi trừu tượng mơ ảo, nên khó vào, khó nhận, khó lường tượng... Và cần phải suy tư, q u á n chiếu một thời gian mới có thể hội nhập ít phần.

Ở nơi cung đầu xuất, không biết ngài Tư thị diễn nói Duy thức ra sao và chúng ta chưa thể biết được... Nhưng ở nơi nhân thế này, thì hình như chỉ có mấy bộ kinh giảng nói về Duy thức, như Kinh Giải Thâm Mật, Lăng Già và Lăng Nghiêm. Những lối Kinh thường lang ảnh ngại ẩn mật... Ngoài ra, có bộ Du Già Sư Đĩa Luận của ngài Vô Trước, Bồ Đại Thừa Khởi Tín của ngài Mã Minh, cũng mấy chục bài t u n g ngôn của các ngài Thế Thân và Huyền Trang. Xong những lối tụng ngôn cũng rất lác đơng bí hiểm khó dò.



Ngoài ra, những danh từ khá nhiều, và lối văn thường cổ kính... Cho nên, nếu diễn nói theo danh từ và lối kinh viện học quy (scholastic), thì những người mới học khó mà hội nhập được. Và lại, những danh từ bề bộn thường làm mất vẻ sống động, trong khi Duy t h ứ c

chính là sống động, và Thức là một Trường BIẾN HIỆN mà địa bản là cả pháp giới này.

Bởi vậy, nên mấy trang sau đây chính là trình bày những nét chính trong cái vòng h u yên hiện của Thức biến, để mong bạn đọc có thể ý hội được tánh chất sinh động, và nhất là tánh chất biến ảo trùng trùng...



THỨC LÀ GÌ ?

Trước hết, cần phải hiểu Thức là cái chichi. Vì nếu không muốn tưởng được nổi nó là cái gì, thì làm sao theo dõi vòng chuyên hiện ?

Kinh dạy: "Tam giới duy Tâm, vạn pháp duy Thức..." Nhưng lời kinh ấy thật không nói rõ Tâm là gì, và Thức là gì, và 2 cái là 1 hay là khác. Nếu khác, thì khác nhau thế nào?

Trên kia đã trình bày rằng: tuy Tâm là bất khả thuyết, nhưng theo lời kinh, có thể tạm mượn tượng Tâm như một Biến tinh lực uyên nguyên không ngăn mé, một Biến quang m i nh uyên nguyên, hào quang tốt rực, vô tướng mạo chuyên động cực kỳ thần tốc nên phi không thời gian và ứng hiện tức khắc.

Nhưng vì VONG hằng khởi, nên những q u a ng minh ấy tự chiếu soi, tự giao thoa, và chuyên thành Thức. Vậy Thức là gì? Vậy thì T h ứ c cũng vẫn là quang minh, nhưng quang minh có hàm chứa Vong rồi. Vong này lúc đầu là vọng TƯỚNG muốn chiếu soi, muốn tự chiếu s o i , nghĩa là có hữu tâm, có dụng tâm, có tác ý , rồi sau làm phát hiện lần lần những vọng TÌNH, tức tình nhiễm.

Vọng tưởng cùng vọng tình đều làm cho nặng NẶNG thì chuyên động CHẬM LẠI, mất cái nhiệm mẫu kỳ diệu và kèm trong sáng... Vậy Thức tức là những quang minh đã trở thành nặng nề, chuyên động chậm lại, rớt vào vòng kiềm tỏa của không thời gian, rồi chuyên t h e o đường cong, xoay tròn miên viễn theo hình chôn ốc (mouvement giratoire en spirale) bắt đầu hiện tướng, lần lần kết tụ lại, cố đọng lại, tạo thành những lớp thể chất thô kệch

lưu ngại tương tự như những tấm lăng k i nh phản chiếu ngày một lệch lạc thêm...

Bởi thế, kinh Lăng Nghiêm mới dạy: Thức s ở nặng biến là những vọng tướng hư vô vi tế, rồi chuyên dần thành vọng tướng u ân, rồi dung thông, rồi hư minh, rồi kiên cố. Nghĩa là ngày càng nặng nề thô kệch lưu ngại và lệch lạc... Chính cái Thức đó nó dẹt nên pháp giới này, nhưng vốn là một cái bóng mờ, không thật thể, nên vẫn phải nương và an trụ vào cái Biến tâm làm thật thể...

THỨC BIẾN HIỆN RA SAO : CHÂN THỨC, HIỆN THỨC VÀ 7 CHUYỂN THỨC - KIẾN ĐẠI VÀ THỨC ĐẠI TRỞ SỰ CHUYỂN HIỆN.

Kinh Lăng Già mệnh danh Biến tâm là Chân thức nghĩa là chưa nhiễm Vong... Và mệnh d a n h Tầng thức, tức thức thứ 8 là Hiện thức, nghĩa là đã nhiễm Vong và bắt đầu Hiện Tướng. Về Tầng thức này, kinh cũng dạy rằng k h ông thể lấy óc suy nghĩ mà biết được. Vì nó ở rất bờ mé của phổ huyền tế nhập vào Chân thiết tế tức Diệu tâm. Nên những quang minh của nó cực kỳ vi tế và được gọi là hư vô vi tế. Tầng thức này là Thức căn nguyên, Thức Sơn ảnh biến, (tạm dịch là Radiations mentales originelles), bao gồm dung chứa cả Chân lẫn Vong và là cội nguồn của pháp giới. Nó thường Hằng và thường Chuyên, chuyên động cực kỳ mau lẹ và mãnh liệt. Nó không có hình thái, phi dung lượng, phi vị trí, phi khứ lai. Tức là nó chu biến khắp cả, và chuyên động cực kỳ thần tốc. Vì nó chính là Diệu tâm, nhưng Diệu tâm đã bị khởi Vong... Nó là một Biến quang minh vi tế nhưng hàm chứa vô vàn những chủng tử Vong , và những chủng tử này có thể hình dung như những cơn lốc ba động hư minh, (vorstex hay tourbillon de force) xoay tròn chôn ốc và rất mãnh liệt. Mỗi chủng tử đều hàm chứa một mức độ vọng khởi, một mức độ nghiệp lực, do đó có 1 nhịp điệu rung chuyên riêng biệt. Nhưng tuy có vẻ riêng khác, chúng vẫn bắt rễ và d u ng thông với toàn bộ Tầng thức.



Và Tầng thức bắt đầu mở cuộc diễn t r ì n h chuyên hiện, đi sâu vào cái Nhiều, để tạo dựng những lớp hư minh hay những lớp thể c h ã t ngày càng thô kệch lưu ngại... Nói cho đúng ra, thì có lẽ không phải chính Tầng thức đi

vào cuộc diễn trình, vì nó vẫn phi khứ lai, vẫn an nhiên gần như bất động, và chỉ chuyển hiện thôi. Mà chính là những chung tử c ở n lốc ba động đã mở cuộc hành trình, rồi tùy theo sức hiện hành nội tại của nghiệp lực, sẽ NỞ XỎE ra thành 1 chùng sanh hay thành 1 cảnh giới tạm gọi là vô tri.

Trong sự chuyển hiện này, Duy thức học hay nói đến danh từ Tự chứng phân. Tự chứng phân có nghĩa là TỰ CHIẾU SOI, tức là ngày càng khởi vọng, chông chất thêm lên.

Vậy thì những chung tử c ở n lốc ấy, xoay vẫn miên viên, lần lần lại quay đầu lại, tự chiếu soi chính mình. Là vì mỗi chung tử đều dung thông với toàn bộ Tầng thức, và ngoài Tầng thức ra, thì chẳng có gì khác. Cho nên, khi những chung tử mong niệm chiếu soi, thì chỉ có thể chiếu soi chính nó. Do đó, chông chất thêm sự vọng hiện.

Do sự xoay vẫn miên viên cùng tác động tự chiếu soi này, nên cái chung tử chứa đầy những quang minh của Thức sở năng biến ấy, đã chuyển hiện, và phân ra làm 2 phần. Một phần KHINH THANH hơn, LINH MINH hơn, sáng láng hơn thường tự lại ở nơi giữa trung tâm cơn lốc và được gọi là phần NĂNG KIẾN, hay KIẾN PHẦN. Vì nó là phần đứng nhìn, nên nó cũng ĐỨNG LẶNG hơn... Còn một phần thì TRONG T R ƯỚC hơn, ít LINH MINH sáng láng hơn, thì đặt ra phía ngoài, và được gọi là phần NĂNG H I ỆN hay TƯỚNG PHẦN. Vì nó ở phía ngoài và phải xoay vẫn ở phía cơn lốc, nên nó DAO ĐỘNG hơn về bộ Ba Chung tử Kiến phần, Tướng phần này trong bộ Đại Thừa Khởi Tín, ngài Mã M i n h mệnh danh là: Nghiệp tướng (tức Chung tử Vô minh), Kiến tướng (Kiến phần) và Hiện tướng (Tướng phần)...

Có thể nói rằng lúc đó, Tướng phần là mầm mống của những cảnh giới y báo sau này trợ pháp giới. Còn Kiến phần là mầm mống của thân tâm hoặc thân cảnh, chánh báo sau này của chúng sanh... Nhưng lúc đó, ở bình diện Tầng thức, thì cả Căn cùng Cảnh cũng đều cực kỳ vi tế.

Cũng cần ghi rằng: ở mức độ chuyển hiện ấy của cơn lốc, thì chấp NGÃ chưa hề khởi lên rõ rệt. Mới chỉ có chấp PHÁP rất vi tế thôi vì đã có cái phân chiếu soi vi tế và cảnh bị chiếu soi cũng rất vi tế. Tức là chấp chiếu soi, chấp liễu tri, chấp trng ngoài v.v... Do đó, có vọng tưởng, nhưng chưa khởi vọng tình.

Đã có phân chiếu soi, và cảnh bị chiếu soi, thì dĩ nhiên phải có cái gạch nối liền, tức là tác động nhân thức. Vì Căn và Cảnh báo giới cũng đâm nhiệm lẫn nhau, thấu hút lẫn nhau, và càng vi tế bao nhiêu càng đâm nhiệm ngặt ấy... Do đó, nên ở bình diện Tầng thức Kiến phần vẫn tác động để nhận thức. Nhưng

vì nó hàm chứa những quang minh cực kỳ vi tế dung thông chiếu soi gần như khắp 10 phương nên sự nhận thức của nó cũng rất là siêu tuyệt và bất tư nghì. Nên Duy thức học thường nói rằng: Thức thứ 8 có một khả năng TRỰC GIÁC THÂM MẬT rất vi tế, biết rõ được Hiện Lượng và Tánh cảnh (tức là Bản thể) của sự vật. Và một bài tụng ngôn của ngài Thế thân cũng dạy rằng: "Chúng ta không thể biết nổi đối tượng nhận thức, hình thái nhận thức, và lãnh vực biểu hiện của Thức ấy..."

Tuy nhiên, chữ Trục giác thâm mật có nghĩa là Kiến phần vì rất vi tế, nên có khả năng luôn luôn NHẬP MỘT với Tướng phần để thể nghiệm rõ ràng Bản thể của sự vật. Do đó, ở bình diện Tầng Thức, Căn (Kiến phần), Trần (Tướng phần) và Thức đều rất vi tế, thường dung thông lẫn nhau và hầu như nhập Một.

Trong các kinh, thường có nói: Mơ tâm nhãn. Nghĩa là: khi hành giả tu hành đến mức Lột được vào Tầng thức, thì sẽ mở được Tâm nhãn tức là cái Kiến phần này, để nhìn thấy những quang minh rất vi tế của diêu sắc thân của Phật và Bồ Tát... Và trong kinh Lăng Nghiêm khi nói 6 căn hồ dụng, cũng là chỉ vào Kiến phần của Tầng thức.

Nay nếu đứng ở khía cạnh phân biệt giữa KIẾN ĐẠI và THỨC ĐẠI mà xét, thì có thể nói rằng: cái Kiến phần của Tầng thức, vì gồm toàn những quang minh vi tế nên rất khinh thanh và thể đứng lặng để trực giác, nên Kiến phần này gồm TOÀN LA KIẾN ĐẠI, và hầu như không có T h ứ c đại.

Thức ra thì trong 8 thức, thức nào cũng hàm chứa một thành phần kiến đại đứng lặng, và 1 thành phần thức đại vọng động, nhưng chỉ khác nhau ở chỗ tỷ lệ nhiều hay ít mà thôi.

(Còn tiếp)

(Trích tập Lăng Nghiêm ảnh hiện)

Chúc mừng

Chùa Viên Giác và đồng bào Phật tử Việt Nam tại Tây Đức rất hoan hỷ khi nhận được thư mời báo tin lễ đặt viên đá đầu tiên x a y chùa PHÁP BẢO tại NSW - Úc vào ngày 13.05.1984, dưới sự lãnh đạo tinh thần của Thượng Tọa Thích Bảo Lạc.

Được biết Chính phủ Úc cũng đã tài trợ thêm 228.000 Úc kim trong chương trình CEP xây dựng chùa.

Xin cầu nguyện Chư Phật gia hộ cho Thượng Tọa, cho Hội Phật Giáo Việt Nam tại NSW được sở cầu như nguyện và ngôi chùa PHÁP BẢO chóng hoàn thành.

Quan điểm của Phật Giáo

PIYADASSI MAHÀ THERA



PHẠM KIM KHÁNH trích dịch từ quyển *The Buddha's Ancient Path*

(tiếp theo)

Đức Phật không bao giờ can thiệp vào tư do tư tưởng của một người khác; bởi vì tư do tư tưởng là quyền thiêng liêng của mọi cá nhân từ khi vào đời. Ép buộc bất cứ ai phải sống ngoài nếp sống của họ, cưỡng bách bất luận ai phải hành động trái với quan điểm, tâm tính, và khuynh hướng tinh thần đạo đức của họ đều là sai lầm. Sự lôi cuốn, dẫu dưới hình thức nào, cũng là xấu. Ép buộc một người phải miết vào những tín ngưỡng mà chính họ không thích là loại cưỡng bách xấu xa đen tối nhất. Phương cách đồn ép, bắt buộc phải ăn như vậy không thể đem lợi ích đến cho bất luận ai, ở bất cứ nơi nào.

Ý định duy nhất của Đức Phật là làm cho người khác thấy rõ ràng nhận thức thực tướng của vạn pháp không phải là kết quả của niềm tin và lòng sợ sệt một năng lực ngoại lai nào, dẫu là người, phi nhân, hay bậc siêu nhân. Theo Phật giáo, niềm tin và lòng sợ sệt không thể có vai trò nào trong khả năng hiểu biết sự vật. Chân lý của Giáo Pháp (Dhamma) chỉ có thể đạt đến bằng tuệ minh sát sáng suốt chứ không bao giờ bằng đức tin mù quáng hay bằng cách sợ sệt một nhân vật được biết hoặc không được biết nào. Lịch sử tôn giáo cho thấy rằng chính sự sợ sệt của con người, nảy mầm từ si mê, đã tạo nên ý niệm 1 quyền lực ngoại lai toàn năng. Và khi ý niệm ấy đã được tạo nên con người dám ra sợ chính chúa con của mình đã đẻ, chính tạo vật mà mình đã tạo, rồi làm nhiều điều có hại cho mình và lắm khi cũng có hại cho người khác.

Đức Bôn Sư dạy các vị tỳ khưu như sau: "Nhưng ai chỉ có niềm tin suông nơi Như Lai nhưng kẻ ấy sẽ sống trong những cảnh nhân lạc (những không thể thành đạt giải thoát cùng tột, cao thượng nhất, tức đạo quả A La Hán). Nhưng ai kiên trì cố gắng thực hành Giới Pháp, đi theo con đường, sẽ chứng ngộ, thành đạt đạo quả A La Hán".

(Majjhima Nikàya, Trung A Hàm, 22)

Rõ ràng là Đức Phật không muốn hàng môn đệ chấp nhận bất luận điều nào mà không phân biệt tận tường và không biết tại sao.

Chẳng những Đức Phật không tán thành đức tin mù quáng và sự sợ sệt một quyền lực toàn năng xem như điều ấy không thích nghi để đặt chân lý mà Ngài cũng bác bỏ những nghi thức tế lễ không có ích bởi vì những cách tử bỏ bê ngoài như nhịn đói, xuống tắm dưới sông để rửa sạch tội lỗi, làm thịt thú vật để tế lễ thần linh và những nghi thức tưởng tượng có chiu hưởng thanh lọc con người, không làm cho con người trở nên thánh thiện và cao quý.

Điều này sẽ được diễn tả trong câu chuyện đàm thoại giữa Đức Phật và vị Bà La Môn Sundarika Bhàradvaja. Một lần vị Đức Thế Tôn giải thích căn cứ cho các vị tỳ khưu người mong tìm giải thoát phải tu tập như thế nào và sau đó Ngài dạy thêm rằng người mà tâm không còn mảy may ô nhiễm hoặc lậu, đời sống hoàn toàn trong sạch và đã làm xong những gì cần phải làm, người ấy có thể gọi là đã tắm rửa nội tâm trong sạch. Lúc bấy giờ Bhàradvaja, ngồi gần bên Đức Phật, nghe vậy thì bạch hỏi:

- Đức Tôn Giả Cổ Đàm có xuống tắm dưới sông Bāhuka không?

- Nay ông Bà La Môn, tắm dưới sông Bāhuka thì có ích lợi gì?

- Đúng thật vậy, Bạch Đức Tôn Giả Cổ Đàm, nhiều người tin tưởng rằng sông Bāhuka rất linh thiêng. Biết bao nhiêu người đã xuống tắm dưới sông Bāhuka để rửa sạch tội lỗi (pāpa, những hành động ác) của mình.

Lúc ấy Đức Phật giải thích cho Bhàradvaja rằng tắm nước sông không thể gọi rửa sạch nội tâm và dạy ông như sau:

"Hãy tắm nơi đây (trong Giáo Pháp và Giới Luật, Dhamma-Vinaya), nay ông Bà La Môn, hãy ban bố sự an toàn cho tất cả chúng sinh. Nếu ông không nói lời giả dối, không sát sinh,

không trộm cắp, nếu ông đáng được tin cậy và không thấp hèn, thì Ông xuống tắm dưới sông Gaya (tên một con sông ở Ấn thời Đức Phật) có lợi ích gì? Chính cái giếng nước nhà Ông cũng là một con sông Gaya rồi".

Đức Phật tuyên dạy một con đường không có tín ngưỡng dị đoan và không có hung bạo. Ngài làm cho người tin đỡ bước đúng theo dấu chân Ngài không thể hành động cách nào mà làm tổn thương đến sự châu toàn của những chúng sinh khác bằng cách ngăn trở tất cả mọi hình thức hà hiếp, cướp bóc hay phá hoại.

Như vậy Phật Giáo là gì?

Vài người thích gọi giáo lý của Đức Phật là một tôn giáo. Nhưng người khác thích gọi là một triết lý. Cũng có người xem Phật Giáo là cả hai, vừa là một tôn giáo vừa là một triết lý. Tuy nhiên, có lẽ đúng hơn, nên gọi Phật Giáo là một "lối sống". Nói như vậy không có nghĩa rằng Phật giáo chỉ là một hệ thống luân lý, ngoài ra không còn gì khác. Trái hẳn Phật Giáo là đường lối rèn luyện con người về mặt luân lý cũng như về phương diện trí thức và tinh thần đạo đức nhằm tiến đến giải thoát một cách trọn vẹn và toàn diện.

Chính Đức Phật gọi giáo lý của Ngài là "Giáo Pháp Giới Luật" (Dhamma-Vinaya). Nhưng Phật Giáo, trong ý nghĩa chính xác của danh từ "religion", không thể được gọi là một tôn giáo, hay religion; bởi vì religion có nghĩa "hành động hay tác phong biểu lộ niềm tin nơi, lòng tôn sùng hướng đến, và ý muốn làm vui lòng, một thần quyền thống trị; sự học tập hoặc thực hành những nghi thức hay những điều luật hàm xúc ý niệm trên...; sự nhìn nhận, đứng trên cương vị, con người, một quyền lực cao siêu vô hình nắm quyền kiểm soát vận mạng mình mà mình phải nhắm mắt vào ng lời, phải tôn sùng và kính bái". (The Short Oxford English Dictionary, 1956). Nếu định nghĩa "tôn giáo" như vậy thì Phật Giáo chắc chắn không phải là một tôn giáo.

Trong tư tưởng Phật Giáo không có sự hi vọng biết hoặc tin chắc có một Tạo Hóa dưới bất luận hình thức nào, thường và phát những hành động thiện hay ác của tạo vật do chính mình tạo ra. Người Phật tử quy y nói Đức Phật (Buddham saranam gacchami, con xin trở về nương tựa nơi Đức Phật) nhưng không bao giờ mong mỏi rằng một ngày nào sẽ được che chở bởi Đức Bồ đề Sư tử rồi. Không có sự bảo đảm như vậy, Đức Phật chỉ là vị Thầy dẫn dắt ra con đường, rọi sáng con đường, và hướng dẫn trên con đường những ai vui lòng bước theo chân Ngài để tự giải thoát, mỗi người cho riêng mình.

Giống như tấm bảng chỉ đường, được dựng lên

bên lề đường hướng dẫn khách bộ hành, để chỉ lối cho khách, nhưng chính khách đi đường phải tự mình đặt chân lên con đường và thân trọng từng bước một. Bảng chỉ đường chắc chắn sẽ không chờ khách đến nơi đến chốn theo ý muốn của khách.

Một Bác Sĩ chân mạch kê toa và dặn dò người bệnh phải tự săn sóc như thế nào. Làm đúng theo lời dặn của bác sĩ hay không là do bệnh nhân. Thái độ của Đức Phật đối với hàng tín đồ cũng giống như thái độ của một vị thầy hay của vị lương y hiểu biết và tử bi. Kính bái cao cả nhất là sự kính bái hướng về con người cao cả nhất, hướng về những tâm hồn vĩ đại và dũng cảm nhất đã, bằng cách thấu đạt sâu xa tận tường và rộng rãi thực tướng của sự vật, quét sạch si mê và tận diệt ô nhiễm. Người mà thấy được chân lý là người có thể thật sự giúp ta. Những người Phật tử khệ van vài câu nguyện. Người Phật tử chỉ tôn kính lễ bái bậc cao minh đã khám phá Chân Lý và chỉ dạy, rọi sáng con đường dẫn đến chân hạnh phúc và giải thoát. Hạnh phúc là cái gì mà chính ta phải thành đạt cho ta, không ai có thể làm cho người khác tốt hơn, hoặc xấu hơn "Trong sạch và bện nhờ tùy thuộc nơi chính ta. Ta không thể làm cho người khác trở sạch cũng không thể làm cho người khác trở bện". (Pháp Cú, câu 165)



Trong giờ phút lâm chung Đức Phật nằm giữa 2 cây long thọ tại Kusinara (Cầu Thi Na), lúc Ngài 80 tuổi thọ. Khi thấy bông hoa tulsi trung được rải xuống để tôn vinh Ngài, Đức Phật ngó lối với Đại Đức Ananda như sau: "Nghe nào, này Ananda, sống đời chân chính, sống đúng theo Giáo Pháp là những người tôn vinh đúng đắn, kính bái và tôn sùng Như Lai theo phương cách xứng đáng nhất. Như vậy, này Ananda, hãy sống đời chân chính, sống đúng theo Giáo Pháp. Con hãy tu tập như vậy". (Digha Nikaya, Trường A Hàm, 16). Sự khuyến khích sống đúng theo Giáo Pháp của Đức Phật cho thấy rõ ràng rằng điều quan trọng nhất là tu tập thân, khẩu, ý chứ không phải chỉ dâng hoa cúng dường Đức Thế Tôn suông. Ngài nhấn mạnh vào điều "sống đời chân chính".

(còn tiếp)



Lá thơ Tịnh Độ

ẤN QUANG ĐẠI SƯ

THƠ ĐÁP

Ly Ấn Tẩu

Vừa rồi Hải Thi đạo nhân ở Gia Hưng có chuyê đi đến cho tôi phong thơ của các hạ. Xem xong, biết các hạ từ lâu đã gia công tu Tiên, chỗ sở đắc rất thâm, nay lại muốn hỏi môn Tịnh độ là pháp cứu cánh trong đạo Phật. Ấy có thể gọi là người tu kiếp trước đã trồng sâu căn lành đối với Phật pháp, nên không chấp theo sự cầu kiên của thần Hà Bá, mà biết nghĩ tìm trong biển giáo, bên giải thoát hoàn toàn. Nhưng các hạ đã quen biết với Hải Thi đạo nhân, sao không hỏi người, lại bỏ chỗ của mình tìm nơi thấp kém, e rằng có phụ với sở vọng chăng? Hải Thi vốn một bậc kiêm thông tông giáo, gồm tu thiên tịnh, chính là chiếc thuyền đại nguyện trong biển sanh tử đó. Vì người quá khiêm tốn, nên lấy chữ "Thi" tự đặt tên, thật ra nếu trong biển sanh tử mà gặp được cái từ thi ấy, quyết sẽ mau lên bờ giác, yên ổn trở lại quê nhà. Như thế chẳng hơn tìm hỏi Ấn Quang là kẻ dụng tăng, dĩ dĩ với pháp môn kém phần hiểu biết hay sao? Nhưng các hạ đã tưởng lầm hỏi đến, tôi cũng xin tùy chỗ thiên kiến đáp lại, hoặc may có thể vì người giải chút nghi ngờ chăng?

Thiết nghĩ trong thế đạo Phật, Tiên, và đồng nguồn, nhưng về chi phải thật ra cách nhau xa khác. Đạo Phật dạy người trước tu tiên tu phép quán từ niệm xứ, quán thân không sạch, thọ là khổ, tâm vô thường và pháp vô ngã. Khi được biết thân, thọ, tâm, pháp là không sạch, khổ, vô thường, vô ngã, đều giả dối như mộng huyễn, thì tánh chân như sẽ tự hiện bày. Đạo Tiên ước về lúc chánh truyền ban đầu, cũng không chuyên chú nơi sự luyện đơn vận khí để cầu trường sanh, những người sau tu hành lại làm cho đó là tông chỉ chơn chánh. Đạo Phật bao trùm tất cả pháp, chẳng những đối với vấn đề thân tâm tánh mạng, phát huy rõ ràng, mà các việc nhỏ của thế để như hiếu đễ trung tín, lễ nghĩa liêm sỉ, cũng không bỏ sót. Duy về việc luyện đơn vận khí, trng Phật pháp tuyệt không nói đến một chữ, lại còn răn cấm là khác nữa. Vì lẽ bên Tiên thì khiến

cho người giữ gìn thân tâm làm chân thật bên Phật lại chỉ rõ thân tâm vốn giả dối, thế duyên sanh diệt, không phải là bản hữu chân tâm. Phép luyện đơn chẳng phải không bỏ ích, song chỉ có thể làm cho người sống lâu, nhằm đến thành Tiên sanh lên trời, nếu nói về sự giải thoát luân hồi thì vẫn còn là việc mong. Các hạ đã biết Tiên có sở kiếp, Phật thọ khổ cùng, thì trong lúc tuổi cao này, phải chuyên tâm gắng sức nơi pháp môn Tịnh độ. Việc tham học thiên giáo, nên gian lược qua, bởi các pháp ấy rộng lớn sâu xa không dễ gì nghiên cứu, dù tìm đến chỗ cùng cực, cũng phải trở về môn Niệm Phật mới có thể trong hiện đời giải quyết được sự sanh tử. Phạm những kinh luận về Tịnh độ, các hạ phải gấp gấp tìm xem, và theo đó thật hành, tin chắc lời của Phật, Tổ, không nên vì chỗ mình chưa hiểu đến vội đem lòng nghi. Nếu có thể đầy đủ cả tín nguyện hạnh, tự nhiên sẽ được nhờ sức từ của Phật tiếp dẫn về Tây phương. Một khi đã vắng sanh thì gần đức Di Đà, ban cùng hai chúng lần lần chúng qua vô sanh, lên ngôi Bồ xứ. Chúng ấy nhìn lại việc thành Tiên làm kẻ tùy thuộc cho Thiên đế, sánh với địa vị hiện tại, thật cách nhau như vực thẳm trời xa!

Quyển Mộng Đông ngữ lục và các thuyết của Bành Thiệu Thắng mà các hạ nói, chắc là sự trộn lẫn sửa đổi của nhà luyện đơn, không phải chính thật trong nguyên thơ. Bởi nhà luyện đơn cũng có kẻ cho ngôi vận khí là thiên, nên mới nói "niệm Phật cùng tham thiên chỉ hỏi khác với đạo pháp". Câu "chỉ hỏi khác với đạo pháp", chính là bên đạo gia thêm vào. Trừ câu này ra, toàn văn tùy nghĩa lý không quá sai lầm, nhưng vẫn lung củng mờ hồ. Trong Mộng Đông ngữ lục tuyệt không có văn này, ấy là do nhà luyện đơn trộn lẫn văn nghĩa biên chép ra, sự thật chính họ cũng không hiểu nữa. Nhưng nay chúng cần biên rõ việc ấy làm chi xin tìm xem quyển Mộng Đông ngữ lục sẽ tự biết. Đến như chỗ họ dẫn những lời của Bành Nhị Lâm cư sĩ cũng đồng với việc trên đây,

song sự sai lầm lại càng nhiều hơn. Doan nói "Bồ đề A Di Đà Phật để niệm, chỉ cần mỗi niệm nối nhau một lòng không loạn, mới có thể nhất khí tuần hoàn. Chúng ấy tinh khí thần gom lại một chỗ, lâu ngày thành xá lợi tử, lâu nữa kết làm bồ đề châu mà thành Phật". Trên đây là phép niệm Phật làm phép luyện đốn, Nhi Lâm cư sĩ quyết không nín hơi lời ấy. Đó là do hạng chánh nhân chưa mở, nên lấy chánh làm tà. Máy quyền Huệ Mạng kinh, Tiên Phật hiệp tông của họ viết ra, sự sai lầm lại càng quá lắm. Hạng người tàng quý ấy dẫn lời của người, cái đầu sửa đuôi để chứng minh cho lý thuyết mình. Tôi t r ả ng khinh miệt chánh lý, vụ không bậc tiên hiền mê hoặc người đời của họ, thật không bút mực nào tả ra cho xiết! Nhưng kẻ đó chỉ cầu hư danh trong một thời, đầu để về sau phải chịu nhiều sự khốn khổ, nên Đức Như Lai gọi là hạng người đáng xót thương!

Đến như chỗ luận về phép "hồi quang phản chiếu", tuy không đến đời trợ ngại, song câu "hai mắt chăm nhìn đầu ngón tay", chắc có lẽ dẫn lầm câu "hai mắt chăm nhìn nơi chót mũi". Hoặc khi đó là cách thức của Nhi Lâm cư sĩ lập ra, nhưng chấp tay lâu không khỏi mồ hôi nhọc, đầu bằng quán ánh sáng trắng nơi chót mũi được tự tại an vui hơn? Bởi người mới tập định, niệm khó qui nhất, nếu thường quán nơi chót mũi thì tâm không còn chạy theo cảnh bên ngoài. Đây là phép quán thiên căn của kẻ sơ cơ vậy. Quyền Mộng Đông ngữ lục do cư sĩ Tiên Y Am trích những đoạn chuyện Tịnh độ trong bộ Mộng Đông di tập in rạch lưu thông ở phương Nam, để giúp sự đời hơi của những người tứ lâu mong men bộ ấy mà không được gặp. Toàn tập ở Bắc Kinh mới đủ, phương Nam duy có quyền lục bản của Tiên Y Am sao ra mà thôi. Quyền ngữ lục ấy lỗi lẽ tinh diệu, là một tác phẩm đứng vào bậc nhất từ ngài Ngẫu Ich và Tịnh Am về sau. Với quyền này, nếu các hạ có thể đi đến cõi ng, tin chắc không nghi, quyết sẽ cảm được sen vàng nở trong ao báu, khi lâm chung thì ác chất nơi đó mà làm khách mới ở cõi Tây Phế. Quyền Di Đà yếu giải là cây kim chỉ nam của người tu tịnh nghiệp, kinh này ở phần đầu bộ Tịnh độ thập yếu. Tịnh độ thập yếu là thành phần của những giáo pháp rất hợp lý hợp cơ do ngài Ngẫu Ich sưu tập trong các kinh sách Tịnh độ viết ra, gồm có mười loại nên gọi là "Thập yếu". Đại sư đề quyền Di Đà yếu giải ở trước là tỏ ý tôn trọng kinh.

"Xá lợi, vốn tiếng Phạn, dịch nghĩa: thân cốt hoặc linh cốt, là kết tinh của sức tu giới định huệ, không phải do luyện tinh khí thần mà thành. Đó cũng là biểu tượng của người tu đến cảnh tâm cùng Phật hiệp. Nhưng xá lợi chỉ do thịt, xương, tóc biến thành trong lúc thiêu thân, mà sự xuất hiện của nó

có nhiều trường hợp khác nhau. Như thuở xưa có vị cao tăng đang khi tắm gội bỗng được xá lợi. Tuyệt Nham Khâm thiên sư lúc cao đầu, tóc ngài biến thành một xâu xá lợi. Có kẻ chít tam niện Phật, xá lợi tử trong miệng vọt ra. Một người thợ khắc văn Long Thọ tịnh độ, xá lợi hiện trong bàn tay. Có vị tín nữ theo Phật, theo kinh, được xá lợi dưới mũi kim. Lại có kẻ đi xa về, ngậm ngùi thương cảm tế lễ t r ước tượng, nơi tượng bỗng hiện ra xá lợi. Thiên sư Trường Khánh Nhân, khi tịch rồi thiêu h ó a, nhằm lúc trời nổi gió lớn, khói bay xa bốn mươi dặm, khói đến chỗ nào nơi ấy đều có xá lợi, lúm gom lại được hơn bốn thạch. Thế thì biết xá lợi do đạo lực hóa hiện, nhà l u yện đốn không rõ, lầm tưởng là luyện tinh khí thần kết thành. Bởi họ thấy những danh tướng trong Phật pháp, không chịu tìm hiểu căn nguyên, vội đem phụ hội một cách sai lạc vào sự luyện đốn của mình. Chỉ nghe nói chứng quả bồ đề mới được thành Phật, chưa từng có việc luyện tinh khí thần, trước thành xá lợi tử, sau kết làm bồ đề châu mà thành Phật ba cõi. Tánh và mạng của nhà luyện đốn nói, đều là lỗi tu chấp trước trên thân thức, sắc thân. Họ không hiểu lẽ ấy, trở lại chê đạo Phật chỉ tu tánh không biết tu mạng, đầu để việc làm của họ chính là chỗ phá trừ bên Phật giáo. Về việc này, các hạ tìm xem đoạn quán Tứ niện xứ trong kinh Phật sẽ tự rõ.



Bồ Tát Quán Thế Âm từ kiếp lâu xa về trước đã thành Phật, hiệu là Chánh Pháp Minh. Vì lòng từ bi sâu thiết, nên tuy ở cõi T h ường tịch, ngài hóa hình nói ba cõi: Thất báo, Phế tiên, Đông cư; tuy thường hầu cận Đức A Di Đà mà vẫn khắp hiện thân Phật, Bồ Tát, Thanh Văn Duyên Giác, cho đến thân lục đạo trong mười phương pháp giới. Những việc lợi ích, ngài đều làm, chúng sanh đáng dùng thân nào được độ, ngài hiện thân ấy mà nói pháp. Non Phổ Đà chính là nơi ứng tích của Bồ Tát. Vì muốn cho chúng sanh có chỗ bày tỏ lòng thành, Đức Quán Thế Âm mỗi thị tịch tại núi này, đầu phải Bồ Tát chỉ ở Phổ Đà mà không ở những nơi khác ử? Như chỉ duy một vầng trăng trên trời mà bóng in khắp ngàn muôn sông hồ, tứ biển cả cho đến giọt sương, những nơi có nước trong là có trăng hiện. Song nếu nước đục, b ó n g

THIỀN VỊ, ĐẠO VỊ, THI VỊ trong Văn chương Việt nam

Đông Hồ

(tiếp theo)

Trong khu vườn văn học Việt Nam, góc nào mà không có năm ba đóa hoa ưu đàm nở dưới viên mãn, góc nào mà không có cảnh lá bồ đề rú bóng, thoảng gió chân như. Từ thơ Lê Hồng Đức thơ Bạch Vân Am, thơ Mạc Thiên Tích cho đến thơ Nguyễn Công Trứ, thơ Vũ Phạm Hàm, thơ Chu Mạnh Trinh, thi tập nào cũng có năm ba bài ca tụng cảnh sơn môn thiền viện.

Chúng ta đã biết cảnh chùa Hương Tích, biệt danh là Nam Thiên đệ nhất động, rất n hiều nhà thơ đề vịnh. Truyền tụng có ba bài:

Một bài của Lê Thánh Tông, một bài của Vũ Phạm Hàm, và một bài của Chu Mạnh Trinh. Tôi xin trích trọn lời mỗi bài ít câu:
Thơ thơ rừng mai chim cúng trái
Lừng lờ khe suối cá nghe kinh
Thoảng bên tai một tiếng chày kinh
Khách tang hải giặt mình trong giấc mộng..

Chén văn dịch nghiêng bầu uống gắng
Bức thơ tiên mở túi liễn đề...
Gót in đá biếc xanh xanh
Lòng trần tục bóng không thanh thẳng nhẹ
Mặt trời gác bóng cây xê xê
Tàn vân in đáy nước rành rành
Chim trời mấy chiếc lênh dênh
Cảnh mai thu rập rình năm bảy lá...
Quả mơ xanh với nước mơ già
Trong chân cảnh nhận ra chân vị

Trong chân cảnh có chân vị; chân vị các thi nhân nói đây là thiền vị và thi vị mà chúng ta đang đề cập đó chăng?

Cảnh thanh tịnh yên lành chốn thiền môn đã gây cho chúng ta nguồn thi hứng êm đềm. Nguồn thi hứng ở động Hương Tích đã t h eo nước suối Giải Oan róc rách không ng ừng, luân lưu chảy mãi cho đến gần chúng ta. Ai mà chẳng nhớ bài thơ CHỖI CHÙA HƯƠNG của Ngô Nhulộc Pháp, đã phổ biến thành nhạc:

Hôm nay đi chùa Hương
Hoa cơ mở hơi sương

...
Réo rất suối đưa quanh
Ven bờ ngọn núi xanh

Dịp cầu xa nhỏ nhỏ
Cảnh đẹp gần như tranh
Đường dây kia lên trời
Ngọc nhuộm hương trầm rơi
Em cầu xin Trời Phật
Sao cho em lấy chàng

Chắc là độc giả đang đợi tôi đề cập đến văn chương đời Lý đời Trần là hai triều đại mà Phật giáo ở nước ta cực thịnh, được coi là quốc giáo. Từ vua quan đến sĩ thú, cả n u' b c trên dưới đều dốc một lòng tín ngưỡng t ô n sùng đạo Phật.

Chính quyền thời đó đã ủng hộ Phật sự, hoàng đế ủng hộ Phật pháp, đề viển thành công đức tế độ chúng sinh. Mà Phật gia Tăng thống thời đ ó cũng dự vào quốc chính, vô vi thành hữu vi, đem hùng tâm hùng lực, đại tu đại bi t h a m tán công nghiệp trị quốc bình thiên hạ.

Thế tài sung túc phong phú như vậy thì phạm vi bài này không làm sao chứa đựng đ đ ó c. Hoàng chí, văn chương thời Lý thời Trần, toàn là văn chương Hán học uyên áo cao thâm, bài nào chữ nào cũng phải dịch âm dịch n, g h iả diễn dần dần tích nhiều làm mới hiểu được. Bỏ qua thời Lý thời Trần thì chúng ta g h é lại thời Lê một chút.

Chúng ta có ai mà không từng thưởng thức q' tiêu thuyết HỒN BƯỚM MỞ TIÊN của Khải Hưng, câu chuyện yêu đương vợ vãn giữa anh chàng sinh viên Ngọc với chú tiêu Lan ở chùa Long Giang.

Nhất Linh có lần nói chuyện với tôi rằng : ông rất lầy lăm lạp, không hiểu vì sao trong các tác phẩm của Tự Lực Văn Đoàn, Hồn Bướm Mở Tiên, là cuốn sách được tái bản đều đến nhiều lần hơn hết.

Độc giả không phải hoan nghênh ồn ào trong nhất thời như các sách khác, khi sách mới ra đời, mà đều đều lúc nào cũng còn có người ưa thích.

Ái cũng tưởng giữa xã hội vật chất điên cuồng thì đa số độc giả ưa Đoạn Tuyệt, ưa Đời Mưa Gió, ưa Lạnh Lùng hơn mới phải. Thật thì độc giả không phải họ ưa gì mới ái tình cao thượng tạo kia. Nhưng người Việt Nam chúng ta,

dầu không tu hành, dầu không tin ngưỡng cũng sẵn có mỗi thiên cảm với khung cảnh của thiên nhiên, sẵn bụng yêu thích những cảnh trí tịch mịch nơi am thanh cảnh vắng, nơi có thể khiến cho lòng chúng ta lắng yên cơn sóng gió thì Hồn Bướm Mơ Tiên là câu chuyện nên thơ, dưới bóng Tử bi.

Mỗi quan cảm lẫn lộn giữa thiên vị, đạo vị và thi vị đó đã bắt nguồn sâu xa từ trong tiềm thức vô minh, mà không ai dè, chính nghệ viết sách là Khai Hưng cũng không dè, chính người in sách là Nhất Linh cũng không dè. Tôi vừa nói rằng chúng ta sắp ghé vào thời Lê mà sao lại sang đàng vào chùa Long Giang làm chi?

Chúng ta có nhớ nhan sách Hồn Bướm Mơ Tiên là xuất xứ từ đâu không? Khai Hưng đã mượn bốn tiếng ở trong một bài thơ Nôm, từ thời Lê Hồng Đức.

Thi thời truyền rằng:

Vì Tao đàn nguyên soái Lê Thánh Tông 1 hôm ngủ ra ly cung, ghé văn cảnh chùa Ngọc Hồ. Vua đến Tam quan thì đã nghe có tiếng vang lạnh lạnh nhịp nhàng. Vào chùa thì đã là tiếng của một tiểu nữ đang tụng kinh. Tiếng cảnh, vua sai lấy bút mực để lên vách chùa hai câu thơ lục bát:

Đến đây thấy cảnh thấy người
Tuy vui đạo Phật, chưa người lòng Trần

Và lấy hai câu đó ra đầu bài cho các tụng thân làm thơ. Có bài của tao đàn phó nguyên soái là Thân Nhân Trung hay hơn cả. Thơ rằng:

Ngâm chuyện trần duyên khéo nước cười
Sắc không tuy Bụt, hãy lòng người
Chầy Kinh một tiếng tan niềm tục
Hồn bướm năm canh lẫn sự đời
Bề ái nghìn tâm mong tất cận
Nguồn ân muôn trượng khó khởi với
Nào vào Cực Lạc là đâu tá
Cực lạc là đây chín rở mười

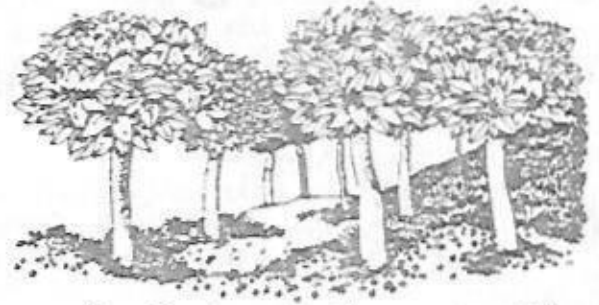
Vua truyền đưa bài thơ cho tiểu nữ xem. Xem xong, tiểu nữ tâu rằng: Thơ cũng đã hay, lời chày chiuốt, giọng nhẹ nhàng. Duy hiềm hai câu tam tứ chưa đủ gói ghém hết ý cảnh thiên và thơ. Vua truyền: Nếu đã chê thì phải có hĩa cho hay hơn. Tiểu nữ chửa lại:

Gió thông đưa kệ tan niềm tục
Hồn bướm mơ tiên lẫn sự đời

Vua và cả tao đàn đều thần phục. Khi đạo ngự hồi cung, vua cho kiêu đón tiểu nữ cùng theo về, nhưng đến cửa Đại hồng môn, chợt biến mất. Vua truyền dừng tại đó một ngôi lầu, để ghi tiên tích, để là "Vọng tiên lầu".

Ấy bốn tiếng "Hồn Bướm Mơ Tiên" là của cô tiểu nữ chửa thơ Thân Nhân Trung mà Khai Hưng đã mượn làm nhan cho tác phẩm mình. Hoạc giả nghĩ rằng: Chú tiểu Lan trong tiểu thuyết ngày nay là hậu thân của cô tiểu nữ

trong thiên giai thoại ngày xưa đó chăng? Biết như vậy rồi, chúng ta mỗi thấy ngon "Gió thông đưa kệ" ở chùa Ngọc Hồ từ đời Lê Hồng Đức thổi lòng trong thời gian, thoáng thoáng mãi không ngừng, cho đến hôm nào đây hĩa thành cơn gió chiều khả ái: "Gió chiều hĩa hĩa... là rung" (1) ở bên chùa Long Giang, mà khi đon lay, chúng ta thấy mắt mờ điều diu tâm hồn. Ngọn gió đó đã thổi hồn, hồn đạo và hồn thơ lan truyền vào hồn dân tộc.



Từ lúc bắt đầu tôi đã nhắc đi nhắc lại nhiều lần tiếng thiên vị. Nghĩa của tiếng có lẽ trừu tượng quá. Tôi muốn tìm một cái gì thực thể để cụ thể hóa danh từ, tượng trưng cho thiên vị và đạo vị trong bài này. Tôi nhớ đến cây đa cội to bóng rợp. Tôi nhớ đến công tam quan sơn son thiếp vàng. Tôi nhớ đến mái ngói cong cong rêu phủ. Trong mọi hình thức, mọi cảnh trí đó, thiên nhiên cũng như nhân tạo, hãy còn thiếu một cái gì.

Trong lúc dò dẫm sâu tâm thì bỗng nghe vắng vắng có tiếng ngân nga. Tôi nhớ ra liền. Chính tiếng đó mới cụ thể hóa được cho Thiên vị và cho Đạo. Tiếng chuông chùa, chẳng những tượng trưng cho thiên vị, đạo vị mà thôi, mà còn là tiêu biểu cho tất cả thuộc về Phật giáo.

Tiếng hồng chung là tiếng của cao siêu, của huyền diệu, là tiếng của chánh giác chân như tử bi hĩa xa, của tế độ, và của bao dung. Tiếng chuông giác ngộ tham si mà tiếng chuông cũng làm tan não phiền nghiệt chướng. Tùy luật tuổi tùy thời khắc, tùy cảnh ngộ vui buồn mà tiếng chuông vang dội vào mỗi tâm hồn mỗi khác, và mỗi tâm hồn đã hưởng ứng, tiếp nhận tiếng chuông mỗi thanh âm khác nhau.

老僧不出青山寺
Lão tăng bất xuất thanh sơn tự
惟有鐘聲送客歸
Duy hữu chung thanh tống khách qui

Vì lão tăng không ra khỏi chôn sơn môn, thì đã có tiếng chuông tiễn khách. Tiếng chuông điểm từng bước khách ra về: khách xuống núi đi trên dầm hồng trần đó, mà thực là bước trên hương khói nhẹ nhàng thơm tho đạo lý...

Thời thơ, tôi hãy kể một tiếng chuông dội vào tâm hồn và cảm hứng của thi nhân; Chuyện đã lâu lắm, từ nước Tàu cổ. Nghe kể lại cũng có làm sao, vì bài thơ đã phổ biến trong làng thơ ta, cũng như bác tông đại thừa từ

Tàu truyền sang mà thôi. Thi sư chép rằng :
 Một đêm về đầu tháng, Trương Kế đỗ thuyền ở
 bến Phong kiều. Đêm sắp sang canh ba, sương
 xuống dày đặc, mảnh trăng non ngả vóng trên
 nền trời tây. Thi nhân xúc cảnh làm ngay 2

câu:
 月落烏啼霜滿天
 Nguyệt lạc ô đề sương mãn thiên
 江楓漁火對愁眠
 Giang phong ngư hỏa đối sầu miên

Thi nhân ngâm đi ngâm lại mãi hai câu đó,
 mà không làm sao nghĩ nổi thêm được nữa.
 Nguồn thi hứng cạn, hay là không có cảnh nên
 thơ. Thi nhân hết nản vào mũi thuyền, lại bỏ
 ra khoang thuyền, đứng ngóng bốn bề, để tìm
 cảnh cho bài thơ nghĩ đỡ. Đêm đã nửa. T h ở
 gian và không gian đều bất ngát tịch liêu.
 Bông tú ngọn núi xa, vang lại một tiếng chõ
 chùa dội vào cảm hứng thi nhân. Tức thì, khg
 cần suy nghĩ nhiều hơn, thi nhân chỉ v i, ềc
 ghi chép lại tiếng chuông kia:

姑蘇城外寒山寺
 Cô tô thành ngoại hàn san tự
 夜半鐘聲到客船
 Dạ bán chung thanh đáo khách thuyền

Thi nhân chỉ ghi chép đúng lại tiếng chuông
 kia, và thời khắc nọ mà câu thơ thành tuyệt
 cú. Ấy câu thơ giản dị trở thành bất hủ vì
 đã được thiên vị hóa bởi tiếng chuông chùa
 và tiếng chuông thính giữa đêm khuya t r ở
 nên mỗi mỹ cảm cho nhân gian, vì đã được câu
 thơ thi vị hóa.

Bài thơ này đã có nhiều người dịch. Nhưng mà
 truyền tụng xưa nay có 4 câu lục bát mà ai
 cũng nhận là diễn gần đúng với tinh thần và
 khí vị nguyên văn hơn hết:

Trăng tà, tiếng gạ, đêm sương
 Lửa chài le lói sâu vường giắc hồ
 Thuyền ai dậu bến Cô Tô
 Nửa đêm nghe tiếng chuông chùa Hàn San.



Có ai tò mò muốn biết tiếng chuông chùa nên
 thơ nọ là tiếng chuông vô vi ngẫu nhiên hay
 là tiếng chuông hữu vi tiên định. Thì t h i
 thoai có chép thêm rằng:

Trương Kế, nhờ có tiếng chuông mà làm được
 câu thơ đặc ý, sáng hôm sau, hỏi đường l ề n
 chõi Hàn San, văn cảnh. Chùa ở lưng chừng núi

trông ra con sông, màu trời sắc nước l o n g
 lạnh. Vào chùa, văn an sư trưởng trụ trì xong
 ra xem chõi cảnh chùa thầy trên vách t r ai
 phòng có đề bài thơ, chữ hay còn tươi m ư c,
 Trương Kế đứng lại ngâm nga thường thức. Chú
 tiêu cũng tối gần, vui về kể chuyện. Bấy giờ
 được biết thêm rằng:

Đêm qua xong thời kinh chập tối, sư cụ rasan
 chùa hứng mắt. Nhìn lên mảnh trăng lười liềm
 đã xuất hiện giữa trời, một nét cong t h anh
 tân in trên nền trời khiết bạch. Sư cụ nhâm
 đọc câu thơ tức cảnh:

初三初四月朦朧
 Sơ tam sơ tứ nguyệt mông lung
 遠似金鉤遠似弓
 Cận tự kim câu, cận tự cung.

Nghĩa là đêm mông ba, mông bốn mảnh trăng non
 trông gần giống như chiếc móc vàng, mà cũng
 gần giống như vành cung uốn. Rồi tư đồ, s ở n
 cũng thủy tận, sư cụ không nghĩ thêm từ' thơ
 nào nữa. Sư cụ có hơi bức mình. Hôm nay saoma
 nguồn thi hứng của mình chóng cạn thế. M o i
 khi thì đã thao thao bất tuyệt kia mà. B ả i
 thơ nếu không tròn, thì sư cụ trần trọc khôg
 đi nằm yên được.

Chú tiêu ngủ đã được một giấc dài, ra ngoài
 thì thấy, sư cụ hay còn thơ thần trước s ả n
 chùa. Thấy thầy nghi ngợ bàn khoản, chú tiêu
 không hiểu chuyện quan hệ gì, cũng đâm ra lo
 lắng, mới bạch thầy, để hoặc có thể đỡ bớt cho
 thầy phần nào lo nghĩ. Sư cụ kể chuyện b ả i
 thơ nghĩ đỡ còn thiếu hai câu, mà bụng cứ
 thâm: Chuyện văn chương chớ có phải là chuyện
 đèn hương dầu mà chú tiêu đỡ dần cho t h ấ y
 được!

Nghe thầy kể chuyện, chú tiêu động lòng thơ
 ra sân ngoài, đứng tựa gốc bồ đề nhìn raphog
 cảnh quanh chùa. Bông trăng non bấy giờ đ ả
 ngả thấp xuống gần mặt sông, in bóng x u ông
 đầy nước chập chớn một vành trăng thứ hai. Ý
 cảnh đó đã câu từ' cho chú tiêu. Chú trở' vào
 bạch sư cụ rằng chú đã cất được cho t h ấ y
 phần lo nghĩ, và trình hai câu thơ:

誰把銀盤分兩段
 Thùy bả ngân bàn phân lưỡng đoạn
 半沈水底半浮空
 Bán trâm thủy đế, bán phù không

Nghĩa là: Ai đem chiếc mâm bạc bẻ làm đôi,
 một nửa in xuống đáy nước; một nửa cái l ở
 lửng trên không.

Sư cụ nghe xong, ngạc nhiên, không hiểu vì sao
 mà đêm nay chú tiêu bỗng trở' nên minh m ả n
 như vậy. Chắc là nhờ đức Vô Lượng khai t ả m
 kiên tinh cho, mới dạy chú tiêu vào đốt hủg
 ta ở Nhả Lai. Lê xong, chú tiêu thính mõ thời
 chuông khoan khoái.

Chính hồi chuông đặc biệt đó, vọng sang tận

bên Phong kiều, đã giúp cho Trương Kế hoàn thành bài thơ bất hủ. Thiên gia và thi gia quả có tiên định nhân duyên.

Nghe nói nhà văn Khang Hữu Vi một tay bút thiệp có tiếng đời Thanh tự tay chép lại cả hai bài, thơ Phong kiều dạ bạc và thơ này, khắc vào bia chùa Hàn Sơn mỗi chữ to 4 tấc. Chuyện không biết có thật hay không. Duy biết rằng đó cũng là có ý muốn truyền một giai thoại liên quan giữa nhà chùa và nhà thơ. Thiên vị và thi vị đã một lượt ăn sâu vào nét đá.



Và còn đây một thi thoại về đời Nguyên. Thời Nguyên, có một nàng Công chúa vừa đẹp vừa hay chữ. Vua anh là vua Thánh Tông Mị Nhĩ Mang, đã chăm cho Công chúa một nho sĩ tuân tể, đình kén làm phò mã, để sau này sẽ t r ở nên lương đồng cho triều đình. Nhưng mà Công chúa rất mộ đạo từ bi, từ chối việc hôn nhân bố cung cấm, trốn vào Quảng Nam, lên tu ở chùa Non Nước. Vua sắc cho địa phương quan đến nghinh đón và dụ Công chúa hồi c u ng. Nhưng Công chúa nhất quyết ở lại chùa, làm một bài thơ gởi về, hẹn rằng ai mà họa được thơ thì sẽ xin xuất các. Bài thơ hay và êm như một bài kệ:

Thế sự nhìn xem rồi cuộc có
Càng nhìn càng ngắm lại càng dơ
Khua tan tục niệm hồi chuông sớm
Gõ vỡ trần tâm tiếng mõ trưa
Châu tư chán màu nên vải ấm
Đình chung lộn giọng hóa chay ưa
Lên đàn cứu khổ toan quay lại
Bê ái trông ra nước đục lơ

Truyền rằng: Thơ không ai họa nổi, nên Công chúa thoát khỏi oan gia, và viên thành được một đạo tâm phát nguyện qui y chánh giác.

Chúng ta có thể nào tin được rằng cả m ô t triều đại hoàng kim của thi văn, triều đại của Tùng Tuy Siêu Quát mà không có một ng. nào họa nổi bài thơ nôm nọ.

Không phải là bài thơ khó đến đời không ai họa nổi. Mà thật sự là không ai dám họa.

Đọc bài thơ phát nguyện, thấy rõ thế t ã m kiên quyết, trí ý vững vàng, giặc lòng từ niệm của Công chúa mà ai không kính sợ; thì còn ai dám nghĩ chỉ điều xứng hạ.

Tôi đã dẫn, chuyện xưa cũ, chuyện tâu có. Nghĩ

cũng lâu lai và xa xôi quá. Tôi muốn dẫn một chuyện gần gũi chúng ta để tiêu biểu cho câu chuyện mà tìm hoài không được. Tôi đang lúng túng thì một chuyện thơ sự chợt xảy ra ngay trước mắt. Thật là một thi thoại sống v ở i chúng ta.

Giữa thủ đô chúng ta có một cảnh công viên, cảnh trí khá thanh u tên là Vườn Tao đ ã n. Tôi không hiểu khi người đời tên Vườn Bồ rô Vườn ông Thượng ra, là Vườn Tao Đ ã n, có dụng gì không, không biết. Chắc là thấy tiếng đ ò hay hay thì lấy đặt tên vườn, chớ chẳng nghĩ gì đến tiếng Tao Đ ã n, viết hoa tiếng t ù. Ông trưng chung cho thi ca. Dầu sao, cũng là một ngẫu nhiên mà thôi.

Ài, có ngờ đâu. Thiệt là không dễ danh từ đ ò bông trở nên một tiên định.

Ban Văn mỹ nghệ của Viện Hóa Đạo, môn k h u viên đình trong vườn làm khu triển lãm văn mỹ nghệ phạm liên quan về Phật giáo. Ai đã đến vườn Tao Đ ã n mà xem thì phải biết. Chẳng ngờ là riêng một khu viên đình, mà khắp cả cảnh vườn đã biến thành cảnh kỳ viên thiên lâm. Một gốc cây trong vườn là một gốc bồ đề. Một đóa hoa trong vườn là một đóa ưu đàm.

Hàng hà sa số đàn việt Phật tử, xa gần nô nức kéo về triển hội. Gian kia bài thơ, gian này câu đối; không câu đối bài thơ thì hội họa, điêu khắc, tranh ảnh, mỗi mỗi đều tương trưng cho một cái gì rất nên thơ mà cũng đều diễn tả cho một đề tài chung là Thiên và Đạo. Tất cả đều phối hợp hòa đồng với nhau làm thành một bài thơ trường thiên đại đoạn hàm chứa bao nhiêu thiên vị và đạo vị. Vườn Tao Đ ã n bông trở thành hội Võ già, như hội Võ già truyện Bích Câu chẳng hạn.

Muôn kể cho hết thì nhiều lắm. Tôi thấy trong đó có một câu đối, đan cả ra đây. Đối rằng:
Phong nhã thuyên giông với Giác hải
Ưu đàm hoa rộ bóng Tao Đ ã n

Con thuyền phong nhã, con thuyền lãng mạn của hàn mặc văn chương đã thấy giông chới trong với Giác hải, mà đóa hoa ưu đàm, đóa hoa từ bi của chánh giác chân như, nay lại được t h ấy rộ bóng giữa Tao Đ ã n.

Tiếng Tao Đ ã n này có như tiếng chuông chùa Hàn Sơn ngẫu nhiên mà tiên định đó chẳng? Thiên vị và thi vị có cần chỉ tìm đâu xa xôi mới gặp.

Thơ cổ câu:

因過竹院逢僧話

Nhân qua trúc viện phùng tăng thoại

又得深生半日閒

Hựu đắc phù sinh bán nhật nhàn

Nghĩa rằng: Nhân tình cờ qua nơi viện trúc, cũng nhà sư nói chuyện chơi, cũng hưởng được nửa ngày nhàn nhã, trong cõi phù sinh.



Việt Nam phong sự

Nguyễn Văn Mại - Bản dịch của Tạ Quang Phát - Học giả Mạc Khách sưu lục

(Kỳ 20)
CHƯƠNG 73

*Thuyền câu lơ lửng đã xong,
Thuyền chài lơ lửng cũng thuyền chài!*

Thơ phong sự này thuộc tỷ.
Thuyền câu, thuyền nhỏ để câu cá. Thuyền chài thuyền to để đánh cá.
Sau thời Lê Trung Hưng, Trịnh Tùng tiến phò vua Lê, mở Phủ đặt quan chức, nắm hết tài chính thuế khóa, đặt ra vương quyền chuyên chế, để ra một ngàn xã làm Thượng tiến lộc cho vua Lê (thu thuế mà chi dụng) chế ra năm ngàn tù binh ở Nội điện làm quân túc vệ. Vua yếu, tối mạnh, việc chính đều thuộc về Phủ chúa. Với lòng dè dặt, chúa Trịnh ra vào an nhiên.
Vua Lê rú áo, ngồi không, võ sĩ, chỉ lấy sơn thủy làm vui, có lúc rong xe đi Tây kinh lên núi để ngâm thơ vịnh, có lúc thả thuyền ở hồ Tây, buông dây thuyền cho trôi dạt tiêu dao, thế cuộc được xem như ván cờ, kẻ sá ch quốc gia, lược mưu quân đội hoàn toàn không phải lo đến, chẳng từng nhớ đến công đức của tổ tiên còn ghi ở sông núi Hồng Lam hay sao?

Đến niên hiệu Cảnh Hưng (1740-1786) vua Lê Hiến Tông vui chơi ngày thêm đậm, thường ngày cung nhân diện tuồng Tam Quốc Trận Đồi để làm vui. Có người khuyên can, nhà Vua đã áp: "Sở dĩ ta làm như thế là để giải những nỗi nghi ngờ của họ Trịnh".
Từ đó, nhà Vua cứ buông lung dật lạc, thậm chí binh Tây Sơn kéo đến, thành Thăng Long thất thủ mà nhà Vua cũng không biết xét soi. Nhân dân thấy như thế không xiết cảm khái mới mượn từ cách người lái thuyền làm ra câu hát này.
Thuyền câu ví với chúa Trịnh. Thuyền chài ví với vua Lê.

Nói họ Trịnh một thời lộng quyền, không có

nền tảng của tổ tiên khai sáng, không có công phu tạo lập một mảnh con con sông núi, thế mà an dật làm vui thật không dung chể trách. Còn họ Lê thì hơn mười năm (1) chài giở dầm mưa mới có thể đoạt hết trần châu của nhà Minh đem về tay người nước Nam ta nắm giữ. Khai sáng đã gian nan, lại với nhân sâu đức hậu sáng lập ra cơ nghiệp Trung Hưng, được tất cả hơn ba trăm năm (nhà Lê làm vua từ thời Tiên Lê đến thời Hậu Lê được tất cả 360 năm cơ đồ củng cố. Trong thời Trung Hưng, trải qua các đời vua Lê đều y lại vào họ Trịnh, sao chẳng nhớ lại tông xã ở Lam Sơn?
Mỗi lần đọc thơ phong đạo đến đây thì mỗi chữ là một giọt nước mắt đắng hàng trăm tờ sớ trung thành.

CHƯƠNG 74

*Em đừng thấy lính mà khinh,
Lính binh Thống chế ba dinh một đồng.*

CHỮ : Ba dinh là ba phủ Thiệu Thiên, Tĩnh Gia và Hà Trung thuộc tỉnh Thanh Hóa.

Thơ phong sự này thuộc phú.
Cuối đời nhà Lê, lính kiêu binh Tam phủ sau khi lập chúa Đoan Nam Vương Trịnh Tông lên ngôi, càng ngày càng kiêu căng, triều đình không chế ngự được chúng. Lại có kẻ theo chúng mà được giàu sang như bọn Vũ Bằng, Nguyễn Liêm, Già Thọ vốn là hàng vác dao trong hàng ngũ binh một sớm trở thành giàu sang, cho nên người đương thời làm thơ phong đạo này để cảnh báo họ.

Nói người đời chớ nên thấy hàng xuất thân ở hàng ngũ mà khinh dể họ. Trong thời nhà Lê, những bậc có xe bốn ngựa, lưng cao, nào dầm mưa, nào ảnh dẫu rờ ràng há chẳng phải là nhân vật trong kiêu binh Tam phủ hay sao?

QUỐC SỬ TẠP LỤC

3. QUỐC HIỆU NƯỚC TA

Từ An Nam đến Đại nam

Bừu Cầm



Học giả Mặc Khách sưu lục

LỜI TÒA SOẠN:

Vì lý do không liên lạc trực tiếp được với một số quý vị Tác Giả đã có bài được báo Viên Giác trích đăng; nên Tòa Soạn xin chân thành cáo lỗi cùng quý vị. Để tạo nên mối Đạo tình với Đạo Pháp; mong quý vị đã có bài được đăng, hoặc trích dịch xin liên lạc về Tòa Soạn để chúng tôi kính chuyển đến quý vị Tác Giả một số tịnh tài để bù đắp vào công lao khố nhọc của quý vị. Tuy nhiên tờ báo Viên Giác vẫn là tờ báo Đạo, không có tính cách thương mại. Kính mong quý vị niệm tình hộ thủ cho.

(tiếp theo)

Tháng 9 năm Chí Đức 至德 thứ 2 (đinh dậu, 757) đời Đường Túc Tông 唐肅宗, nhà Đường đổi An nam đô hộ phủ làm Trấn nam đô hộ phủ (10).

Danh xưng "Trấn nam" đã có từ năm 226 (hiệu Hoàng vũ 黃武 thứ 5 của Ngô Tôn Quyền). Năm đó, Ngô chủ phong Lữ Đại 呂岱 làm Trấn nam tướng quân (11). Thế là các danh xưng "An nam" và "Trấn nam" đều bắt đầu xuất hiện trong lúc Lữ Đại ở Giao Châu.

Trong thời nước ta còn là một châu của Trung Quốc, các triều đại Trung Hoa đã dùng những chức Tuy nam tướng, quân (12), Trấn nam tướng quân và An nam tướng quân, v.v... để phong cho các thái thú và thứ sử có công dẹp yên giặc giã ở Giao Châu. Sau đó, những chữ "An nam" và "Trấn nam" lại được dùng để đặt tên cho phủ đô hộ.

Năm Đại lịch 大曆 thứ 3 (mậu thân, 768) đời Đường Đại Tông 唐代宗, nhà Đường lại đổi Trấn nam làm An nam (13).

Tháng 2 năm Hàm thông 咸通 thứ 3 (862) đời Đường Ý Tông 唐懿宗, quân Nam chiếu (14) trên Vân nam tràn xuống cướp phá phủ An Nam đô hộ; nhà Đường dùng Thái Tập 蔡襲 làm kinh lược sứ để chống với quân giặc (15). Tháng 5 năm đó, nhà Đường chia Lĩnh Nam 嶺

南 làm hai đạo Đông và Tây (16), cho Vi Trụ 韋宙 và Thái Kinh 蔡京 làm tiết độ sứ (17) Nguyên lúc trước Lĩnh nam chia làm năm 1 à Quảng 廣, Quế 桂, Ung 邕, Dung 容 và An nam 安南. Thái Kinh tâu xin chia Gug châu làm Đông đạo, Ung châu làm Tây đạo (18).

(10)

Cựu Đường thư (quyển 41, tờ 42a), Tân Đường thư (quyển 43 thượng, tờ 9b), Thái bình hoàn vũ ký (quyển 170, tờ 3a), Nguyên hòa quận huyện chí (quyển 38, tờ 2b) và Khâm định việt sử (tiền biên, quyển 4, tờ 23b) đều xét đoán nhất định việc nhà Đường đổi An nam đô hộ phủ làm Trấn nam đô hộ phủ vào năm 757. Đại Việt sử ký toàn thư (ngoại kỷ, quyển 5, tờ 4b) và Đại Việt sử ký tiền biên (ngoại kỷ, quyển 6, tờ 7a) đều chép vào năm 758 (mậu tuất, Chí đức thứ 3). Hoàng Việt giáp tý niên biểu (quyển thượng, trang 282) chép vào năm 756 (bính thân, Chí đức nguyên niên).

(11)

Tam quốc chí, Ngô chí, quyển 15, tờ 6b và 7a, chép Lữ Đại được thiên chức An nam tể tướng quân rồi lại được tấn phong Trấn nam tướng quân. Cũng trong Tam quốc chí, Ngô chí, quyển 2 tờ 24b, chép việc về năm Xích ở thứ 9 (246) có câu: "嶺南呂岱為上大將軍"

= Trấn nam Lữ Đại vị thượng đại tướng quân. An nam chỉ lược, hiệu bản của Viên Đại học Huế, phần chữ Hán, trang 90, chép Lữ Đại được phong chức Trấn nam tướng quân và tước Phiên ngưng hầu 番南侯. Khâm định Việt sử, tiên biên, quyển 3, tờ 5a, chép nhà Ngô tấn phong Lữ Đại chức An nam tướng quân và cho làm Giao châu mục vào năm 226 (bính ngọ). Hoàng Việt giáp tý niên p i ểu, quyển thượng, trang 185, cũng chép Lữ Đại làm Giao châu mục vào năm 226. Đại Việt sử ký toàn thư (ngoại kỷ, quyển 4, tờ 3b) và Đại Việt sử ký tiên biên (ngoại kỷ, quyển 4, tờ 4b và tờ 6a) đều chép Lữ Đại được nhà Ngô phong chức Trấn nam tướng quân và tước Phiên ngưng hầu vào năm 231 (tân hợi).

(12)
An nam chỉ lược (hiệu bản của Viện Đại học Huế, phần chữ Hán, trang 89) và An nam chí nguyên (hiệu bản của PQVDHV, quyển 3, tr. 175) đều chép Sĩ Nhiếp 士儼 đã được nhà Hán phong chức Tuy nam tướng quân 綏南將軍. Tam quốc chí, Ngô chí (quyển 4, tờ 8a) và Việt sử lược (bản chữ Hán chép tay của Viện Khảo cổ, số VS 39, tờ 9b-10a) đều chép Sĩ Nhiếp có được phong chức Tuy nam trung lang t ú ớng, 綏南中郎將. Khâm định Việt sử (tiên biên, quyển 2, tờ 30a), Đại Việt sử ký toàn thư (ngoại kỷ, quyển 3, tờ 10b), Đại Việt sử ký tiên biên (ngoại kỷ, quyển 3, tờ 16b) và Hoàng Việt giáp tý niên biểu (quyển thượng, trang 181) đều chép Sĩ Nhiếp được nhà Hán phong chức Tuy nam trung lang tướng và năm 207 (dinh hợi, hiệu Kiến an 建安 năm thứ 12 đời Hán Hiến đế 漢獻帝).

(13)
Thái bình hoàn vũ ký, quyển 170, tờ 3a: "大曆三年罷節度置經略仍改鎮南為安南"
= Đại lịch tam niên, bài tiết độ, trí k i nh lược, nhưng cái Trấn nam vi An nam = Năm Đại lịch thứ 3, /nhà Đường/ bài chức tiết độ, đặt chức kinh lược, đổi tên Trấn nam làm An nam như cũ". Khâm định Việt sử, tiên biên, quyển 4 tờ 25b: "

戊申唐大曆三年唐復改鎮南為安南都護府.

= Mậu thân, Đường Đại lịch tam niên, Đường phục cái Trấn nam vi An nam đô hộ phủ = Năm mậu thân, hiệu Đại lịch thứ 3, nhà Đường lại đổi Trấn nam làm An nam đô hộ phủ". Tân Đường thư (quyển 43 thượng, tờ 9b), Nguyên hòa quận huyện chí (quyển 38, tờ 3a), Đại Việt sử ký toàn thư (ngoại kỷ, quyển 5, tờ 5a), Đại Việt sử ký tiên biên (ngoại kỷ, quyển 6, tờ 7b) và Hoàng Việt giáp tý niên biểu (quyển thượng, trang 285) đều chép nhà Đường đổi lại Trấn nam làm An nam vào năm Đại lịch thứ 3 (mậu

thân, 768).

(14)
Nam chiếu 南詔 : vốn là giống Ai lao di 哀牢夷, và cũng là biệt chủng của O man 烏蠻. Người ta cho rằng Nam c h i ếu cùng một gốc với giống Thái. Chiếu (người Thái đọc là châu) có nghĩa là chúa. Vì vậy, từ rườg của một bộ lạc hoặc vua một nước cũng gọi là chiếu. Nguyên có 6 chiếu là: Mông xá 蒙舍, Mông túy 蒙巂, Ma ta 磨些 (hoặc Việt tích 越柘), Lang khung 浪穹, Đẳng thiêm 澄牂, và Thi lang 施浪. Về đời Đông Hán, chung tộc này ở phía Đ ờ ng quận Vĩnh Xương 永昌 (nay là huyện Bảo Sơn, 保山 tỉnh Vân nam 雲南) và sáu chiếu đều có binh lực ngang nhau, nên không chiếu nào chịu phục chiếu nào; nhưng sau đó đều thần phục nhà Thục Hán, vì bị Chu c á t Lương chinh thảo. Về đời Đường, địa bàn của 6 chiếu ở khoảng giao giới giữa hai tỉnh Tứ Xuyên 四川 và Vân Nam 雲南, bây giờ, Chiếu Mông xá ở về phương Nam, đối với 5 chiếu kia, thành thử mỗi gọi là Nam chiếu (sau Mông xá kiêm tỉnh cả năm chiếu kia, nên hai c h i ếu Nam chiếu trở thành tổng danh của cả 6 chiếu đời Đường Cao Tông 唐高宗 (650-683) cháu của Mông xá Long 蒙巂龍 là Tế nô la 細奴略 (con của Gia độc bàng 加獨傍) có đến châu; đời Vũ hậu 武后 (684-704), con của Tế nô la là La thịnh 羅盛 cũng có đến triều cống. Trong niên hiệu Khai nguyên 開元 (713-741) đời Đường Huyền Tông 唐玄宗, La thịnh chết, con là Thịnh la bi 盛羅皮 lên thay; rồi Thịnh la bi chết con là Bi la các 畢羅皮 kế vị. Năm Khai nguyên thứ 26 (738), nhà Đường phong Bi la các tước Việt quốc công, 越國公 và cho tên là Quy Nghĩa 歸義; sau Bi la các có công đánh thắng Nhi hà nam 洱河蠻 (hoặc nên được sách phong Vân nam vương 雲南王. Bi la các chết, con là Các la phường 閣羅風 kế vị năm 749 (hiệu Thiên thảo 天寶 năm thứ 8 đời Đường Huyền Tông). Đến năm Thiên bảo thứ 9 (750), Các la phường chống lại nhà Đường, tiếm hiệu Đại mông 大蒙, đóng ở ở tại thành Đường tả mi 羊苴咩 (đọc theo âm riêng của tên thành này được chua trong Tứ hải 解海 và Khang hy tự điển 康熙字典 tức là huyện Đại lý 大理 thuộc tỉnh Vân Nam bây giờ. Nhà Đường đem quân tới đánh Nam chiếu nhưng không thắng. Nam chiếu tuyệt giao với nhà Đường và xoay sang thần phục Thổ phiên 吐蕃 (nay là Tây T a ng 西藏); Các la phường được chúa T h ở phiên phong làm Đông đế 東帝 và cho hiệu là Tân phổ chung 贊普鍾 (tiếng chung của Thổ phiên nghĩa là em, còn tân phổ là vua chúa; tân phổ chung nghĩa là em của chúa Thổ phiên). Sau vì không chịu nổi những yêu sách và trừng dịch của Thổ phiên, chúa Nam chiếu là Dị mậu tam 異牟尋 (lên ngôi năm 779)

lai quy phụ nhà Đường và hợp binh với Thôi Tả Thi 崔佐時, tập kích Thổ phiến, hạ được 16 thành của đối phương. Nhưng đến năm 829 (hiệu Thái hòa 太和 năm thứ 3 của Đường Văn Tông 唐文宗), cuộc xung đột giữa Nam chiểu và nhà Đường lại bùng lên. Nam chiểu đã nhiều lần xua quân sang đánh phá An nam đô hộ phủ và đã có lần tàn sát đến 15 vạn người. Năm 859, Nam chiểu đổi quốc hiệu là Đại Lễ 大禮, và lúc đó là thời cực thịnh của nước ấy. Đến lúc họ Trịnh làm vua Nam chiểu (Trịnh Mai 鄭異 tự lập năm 902), đổi tên nước là Đại trưởng hòa 大長和. Đời Hậu Đường 後唐 (923-935), họ Triệu 趙 (Triệu Thiên Chính 趙善政) thay thế họ Trịnh, đổi tên nước là Đại Thiên Hưng 大天興. Sau đó, Đường Can Chân 高平 高平 高平 doat ngôi của họ Triệu, đổi tên nước là Đại Nghĩa Ninh 大義寧. Đời Hậu Tấn 後晉 (936-946), Đoàn Tư Bình 段思平, đuổi Can Chân, tự lập nhà vua, đổi tên nước là Đại Lý 大理. Thời Tống sơ vẫn còn tên Đại Lý, nhưng rồi sau họ Cao 高 (Cao Thăng Thái 高昇太) lên làm vua vào năm 1099 (hiệu Nguyên Phù 元符 năm thứ 2 đời Tống triết Tông 宋哲宗), đổi tên nước là Đại Trung Quốc 大中國. Sau đó, họ Đoàn 段 được lập lại với Đoàn Chính Thuần 段正淳, và tên nước lại được, đổi là Hậu lý quốc 後理國. Năm 1253, nước này bị Mông cổ 蒙古 chinh phục và lập Vân nam hành trung thư tỉnh 雲南行中書省. Năm 1262, thừa lúc Mông cổ không phòng bị, họ Đoàn lại quật khởi, xưng Tổng quản, và có cả thảy 11 Tổng quản tiếp nối cai trị Đại lý (Nam chiểu). Đến năm 1382, nhà Minh b i nh dinh Đại lý, bắt Tổng quản thứ 11 của nước ấy là Đoàn Minh 段明, đưa về Kim lăng (Theo Cựu Đường thư, quyển 197, tờ 6b-9b; Tân Đường thư, quyển 222 上 và 222 中; Nguyên sử, quyển 3, tờ 2b-3a; Tân nguyên sử, quyển 6 tờ 6a và tờ 7ab; Kỷ lục vị biên, quyển 46, tờ 2a-19b; PARKER, The old Thai or Shan empire of Western Yunnan, trong China Review, XX, 337ss.; E. ROCHER, Histoire des princes du Yunnan, trong T'oung pao, X, 1-32, 115-154, 337-368, 437-458; P. PELLISOT, Deux itinéraires de Chine en Inde, trong BEFEO, IV, 131-413; PIERRE LEFÈVRE-PONTALIS, L'invasion thaie en Indochine, trong T'oung pao, VIII 57; Nan-tchao ye tche 南詔野史, bản dịch của CAMILLE SAINSON, Paris, Imprimerie mationale, 1904; Tứ hải và Tứ nguyên, tập tứ bộ thập 十, bảy nét; Cương mục, tiên biên, quyển 4, tờ 9b-10b).

(15)
Khâm định Việt sử, tiên biên, quyển 5, tờ là; Đại Việt sử ký toàn thư, ngoại kỷ, quyển 5, tờ 10b; Đại Việt sử ký tiên biên, ngoại kỷ, quyển 6, tờ 15b; Hoàng Việt giáp tý n i ê n biểu, quyển thượng, trang 300.

(16)
Lĩnh nam đạo được đặt ra trong niên h i ê u Trinh quán 貞觀 (627-649) đời Đường Thái Tông 唐太宗, gồm có đất hai t i n h Quảng đông, Quảng tây, Bắc Việt và miền B ắ c Trung Việt ngày nay; đến năm 862 mới c h i a làm hai là Lĩnh nam Đông đạo và Lĩnh nam Tây đạo. Lĩnh nam nghĩa là phía nam của Ngũ Lĩnh 五嶺. Khâm định Việt sử, tiên biên, qu. 1 tờ 14a-15a, đã chú thích hai chữ Ngũ lĩnh như sau: "Theo sách Nam khang ký 南康紀 của Đặng Đức Minh 鄧德明, Ngũ lĩnh là năm quả núi: Đại lĩnh 大嶺 là quả núi thứ 1 ở Đại đũ (đũ), 大庾; Kỳ diên 騎田 là quả núi thứ hai ở đất Quê đường 桂陽; Đô bàng (lung) 都龐 là quả núi thứ ba ở đất Cửu chân 九真 (nay thuộc tỉnh Thanh Hóa) Mạnh chủ 萌主 là quả núi thứ tư ở đất Lâm Hạ 臨賀; Việt thành 越城 là quả núi thứ năm ở đất Thủy an 始安. Theo sách h Quảng châu ký 廣州記 của Bùi Uyên 裴淵, Ngũ lĩnh là Đại đũ 大庾, Thủy an 始安, Lâm hạ 臨賀, Quê đường 桂陽 và Yết đường 揭陽, bây giờ ở địa phận 2 tỉnh Quảng đông và Quảng tây. Phương Di Trí có nói: Kế đến Cửu chân thì xa quá. Nên cho thuyết sau là phải hơn. Sách Lĩnh ngoại đại đáp 嶺外代答 của Chu Khứ Phi 朱去非

chép rằng: Từ nhà Tần có vấn đề Ngũ lĩnh, mọi thuyết đều cho là chỉ vào núi mà gọi tên. Nay xét lại, đó là năm đường đi vào Ngũ lĩnh, chứ không phải là núi: con đường từ tỉnh Phúc Kiến 福建 qua sông Định (Thỉnh 汀), vào tỉnh Quảng đông, sang xứ Tuân Mai 循梅 là một; con đường từ tỉnh G i a n g tây 江西 đi Nam an 南安 vượt qua núi Đại đũ, vào Nam hùng 南雄, là hai; con đường từ tỉnh Hồ nam 湖南 đi sang đất Sâm榔, rồi vào đất Liên 連, là ba; con đường từ đảo châu 道州 vào Quảng tây rồi đi đ ế n Lâm hạ, là bốn; con đường từ Toàn châu 全州 vào Tĩnh giang 靜江, là năm. Đối chiếu với giới thuyết của hai chữ Ngũ lĩnh trg Tứ hải và Tứ nguyên, tập tứ, bộ nhị 二, hai nét

(17)
Khâm định Việt sử, tiên biên, quyển 5, tờ 1b. Đại Việt sử ký tiên biên, ngoại kỷ, quyển 6, tờ 15b, chép có hơi khác với Cm:

嶺南為分五管交州禦廣桂邕容若隸嶺南
南京奏請分為兩道自為嶺南兩道節度使

= Lĩnh nam cựu phân ngũ quan: Giao châu đũ Quảng, Quê, Ung, Dung, giai l ộ Lĩnh nam. Kinh tâu thỉnh phân vi đương đạo, tự vi Lĩnh nam lưỡng đạo tiết độ sứ = Lĩnh nam trước chia ra ngũ quan là Giao châu và Quảng, Quê, Ung, Dung, đều l ộ thuộc đạo Lĩnh nam. Thái Kinh tâu xin chia làm hai đạo, rồi tự làm tiết độ sứ của h a i đảo Lĩnh nam".

(18)
Khâm định Việt sử, tiền biên, quyển 5, tờ 1b.
Đối chiếu với Cựu Đường thư, quyển 19 thượng
tờ 2b.

(còn tiếp)

mmmmmmmmmmmmmmmm

tiếp theo trang 8

tràng sẽ mở khuất. Tâm tánh ta ví như nước, nếu chúng sanh một lòng chuyên niệm Đ ú c Quán Thế Âm, Bồ Tát liền dùng đủ cách thuận nghịch, ân, hiện khiến cho được lợi ích. Trái lại, nếu không chuyên nhất, tức là nước tâm lơ dục, tất nhiên khó mong nhớ ngài cứu độ. Nghĩa này rất thâm, xin xem đoạn "Phổ Đà sơn chí", trong bộ Văn Sao của tôi sẽ tự rõ. Bồ Tát khi còn ở trong nhân, do quán tánh nghe mà chứng viên thông, lúc ở trên quả, do quán tiếng chúng sanh xứng danh hiệu mà tìm đến cứu độ, nên gọi là Quán Thế Âm. Lại, Bồ Tát đạo pháp rộng lớn không ngăn, tùy theo căn tánh của tất cả chúng sanh, nói đủ pháp d ề giáo hóa, không riêng lập một môn nào, n ề n pháp môn của ngài gọi là Phổ Môn.

Trên đây là việc thiên cận, vì các hạ chưa nghiên cứu đến nên không rõ. Tôi cũng t ù y lối hỏi mà đáp, thật ra đó không phải là môn Tịnh độ, một giáo pháp có thể đem lại c h o các hạ sự lợi ích hoàn toàn. Nhưng nếu nói rõ việc ấy ra đây, lại e lòng dòng thêm phí giấy mực. Các hạ nên thỉnh kinh Vô Lượng Thọ kinh Quán Vô Lượng Thọ, Tịnh Độ Thập Ý ế u, Tịnh Độ Thánh Hiền Lục, Triệt Ngộ ngữ lục mà xem, sự lý tu chứng thế nào, trong ấy có nói đủ tất cả.

(còn tiếp)

tiếp theo trang 12

Hầu chuyện nhà sư trong viện trúc
Phù sinh giặt tạm nửa ngày nhân

Tác giả bài này không phải là tăng già, cũng không phải là Phật tử. Tạp chí này cũng không phải là thiên phòng trúc viên; nhưng mà, chúng ta được chút nhân duyên gặp gỡ, nhân cao hứng đàm đạo đồng dài năm ba câu chuyện thi vị trong thiên gia. Tôi dám ước mong tác giả cũng như độc giả, chúng ta đều trú đ ược giây lát nơi tục lụy phù sinh, trong c ò i hôn hôn túy mộng.

(1) Câu: "Giò chiều hiu hiu... Lá rung" là câu Khái Hưng đã nhắc đi nhắc lại nhiều lần trong đoạn kết tác phẩm Hôn Bướm Mơ Tiên, mà độc giả đều lấy làm thường thức như một điệp khúc.

THƠ



Đọc thơ Thị Hiện

Thân tặng Thị Hiện Bá Linh
Thị Chơn Hannover và những
người con yêu của Đức Phật

Chiều Hải Ngoại chợt đọc thơ bằng hữu
Ngậm ngùi than cho số kiếp con tâm
Lòng Kính Kha bỗng mềm như giọt LỤA!
Lời ân cần xin gửi chút hân huyền...

Đã dấn thân vào con đường Bồ Tát
Còn ngại gì cách núi với ngàn sông.
Lòng thế gian khôn lường sâu cạn
Thĩ pháp môn, hạnh nguyện cũng vô cùng:

Người bạch y như hồng liên thanh quý
Sống trong bùn vẫn ngào ngạt mùi hương
Ta khoát mảnh áo đã vì nguyện ước
So công phu đâu chắc đã cân bằng!

Vì pháp giới là muôn hình vạn trạng
Muôn đ ộ sinh phải đồng sự, đồng hành
Nên Bồ Tát làm thân cò lặn lội
Lăn mình vào nghiệp cảnh của phù sinh!

Người và ta tuy hai mà một
Kiếp kiếp đời đời gần gũi thân thương
Đồng một nguyện xả thân vì thiên hạnh
Lời chim bay nào cách mây dậm trường.

Đường ta đi từ A Tăng kỳ kiếp
Vô thủy vô chung và chẳng biên cương
Vất d ầu nhau ta đi nào biết mỏi
Bao lâu đời còn đ ờ lệ trùng dương.

Taipei 3/84
Ní Cô Thị Nguyễn

Mandalay

Chiều lên gió cát mặt mờ
Bên hoàng cung cũ hững hờ lá bay!
Nào đâu thành quách lâu đài
Nào đâu tha thướt xiêm hài cung nga?

...Chuông chùa vắng vắng đời xa
Ngân nga mây điệu Ta Bà buồn tênh

Miền Điện Phật Đản 82

Ní Cô Thị Nguyễn

Dịch giả

LÊ HUY THIÊN

BẮC DU CHƠN VÕ

— HỒI THỨ NHẤT —

Vua Thượng giới yên âm ca sang

Truyện này nhằm lớp nhà Tùy vua Giuông đế là Dương Quang, bởi vua lười đạo, nên đời sanh yêu nghiệt nhiều. Truyện Thuyết Dương có to việc quốc sự Dương gian. Còn truyện này to về việc âm, nói chuyện quỷ thần đời ấy.

Ngày kia Ngọc Hoàng Thượng Đế, truyền đon yên đãi các vị thần tiên, uống rượu quỳnh lương, ca bài tiên nhạc. Trong lúc đang ăn yên, Ngọc Hoàng Thượng Đế phán rằng: "Trẫm cầm quyền sửa mây âm dương, định cơ tạo hóa, trên thời trị các vị thần tiên, dưới thì trị cả thay nhân vật, đang lẽ quyền trẫm lớn hơn Tây Phương Phật Tổ mới phải, sao còn thuộc về thân đạo chưa thành Phật đạo, như vậy y thời trẫm mệt nhọc mà hỏi còn thấp, phải thanh nhân mà đặng phẩm cao! E chưa đặng công bình cho lắm?". Các vị thần tiên thưa rằng: "Phật Thích Ca tu đã chín đời, Bệ hạ tu có bảy đời. Và lại thần còn có vợ con; sao cũng phải nhường Phật đạo, như Bệ hạ muốn thành Phật đạo cũng không khó, phải giảng sanh(1) hai kiếp mà tu nữa, mới đặng thành Phật đạo".

Khi ấy Ngọc Hoàng Thượng Đế nghe tâu liền thở ra, có ý muốn hóa thân mà tu hai kiếp nữa. Xảy thấy hào quang chiếu ngay trước mặt, mùi thơm bay khắp cả mình. Liên phán hỏi chủ thần rằng: "Vật chi trước mắt, hào quang sáng, bay mùi thơm ngát, dị thường?". Các Thiên quân tâu rằng: "Chàng phải vật chi lạ, thiết tại phương Nam cung tôn, nhà ông Lưu Thiên Quân ở ngoài căn khôn, có trồng cây Quỳnh hoa, gọi là Tiếp Thiên Thọ (2) cây ấy có bảy món báu bởi nên chiếu hào quang". Ngọc Hoàng Thượng Đế nghe tâu liền truyền chỉ đời Nam phương Hoà đức tể nhân quân vào đến mà phán rằng: "Khanh đến nhà Lưu Thiên Quân xin bứng cây Quỳnh hoa về đền Thông minh mà trồng". Hoà đức tể nhân quân tạ ơn rồi đi qua cung tôn.

Nói về Lưu Thiên Quân đứng ngồi trơ vờ, phủ thấy thiên sứ Hoà đức tể nhân quân đến, Lưu Thiên Quân nghinh tiếp vào phủ hỏi:

rằng: "Chàng hay thiên sứ phụng chỉ đến dạy điều chi?". Hoà đức tể nhân quân nói: "Thượng đế đương đãi yên tại đền Thông minh, xảy thấy hào quang quý trạch(3) báu thọ(4) chiếu bảy sắc hào quang nên Bệ hạ khen lắm, truyền chỉ xin Thiên Quân cho bứng cây ấy về trồng trước cửa đền, cho các vị thần tiên biết vật quý". Lưu Thiên Quân nói: "Thành Thượng truyền chỉ, lẽ nào đời dám chẳng tuân? Song cây ấy bảy lâu có bảy sắc hào quang thường nhóm lại trên ngọn, nếu bứng động rễ, thì bảy sắc hào quang ấy phải tan, lại e không trở bóng ra trái nữa! Chắc là dùng không đặng mà mất giống linh u ở ng làm chăng? Xin thiên sứ về tâu như vậy".

Khi ấy Hoà đức tể nhân quân về tâu lại vân vân. Ngọc Hoàng Thượng Đế nổi giận phán rằng: "Trẫm là chúa ba cõi, mà không đặng vật báu như Lưu Thiên Quân!". Liên phán hỏi chủ thần rằng: "Chàng hay ai đặng hưởng trái Quỳnh hoa ấy?". Các thiên thần tâu rằng: "Trái ấy trước con cháu Lưu Thiên Quân đặng hưởng mà thôi". Ngọc Hoàng Thượng Đế than rằng: "Phải chi làm con cháu Lưu Thiên Quân thì đặng hưởng vật báu!". Các thiên thần kinh hãi mà rằng: "Bệ hạ đã truyền chỉ như vậy, thì phải đầu thai?". Ngọc Hoàng Thượng Đế phán rằng: "Nếu quả hơn giảng sanh, biết ai kẻ vi?". Các thiên thần tâu rằng: "Xin Bệ hạ để lại hai hồn, xuất ra một hồn mà đi hóa thân thì tiện lắm". Ngọc Hoàng Thượng Đế nghe tâu bần dưng, các thiên thần tâu rằng: "Thiên tu bắt hổ ngồn(5), không lẽ quên lối thất tín. Xin Bệ hạ truyền chỉ cho mau?". Ngọc Hoàng Thượng Đế phán rằng: "Trẫm đành chiết một hồn đi hóa thân, song chàng biết chừng nào trở lại?". Các thiên thần tâu rằng: "Xin Bệ hạ đừng lo, miễn là tu hành, sau cũng thành như cũ". Ngọc Hoàng Thượng Đế phải chiết ra một hồn, các thiên thần báo đi giảng sanh.



Nói về Lưu Thiên Quân và vợ, là Hồng Liên công chúa đồng ngoạn kiến ngoài vườn hoa, xảy thấy hào quang chiếu xuống, có bốn ông Thiên vương bứng một cái mâm vàng, trong mâm có một người con nít ngồi ngay thẳng, dưới chân con rồng xanh nâng đỡ, bay thẳng xuống gần tới vườn hoa. Lưu Thiên Quân lấy làm lạ, chắc là người quý đi giảng sanh, báo vợ thấp hướng làm lễ, hai vợ chồng quỳ lạy, hào quang

bay lần tới gần, nhập vào bụng Hồng Liên Công chúa! Lưu thiên Quân mừng rỡ lay thình khố. Từ ấy Hồng Liên công chúa thọ thai liền nói cho chồng hay, Lưu thiên Quân mừng quá nói rằng: "Chắc là sanh quý tử".

Ngày tháng như thoi đưa, không bao lâu đã tới kỳ mãn nguyệt, ngày mừng chín tháng chín mũi hương thơm ngát cả nhà, Hồng Liên công chúa sanh được một trai, thối mây kéo mặt trời, đứa bần tay không thấy! Lưu thiên Quân mừng quá điếm lạ, đặt tên con là Trưởng Sanh.

Đến khi Lưu Trưởng Sanh trở rồi, hỏi cha mẹ rằng: "Chàng hay nhà mình có vật chi báu Lưu thiên Quân nói: "Nhà mình có cây tiếp thiên, hào quang sáng giới, nồng nức mùi hương, có bảy sắc bầu. Năm trước Ngọc Đế muốn làm, có sai sứ đến xin mà cha không cho; ấy là vật báu trong trời đất". Lưu trưởng Sanh thưa rằng: "Như vậy thì báu vô cùng, để con đi xem thử". Lưu thiên Quân cưng con, liền dắt ra vườn, xem tiếp thiên thọ. Thấy hào quang chiếu thấu mây xanh. Lưu trưởng Sanh mừng rỡ, ngày nào cũng đem hương đèn ra gốc cây mà cúng lạy. Nguyên có bảy vị Phật ở tại cây ấy, là: Đa Bửu Như Lai, Cửu Thăng Như Lai, Diệu Sắc Như Lai, Quang Thanh Như Lai, Ly Bồ Quả Như Lai, Cam Lộ Vương Như Lai, Vô Lượng Thọ Như Lai; gọi là Thất Bửu Như Lai; hằng ở trên cây ấy. Bởi có ấy nên có hào quang bảy sắc. Bảy vị như lai ấy thấy Ngọc Đế ân cần cúng tế, càng không dám hưởng nên thưng nghĩ với nhau, đến Tam Thanh Điện (6) mà hỏi.



Bữa sau Lưu trưởng Sanh vào vườn cúng nữa, thấy lá cây tiếp thiên đã héo, không còn chút hào quang, Lưu trưởng Sanh kinh hãi, ngó một hồi lâu rồi nói rằng: "Hôm qua có hào quang, sao nay chẳng thấy, chắc cũng có cơ chi, để mai coi lại thử". Nói rồi trở vào nhà.

Nói về Thất bửu như lai không biết ý Ngọc Đế làm sao, sớm tối ân cần cúng lạy! Nên rủ nhau đến Tam Thanh Điện hỏi thăm ba ông Tam Thanh. Thái Thượng, Nguyên Thi, Linh Bửu đồng cười rằng: "Nếu chúng ta không cất n g hiã, thối bảy vị không rành. Bởi ngày kia Ngọc Đế

dại yển, ngó thấy bảy sắc hào quang của các người, không rõ vật chi nên phân hỏi. Các thiên thần tâu rằng: Tại tiếp thiên thọ hiện hào quang trong vườn Lưu thiên Quân. Ngọc Đế sai sứ xin cây ấy không được, Ngọc Đế phân hỏi: Ai đáng hưởng Quỳnh hoa? Các thiên thần tâu rằng: Trừ ra con cháu Lưu thiên Quân mới hưởng được. Ngọc Đế mới xuất một hôn đầu thai làm Lưu trưởng Sanh. Nay còn động lòng xư mà cúng kiến các người đó? Chẳng hay mấy vị ở đó bao lâu?". Thất bửu như lai nói: "Chúng tôi ở cây tiếp thiên của Lưu phủ đã ba trăm năm dư". Ngọc Thanh Thái Thượng than rằng: "Ngọc Đế cũng vì mến bảy người mà giảng sanh nếu ngày sau không tu niệm mà trở lại thiên đình, thì các người cũng có tội!". Thái Thượng Nguyên Thi nói: "Bảy vị phải chọn một người hơn hết, hóa làm đạo sĩ mà khuyên Lưu trưởng Sanh tu hành mà chuộc tội ấy mới được. Thái Thanh Linh Bửu nói: "Bây giờ muốn khuyên cho được Lưu trưởng Sanh tu luyện, phải làm kế như vậy: Một vị như lai hóa ra đạo sĩ đứng dưới gốc cây tiếp thiên đợi Lưu trưởng Sanh đến cúng thấy cây khô chẳng chiếu hào quang chắc là nổi giận, sao cũng nói đạo sĩ ăn cắp bửu bối, hại chết cây tiếp thiên, đời rầy rạc hạnh hung, sẽ hóa phép thần thông cho Lưu trưởng Sanh phục; chúng tôi sẽ khuyên bảo tu hành mới được". Thất Bửu Như Lai nghe nói liền tư giả lui ra.

Nói về Lưu trưởng Sanh, ngày thứ nhứt ra vườn thấy cây ấy héo, không có hào quang, thì trong lòng rầu rĩ. Ngày thứ nhì ra vườn thấy khô gần chết, tức mình biết dương nào! Xảy thấy một người đạo sĩ đứng sau cây tiếp thiên. Lưu trưởng Sanh nổi giận, bước lại kéo đạo sĩ mà nói rằng: "Ta không biết cây này vì cớ nào mà chết, bửu bối không chiếu hào quang, té ra nay mới hay người đã trộm bửu bối!". Đạo sĩ không nói một tiếng, cứ cười chum chiêm. Lưu trưởng Sanh nổi giận, kéo đạo sĩ khỏi vườn, đem tới nhà khách tra vấn. Đạo sĩ cũng cười chum chiêm mà thôi! Lưu trưởng Sanh tức mình lấy gậy đập đại, đạo sĩ không kêu la tự nhiên gãy gãy, lấy gươm chém cũng gãy gươm! Đạo sĩ hóa một đạo hào quang bay lên nửa lũng! Lưu trưởng Sanh kinh hãi, liền quì lay thình khố mà nói rằng: "Tôi không biết tiên ông, nên mới làm mà xúc phạm, xin xá tội cho tôi". Đạo sĩ nói: "Ta là bảy bầu trong cây ấy, bấy lâu ở trong vườn người nên có hào quang đó". Lưu trưởng Sanh hỏi: "Vì cớ nào dựa cây ấy mà có hào quang?". Đạo sĩ nói: "Bảy anh em ta, thấy trên thiên cung không có bửu bối, nên dựa cây mà khoe khoan; nay anh em ta không dựa cây này nữa". Lưu trưởng Sanh hỏi: "Nay có nào mà bỏ cây này, muốn đi đâu nữa?". Đạo sĩ nói: Khi trước thiên cung không có bửu bối, nên anh em ta hiện hào quang sáng chói. Bây giờ thiên cung nhiều bửu bối, thì thần thông hào quang của chúng ta chẳng ra chi, nên chúng ta tính

đi cho rành". Lưu trưởng Sanh nói: "Như trên thiên cung nhiều báu, xin đất tôi theo". Đạo sĩ nói: "Muốn lên thiên cung, thì phải bỏ sự ăn ai, nếu còn tánh tham thối khó đi lắm." Lưu trưởng Sanh nói: "Nếu các ông không bỏ tôi, thì tôi tạ tư gia cha mẹ rồi đi theo Đạo sĩ nói đặng.

Khi ấy Lưu trưởng Sanh vào tư biệt cha mẹ, xin theo thân tiên mà lên thiên cung. Lưu Thiên Quân và Hồng Liên không chịu cho đi, xảy thấy trời nổi mây đen kéo tới, nổi một trận gió, đem Lưu trưởng Sanh bay mất. Mây đen tan rồi, hai vợ chồng Lưu thiên Quân kiểm con không đặng, than khóc với nhau một hồi.

Nói về Thất Bửu Nhũ Lai bồng Lưu trưởng Sanh khỏi cung, rồi đem lên điện Tam Thanh, râm mát và thuật chuyện cho ba ông Tam Thanh hay. Tam Thanh bước ra ngoài, thấy Lưu Trưởng Sanh làm lễ, Tam Thanh mời dậy, rồi cho ngồi mà hỏi rằng: "Người có biết chúng tôi là ai chăng?" Lưu trưởng Sanh thưa rằng: "Tôi thủa nay chưa biết ba vị tiên trưởng (7)". Tam Thanh cười rằng: "Người biết mình kiếp trước là ai chăng?". Lưu Trưởng Sanh thưa rằng: "Tôi thiết không biết, xin các vị tiên trưởng dạy cho rành? May tôi đặng thành tiên, thì trọn đời cảm đức". Tam Thanh nói: "Người hãy rành nhà sau, coi mắt vào kiến lớn, thì biết kiếp trước là ai".

Khi ấy Lưu trưởng Sanh y lời, ra nhà sau coi kiến, thấy là hình Ngọc Đế trong kiến rõ ràng, trong lòng kinh hãi. Liên ra nói với Tam Thanh rằng: "Tôi soi kiến, thấy hình Ngọc Đế; hay là kiếp trước tôi làm Ngọc Đế chăng? Tam Thanh nói phải. Lưu Trưởng Sanh nói: Nếu kiếp trước tôi là Ngọc Đế, sao lại đầu thai cõi ngoài?" Tam Thanh nói: "Người là một cái hồn trong mình Ngọc Đế, bởi kiếp trước thấy cây tiếp thiên của Lưu Thiên Quân chiếu hào quang, liền động lòng tham, mới đầu thai xuống mà hưởng cây ấy". Lưu trưởng Sanh hỏi: "Làm sao đặng trở về thân trước?" Tam Thanh nói: "Cũng không khó chi, muốn trở về thân trước thì phải tu hành chơn chánh mới đặng như xưa". Lưu Trưởng Sanh nói: "Tôi cũng được ở tiên với cha mẹ, chẳng hay đến đâu mà tu hành?". Tam Thanh nói: "Ở cõi tiên không có chi khổ, sao gọi là tu? Muốn tu thì phải đến cõi trần mà tu, đến thành thì trở về đền cũ. Lưu trưởng Sanh nói: "Tôi là con thân tiên, xuống phàm trần sao đặng". Tam Thanh nói: "Người bằng lòng chịu khổ tu hành, thì có chỗ Bồng Lai, là hồn núi có danh thứ nhất, để chúng tôi làm phép, đưa người xuống đồ mầu. Lưu Trưởng Sanh nói: "Biết có ai nuôi dưỡng hay không?" Tam Thanh nói: "Đôi ấn trái tông xanh, khát thì uống nước suối". Lưu Trưởng

Sanh nói: "Miễn tu hành hướn lại thân trước, thì tôi tình nguyện nghe lời". Tam Thanh lấy cái bông như ý trong tay áo ra, bảo Lưu Trưởng Sanh nhắm mắt lại, rồi lấy bông như ý đưa Lưu Trưởng Sanh một cái, té xuống Bồng Lai.

- (1) Giáng sanh, hóa thân đều là đầu thai.
- (2) Tiếp thiên thọ, cây cao thấu trời.
- (3) Qui trạch nhà qui.
- (4) Bửu thọ, cây báu.
- (5) Thiên tử không nói chời.
- (6) Đền Tam Thanh, chỗ Thái Thượng, Ngưỡng Thi và Linh Bửu ở.
- (7) Tiên trưởng là tiên lớn hơn hết.

(Còn tiếp)



Nụ cười

Trời hôm đó một đêm dày mông ảo
 Những sông xưa vẫn trôi chảy an nhiên
 Ánh trăng nguyên xuất hiện giữa đêm huyền
 Soi sáng cả không trung màu đen tối.
 Trời hôm đó, ngập hương hoa đồng nội
 Viêng vờ cùng lan tỏa khắp nơi nơi
 Hương tràn dâng giữa bùn bần cuộc đời
 Thanh thoát tỏa mùi khói không để vết.
 Trời hôm đó một bình minh ánh tuyết
 Với vợi cao ôm phủ lấy chân trời
 Quét đêm dài, bùng mảnh liệt trong tôi
 Ôi! sức sống tràn dâng hồn một mối...
 Xác thân đây, ngày mai về từ đại
 Rã rời tan tũng chắt tra đất trời
 Nhưng "cái gì" Tỉnh Thức mãi nơi nơi
 Siêu vũ trụ, không thời gian, vô tận.
 Đây, nguồn thương nguyện đem lau suốt hận
 Tâm an bình xin mang đôi chiến chinh
 Đây, tiếng cười trong sáng chôn vô minh
 Đây, sức mạnh tâm linh hồn bất diệt...
 Trời hôm đó nhiều cơn mưa bão tuyết
 Khách lữ hành ngàn dặm tự xa xôi
 Ghé ngang qua trạm nghỉ - cửa mở rồi
 Nếu có muộn, đây, đứng chân nghỉ một
 Rồi hôm ấy chủ nhân người ăn duyệt
 Trên núi đồi heo lánh cỏ cây xanh
 Có chuông ngân ai đó tiếng thâm trầm
 Nơi thiên thất bước chân chào đón khách..
 Để lại cho ai chi nụ cười!
 Trăm hùng như giải đạo tuôn rơi
 Trận ai xây mộng trong cơn mộng
 Tỉnh mộng cười vang tiếng muôn đời!...

Cô Nà Cô Thích Nữ Trữ Tánh

VƯƠNG QUỐC BHUTAN



Trên những sườn núi cao và thật dốc của Hy Mã Lạp Sơn, những người đàn bà quê cư ngụ trong làng Serbethang sắp hàng dài đứng đợi lãnh tiền trở cấp hàng tháng. Một viên chức của triều đình ngồi trên ghế cao gọi từng người một và lần lượt những người đàn bà lên lãnh tiền.

Sự hiện hữu của tiền tệ là một tiên bộ lớn lao trong đời sống tại vương quốc Bhutan vì cho tới cách đây 30 năm, người dân Bhutan không hề có ý niệm gì về tiền tệ cả. Sự xuất hiện của đồng "ngultrum" tại quốc gia này, một quốc gia mà người Bhutan tin tưởng là được sự che chở, bảo vệ của một vị Rồng Hòa Bình, là một điều thích thú và ngạc nhiên cho người Bhutan. Bắt đầu từ năm 1954 người Bhutan mới biết rằng họ có thể dùng giấy bạc, mà họ nghĩ là những lá bùa, để mua bán được.

Vào đầu năm 1984 vừa qua, tại một ngôi làng ở Bhutan, dân chúng đã hoảng hốt, sợ hãi và bảo nhau ừ té chạy khi một quái vật xuất hiện lần đầu tiên tại làng này. Quái vật đó là chiếc xe Jeep! Năm 1963, khi chiếc xe hơi đầu tiên xuất hiện tại Thủ đô Thimphu, dân

chúng tại đây đã mang cỏ đến để cho xe hơi ăn! Trong khi thế giới bên ngoài đã phóng được các phi hành gia lên không gian từ những năm cuối thập niên 50 thì người dân Bhutan phải đợi đến ít năm sau nữa mới trông thấy chiếc xe hơi đầu tiên trong đời họ.

Đối với người Bhutan không có đệ nhất và đệ nhị thế chiến, các cuộc chiến tranh tại Việt Nam, tại Trung Đông cũng không hề xảy ra. Lý do rất đơn giản và dễ hiểu: ở đây không có báo chí, không có truyền hình. Trong cả nước chỉ có một đài truyền tin hoạt động 9 tiếng đồng hồ trong một tuần.

Bhutan, do đó, là một vương quốc thật thanh bình, tọa lạc trên một phần của dãy Hy Mã Lạp Sơn. Bhutan, do đó, cũng là một quốc gia hầu như biệt lập hẳn với thế giới bên ngoài. Ngay gì thế giới bên ngoài biết về Bhutan thật khiêm nhường. Tự điển bách khoa Britannica, xuất bản năm 1910 viết về Bhutan như sau: "Các dữ kiện về vương quốc này đang được thu thập một cách chậm chạp". Thậm chí đến ngày nay, nếu có ai tra cứu lại bộ tự điển bách khoa này thì họ vẫn thấy rằng các điều nói về Bhutan cũng vẫn còn rất ít ỏi.

Dân số Bhutan khoảng một triệu người bản xứ thuộc sắc dân Druk cộng thêm một số di dân từ Nepal và Tây Tạng đến. Thủ đô của Bhutan là Thimphu với dân số 40.000 người. Chính sách kinh tế đôi chác vẫn còn được áp dụng tại một số địa phương, thậm chí như đạo lý Phật Giáo và từng phục triết để triều đình. Quốc vương Jigme Wangchuck lãnh đạo là những điểm đáng chú ý tại Bhutan. Lợi tức trung bình của người dân Bhutan là 118 đô la Mỹ trong một năm. Số lợi tức trung bình này thấp nhất thế giới, ít hơn cả tại các nước Chad và Bangladesh. Dĩ nhiên tại Bhutan cũng có người giàu người nghèo: vị Hoàng thân em rể của Quốc vương Wangchuck hàng ngày vẫn lái xe Mercedes kiểu thể thao dạo chơi trong thành phố, trong khi đó thỉnh thoảng nghe nói đó đây vẫn có người bị đói.

Một nhân viên của Ủy Ban Kế Hoạch Quốc Gia xác nhận điều này và cho biết khi được báo tin nhà cầm quyền lập tức cho chuyển thực phẩm lên vùng bị nạn và nạn đói chấm dứt ngay. Tình trạng thiếu ăn thật sự không phải là một vấn đề. Tại Bhutan chưa có ai chết vì đói. So sánh với thành phố Calcutta của Ấn Độ chỉ cách Bhutan 500 cây số về phía nam tình trạng ở Bhutan khá quan hơn nhiều: không có người chết đói, không có người ăn xin và không ai phải ngủ đường ngủ chợ cả (thật ra ở Bhutan không ai có thể ngủ đường được vì trời quá lạnh!). Ngoài trừ việc phải đối phó với cuộc xâm

lặng lần cuối cùng của Tây Tạng vào thế kỷ thứ 17, Bhutan hoàn toàn là một vương quốc yên bình trong suốt ba thế kỷ vừa qua. Ở đây những người dân Bhutan hiền hòa luôn luôn quý trọng và bảo vệ chế độ quân chủ và như tu viện Phật Giáo của họ.

Ông Dasho Lam Penjor, Giám Đốc Ủy Ban Kế Hoạch Quốc Gia của Bhutan, hành diễn tuyên bố "Không ai thích nói nước mình nghèo nhất, kém phát triển nhất. Nhưng chúng tôi khá xấu hổ, không mặc cảm. Tại Bhutan không có tình trạng nghèo đói khẩn cấp như tại một số các quốc gia trong thế giới thứ ba. Về kỹ thuật tân tiến, quả thật chúng tôi thiếu thốn rất nhiều; nhưng trên phương diện tinh thần và tâm linh chúng tôi không nghèo, trái lại chúng tôi, có thể nói chúng tôi giàu có hơn nhiều nước khác. Triết lý Phật Giáo mà chúng tôi thấm nhuần giúp chúng tôi thanh thản, cõi mở và vui vẻ trong đời sống. Tư tưởng Phật Giáo chính là văn hóa của chúng tôi. Ngay một số người Bhutan chúng tôi mà đã có cơ hội giao tiếp với nền văn minh tân tiến, với nền kỹ thuật cao của thế giới bên ngoài cũng khá hề bị lôi cuốn, quyến rũ bởi các nét hiện đại của văn minh và kỹ thuật đó. Chính sự tiếp xúc với thế giới bên ngoài đã khởi dậy trong tâm thức những người này ý muốn tìm lại về với nền văn hóa truyền thống của Bhutan. Khoa học hiện đại đã khiến họ trở thành những người có đức tin mạnh mẽ hơn nữa vào Giáo Lý Phật Đà. Rất nhiều người trẻ tuổi đã từng đi du học ở nước ngoài về lại là những người muốn củng cố và phát triển các tu viện Phật Giáo để họ có thể tiếp tục nghiên cứu sâu thêm về giáo lý của Đức Phật. Chúng tôi duy trì và đi theo con đường ở giữa (Trung Đạo) như Đức Phật đã dạy và đây cũng là ý muốn của Quốc Vương chúng tôi. Chúng tôi có những cơ sở thường mại tự do, nhưng chúng tôi không phải là tư bản; chúng tôi có thể có những truyền thống có tính cách xã hội, nhưng chúng tôi không theo xã hội chủ nghĩa. Chúng tôi bao giờ cũng là chúng tôi, thân dân của Vương Quốc Bhutan. Trong khi các quốc gia tiên tiến trên thế giới hưởng thụ sự phồn thịnh vật chất do nền kỹ thuật tiên tiến của họ đem lại, họ cũng đã và đang phải trả những giá rất đắt cho những hậu quả tai hại cũng do nền kỹ thuật cao độ của họ gây ra. Nói một cách khác, trong khi những quốc gia tiên tiến trên thế giới hưởng thụ đầy đủ các tiện nghi vật chất thì họ cũng đang bị khủng hoảng bằng hoại về tinh thần, một khía cạnh không kém phần quan trọng trong đời sống con người. Lẽ dĩ nhiên hiện nay chúng tôi cũng đang cố gắng du nhập một phần nào nền kỹ thuật hiện đại vào Bhutan. Chúng tôi biết rằng chúng tôi không thể tiếp tục hiện hữu một cách biệt lập như từ trước đến giờ. Chúng tôi tiếp tục

gửi thanh thiếu niên ra nước ngoài du học; nhưng chúng tôi không có ý mở cửa toàn diện để thu thập ở tất cả những gì từ ngoài đưa vào. Thời gian đã thay đổi, Bhutan cũng đã thay đổi. Cho đến giờ này chúng tôi chưa phải đương đầu với những tệ nạn xã hội lớn, tại Bhutan hiện chưa có những băng thanh niên bụi đời, chưa có nạn cần sa, ma túy v.v... Tuy vậy điều này không có nghĩa là chúng tôi sẽ hoàn toàn tránh được các tệ hại này. Nếu các tệ hại này đã xảy ra tại một số quốc gia trên thế giới, một ngày nào đó chúng cũng có thể xảy ra tại quốc gia của chúng tôi. Bhutan khá hẳn là một ngoại lệ".

Bhutan đang thực sự chuyển mình để thực hiện một sự liên hợp, đó là sự liên hợp giữa đời sống của một nền văn hóa tu viện cổ truyền, một nền văn hóa của thế kỷ thứ 17, với đời sống của làn sóng văn minh của thập niên 80.

Cách đây 30 năm, Thủ đô Thimphu không có đường nhựa, đèn điện và điện thoại. Ngày nay tại Thimphu có xe hơi Toyota, có Taxi, có băng hình Video màu nhưng vẫn chưa có chương trình TV, có đường bay trực tiếp xuống Calcutta ở Ấn Độ, có bày bán những băng nhạc ngoại quốc của danh ca Donna Summer v.v... Người ta cũng thấy xuất hiện một số phụ nữ trang phục y phục cổ truyền của Bhutan nhưng lại xách ví da đắt tiền kiểu Tây Phương hiệu Gucci, một số thanh niên trang phục theo kiểu cổ truyền nhưng bên trong lại mặc áo thun màu nhập cảng từ ngoại quốc.

Với chính sách giáo dục mới, các trường tiểu học dạy bằng tiếng Anh đã thấy xuất hiện tại các làng mạc xa xôi. Với sự thành lập của các trường mới này, nhà cầm quyền Bhutan hy vọng sẽ nâng tỷ lệ số người biết đọc biết viết lên trên con số 10% hiện nay. Bhutan cũng đã có một trường cao đẳng do các giáo sĩ dòng Jesuit người Canada giúp thành lập và giảng dạy những không được truyền đạo. Học sinh và sinh viên trường cao đẳng cũng đã sử dụng các loại đồng hồ đeo tay điện tử và các máy tính điện tử kiểu bỏ túi.

Sơ với thời điểm 1963 khi người Ấn bắt đầu làm con đường nhựa đầu tiên ở Bhutan, đây là những tiến bộ lớn. Tuy vậy cho đến nay Bhutan vẫn chưa có hệ thống viễn thông, chưa có đường điện thoại quốc tế để liên lạc với thế giới bên ngoài và vẫn chưa có đường hỏa xa. Bhutan vẫn chưa có tờ báo nào được phát hành ở trong nước. Dân chúng cư ngụ tại thủ đô Thimphu muốn biết tin tức thế giới đều phải đặt mua báo phát hành tại thành phố Phuntsholing nằm về phía nam biên giới Bhutan và Ấn Độ. Anh Kinley Dorji, chủ biên tờ bản tin của chính phủ, cho biết Bhutan hy vọng một ngày nào đó có

thể xuất bản một tờ báo bằng 3 thứ tiếng Anh Nepal và Dzongkha. Việc cho ra đời tờ báo gặp rất nhiều khó khăn, trong số đó có hai khó khăn lớn nhất là sự thiếu thốn những nhân viên báo chí chuyên nghiệp và sự khan hiếm về tin tức. Anh Dorji cho biết ở Bhutan hầu như hoàn toàn không có người phạm pháp, không có tin, tức về các tai nạn xe cộ, không có những tin tức hay để tài nóng hổi để báo chí có thể khai thác! Anh Dorji là người Bhutan đầu tiên trong lịch sử của nước anh đã đậu văn bằng cử nhân về báo chí. Anh đã được chính phủ Úc cấp học bổng cho sang du học tại Sydney nơi anh chọn theo học về ngành báo chí.



Nhờ lại thời gian anh cư ngụ tại Sydney Dorji cho biết anh luôn luôn là người được chú ý nhiều nhất. Lý do là vì anh là người Bhutan và không ai biết Bhutan ở đâu, Bhutan như thế nào... Do đó Dorji thường được mời đi nói chuyện tại các nơi để trình bày cho người Úc biết về xứ sở và dân tộc của anh. Thường thường các buổi nói chuyện như vậy thu hút được khá đông người nghe và với lối trình bày mạch lạc dí dỏm Dorji đã thành công trong việc làm công việc này.

Mặc dù thời gian sống tại Úc là những năm tháng đầy đủ tiện nghi vật chất tân tiến, là những chuỗi ngày đầy kỷ niệm đẹp với chính quyền và dân chúng Úc, Dorji cho biết anh luôn luôn muốn trở về Bhutan, quê hương thân yêu của anh. Trong khi sống ở Sydney, nơi đời sống thật náo nhiệt, quay cuồng với mọi người như phải chạy đua theo nhịp sống, với xe cộ lử lử thông không ngừng trong đường phố, Dorji đã thật sự nhớ Bhutan - một Bhutan với nhịp sống êm đềm với những người dân Bhutan chân thành cởi mở. Dorji nói: "Không hề bao giờ có những người Bhutan chúng tôi đi học nước ngoài rồi không trở về Bhutan. Đối với chúng tôi không nơi nào khác ngoài Bhutan có thể là quê hương được".

Chính quốc vương Jigme Singye Wangchuck ngày trước cũng đã đi du học nước ngoài. Bốn năm sống và học ở ngoại quốc không gây được một ấn tượng mạnh mẽ nào trong tâm khảm của vị quốc vương trẻ này. Một số sinh viên nay đã lớn tuổi mới đi học ở nước ngoài, sau khi thành tài họ đều trở về để phục vụ quê hương. Họ có thể mặc y phục tây phương, nghe nhạc tây phương

v.v..những liên hệ ràng buộc họ với gia đình, với xóm làng, với quê hương Bhutan lúc nào cũng rất bền chặt.

Sự gắn bó chặt chẽ với quê hương, gia đình và xóm làng của người Bhutan có được là nhờ vào sự gắn bó, thiêng liêng và mạnh mẽ của người Bhutan với đạo giáo của họ: Phật Giáo.

Cô Dago, một trong những người thiếu nữ trang phục theo kiểu cổ truyền mà lại xách ví tay dắt tiền kiểu tây phương như đã kể ở trên, cho biết: "Nếp sống mới đang du nhập vào Bhutan. Một số người trẻ tuổi có thể không quan trọng đối với chúng tôi. Một số nhò thanh thiếu niên ngày nay có thể không tin đạo làm, nhưng họ vẫn theo đạo và giữ đạo, nhất là trong trường hợp họ còn ở với gia đình, với cha mẹ và những người lớn trong nhà vốn là những người rất ngoan đạo".

Anh Dorji đồng ý và cho biết là anh tin tưởng rằng Bhutan có thể tiếp tục bảo tồn được những gì họ đã và đang có, đồng thời có thể thu ngắn sự cách biệt giữa vương quốc Bhutan với thế giới bên ngoài.

Hàng hôn trải dài trên núi đồi chập chùng của vương quốc Bhutan. Tiếng chuông chùa vọng trong thôn xóm. Đó là hồi chuông báo gọi mọi người lên chùa tụng kinh tối. Lũ lượt già trẻ lớn bé mọi người đổ dồn về Dzong Si mtokha, một ngôi thành cổ xây cất từ năm 1627 để chống lại các đợt tấn công của các đạo quân xâm lăng mà nay đã trở thành một Tu Viện Phật Giáo. Trên chánh điện, dưới ánh nến lung linh, một vị Tăng già đã bắt đầu, chủ lễ buổi tụng kinh tối, trong khi đó ở bên ngoài tiếng chuông chùa vẫn còn ngân dài vào trong vùng không gian tím mờ bất ngát.....

Trong lúc Bhutan bắt đầu chuyển mình đón nhận làn sóng mới của thế kỷ 20, sự trị đầu đầy vẫn là không khí của những ngày xuân thán ái.

(Phỏng dịch The Twentieth Century Encroach- es on Bhutan của Allen Abel)





Khuyến tu

A Di Đà Phật chứng minh
 Lão Tăng từ Quang, tuyên phụng hòa
 Thân thông hải giảng bài ca
 Tu thân hai chữ giải ra khuyến người
 Kiếp phù sinh có mấy hơi
 Ai tu, tu chóng kéo hòaai thân sau
 Đức Thánh Tổ cũng trời sinh
 Tu cô ngũ giới mà thành Phật Tiên
 Người là Tổ Phật nam thiên
 Lý Trần vua cũng tu Thiên hưởng dân
 Đã là Tiên Thánh cõi trần
 Còn tu phép Phật, hưởng dân là thường
 Bần tu phú, phú tu vương
 Vương tu Đạo Phật, thế gian tu nhiều
 Tu qua bề' khô' sông mê
 Ai cũng tu Phật Đạo nào còn hơn
 Đã tu nghĩ kỹ nguồn cơn
 Tu sao cho được tuần hoàn cõi ta
 Tu chùa tu chợ tu nhà
 Hiếu trung hai chữ tâm ta chỗ rỗi
 Ngũ thường, ngũ giới vẹn mồi
 Tu nhân chớ giết vật loài thì hơn
 Tu nghĩa tà sắc ngoại phu
 Chớ hề tu lễ quang mù làm chi
 Tu trí chớ nói quang mê
 Tu tín chớ điếu bạn bề bất lương
 Tu qua ngũ giới ngũ thường
 Tu phá ngục đất bất thang cung trời
 Khuyến ai tu nhận lấy lời
 Tu trong chùa độc, tu ngoài chùa tham
 Biết tu rửa sạch thói phạm
 Lòng tây niệm Phật, niệm Nam Mô câu
 Tu công đức để làm giàu
 Hơn tu phú quý công hầu phù vân
 Tu thì ai cảm ai ngàn
 Tu xa niệm Phật, tu gần ăn chay
 Giường tuế nhật soi ngày ngày
 Long Hoa Di Lạc hội này cận thân
 Nhà ai cũng, có tảo thân
 Có người mới có bữa ăn bữa dành
 Bơ' điều dữ, tu điều lành
 Làm bếp cạo sạch giữ mình hần hơi
 Chớ' gần chuông lộn, lò hôi
 Kính thân, thân hộ sau rồi điệt hay
 Chữ rằng thiện giả, thiện lại

Ác giả, ác báo chẳng sai chẳng lầm
 Tu được như Đức Quan Âm
 Ngài tu thành Phật cô' kim sư' truyền
 Hiếu tử như Đức Mục Liên
 Cứu cha mẹ được sinh Thiên rành rành
 La Bộc bạch Phật tu hành
 Giác Hoa Phật dạy đình ninh tu chùa
 Dầu xây chín đợt phù đồ
 Không bằng công đức khuyến tu điều lành
 Soi gương tuế nhật rành rành
 Tảo thân chủ bút thiên đình phê son
 Minh tu được đến châu con
 Muôn năm hưởng tiếng vẫn còn sáng choang
 Đức Đại vương dạy rõ ràng
 Khuyến nhau niệm Phật vào hàng liên hoa
 Bực cao Tăng có mấy lời
 Bài này xin đề' đổi đổi khuyến tu.

- Bài thơ này của cô' Hòa Thượng chùa
 CỘ' LÊ, Nam Định, Việt Nam - Phật Tử
 Cao Thị Sâm (Spaichingen) sao lục.

Mẹ Quê

Sau nhà, vạt đất trồng rau
 Mẹ chăm bón xối, ngăn rào bốn bên
 Bạc hà, cải ngọt, rau giềng
 Thơm cay húng quế, mát hiền mồng tơi
 Năng mửa nhuận thơm ơn trời
 Khoai, dưa, cà, ớt rộ tuổi luống vòng.
 Mẹ hiền son sắt một lòng
 Nuôi dân con đại gạo đồng, rau quế
 Cha đi cải tạo không về
 Yêu chồng, mẹ vững cầu thế thủy chung.
 Ẩm sao bếp lửa chiều đông
 Ngọt canh khoai mỡ, thơm nồng cá kho
 Con thờ ngũ kỹ, ăn no
 Biết đâu mẹ phải lồi mò rạch, sông...
 Kiểm từng con cá lòng tong
 Xúc từng con tép, con còng, quản chi?
 Tám năm mẹ vẫn kiên trì
 Cha còn sống sót, hồi qui quê nhà...
 Tóc dần mây gội sương pha
 Tám năm cơ cực, màu da vỡ vàng
 Tám năm tàn héo dung nhan
 Da căng son thắm, lông càng sáng gương.
 Chiều nay, mẹ thiếp trên giường
 Đĩa đèn dầu cạn, ngoài vườn gió reo
 Bồng giường đôi mắt đêm chiều:
 "Cha bây theo gió huu huu về rồi
 "Tám năm chồng vợ đôi nôi
 "Coi âm nay sẽ đến bồi tình thâm".

Mẹ xuôi tay, lạnh chỗ nằm
 Ngọn đèn lịm tắt, âm thầm đêm rỗi.

- HỒ TRƯỜNG AN

Allgemeine Buddhalehre



Text von Hohehrwürdiger Thích Thiện Hoa
Deutsche Übersetzung von Rev. Thích Như Điển

KAPITEL V

DIE FÜNF SITTENREGELN (PAÑCASTLA)

A. Zur Einführung

Auf die "Zufluchts"-formel folgt dann das feierliche Ablegen der für alle Laienanhänger der Buddhalehre verbindlichen fünf Gelübde oder Sittenregeln (pañcasīla). Sittenregeln (prātimoksa) bezeichnet die grundlegende moralische Gesetze eines von Buddha gewiesener Befreiungsweg Beschreitender.

B. Themen

- I. Bedeutungen von den Fünf Sittenregeln.
- II. Bestandteile der Fünf Sittenregeln.
 - 1) Abstehen vom Töten (Pānatipāta)
 - 2) Abstehen vom Nehmen des Nichtgegebenen (adinnādāna)
 - 3) Abstehen von unrechtem Wandel hinsichtlich der Sinnesluste (kāmisumicchācāra)
 - 4) Abstehen vom Lügen. (Musāvāda)
 - 5) Abstehen vom Rauschmitteln. (Sura-meraya-majja pamādashāra)

C. Schlußfolgerung

Buddha-Schüler, die die Sittenregeln nicht erfüllen, seien nicht mehr Buddhisten.

Nicht-Buddhisten mögen diese Sittenregeln auch ins Herz nehmen.

II. BESTANDTEILE DER FÜNF SITTENREGELN

1. Abstehen vom Töten (Pānatipāta)

Die erste verbotene Disziplin, welche Sakya-Muni Buddha uns zugesprochen hat, ist das Abstehen vom Töten (Pānatipāta). Diese Regel umfasst nicht nur das Abstehen vom Töten des Menschenslebens, sondern auch des Lebens aller Tiere.

Das Dasein (Leben) aller Wesen ist ja wertvoll, vorallem des Menschenslebens; das Töten anderer Lebewesen zum Bereichern des Eigenen sei unheilsame Dinge, welche dem Buddhaweg nicht entspräche.

Das Töten wird in der Buddhalehre untersagt, mit folgenden Argumenten :

a) Respektieren der Gerechtigkeit

Jeder von uns sieht das Eigene Leben als Wertvolles, als grundlegende Kostbarkeit an. Wenn jemand uns umzubringen versucht, würden wir um unser Leben verbissen kämpfen, um das Eigene zu schützen. So verehren wir unser Leben, weshalb verletzen wir das Leben des Anderen? Allgemeine Schlüsse auszuziehen, so würden die Tieren ja auch ihr Leben hochschätzen.

Wir empfinden auch die wilden Widerstandkräfte aller Tiere die sie vor dem Abstechen hervorbringen! Nach dem Gesetz der Gerechtigkeit handelt es sich um Dinge, welche wir nicht gern mögen, daß Andere uns herrichten, würden wir das gleiche den Anderen nicht tun.

Buddha-Hinweise lautet :

" Wer sich auch immer fürchtet vor dem Krieg und dem Tod. Demgemäß von dem eigenen Gedanken herraus, um den des Anderen zu verstehen, sollen wir niemals töten, und niemals den Enderen zum Töten ermuntern".

b) Achten der Buddhaschafts-Gleichheit

Alle Lebewesen, obwohl sie unter verschiedenen Art, Form, ... , gestaltet werden, besitzen auch die gleiche Buddhaschaftseinheit. Die Buddhaschaft bei den Menschen ist wertvoller als die bei den Tieren. Das Töten eines Leben sei die Vernichtung der Buddhaschaft.

c) Aufrechterhaltendes Pflegen der Güte-Liebe (Barmherzigkeit)

Mit der Barmherzigkeit (adosa) betrachtet Buddha alle Lebewesen als seine Kinder, deshalb untersagt er seinen Jüngern das Töten des Lebens in keinem Fall.

Da der Töten-Willen den Geist der Güte-Liebe zerdrückt, können wir den Buddhaweg nicht beschreiten und das Erleuchtungsglied nicht erreichen.

Konfuzius sagte :

" Hörend eines Tier-Gröllens würden wir sein Fleisch nicht verspeisen; Mögen ihn lebend, als sterbend schend".

Jener, der die Güte-Liebe besitzt, würde kein Lebewesen töten.

d) Vermeiden von der aus dem Haß vergeltenden Kausalität

Wenn wir einen Menschen oder ein Tier umbringen, sind wir mit Haß erfüllt, welcher nicht erlöschen kann. In hoffnungsloser Lage, der Kraftlosigkeit wegen, werden sie töten. Währenddessen ertragen sie diesen Haß, und warten auf die günstige Gelegenheit sich zu rächen; oder ihre Kinder, Verwandte werden diese Rache ihretwegen vollziehen. Je mehr Verrichtung von unheilsamen Taten, hiermit das Töten gemeint, desto größer ist der Kreis des Leidens.

Buddha lehrte :

" Die Hervorbringung des Töten-Willens nimmt das karmisch Leiden zu, man befindet sich ständig in dem Kreislauf des Lebens und Todes, und kann nicht herraustreten" (Lankavatara-Sutra).

2. Das Nutzen vom Abstehen vom Töten

Aus 4 obengenannten Gründen hat Buddha seine Jüngern das Töten aller Lebewesen untersagt. Das Abstehen vom Töten bringt folgende Nutzen :

a) Aus individueller Hinsicht

Jener, der das Leben anderer Lebewesen nicht vernichtet, wird dies nicht bereuen; sich wohlfühlen; bekommt einen ruhigen Schlaf, ist unbesorgt und hat ein freundliches, liebenswürdiges Antlitz.

b) Aus der gemeinschaftlichen Hinsicht

Wenn alle Menschen auf dieser Erde die erste Sittenregeln, welche Buddha uns erstellt hat, befolgen, würde kein Krieg irgendwo ausbrechen. Alle karmische Taten, welche zu dem Kreislauf vom Leben und Tod und zur Wiedergeburt führen, würden befreit.

Deshalb hat ein Patriarch uns folgende Verse unterwiesen :

Alle Lebewesen ohne karmisches Töten,
Zehn Himmelsrichtungen ohne Krieg geschehen.
Beschreitend alle den heilsamen Weg
Frieden kommt ohne Erwartung.

3. Einschränkung

Obwohl das Töten den Keim des Leiden verursacht, leben all Buddha-Anhänger (Upasaka und Upasika) nicht vegetarisch. Trotzdem bemühen wir uns allmählich das Speisen von tierischem Fleisch zu reduzieren, vorallem das grundlose Töten von Tieren unseren Willen zum Töten zu befriedigen.

Während der Befolgung dieser ersten Sittenregel, das Abstehen vom Töten, sollen wir zwei folgende Punkte beachten :

a) Lass den unheilsamen Gedanken über das Töten nicht entstehen. Unabsichtliches Töten eines Lebewesen oder der Verteidigung wegen, würde dessen Folge geringer als das Töten einer Libelle mit der Absicht, bzw. mit bösem Willen, um einen Freude zu erfüllen !

b) Vermeidung der Sammlung von der Töten-Gewohnheiten.

Kinder mit 3, 5 Jahren töten kleine Tieren wie Libellen Schmetterlinge, Ameisen, ... , aus Spaß ohne Tadeln ihrer Eltern. Dann würden sie mit 12, 13 mittels wie z.B. eines Katapults oder einer Gummi-Schleuder andere Tierarten wie Vögel, Hunde usw. verletzen. Diese Tat entwickelt allmählich die Eigenschaft der Brutalität, und führt zur Gewalttätigkeit! Einen Menschen umzubringen ist bei solchen Kindern im hohen Alter nicht schwer, wenn sie sich im Rausch-, Haßzustand befinden.

Deshalb lassen wir unsere Kinder mit ihren spaßigen Gewohnheiten in keinem Fall irgend ein Tier töten bzw. verletzen, außerdem kaufen wir ihnen kein Kriegsspielzeug; sie sollen nirgends einer Kriegs-, Schlägerei-Szene zuschauen, oder unter sich Krieg spielen.

(Fortsetzung folgt)

GEFANGENER DES VIETCONG

ERLEBNISSE EINES DEUTSCHEN
IN SÜDVIETNAM

1963-1976

VON
RUDOLF PETRI

INHALT

Erster Teil
Von Indien nach Südvietsnam

1. Von Indien nach Südvietsnam
2. Erster Aufenthalt in Saigon
3. Meine Mission für die Buddhisten Vietnams in Südasien
4. Kidnapping oder Mordversuch ? (in Colombo)
5. Seefahrt nach Malaysia
6. Von Singapur nach Saigon
7. Besuch in Japan
8. Wieder in Saigon

Zweiter Teil
Zickzackreisen in Asien

09. Zickzackreisen in Asien
10. Begegnungen mit einem Geist
11. Die Riesenschlange
12. Ein kleines Wunder
13. Der Tiger von Vung Tau
14. Amerikaner wurde Buddhist
15. Der unsichtbare Geist
16. Der Fall Vung Tau's

Dritter Teil
In Vietconghaft

17. In Vietconghaft
18. Selbstmordversuch im Kerker
19. Ich wurde Gefangener "Nummer Eins"
20. Drei Vietcongs in Kerkerhaft
21. Simulierter Selbstmordversuch
22. Tag der Freiheit
23. Wiedersehen mit Deutschland

Copyright C 1977
Dr. R. Petri
Reinbekerweg 50
D- 2050 Hamburg 80

(Fortsetzung)

Im Jahre 1842 verliess der unternehmungslustige Ungar Kalkutta, um das Land seiner Träume, Tibet, zu besuchen. Auf seiner Wanderung durch den damals von Malaria heimgesuchten Terrain erkrankte Csoma und starb kurz danach in der Stadt Darjeeling. Der Tod dieses Gelehrten war ein harter Verlust für die gelehrte Welt und sein Platz konnte lange Zeit nicht ausgefüllt werden. In Dankbarkeit stiftete die ungarische Akademie der Wissenschaften der Royal Asiatic Society of Bengal eine Marmorbüste Alexanders Csoma de Körös. Diese Büste sah ich im Jahre 1956 (im alten Gebäude der Gesellschaft), sie steht in der Halle am Eingang, zusammen mit Büsten anderer, meist britischer Gelehrter der Indologie. Auf der Büste sieht man Csoma ein längliches Buch halten, auf das er sehr nachdenklich schaut. Später gaben japanische Priestergelehrte Csoma de Körös den Titel eines Bodhisattva und errichteten einen Schrein für ihn in der Taisho Universität in Tokio (1933). In oder an der britischen Botschaft in Teheran soll vor einigen Jahren eine Gedenkplatte angebracht worden sein, um an den Besuch Csomas auf seiner Wanderschaft nach Asien zu erinnern.

Also wie erwähnt liess mein Schüler U. Tàranàtha das tibetische Chörten (deutsche Schreibweise: Tschörten) bauen. Neun Arbeiter bauten daran einen Monat, doch in Europa hätten dazu nur drei Arbeiter und kaum zwei Wochen genügt, aber Vietnam liegt nicht in Europa sondern in Asien, wo der Zeitbegriff sehr elastisch ist.

In Tibet, Nepal und anderen Himalaya-Staaten sieht man überall solche Tschörten oder Stupas, welche die Buddhaschaft und das Nirvana symbolisieren. Mein Schüler spendete im Ganzen eine halbe Million Piaster für den Bau des Tschörtens und für mein neues Büro, welches ich anbauen liess. Wir waren uns im Klaren, dass wir von dem Bauunternehmer betrogen wurden, aber was sollte man tun, alles wurde rasch sehr teuer, besonders der Preis für aus Taiwan importierten Zement wurde höher und höher. Am 10. August 1972 hielten wir die Einweihungsfeier, an dem sieben Mahayàna Mönche und fünf Nonnen teilnehmen und außerdem recht viele Laien aus Saigon und Vung Tau. Ich hielt zuerst eine Andachtsstunde im Tempelraum, danach zogen wir in Prozession dreimal um das Tschörten und rezitierten laut "Om Mani Pad me Hum!", das schon weltweit gekannte Mantra des Bodhisattvas Avalokiteswara (in Tibet,

Chenrizi). Ich ging der Prozession voraus. Ich war im gelben Gewand eines Mahayàna-priesters und trug das Silberbrokat Kesa (Stola) des Western Buddhist Order und dazu den konischen roten Hut der Roten Schule des Buddhismus. Ich war Upacàrya der Ordensprovinz Südvietsnam, des westlichen Ordens des Arya Maitreya Manadala und war persönlich von unserem höchsten Ordensmeister (Mandalacàrya) Lama Anagarika Govinda initiiert und ins Amt gesetzt worden. Ich erhielt im Jahre 1958 in Almora, Nordindien, von Lama Govinda die Abhiseka d.h. die höhere Weihe im Tantrikbuddhismus. 1954 hatte ich schon eine erste Weihe in Deutschland erhalten und noch früher im Jahre 1952 die buddhistische Priesterweihe in London. In späteren Jahren erhielt ich noch weitere Weihen und Ordinationen in vietnamesischen und japanischen Sekten.



Upasaka Tàranàtha hatte die Ehre, das Band zu durchschneiden, welches vor dem Gang um das Tschörten gespannt war; danach erst begannen wir die dreimalige Umwanderung des Heiligtums des Tschörtens. In früheren Zeiten kurz nach dem Tode des Buddha, baute man solche Stupas oder Tschörten in Erinnerung an den Erhabenen und viele hatten in ihrem Innern goldene Urnen mit der Asche des Buddha oder seiner prominenten Jünger, denn in den ersten Jahrhunderten, als die Theravàdasekte noch vorherrschend war, stellte man den Buddha aus tiefster Ehrfurcht nicht in Menschengestalt dar, sondern in Form von Stupas oder Fussabdrücken in Stein. Neben dem Bodhibaum in Bodhgaya (von den Buddhisten

Buddhagaya genannt) sieht man noch solche Fussabdrücke des Buddha in Stein; die Echtheit wird nicht postuliert, sondern sie sollen nur an den Erhabenen erinnern. Später gingen die Hindus hin und stellten die Überdimensionalen "Fussabdrücke" ihres Gottes Vischnu daneben, weil sie in der späteren Bhagavatpurana (Legenden des Herrn) behaupten dass Gautama die zehnte Inkarnation des Gottes Vischnu gewesen sei, was völlig abwegig ist. In den buddhistischen Schriften gibt es darüber kein Wort.

Ich hatte das Tschörten mit weisser Lackfarbe anstreichen lassen und rund herum vier Platten eingebaut zur Beschriftung auf gelben Grund und roter Umrahmung. Die Vorderseite, also die Seite, welche zum Meer wies, blieb bis auf weiteres unbeschriftet, die Seiten links und rechts hatten folgenden in roter Lackfarbe geschriebenen Text in vietnamesisch :

Zum heiligen Andenken an den ungarischen Gelehrten und Bodhisattva



Alexander Csoma de Körös (1784-1842) wurde dieses im tibetischen Stil gehaltene Tschörten durch die generöse Spende des Herrn Roy C. Alexander (Upasaka Taranatha) errichtet.

10. August 1972

Dieses Denkmal zu Ehren eines Ungarn dürfte das einzige in Südostasien sein. Auf der linken Seite des Tschörten liess ich folgendes Buddhawort schreiben :

"In dieser Welt, kommt Hass nicht durch Hass zur Ruh' sondern durch allumfassende Güte kommt Hass zur Ruh', dies ist ein ewiges Gesetz!".

Die Platte auf der Rückseite blieb leer, denn sie war als meine Gedenkplatte gedacht weil meine Urne einmal in diesem Tschörten beigelegt werden sollte. Das Tschörten be-

stand aus einem viereckigen massiven Sockel aus Felsblöcken, welche wir in der Umgebung reichlich fanden. Über dem Sockel gab es vier Stufen aus Ziegelsteinen, durch Eisenstangen verstärkt; diese vier Stufen symbolisierten die Vier Edlen Wahrheiten des Buddhismus

Die Allgegenwärtigkeit des Leidens
Die Ursachen des Leidens
Die Möglichkeit, sich vom Leiden zu befreien und
Der zur Leidenserlösung führende
Achtfache Pfad.

Auf diese von Buddha genannten Vier Edlen Wahrheiten baut sich das ganze buddhistische Lehrgebäude, alles andere sind weitere Entwicklungen und Erklärungen hierzu. Auf den vier Stufen gab es ein fassähnliches Betongebilde, im Innern hohl und mit vier zugemauerten Nischen d.h. es war noch soviel Platz, dass man Statuen einsetzen konnte. Auf der Vorderseite setzten wir eine Marmorstatue des Buddha und rechts und auf der Seite der Csoma de Körös Gedenkplatte, die Statue der An Quang (Avalokitesvara), zwei weitere Statuen sollten später in die ungesetzten Nischen aufgesetzt werden.

Während der Einweihungszeremonie dröhnte die Tempelkloche über Berge, Strand und Meer, einer meiner Laienanhänger schlug sie 108 Mal. Nach der eindrucksvollen Feier, setzten wir uns im Empfangsraum - soviel Stühle es gab, an den Tisch und tranken zusammen Tee.

Die Amerikaner hatten ihre Arbeit jenseits der Strasse endlich beendet, und ich konnte wiedermal frische Luft atmen. Die salzige Meeresluft verursachte grossen Appetit; zum Glück versorgten mich meine Schüler und Freunde mit allem Notwendigen, doch durch die bankrotte wirtschaftliche und hoffnungslose militärische Lage verschlechterten sich die Verhältnisse rapide. Der Krieg kam näher an Saigon heran, und auch hier wurden die Bombeneinschläge aus der Ferne deutlicher. Als die Amerikaner 1974 Vietnam verliessen, war die Sache für mich klar : der Krieg war verloren, die Roten würden siegen - früher oder später. Sollte ich abreisen und meine Haut in Sicherheit bringen? Meine Schüler und Freunde waren geteilter Ansicht. Gegen Ende des Jahres hatte ich mich entschlossen, nach Singapur zu fliegen, um der Einladung meines Schülers dort zu folgen. Ein Billett hatte ich bereits, wenn ich es nicht bis zum ersten September benutzen würde, würde es verfallen. Es war nicht meine feste Absicht,

Vietnam für immer zu verlassen, sondern ich wollte in Singapur abwarten, wie der Krieg sich entwickelte, denn man konnte in der Politik nie sicher sein, dass die Amerikaner doch wieder zurückkommen würden, um dieses arme Land vom Kommunismus zu retten.

Der Vietcong drang vor, alle in Paris unterzeichneten Friedensbedingungen wurden misachtet und out of date betrachtet. Die nördlichen Provinzen Südvietnams wurden auf Befehl des Präsidenten Nguyen van Thieu evakuiert und den Roten überlassen. Tausende von zivilpersonen flohen tiefer in den Süden, vorzugsweise in das schon überfüllte Saigon, wo sie in Baracken, Elendshütten und Zelten vegetierten. Ganze Truppenverbände warfen die Waffen weg und flüchteten ebenfalls in Richtung Saigon; dies habe ich selbst gesehen, als ich am 9. April 1975 nach Saigon zur deutschen Botschaft fuhr, welche mir schon drei Briefe geschrieben hatte, um mich aufzufordern, das Land - wegen Alarmstufe A (höchste Gefahr) zu verlassen. In einer schriftlichen Antwort weigerte ich mich, meinen, wie es schien, verlorenen Posten aufzugeben, denn ich war im Leben noch nie ein Feigling gewesen. Ich wollte bleiben, egal was passieren würde, ich hatte als Mönch sowieso alle Brücken hinter mir verbrannt und sterben musste man ja doch einmal, obwohl ich mir schon seit der Jugendzeit gewünscht hatte, einmal "nett" zu sterben, also ohne langes Leiden und Qualen, vielleicht würde mir aber genau das Gegenteil blühen, wenn ich in die Hände des Vietcong fallen würde. Übrigens war vor kurzer Zeit eine Abordnung saigonesischer Buddhisten bei mir gewesen, Freunde des Arya Maitreya Mandala, deren Guru ich war. Auf orientalische Weise stellten sie draussen auf dem flachen Dach des Wassertanks meinen Stuhl auf und legten eine grosse Matte davor. Ich musste mich im Ornat d.h. im gelben Gewand, Stola und roten Hut hinsetzen, dann kniete die Abordnung dreimal vor mir nieder, mit Köpfen auf der Matte, mit gefalteten Händen forderte mich nun der Sprecher auf, im Land zu bleiben, und ihnen auch weiterhin eine moralische Stütze zu sein. Diese Bitte wiederholten sie in Pausen dreimal. Ich wusste, dass ich nach der dreimaligen Bitte einen Entschluss gefasst haben musste, was tun? Da fiel mir plötzlich die englische Übersetzung aus dem Sanskrit über den Weg des Bodhisattva ein, welches Gedicht in meinem Buch "AN INTRODUCTION INTO LAMAISM, the mystical Buddhism of Tibet" 1959 in Indien erschien :

The way of the Bodhisattva

How shall I seek the goal to gain
While others live in fear and pain ?
Should I this self of mine preserve
And fail those other selves to serve ?
O Thou that wouldest that goal attain
And find for all the end of pain

Make firm the root of Faith within
Set thine own mind the Light to win.
"Myself how shall I best attend ?"
By cleaving to the Supreme Friend.

When once thy frame is wholly clean
And pure as rice from speck or taint,
It will produce enjoyment keen
For other beings, selfless saint.
usw.

(Fortsetzung folgt)



▲ 檳城極樂寺楊柳觀音

Die illustrierte Geschichte Buddhas

Text von Hoàng Văn - Deutsche Übersetzung von Nguyễn Ngọc Tuấn

(Fortsetzung)



Dabei leuchtete sein Körper und die Lichtstrahle erhellten bis zu den dunklen Ecken, wo die junge Frau in ihrem Versteck heimlich den Gast beobachtete. Als sie wußte, daß es nicht mehr ging, zeigte sie sich vor Buddha, ohne ihn zu begrüßen.



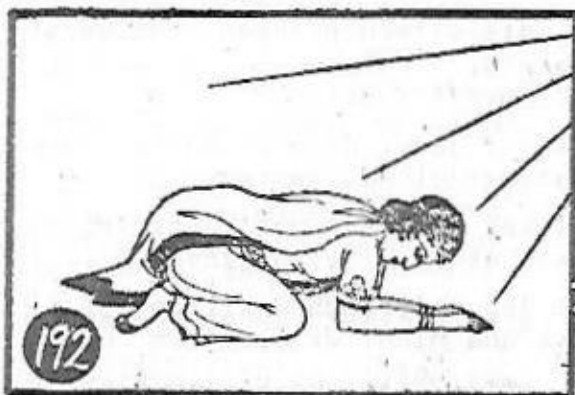
Daraufhin belehrte der Erhabene: "Deine Schönheit ist nichts weiter als eine optische Täuschung, die auf der Oberfläche deines Körpers liegt. Sie verkommt mit der Zeit und wird von allen Menschen verachtet. Die wahre und dauerhafte Schönheit ändert sich nicht mit der Zeit. Sie liegt tiefer in jedem Menschen und wird Tugend genannt.

Sie wird von allen Menschen hochgeschätzt. Diese Worte des Erhabenen traf die junge Frau tief ins Herz. Wie erwacht, kniete sie sich vor Buddha nieder und begrüßte ihn.



"Was sind, oh Herr, die Pflichten einer Frau?"

Buddha wußte, daß die junge Frau zur Vernunft gekommen war, deshalb sprach er in 5 Punkten, was eine Frau zu beachten hat, um dazu beizutragen, daß in der Familie Harmonie herrscht und in der Gesellschaft keine Unordnung verursacht wird, sowie die Regel für ein Familienleben auf buddhistischer Grundlage.



Bei seinem Morgengang traf Buddha eines Tages einen wohlhabenden jungen Mann, der jeden Tag in den frühen Stunden sich mit flach zusammgelegten Händen nach sechs Richtungen tiefverneigte.



Buddha wartete bis dieser Ritus vorbei war, dann fragte er den Mann nach dem Grund.

"Ich befolge nur den letzten Wunsch meines verstorbenen Vaters", antwortete der Mann.

Der Meister fand in ihm einen tugendhaften Mann, zog mit ihm zu einem Baum und erklärte über die Bedeutung dieser Zelebration im Buddhismus.



"Sigalavada mein Sohn, die Verneigung nach Osten ist das Zeichen seiner Dankbarkeit für die Opferbereitschaft der Eltern. Als Kind muß man die 5 folgenden Punkte achten:

1. die Eltern pflegen und dafür sorgen, daß ihnen das Notwendigste nicht fehlt,
2. vor jeder Unternehmung, den Rat der Eltern befragen,
3. sei gehorsam zu den Eltern und sie nicht widersprechen,
4. den elterlichen Willen befolgen und nicht widersetzen und
5. gute Taten der Eltern nicht zu unterbrechen.

Umgekehr gehören die 5 folgenden Punkte zu den elterlichen Verpflichtungen:

1. die Kinder zu erziehen,

2. aus Kindern tugendhafte und gütige Menschen zu machen,

3. die Kinder mit vollem Herzen zu lieben,

4. dafür zu sorgen, daß die Kinder gute und glückliche Familie gründen und

5. den Kindern beim Streben nach einem guten Beruf und Zukunft zu helfen.

Wenn alle diesen Bedingungen erfüllt sind, dann gibt es in der Familie Pietät und Harmonie. Das ist also die Bedeutung der Verneigung nach Osten.

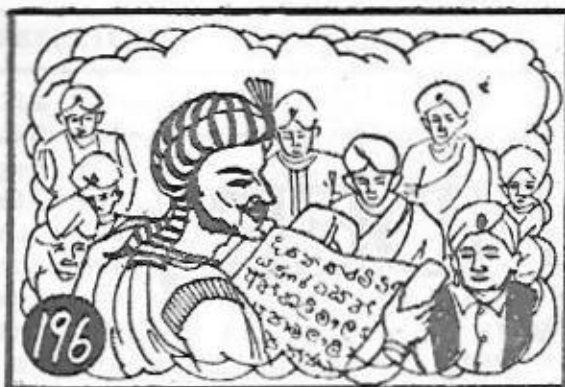


Die Verneigung nach Süden ist für die Beziehung zwischen dem Schüler und seinem Lehrmeister bestimmt. Der Schüler muß fünf Regeln beherzigen:

1. dem Lehrer verehren und ihm gehorsam leisten,
2. vor jedem Empfang einer Lehre eine Verbeugung machen,
3. respektvoll dem Meister dienen,
4. seine Unterweisung annehmen,
5. ihm Treue und Glaube schenken und für seine Mühe immer dankbar sein.

Umgekehr wird eine Lehrer-Schüler-Beziehung so definiert:

1. den Schüler mit Liebe erziehen,
2. das geistige Niveau des Schülers ständig erweitern,
3. Alle Fragen des Schülers gründlich behandeln
4. dem Schüler gute Kontakt empfehlen und
5. gewissenhaft unterrichten.



Sigalavada mein Sohn, West ist die Richtung für die Beziehung zwischen Eheleuten. Der Mann sollte seine Frau so behandeln:

1. sie wie einen Gast respektieren,
2. ihr seine Liebe schenken,
3. sie ausreichend kleiden,
4. sie liebkosen und
5. ihr im Haushalt Vollmacht geben.

Umgekehr sollte sich eine Frau zu ihrem Mann so verhalten:

1. von Früh bis spät sich um den Haushalt kümmern,
2. dem Ehemann zugestehen,
3. immer mit ihm mit mildem Ton reden,
4. nach wie vor immer beim Wort bleiben und
5. den Willen des Mannes nicht widersetzen.

Wenn diese Voraussetzungen erfüllt sind, dann gibt es niemals ein Unglück im Rahmen des Familienlebens.



Nord, Sigalavada, ist die Richtung für die Beziehung zu Freunden und Verwandten. Man achtet darauf,

1. daß man immer bereit ist, andere im Not zu unterstützen,
2. daß man einander freundlich grüßt,
3. daß man bereit ist, mit anderen jedes Nutzen teilt,
4. daß man anderen in schwierigen Situationen Hilfe leistet, und
5. daß man immer ehrlich bleibt.

Umgekehr haben Freunde und Verwandte zu beachten:

1. die Grenze der Freiheit nicht überschreiten zu lassen,
2. den Mißerfolg zu verhindern,
3. von terroristischen Aktivitäten abzuraten,



Nach Unten, Sigalavada, ist die Richtung für die Beziehung zu Untergeordneten. Man sollte:

1. keine übermäßige Arbeit verrichten lassen,
2. die Untergeordnete ausreichen versorgen,
3. die Arbeitszeit richtig einteilen,
4. für die Heilung und Genesung der Untergeordnete zu sorgen und
5. bei kleinen Fehlern ein Auge zudrücken können.

Umgekehr sollte der Untergeordnete sich so verhalten:

1. Früh aufstehen, fleißig sein,
2. zeitlich richtig einhalten,
3. nicht habgierig sein, nicht stehlen,
4. tüchtig arbeiten und
5. immer den guten Ruf des Vorgesetzten bewahren.

(Fortsetzung folgt)

DAS WUNDER, WACH ZU SEIN

EIN MEDITATIONSHANDBUCH
VON
VEN. THICH NHAT HANH

aus dem Vietnamesischen ins Englische übersetzt
von Mobi Quynh Hoa, aus dem Englischen ins Deut-
sche übertragen von Hermann Schiewe

Englische Ausgabe: The Miracle of Being Awake -
A Manual on Meditation for the Use of Young Acti-
vists. Buddhist Publication Society, Kandy (Sri
Lanka) 1976. The Wheel Publication Nos. 234 - 236.

Die Menschen zerteilen die Realität normalerweise in Abschnitte und ordnen sie in Fächer ein. Deshalb sind sie unfähig, die gegenseitige Abhängigkeit aller Phänomene zu erkennen. Eines in allem und alles in einem zu sehen heißt, durch die große Barriere zu brechen, welche einem die Wahrnehmung der Wirklichkeit beschränkt; es ist eine Barriere, die der Buddhismus als Anhaften an falscher Ansicht über das Selbst bezeichnet. Mit Anhaftung an falscher Ansicht über das Selbst ist der Glaube an das Vorhandensein unveränderlicher Wirklichkeiten gemeint, die für sich selbst existieren. Durch diese falsche Anschauung hindurchzustößen heißt, von jeder Art Furcht, Schmerz und Angst befreit zu sein. Das Prajnaparamita-Hridaya-Sutra sagt, daß der Bodhisattva Quan-the-Am von jedem Leiden, von Schmerz, Zweifel und von jeder Angst befreit war, als er in die Realität der fünf Gruppen schaute, was ihn die Leerheit des Selbstes erkennen ließ. Dasselbe trifft auf Dich, Quang, auf mich und auf alle Menschen zu. Auch wir werden, wenn wir die fünf Gruppen unermüdlich und sorgfältig betrachten, von Leiden, Furcht und Angst befreit werden. Der Bodhisattva Avalokita ist als derjenige bekannt, der anderen die Gabe der Furchtlosigkeit gewährt. Das Wesen dieser Gabe sollte uns nicht fremd sein. Sie wird durch die Betrachtung der gegenseitigen Abhängigkeit, die den fünf Gruppen eigen ist, verwirklicht. Wir müssen jedoch erkennen: Gibt der Geber mit seinem ganzen Herzen, so muß auch der Empfänger mit ganzem Herzen empfangen. Nur so kann die Gabe in Empfang genommen werden.

Der Übende muß alle Fesseln abstreifen, um als Teil des universalen Lebens zu leben. Ein Mensch ist nicht irgendeine private Einheit, die unbeeinflusst durch Zeit und Raum reist, so als sei sie vom Rest der Welt durch irgendeine dicke Schale isoliert. 100 oder 100.000 Leben lang auf diese Weise isoliert zu sein, ist nicht nur kein Leben, sondern es ist auch unmöglich. In unserem Leben vergegenwärtigt sich eine Vielheit von Phänomenen, genauso wie wir selbst in vielen verschiedenen Phänomenen gegenwärtig sind. Wir sind das Leben, und das Leben ist grenzenlos. Vielleicht könnte man sagen, daß wir nur lebendig sind, wenn wir das Leben der Welt und damit die Leiden und Freuden anderer leben. Das Leiden anderer ist unser eigenes Leiden, und das Glück anderer ist unser eigenes Glück. Wenn unsere Leben grenzenlos sind, wird die Anhäufung der fünf Gruppen, die unser Selbst ausmachen, auch keine Grenzen haben. Der unbeständige Charakter des Universums, die Erfolge und Mißerfolge des Lebens können uns nicht mehr beeinflussen. Indem Du die Realität der gegenseitigen Abhängigkeit geschaut hast und tief in sie eingedrungen bist, kann Dich nichts mehr niederdrücken.

Die Meditation über die gegenseitige Abhängigkeit muß ständig geübt werden. Wir könnten ihr natürlich eine bestimmte Zeit widmen, um über sie zu meditieren, während wir sitzen; aber diese Meditation muß zu einem wesentlichen Bestandteil unserer Auseinandersetzung mit normalen Aufgaben werden. Wir müssen imstande sein, den Menschen vor uns als uns selbst zu erkennen. Wir müssen imstande sein zu sehen, daß wir dieser Mensch sind. Wir müssen imstande sein, den Prozeß der gegenseitigen Erschaffung und der gegenseitigen Abhängigkeit aller Ereignisse zu erkennen, und zwar sowohl jener, die sich gerade ereignen als auch jener, die sich noch ereignen werden.

Quang, ich spreche zu den Sozialarbeitern, ich kann das Problem von Leben und Tod nicht auslassen. Weil wir in einer Situation helfen, in der sich Vietnam gerade jetzt befindet, begegnet uns der Tod täglich.

Viele junge Leute und viele Mönche und Nonnen sind gekommen aus Liebe zu denen, die leiden, um zu helfen. Sie sind sich immer der Tatsache bewußt, daß die wichtigste Frage im Buddhismus die Frage nach Leben und Tod ist. Wenn wir einmal erkannt haben, daß Leben und Tod nur zwei Gesichter einer Wirklichkeit sind, werden wir den Mut haben, es mit beiden aufzunehmen. Als ich erst 19 Jahre alt war, empfand ich die Meditation über einen Leichnam auf dem Friedhof, eine Meditation, zu der ich angewiesen worden war, als sehr schwer vollziehbar. Und ich weigerte mich, darüber zu meditieren. Aber heute empfinde ich nicht mehr so. Ich dachte damals, daß eine solche Meditation den älteren Mönchen vorbehalten bleiben sollte, sagen wir den 35- oder 40jährigen. Aber seither habe ich viele junge Soldaten bewegungslos nebeneinander liegen sehen, einige waren erst 13, 14 und 15 Jahre alt. Sie hatten keine Vorbereitung, keine Bereitschaft zum Tod. Und jetzt erkenne ich, daß man, wenn man nicht zu sterben weiß, auch nicht wissen kann, wie man leben soll, denn der Tod ist ein Teil des Lebens. Gerade vor zwei Tagen erzählte mir Quynh Hoa, daß sie glaube, mit 20 sei man alt genug, um über den Leichnam zu meditieren. Quynh Hoa hat ein Recht, dies zu sagen, denn sie selbst ist erst 21 geworden. Wir müssen dem Tod ins Auge sehen, ihn erkennen und akzeptieren, so wie wir das Leben anschauen und es akzeptieren.

Das Sutra über die Achtsamkeit spricht von der Meditation über den Leichnam: Meditiere über den Zerfall des Körpers, meditiere darüber, wie der Körper sich aufbläht und verfärbt, wie er von Würmern gefressen wird, bis nur noch etwas Blut und kleine Stückchen Fleisch an den Knochen kleben, meditiere bis zu dem Zustand, wo nur noch weiße Knochen übriggeblieben sind, die wiederum langsam verstreut werden und sich in Staub verwandeln... Meditiere auf diese Weise, und sei Dir bewußt, daß Dein eigener Körper genau dem gleichen Prozeß unterworfen ist. Meditiere über den Körper, bis Du ruhig und friedvoll bist, bis Dein Geist und Dein Herz leicht und ruhig sind und ein Lächeln in Deinem Gesicht erscheint. Indem dadurch heftige Reaktionen und Furcht überwunden werden, wird das Leben als unendlich kostbar angesehen werden, jede Sekunde wert, gelebt zu werden. Und es ist nicht nur unser eigenes Leben, das als kostbar erkannt wird, sondern es ist das Leben jedes anderen Menschen, jedes anderen Wesens, jeder anderen Wirklichkeit. Wir können nicht länger von der Vorstellung getäuscht werden, daß die Zerstörung anderer Leben für unser eigenes Überleben notwendig sei. Wir erkennen, daß Leben und Tod nur zwei Gesichter des Lebens sind, und ohne beide ist Leben unmöglich, genauso wie die zwei Seiten einer Münze notwendig sind, damit diese existiert. Nur jetzt ist es möglich, sich über Geburt und Tod zu erheben und zu wissen, wie man zu leben und wie man zu sterben hat. Das Sutra sagt, daß die Bodhisattvas, welche in die Wirklichkeit der gegenseitigen Abhängigkeit Einblick gewonnen haben, alle beschränkten Anschauungen

durchstoßen haben und imstande gewesen sind, Leben und Tod so zu befahren wie ein Mensch, der ein kleines Boot besteigt, um mit ihm eine Fahrt zu unternehmen, ohne von den Wogen der Geburt und des Todes untergetaucht oder ertränkt zu werden.

Quang, einige Menschen haben gesagt, daß man pessimistisch werde, wenn man die Wirklichkeit mit buddhistischen Augen betrachte. Aber in Begriffen von Pessimismus oder Optimismus zu denken, vereinfacht die Wahrheit denn doch zu sehr. Die Aufgabe besteht darin, die Wirklichkeit so zu sehen, wie sie ist. Eine pessimistische Einstellung kann nie die Ruhe und das heitere Lächeln hervorrufen, das auf den Lippen der Bodhisattvas und aller anderen erblüht, die den Weg beschreiten.

DER KLANG DER STEIGENDEN FLUT

Wenn Dein Geist befreit ist, wird Dein Herz von Mitleid überströmen. Mitleid mit Dir selbst, wegen der zahllosen Leiden, denen Du ausgesetzt gewesen bist, weil Du noch nicht imstande warst, Dich von falschen Ansichten, Haß, Unwissen und Angst zu befreien. Mitleid mit anderen, weil sie noch nicht sehend und deshalb in falschen Ansichten, Haß und Unwissen befangen sind und weil sie deshalb fortfahren, sich und anderen Leid zuzufügen. Jetzt weißt Du, wie Du auf Dich und auf andere mit den Augen des Mitleids blicken mußt. *"Schau auf jedes Wesen mit den Augen des Mitleids."*

Übe Dich darin, alle Wesen mit den Augen des Mitleids anzuschauen. Diese Meditation heißt: 'Meditation über das Mitleid'.

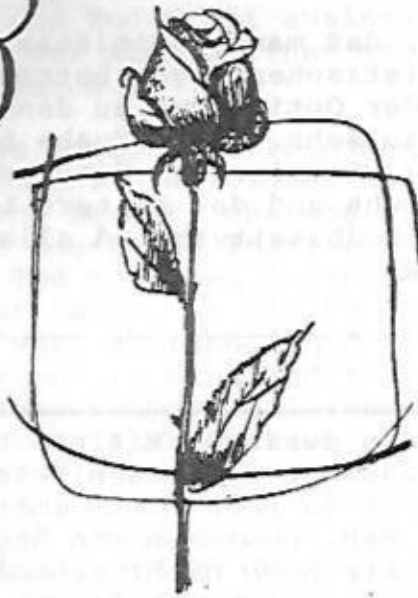
Die Meditation des Mitleids muß während der Stunden, in denen Du sitzt, und in jedem Augenblick, in dem Du für andere Dienste verrichtest, verwirklicht werden. Wo Du auch gehst, wo Du auch sitzt, erinnere Dich an die Aufforderung des Bodhisattvas Quanthe-Am im Lotus-Sutra (Saddharma Pundarika): "Schau auf alle Wesen mit den Augen des Mitleids."

Quang, es gibt viele Meditationsobjekte und -methoden, so viele, daß ich niemals hoffen könnte, sie alle für unsere Freunde aufzuschreiben. Ich habe hier nur ein paar angeführt, einfache, aber grundlegende Methoden. Jeder muß sein eigenes Leben leben. Die Arbeit ist nur ein Teil des Lebens. Und die Arbeit ist nur dann Leben, wenn sie mit Achtsamkeit verrichtet wird. Sonst entwickelt man sich zu einem Menschen, 'der so lebt, als sei er tot'. Jeder von uns muß seine eigene Fackel anzünden, um sie weiterzutragen. Aber das Leben von jedem von uns ist mit dem Leben der Menschen um uns herum verbunden. Wenn wir wissen, wie wir in Achtsamkeit leben können, wenn wir wissen, wie wir unseren eigenen Geist und unser Herz schützen und bewahren können, dann werden dank dieser Fähigkeit unsere Brüder und Schwestern auch wissen, wie sie in Achtsamkeit leben können.

(Fortsetzung folgt)



thơ



Nhớ Thầy

Thầy hỏi bây giờ đâu vào Xuân
Hay vẫn còn Đông tuyết ngập đường
Nơi đây con ở dù Xuân đến
Lạnh vẫn theo hoài mỗi hoàng hôn.

Có những chiều mưa nối tiếp nhau
Nặng hạt - Mây đen - Giọt xạc xào
Chi-ca-go uớt và run rẩy
Phật đường cũ, mục chạnh lòng đau.

Hôm đi Bắc Mỹ ghé vẽ đây
Hoàng pháp xong lưu lại mấy ngày
Chắc hẳn Thầy mang về cảm nghĩ
Đông người những chàng được đều tay.

Có dịp mong Thầy nhớ ghé ngang
Gieo thêm hạt quý của đạo vàng,
Lời Thầy còn mãi trong tâm tưởng
Âu - Mỹ dù xa mãi ngút ngàn.

Những dòng thơ vụng ghép thăm nhau
Thầy khỏe con vui thế đủ rồi
"Cuộc đời tu sĩ" con đang đọc
"Lễ nhạc" xin đừng ngại xa xôi.

- TÂM BỒI
Chicago USA

CHIA BUỒN

Hội Phật Tử Việt Nam tại Tây Đức vừa được tin Thân Phụ của Đạo Hữu Thị Tâm Ngô Văn Phát và Nội Tổ của Phật Tử Thị Chôn Ngô Ngọc Diệp vừa từ trần tại Việt Nam vào ngày 7 tháng 4 năm Giáp Tý. Xin thành thật chia buồn cùng tang quyến và nguyện cầu cho hương linh của người quá vãng xả thân t ử đại, trực vãng Tây Phương, Siêu Sanh Tịnh Độ.

BAN CHẤP HÀNH HỘI PHẬT TỬ
VIỆT NAM TẠI TÂY ĐỨC

Văn hóa Đông và Tây

Tinh là văn hóa Á Đông ta
Khác với Tây phương, động, thiếu hòa
Đông Tây khác biệt nhưng hòa điệu
Góp nhau hay, đẹp lấy cho ta.

Tây phương kỹ thuật với văn minh
Mơ trí, tài cao, nhưng thiếu tình
Đông phương tĩnh, chậm, nhưng siêu diệu
Động, tình hòa nhau, đủ lý tình.

- Hà Phước Thảo

Có hay không trong cuộc sống hằng ngày

Bạn mến,
Hễ mỗi khi buồn chán, thất vọng về bất cứ 1 vấn đề gì, chúng ta thường an ủi: "Đời là vô thường, sống là còn say, chết là còn mê, giàu nghèo, thành bại chỉ là phù vân, bèo trôi..."

Còn bạn thân quý của tôi, bạn vì thất nghiệp, bị mất giấy tờ, bị trộm xe. Năm nay là năm tồi rồi nhất của bạn. Bạn tự an ủi rằng "Hơi đâu mà lo lắng cho một. Phiền não vốn làm hại đạo tâm. Tự tánh mọi pháp, mọi vật đều là KHÔNG". Và rồi bạn gởi cho tôi 1 bài kệ của Thiền sư Nhật Cú Trí Giáo (đời pháp 27, tông Tào Động).

Xuân sắc sắc, thảo nhưng nhưng
Vạn vũ chi điều, khai thiết thiết
Nhất hành dương phát sản trùng trùng
Thủy tâm nguyệt viên trường hải đế
Sơn đầu nhật xuất lộ nham phong

Dịch :

Có nhưng miệt, xuân thắm màu
Khắp chốn núi rừng bông trở gập
Trùng trùng nhánh liễu nảy xôn xao
Đáy biển nước trong, trăng chìm ngập
Mặt trời vượt núi, bày đỉnh cao.

Bạn ơi, đọc thư bạn rồi đọc bài thơ Thiền kia tôi nghĩ rằng bạn đã siêu thoát khá nhiều rồi, tuy còn đứng ở trong thế gian mà như ở ngoài thế gian.

Thế nhưng, kỳ gặp bạn vừa qua, tôi thấy bạn có vẻ bất an, cái nhìn ngờ ngác, bồn chồn. Bạn cho tôi biết rằng, đã bao lần bạn luyến luyến câu: "Sắc tức thị không, không tức thị sắc, sắc bất dị không, không bất dị sắc" trong

"Bát Nhã Ba La Mật Đa Tâm Kinh" để đương đầu với tai biến, hoạn nạn. Đã bao lần bạn tự nhủ tự tánh mọi việc là không, thôi thì cái ta cũng không, cuộc đời cũng không nên cố hy vọng thất nghiệp, mất giấy tờ, mất xe cũng kệ nốt. Bạn còn tự nhủ rằng: "Sự hiện hữu của bạn, cảnh phù thế trên mặt đất là tùy tâm sở hiện do nghiệp thức chiêu cảm mà hiện ra. Thôi thì ta nên bỏ qua mọi việc, quyết lòng tu hành như niệm Phật, toạ thiền là hơn". Nhưng cố sao bạn không tìm được sự an tâm hở bạn?

Người bạn quý đáng thương, cách hai tuần một lần, bạn vẫn phải ghi tên ở Sơ Thất Nghiệp, bạn vẫn cần phải có tiền thất nghiệp, vẫn phải đọc báo ở mục rao vặt, tìm việc để kiếm việc làm thích hợp, càng sớm càng tốt. Ở trọ xã hội tiêu thụ này, bạn vẫn cần phải mưu sinh, bán nặng sinh tồn của con người lúc nào cũng vẫn mạnh phải không bạn? Đã bao lần bạn tự nhủ mọi việc là không để trấn an, cơn lo sợ, đau buồn. Nhưng câu nhật tụng "Sắc không" kia không đủ sức giúp bạn tìm sự bình an, sự tự tại đích thực. Bạn vẫn chưa phải là kẻ lợi cần trong việc tu tập mà có thể dứt khoát xa rời sự phiền não một cách dễ dàng. Tham kịch của chúng ta, những chúng sinh ở thời mạt pháp là ở chỗ đó. Nghiệp báo vẫn còn đe dọa chúng ta, làm sao chưa có vở trang tình thân khi gặp tai biến, ta tự nhủ không một cách ngon ơ, để tìm được cái tâm thanh tịnh, sự ứng dụng tự tại được? Muốn hiểu thấu đáo cùng cái không, muốn đạt được cái không, muốn đem áp dụng vào cuộc đời cái không mà ta hiện biết chính chắn, ta không phải chỉ đọc luyến luyến "Bát Nhã Ba La Mật Đa Tâm Kinh" là qua khỏi tai ách. Bạn cần phải hành thâm kinh này. Chắc bạn chưa quên ở câu đầu: Quán Tự Tại Bồ Tát hành thâm Bát Nhã Ba La Mật Đa thời chiếu kiến ngũ uẩn giai không, độ nhất thiết khổ ách". (Khi Ngài Quán Tự Tại Bồ Tát thực hành sâu xa pháp Bát Nhã Ba La Mật Đa, soi thấy năm uẩn đều không vượt qua khỏi khổ ách). Bạn đã thực hành sâu xa (hành thâm) kinh này hay chưa? Bạn đã soi thấy năm uẩn là sắc thọ, tưởng, hành, thức là không chưa? Nếu chưa thì mọi việc xảy ra ở đời bạn đều có thật. Trái đất, cõi trần hoàn, đời sống đều có thật. Việc thất nghiệp, mất giấy tờ, mất xe, than ôi đều có thật hết. Bạn vẫn còn là người mê, thì cảnh tượng trong cơn mê đều có thật. Cái kệ trong kinh Bát Nhã Ba La Mật Đa Tâm Kinh chỉ đến với người đã hành thâm, tức là người đã chứng ngộ, bạn ạ.

Chắc bạn đã xem quyển "Thiền Sư Việt Nam" do Thượng Tọa Thích Thanh Từ biên soạn và bạn đọc bài kệ của Thiền Sư Quảng Nghiêm (đời thứ 11, dòng Vô Ngôn Thông) vào niên hiệu Thiên Tự Gia Bao (1190) trước khi viên tịch chưa

Ly tịch phương ngôn tịch diệt khứ
Sanh vô sanh hậu thuyết vô sanh

Dịch: (Thích Thanh Từ)
Lìa tịch mới bàn câu tịch diệt
Được vô sanh, sau nói vô sanh.

Phải như vậy chứ, bạn có lìa tịch diệt đầu mà bàn câu tịch diệt? Bạn có vô sanh đầu mà nói vô sanh? Đức Như Lai, vị Phật đã thành, có thể nói tịch diệt, vô sanh, cái không, cái chướng ngộ. Bạn là Phật chưa thành, và hơn nữa là kẻ sơ cơ, còn cách Phật đạo rất xa, còn phải tu tập nhiều, mới tìm được sự thanh tịnh, tự tại cho nói chi chướng ngộ vẫn là chuyện xa vời.

Bây giờ, chúng ta hãy theo dõi một ngày của chúng ta để xem cái mức độ thanh tịnh tự tại của chúng ta ra sao. Đây là tôi chỉ để cấp đèn một mẫu người có hoàn cảnh khập khiễng, có địa vị, tâm thường như da số người trong xã hội, có sức khỏe tốt, bình, có tâm tình đơn giản. Người đó có thể là bạn, là tôi, là da số kiểu bào ty nạn cộng sản đang sống một cuộc đời lưu vong trong xã hội tiêu thụ trên một đất nước Tây phương nào đó. Nhưng tôi cần thêm vào một điểm là người đó vốn là con nhà Phật, tin nhân quả, nghiệp báo.

Đời sống anh ta bắt đầu từ sáu giờ sáng. Dù có ngủ nghỉ cách mấy, anh ta cũng phải thức dậy đánh răng, súc miệng. Anh ta cảm thấy nếu không mệt chán cũng không toại ý, khập khiễng thành thói. Rồi đến số, hoặc hàng xường, công việc quay anh ta mòng mòng, tới khi ra khỏi chỗ làm việc để về nhà, anh ta vẫn cảm thấy mệt. Tôi cũng cần phải kể đến những bức mình ở nơi làm việc, trong việc giao tế, tiếp xúc hàng ngày. Anh ta cảm thấy mình bị trói buộc vào guồng máy sinh kế, không dám thoát ra, cứ cầu nhau, khổ sở, nhưng phải chấp nhận. Nếu anh ta quán rằng vô thường, vô ngã, quán ngũ uẩn đều không thì anh ta có thể vượt qua mọi bức mình, mọi trói buộc dễ dàng. Nhưng anh ta cũng như tôi, như bạn, cũng như bao người khác, mỗi khi gặp biến cố lớn mới áp dụng quán cái không thì làm sao chỉ trong thoáng chốc chúng ta vượt mọi khổ ách đang quây quanh tâm thức chúng ta?

Ở vào đời mat pháp, lại là kẻ sơ cơ, chúng ta đâu có thể quán cái không chỉ trong một sớm một chiều mà đạt được tự tại, để xem mọi khổ ách như pha, chẳng thấm vào chi. Bạn phải quán đều đều, quán sâu xa (hành thâm nhệ ban) với tinh thần dũng mãnh, tinh tấn trong 1 thời gian khá dài thì họa may bạn sẽ đạt cái tự tại tương đối nào đó.

Giờ đây bao nhiêu là chuyện bức mình xảy ra đến cho bạn. Để trấn an, bạn cho rằng mọi việc đều không. Sự trấn an kia không bền bỉ. Những lo lắng, bức dọc cứ ri' ra len vào tâm thức

bạn. Về mặt tinh thần, bạn đâu có một võ trang hùng mạnh, đâu có cái áo giáp vững chắc để đối phó sự lo lắng, bức dọc kia. Bạn vẫn lặn lội sơ cơ. Sự lo lắng, bức dọc đều có thật, tu ý từng đợt ri' ra len vào tâm tư bạn, nhưng vẫn lay động bạn, đôi lúc còn khuynh đảo bạn làm bạn cảm thấy mình bất an, khổ sở, mất phương hướng.

Chúng ta là người mê thì mọi việc xảy ra ở cuộc đời chúng ta đều có thật hết. Đôi lúc chúng ta nhìn ngắm lại mọi việc đó, tatháynó không thật (như huyền), nhưng liệu ta thoát khỏi cái lưới của nó không? Tuy ta tự bảo rằng nó không thật, nhưng liệu tâm tư ta khập khiễng dính mắc vào nó không?

Bây giờ tôi hỏi thật bạn nhé. Bạn đạo phở bạn thấy một giai nhân, bạn có thích ngắm không? Bạn có so sánh cô này đẹp hơn cô mà bạn gặp hôm qua không? Trong bữa ăn, bạn có thấy thứ rượu vang này màu đẹp hơn rượu vang kia không? Óc so sánh của bạn theo tập quán cứ hoạt động liên miên. Trong ngũ uẩn (sắc, thọ, tưởng, hành, thức) ở hai chặng đầu là sắc và thọ, bạn chưa phá chấp hết. Hai cái sắc và thọ cứ chừa nhóm mãi cùng với ba uẩn là tưởng, hành và thức. Thế thì bạn vẫn là kẻ phạm phu, bạn vẫn chưa tiến được chút nào trên đường hành đạo, dù bạn có nhiều thiện chí phá chấp để rồi mê vọng tiến về bờ giác đi nữa...

Ở thời mat pháp này, mấy ai chỉ đọc qua một cuốn kinh, một bài kệ mà ngộ liền? Vào thời chánh pháp, lúc Đức Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni chưa nhập Niết Bàn, những người có duyên lành với Phật chỉ nghe Phật giảng một đoạn kinh, một pháp môn liền chứng ngộ. Chúng ta là kẻ phạm phu vào thời mat pháp, trên đường tu tập có rất nhiều chướng ngại mà trong kinh gọi là ma chướng, ma khảo (thuận khảo, nghịch khảo, minh khảo, ám khảo) Có lắm người đã đọc và nghiên thiên kinh, thông suốt kinh kệ, mà vẫn không thực hành nổi lời Phật dạy trong kinh. Họ tham, sân, si, ngã mạn, cống cao, họ phạm vào giới cấm (sát, đạo, dâm). Trong khẩu, thân, ý họ gây nhiều ác nghiệp. Vậy mà họ cứ tưởng đi làm như thế, miễn là họ dần dần tu tập xem mọi việc đều không, tâm tư không dính mắc là được. Đó là họ tự lừa phỉnh chính họ đấy. Làm sao họ dám bảo rằng họ không dính mắc? Một cơn giận nổi lên, một ý tưởng hành dâm thoáng qua đầu óc, một mưu toan hai người chấp chôn trong ý nghĩ cứ liên miên đến nội tâm họ, dù họ chưa dám hoặc chưa kịp thực hành, nhưng cũng đủ gây nghiệp báo cho họ rồi. Thế nào là dần dần tu tập? Họ cứ hen lần hen lửa hoài, nhưng họ quên điều căn bản là phải giữ giới cái then chốt dựa người hành giả về ánh sáng trí tuệ. Người mê thấy gì cũng có. Người có trí đều thấy mọi việc đều không. Nhưng muốn có

trí huệ, thì trước hết phải có định, mà muốn có định trước hết phải giữ giới. Giới, định, huệ, ba thứ đôi trĩ với tham, sân, si. Nếu bạn không giữ giới, thì làm sao bạn có định? Một con người phạm những việc sát sinh để t ự nuôi sống, hay trộm cắp, tà dâm đều do t ả m tham dâm mà ra. Ba thứ sát sinh, trộm cắp, tà dâm làm cho ta chỉ biết có ta; ta dâm r a ích kỷ, muốn chiếm đoạt mọi thứ để cung hiến cho tham vọng chúng ta. Thế là chúng ta đã chuốc phiền não, ta nghi cái ta quá nhiều, muốn cái ta vượt trên thiên hạ, rồi ta dâm ra ganh tị, ghét giận, háo thắng những kẻ hơn ta. Đó là ta bước vào giai đoạn thứ hai: sự sân hận. Đã sân hận thì đầu óc ta quay mòng với tử tưởng hơn thua, được mất. Ta trở thành nạn nhân của chính chúng ta. Bạn có thể nghĩ đến một ao nước, nếu nước cứ nổi sóng, cứ bị dây bùn lên thì làm sao bạn thấy thấu suốt đáy ao? Nước trong lặng thì đáy ao hiển lộ vận sự này cũng giống như thế, h ệ phiền não dồng loạn tan thì trí huệ xuất lộ và chiếu sáng ngời. Và có huệ thì ta mới chiếu kiến ngu uẩn đều không. Không là cái chúng đ ấ c chỉ đến với người có trí huệ và chúng t ỏ rằng trên đường hành đạo đường sự đã chúng ngộ một phần nào. Bạn cứ phá tan tứ sắc, cho tới tới thọ, cho tới tướng, rồi tới hành và sau cùng tới thức, thế là bạn đã nhập vào Niết Bàn, đã chúng Bồ Đ ề, đã tới bờ Giác, nhập vào Tri Kiến Phật...

Nhưng giờ đây bạn vẫn chưa phá bỏ được cái sắc uẩn của bạn, tiếng không đối với b ạn chẳng những quá trừu tượng mà còn có v ề huyền hoặc bí hiểm nữa. Bạn vẫn còn u ố n g rượu, ăn thịt, vẫn mê gái đẹp, vẫn cần đến sự hành dâm. Và còn đau buồn hơn nữa, bạn vẫn còn thù oán tên chủ hàng đã làm bạn điêu đứng trong mấy tháng qua, bạn còn cay cú với tên xếp toán thọ đã thiên vị người này, người n o mà áp chế bạn... Cái không mà bạn quán niệm hay còn yếu ớt chưa đủ sức để bạn dẹp hết phiền não như lo lắng, sợ hãi, cảm hờn... Cái không mà bạn quán niệm chỉ là một lớp nguy trang mỏng dính không che nổi cái có đã tũng àn sâu vào đầu óc của bạn. Cái có đó từ đời vô thì đã bám riết vào cái thức sâu xa nhất của bạn (đó là thức thứ 8 tên là A lại gia). Làm sao trong một thời gian thực hành bằng cách quán, bạn có thể tháo gỡ cái có đó ra khỏi thức thứ 8 ấy được, h ớ bạn?

Con đường hành đạo quá dài, bạn còn cách cái đích chúng ngộ rất xa. Tất cả cái gì xây đến bạn đều có thật cả. Vậy thì, bạn ngay từ bây giờ phải đến cửa ngõ của con đường hành đạo mà cái cửa ngõ đó tức là giới cấm vậy. Có nhiều người bảo rằng Phật tử tâm, giới cấm làm gì? H ệ nhìn rõ tâm tức là chúng thành Phật, cần gì phải thực hành dâm ba cái l ẻ t ế ấy? Họ đã quên một điều, muốn nhìn rõ t ả m

thì phải có định, mà muốn có định thì p h ải giữ giới. Làm sao có một kẻ loạn động, c h ất ngất phiền não mà có thể có cái Huệ để nhìn rõ tâm, h ớ bạn? Như tôi nói ở trên, Giới, Định Huệ gắn chặt vào nhau, không tách l ìa ra được. Bây giờ là giai đoạn đầu trên đường tu tập, bạn phải thấy giữ giới là có. Các bậc chúng ngộ mới có thể thấy giữ giới là không. Có giữ giới bạn mới có cái định; trong trường hợp này, bạn càng chấp có, bạn càng tiến sâu vào đạo. Tới khi chúng ngộ rồi thì bạn sẽ t h ầy mọi việc đều không, hưởng chỉ là giới cấm. Vì sao? Khi chúng ngộ thì bạn đã vượt khỏi giới cấm từ lâu một cách siêu xuất rồi, bạn đ ấ u còn ở trong vòng giới cấm nữa mà thấy nó có. Cũng thế, người ta cho rằng chúng sinh hiện ở bờ mê, Phật ở bên kia bờ Giác, tu hành là bỏ bờ mê để qua bên kia bờ Giác. Ta còn ở bờ mê nên ta còn trông qua bờ Giác. Nhưng khi tới bờ Giác rồi ta còn trông bờ Giác ấy đâu nữa. Lúc đó ta đã nhập vào bờ Giác; bờ Giác với ta là Một và bờ Giác không còn là đối tượng, ta không còn là chủ thể để nhìn qua nữa.

Trên bước đầu tu tập, càng chấp có, ta c ầ n g dưỡng mãnh, tinh tấn. Bạn hãy chấp giới cấm là có đi. Bạn hãy tin có nhân, có quả, có luân hồi có Phật ba đời, có Tịnh độ, có Đức A Di Đà Phật v.v... đi. Nhớ có đức tin bền vững, bạn càng tu hành dễ dàng. Cho tới một giai đoạn nào đó trình độ tu chúng của bạn khá cao rồi, bạn sẽ có tinh thần bất nhị, bạn sẽ nhận định rằng, phiền não và Bồ Đ ề chẳng phải một, mà c ầ n g chẳng phải hai hoặc vừa là một và vừa là hai. Cũng thế, bạn sẽ thấy sắc là không, không là sắc mà cũng vừa là sắc chẳng phải không, khi chẳng phải sắc. Tinh thần bất nhị sẽ giúp bạn thực hành sâu xa kinh Bát Nhã Ba La Mật Đa để phá tan ngu uẩn, để phá chấp cái có. Lúc đó bạn soi thấy mọi vật tự tánh của nó là kh ộ. Vì bạn đi, điều then chốt cuối cùng của kinh là ta vẫn không nên chấp cái không nữa, bạn a. Chấp có, chấp không đều rơi vào nhị biên cả. Vì sao? Một vật đều vừa có tánh mà vừa có tướng. Tướng là có, tánh là không, tùy lúc, tùy duyên mà hiển lộ hoặc mất đi.

Nhưng đó là chuyện về sau. Trong giai đ ọ an đầu, bạn đừng nghe lời những kẻ khoác l ấ c, những kẻ vọng ngữ, chưa chi mà đã cho r ấ n g mọi việc tự tánh của nó là không, rồi huy băng giới cấm, gây nhiều ác nghiệp. Họ cho rằng tu tập, giữ giới cấm không cần thiết vì chúng đều là không cả, rồi buông thả theo cuộc sống phóng dật. Người x ả đều cho đó là hạng:

Miêng tuy ưa nói trăm phần điều
Dưới gót không ly một điểm trần

Ở trong việc tu hành, không ai có thể đ ố t giai đoạn được. Không ai có thể chúng ngộ một cách dễ dàng. Hiểu và tin kinh Đại Thừa đầu

xem tiếp trang 46

Đường không biên giới

THÍCH NHƯ ĐIỀN

(Kỳ thứ 16)

Khoảng sau 10 giờ tối ngày 16.4.84 vừa qua chuông điện thoại reo inh ỏi trong phòng. Theo thông lệ tối ít nhắc điện thoại sau 10 giờ đêm. Vì thỉnh thoảng có những người say rượu hay gọi để chọc phá. Nhưng cũng lắm khi vì có chuyện cần nên cũng có người gọi trẻ như thế. Tối nghĩ tưởng hợp thứ 2, nên nhắc ông nghe. Ở đầu kia tiếng của một người Phật tử quen thuộc nói rằng:

- Hôm nay dài truyền hình Đức có chiếu một Film về Phật Giáo Nam Hàn rất nổi tiếng, nhan đề là: "Niềm Tin và Cuộc Sống". Thấy xem cho vui.

- Những mà khuya quá rồi, để tính lại thứ xem sao. Tối trả lời thế.

Đã toan đi vào phòng đọc sách, chờ giấc ngủ như mọi khi; nhưng lại quay ra phòng khách bật dài truyền hình để xem thử như thế nào. Film được đóng tại Nam Hàn và dài truyền hình Đức đã chuyển âm và được trình chiếu cho dân chúng xem vào tối hôm đó. Nội dung của câu chuyện như sau:

"Có một sinh viên đang học ở Đại Học; anh ta thấy rằng cuộc sống không lối thoát, sanh tử vẫn gần kề, mặc dầu bên cạnh anh ta đang có người yêu dễ mến, do cha mẹ 2 bên đã sắp đặt chuyện lứa đôi cho nhau. Nhưng sau đó anh bỏ tình yêu, xa rời tình phụ tử vào chùa xuống tóc xuất gia học đạo. Anh đã tìm được mình sư; nhưng không may trên bước đường hành đạo và tu tập trong chốn thiền môn, dưới những ngôi chùa rêu phong, cổ kính được tạo dựng lâu đời ấy, anh gặp một người bạn đồng tu chỉ lo rượu chè và phạm giới. Đồng tu với anh ta dĩ nhiên là có rất nhiều bậc chân tăng khác; anh là một người mặc dầu có ý chí thoát tục xuất gia; giữa lợi và danh anh đã cân nhắc kỹ - không cần thiết nữa - giữa tình yêu gia đình và cá nhân anh cũng đã bỏ ra ngoài; nhưng hôm nay giữa chốn Thiền Môn yên tĩnh này, anh thấy có người tu hơi lạ mắt - cứ uống rượu và say sưa. Trong

tâm thức anh đang có 2 chiều hướng suy nghĩ khác nhau: một mặt lo tu sao cho được giải thoát để chứng thành Phật quả, mặt khác - không biết rằng mình có nên nghe lời theo kẻ "Tề Điền Tăng" kia không? Anh suy nghĩ mãi. Thiên đình anh vẫn ngồi, Kinh Bát Nhã anh vẫn tụng những sao nhiều lúc anh thấy anh chàng "Tề Điền" kia cũng có lý. Vì chàng "Tề Điền" lý luận rằng: Phật ở cùng khắp trong nhân gian và vũ trụ, chứ không chỉ ở trong chùa. Nếu nọ nào chỉ tìm Phật trong chùa là không hiểu đạo. Cuối cùng - không phải anh theo tiếng gọi của "Tề Điền" mà anh cũng muốn thử cuộc đời mình trôi nổi đến chốn nao. Mục đích của anh chỉ tìm Phật, chứ không tìm gì khác, đâu cho có trong phòng dâm hay ngoài quán rượu.

Anh và sư "Tề Điền" đi đến chốn lâu xanh - "Tề Điền" vì quen thói truy lạc, nên chàng ngại ngưng gì trong chuyện gió trăng với các nàng kỹ nữ. Còn anh - anh vẫn rụt rè; nhưng cuối cùng rồi anh ta cũng được một mỹ tú bà giao cho một cô a. Anh nằm ngủ trong chốn lâu xanh; nhưng tại anh vẫn còn nghe văng vẳng đâu đây bài Kinh Bát Nhã của Tăng chúng đang kinh hành niệm Phật. Nửa đêm, chuyện ái ân đã đến với anh. Anh xấu hổ và mặc cảm nghĩ lại chuyện xưa, mình với người tình cũ, trước khi cắt tóc xuất gia. Phải chăng chiếc áo đã làm nên Tu Sĩ? hay là Phật tánh còn hiển lộ đâu đây?

Anh trở lại chùa, với kinh với kệ, với mở với chuông. Còn sư "Tề Điền" kia vẫn còn ở chốn lâu xanh với những nàng kỹ nữ.

Trong khi vị Thiền sư dạy công án cho những người đệ tử - bắt buộc họ phải suy nghiệm. Dầu cho câu trả lời đó có thể trong một đời hay một sát na cũng phải lo chu toàn sự đối đáp. Anh chưa liễu ngộ đạo thiên, nên vẫn còn thắc mắc. Một bên lời dạy của Thầy khó tằn đốt xương, một bên thực tế của cuộc đời thì

khắc hẳn. Anh ta buồn đi lang thang n g òai biên c á, trên tuyết sương đ e' tìm "con chim lòng" của mình đã an trú tự nơi nao ?

Anh chán nản đi như th e' trong chốn Già Lam, ngoài đồng ruộng và ngay cả trong núi rừng. Một hôm nọ anh gặp người yêu cũ xuất hiện trong vườn chùa và cô ta đã nản n i' anh trở về với th e' tục đ e' lập gia đình, hã y quên đi thời gian tưởng chao đũa muối. Nhưng vì anh đã nguyện với lòng, nên đã dứt khoát ở lại với Thiên Môn.

Sau bao năm tháng dần trôi, anh gặp lại sư "Tế Điện" trong niềm vui trùng phùng t a o ngộ. Mãi cho đến giờ này, lời Thầy dạy v ấ n còn vang vọng bên tai; nhưng tâm anh t h i chưa nhiếp phục được; nên 2 người đã chọn một cái "cốc" riêng đ e' tu hành.



Không may cho 2 sư là có một tín chủ d ế n nhờ làm lễ khai quang diêm nhân tôn tượng ở nhà đ e' thờ. Đầu tiên 2 sư từ chối; nhưng vì lòng Từ Bi thúc dục, nên lại nhận lời. Dưới dàn tràng tràng nghiêm thanh tịnh 2 sư vẫn làm lễ chỉ thành trong câu kinh tiếng kệ; nhưng đến khi dâng đàn thuyết pháp, thanh thuyết về pháp "Tế Điện" hơi nhiều, hơi khó hiểu, nên các tín chủ đều ngó ngác khả nghi ...

Sư Tế Điện buồn chán nên bỏ đi lang thang trong giá buốt cỏ hàn. Anh phát tâm xuất gia kia về lại Thiên đường đ e' tiếp tục suy niệm lời Thiên sư dạy bảo. Anh gặp một người bạn đã từ dứt tay mình đ e' làm trọn l đại nguyện và nhiều Thiên sinh khác nữa. Nhưng tr y anh vẫn chưa liễu ngộ được đạo Thiên. Anh quyết ru người phát nguyện dứt tay cúng Phật ấ y ra đi tìm Phật nữa.

Hai người đi lang thang và cuối cùng gặp sư "Tế Điện" nơi một công chùa hoang vắng đ ang chết cứng dưới làn tuyết phủ của đêm đông. Anh lấy m o, lấy chuông, lấy tràng hạt và câu kinh của người quá cố mang về "cốc" cũ. Anh suy niệm về sự chết, về cuộc đời, rồi anh hóa thiêu "cốc" ấy. Lửa cháy cao ngất tận t r ở i xanh, trả thân tứ đại về cho tứ đại...
Cuốn phim chấm dứt sau gần 2 giờ t r ì n h

chiếu, tôi trở lại phòng ngủ - dịch d i ế n thoai cho người đệ tử thân tín, đ e' t ư' b' n g thuật lại câu chuyện vừa rồi. Nhưng đã q u á khuya, nên đ e' đến lúc khác vậy.

Nếu nhìn một cách khách quan mà nói, c u ộ n phim này thật quá táo bạo về th e' tục; nhưng cũng rất sâu sắc về đạo Thiên. Nếu người xem phim là một khách bàng quan thì sẽ đánh giá 2 mặt - Niềm tin là th e' đó - và Cuộc đời là th e' đó. Niềm tin bao giờ cũng đ ược th ử thách bằng những khó khăn và nghịch cảnh - Còn cuộc đời thì luôn luôn quyến rũ khách phù tang. Nếu ai đó khó tính khi xem phim này thì có quyền phán đoán rằng: "Quá Phật giáo đã đến thời kỳ xuống dốc. Chỉ có sự xuống dốc vết âm linh, mới dám cho trình chiếu một cuốn phim h o' h ang như th e'. Làm sao có đ ược những người đang mặc áo nhà tu mà lòng trần đ ang phún k i'! Mà th e' gian cũng có biết bao kẻ đ ang bì đ ong đời quyến rũ; nhưng quyết không say đắm bởi lòng trần?".

Nếu là một người bình thường thì sẽ p h á n đoán rằng: "Qua con sâu đã làm rầu nổi canh, chứ thật ra trong Tầng chúng đâu ai cũng là "Tế Điện Hòa Thượng"! Đương nhiên trong x ấ hội phải có người này người nọ; thì chốn thiên môn cũng có kẻ có căn cơ hạ đ ẳng mà cũng có lắm người có chí hướng thoát tục như hoa sen - gần bùn mà chẳng hôi tanh mùi bùn?

Nếu là một người đ ược xem là chứng đạo thì họ sẽ nghĩ: "Đám phòng tửu diêm vô vi thanh tịnh đạo tràng, đâu là phòng đ am hay quán rượu (đối với người ngộ đ ược lý đạo) đ e' là những nơi chốn trang nghiêm thanh tịnh cả". Nhưng trong ta đ ược mấy ai như vậy?.

Tựa đ e' của cuốn phim bằng tiếng Phan là Man dala (hoa Mạn Đà La) - những dịch ra tiếng đ ặc là "Niềm tin và sự sống" xem cũng hay và hợp với nội dung làm đ ầy. Chắc chắn tại Nam Hàn phim này là một phim đ ược ấn khách nhất. Vì lâu nay mấy ai biết đ ược sự thật ở cửa chùa, không biết các vị sư tu hành ra sao và đời sống th e' xác cũng như tâm linh của họ đ ược th e' hiện như th e' nào? Nhưng nhà đạo diễn có lẽ vì muốn câu thêm khách, nên có những màn thật quá táo bạo và không hợp với nhãn quan của Phật Giáo chút nào.

Còn đối với người Tây phương khi xem p h im này không biết họ đánh giá ra sao; nhưng chắc rằng cũng không lạ mắt gì với họ m ấ y v ở i cuộc sống hàng ngày tại đây. Nhưng có lẽ ng. ta sẽ có một dấu hỏi to tướng trong đầu óc họ là: Phật Giáo là như th e' ư' ?

Riêng tôi vẫn miên man suy nghĩ - kh ệ phải về cuộc đời mà về một sự giác ngộ của chân lý. Có nhiều người đi tìm Phật xa xôi; nhưng

thật ra Phật đã hiển lộ nơi chân tâm họ mà họ không tìm thấy. Chỉ lo chạy tìm kiếm bên ngoài. Và trong thế gian này đã có biết bao nhiêu kẻ đã khổ đau vì thế. Khi một niềm tin đã được thắp sáng thì cứ phải gắng công tu tạo quả phúc, để chân tâm Phật tánh được hiển lộ - chứ không phải vì lòng trần thối thức mà làm cho nhân sinh vốn dĩ đã yếu ớt, lại càng sa vào trong tội lỗi mãi. Ta biết rằng: mỗi người chúng ta sinh ra trong thế giới này hay những thế giới khác đều là do nghiệp thức chiêu cảm của chính mình gây ra và mình phải đi đầu thai trong vòng sanh tử luân hồi. Nhưng nếu là một Phật tử, phải luôn luôn tâm niệm rằng: Dầu chúng ta sinh ra vì nghiệp; nhưng chúng ta có thể hoán cải ác nghiệp thành thiện nghiệp được, chứ đừng để cho giòng đời buông trôi vô đạo. Vì ta cũng biết rằng: "Sau cơn mưa trời lại sáng".

Cuốn Film cũng còn khá nhiều chi tiết, nhưng những nét chính tôi đã tường thuật qua, có lẽ những người Phật tử Việt Nam tại Đức cứ đã xem Film này hôm tối đó và mong rằng sự nhận thức đúng chỉ một chiều mà tất cả hay hiểu theo tinh thần và nhân sinh quan Phật Giáo - Cuộc đời là vô thường, thế gian là giả hợp - chẳng có gì là trường cửu ngoài trư chân lý.

Lần này lẽ ra viết về quê hương Việt Nam - đặc biệt là xứ Huế như trong Viên Giác số 20 đã có hứa với quý vị độc giả. Nhưng "câu chuyện giữa đường" này đã làm cản ngăn lối về đất mẹ của quý độc giả bên phương. Kính mong quý vị thứ lỗi cho và nhất định lần tới sẽ về thăm quê hương chúng ta - nói chừa Thập cho đỡ thường đỡ nhỏ.

(còn tiếp)



Tiếp theo trang 43

phải chỉ nhớ trí thông minh của mình ở kiếp này, mà đó là ta đã gieo căn lành ở ba kiếp trước chẳng hạn như cúng dường Phật hoặc cúng dường tăng. Như trường hợp đức Lục Tổ ở Huệ Năng chỉ nghe người hàng xóm tụng kinh Kim Cương mà đã thấy có vài điều tỏ ngộ, dù ngài là kẻ mù chữ. Đó là Ngài đã có duyên lành với Phật, đã có trồng cội công đức từ bao kiếp trước, nên kiếp này mới tỏ ngộ dễ dàng như vậy. Cũng thế, những thiện sự trong kiếp này được đồn ngộ đầu phải chỉ nhờ công đức tu hành trong kiếp này mà đó là cái phúc báo, cái kết quả tu hành từ bao kiếp trước vậy.

Chấp có, chấp không hoặc phá chấp có, phá chấp không tùy theo trình độ tu chứng của hành giả. Tổ Đôn Hà đã chế tượng Phật để cảnh tỉnh Thiền giả của mình trước khi truyền tâm ấn rằng đừng tìm Phật qua hình tướng, hãy tìm Phật qua pháp thân thường trụ của Phật. Việc làm của tổ chẳng những không có tội mà còn có phúc vì tổ đã khai ngộ cho Thiền giả phá chấp cái có tức là cái sắc, cái hình tướng. Đó là hành động của một Bồ Tát. Còn như nếu ai đó chế tượng Phật vì muốn huỷ báng Tam Bảo, chắc là sẽ phạm vào Ba la di tội. Còn như trường hợp của bạn, bạn bảo rằng Phật tại tâm, chẳng cần tượng, tranh vẽ. Và bạn còn bảo thờ chỉ những thứ bằng giấy, bằng gỗ, bằng đồng? Nhưng bạn quên một điều rằng tâm của bạn thường xao động vì phiền não. Lớp sóng phiền não thường che mờ vị Phật ở tâm bạn, và có những thời gian dài dài dài, bạn quên nhìn suốt vào tâm để chiêm ngưỡng vị Phật ở tâm bạn. Thành thạo bạn cũng trừ nhờ vị Phật ấy, nhưng chỉ trụ thoáng chốc, rồi quên ngay đi. Chỉ bằng bạn lập cái bàn thờ Đức A Di Đà, hoặc Đức Bồ Tát Thích Ca Mâu Ni, hoặc Đức Đức Sư Lưu Ly Quang Như Lai cùng chư vị Bồ Tát như Quán Thế Âm, Đại Thế Chí, Địa Tạng Vương, Văn Thù, Phổ Hiền, Di Lặc v.v... Dù đó là tranh giấy tượng gỗ hay tượng đồng, hoặc tượng thạch cao, nhưng hằng ngày tranh và tượng chạm vào mắt bạn khi bạn thắp hương, cúng nước hoa, dâng hoa, dâng trái. Tranh và tượng sẽ nhắc nhở bạn cái gương tu chứng của các vị Phật và các vị Bồ Tát kia, cùng hạnh nguyện cứu độ chúng sinh của các Ngài. Mỗi lần bạn thấy tranh tượng, không nhiều thì ít bạn sẽ nghĩ đến con đường hành đạo của các ngài đã đi qua. Điều đó sẽ nhắc nhở bạn luôn luôn tu tập, noi theo gương sáng của các ngài để qua bên kia bờ giác. Trong trường hợp này, chấp có vẫn là một điều hữu ích, có phải thế không bạn?

NGUYỄN VIỆT QUANG

VĂN CHƯƠNG NỮ GIỚI VIỆT NAM

Ở bài này, tôi xin mạn phép đàm đạo với bạn về câu chuyện văn chương "Cây nhà lá vườn". Từ thời xưa, cho đến thời tiền chiến, văn chương trong giới quân thoa hương phần hầu như không đáng kể. Các bà nữ sĩ thời xưa chỉ thích làm thơ. Đời Tiên Lê vào Hồng Đức Nguyễn Yên (dưới triều vua Lê Thánh Tôn) đã có nữ sĩ Ngô Chi Lan nổi tiếng, qua bốn bài thơ "Tứ Thời" mô tả cảnh Xuân, Hạ, Thu, Đông. Thời đời Hậu Lê đã có Hồng Hà Nữ Sĩ tức là Bà Đoàn Thị Điểm đã dùng thi tài của mình dịch thiên trường ca "Chinh Phụ Ngâm" của Đặng Trần Côn, và phần dịch thuật truyền cảm và xuất sắc hơn phần nguyên tác. Lại nữa, Bà Đoàn Thị Điểm còn sáng tác bộ truyện "Tục Truyền Kỳ" với các câu chuyện mà theo kiểu "Liêu Trai Chí Dị" của Bồ Tùng Linh hay "Truyện Kỳ Mạn Lục" của Nguyễn Du (không phải Nguyễn Du đâu nhé, xin bạn chớ lầm). Cùng vào thời Hậu Lê, một nhà thơ nữ xuất sắc với những bài thơ vịnh cảnh quê rất linh động là Bà Hồ Xuân Hương. Đó là một thiên tài thi ca rất kỳ lạ, lời thơ phóng túng, hình ảnh đôi lúc, gieo cho người đọc một ấn tượng đặc biệt, nhưng trong những nét linh động, sắc sảo chứng tỏ một tài năng độc đáo. Rồi thì Ngọc Hân Công Chúa, vợ vua Quang Trung đã khóc chồng qua bài "Văn Tế Vua Quang Trung" và thiên trường ca song thất lục bát "Ai Tả Văn" với hình ảnh đẹp, lời thơ trau chuốt gọt dũa, bóng bảy mà không kém đặc sắc về phệ diện chân tình. Sang qua triều Nguyễn dưới thời vua Gia Long đã có Bà Huyện Thanh Quan qua các bài Đường Luật với lời thơ đẹp, với tâm hồn hoài cổ đầy sắc thái trữ tình. Sang qua triều đại vua Minh Mạng, bà bà Công Chúa con của vua Minh Mạng và Bà Thụy Nhân là Nguyệt Đình, Mai Am, Huệ Phố đã trước tác nhiều bài thơ chữ Hán rất đẹp do sự hướng dẫn của người anh đồng một mẹ là Tùng Thiên Vương. Tiếc thay, vì là những bài thơ chữ Hán nên không được truyền tụng trong nhân gian. Rồi vào thời cận đại những nữ sĩ như là Nhân Khanh (mẹ của Thi sĩ Tấn Đà) Bà Cao Ngọc Anh, Bà Tường Phố đều là những nhà thơ có chân tài. Bà Cao Ngọc Anh qua tập "Khuyết Sầu Thi Thảo", Bà Tường Phố qua quyển "Giọt Lệ Thu" và "Mùa Gió Sông Tương" chỉ nói lên nỗi buồn về cảnh góa bụa cô đơn.



Vào thời tiền chiến, quyển thơ "Hương Xuân" của Hằng Phương, Mộng Tuyết, Anh Thơ, Văn Đài xuất hiện đánh dấu một nét đặc sắc trong thi ca nữ giới. Anh Thơ trước đó đã cho xuất bản "Bức Tranh Quê" với phần tả cảnh rất linh động, Mộng Tuyết đã chiếm giải thưởng thi ca qua tập thơ "Phấn Hương Rừng". Song song với bốn tác giả của tập thơ Hương Xuân, có sự góp mặt của Mộng Sơn, Thu Hồng, Nguyễn Thị Mạnh Mạnh, Trinh Tiên (thân mẫu của nhà thơ nữ Thanh Nhung).

Vào thập niên 50, về thi ca đã có sự góp mặt của Cao My Nhân qua tập thơ "Thơ My", Trần Thị Huệ Mai qua tập thơ "Thơ Huệ Mai" và "Không Bờ Bến", Trần Thị Nhã

Ca qua tập thơ "Thơ Nhã Ca" đã đánh dấu một biên chuyên quan trọng nhất trong thi đàn nữ giới: thơ đi sâu vào lãnh vực tâm tình và nhân sinh quan hơn. Cao My Nhân, Huệ Mai, Nhã Ca, đã nối bước nhà thơ nữ Huyện Chi trong tập thơ "Cối Mò" về phương diện trữ tình, về âm điệu và ngôn ngữ thi ca, nhưng vượt hơn Huyện Chi ở chỗ dám đề cập đến cái éo lẹ của cuộc sống. Tao Đàn Bạch Nga do Nguyễn Vỹ chủ trương đã giới thiệu thêm năm nhà thơ nữ như Thanh Nhung, Thu Nhi (qua tập thơ "Trăng Đêm"), Tôn Nữ Hỷ Khương (qua tập thơ "Đời Mùa Trăng" và "Mộng Thanh Bình"), Minh Đức Hoài Trinh (qua tập thơ "Mở", "Trông Chi" và "Bài Thơ Cho Ai" Phùng Đài (qua tập thơ "Xất Mệ" và "Hiên Lê Mùa Thơ"). Tập san Bách Khoa giới thiệu thêm Nguyễn Thị Hoàng, Mộng Trung (qua tập thơ "Giọt Thời Gian"), Minh Quân (qua tập thơ "Đồn Sờ" chung với Bích Nga). Sự xuất hiện Thi Xã Quỳnh Dao với các nhà thơ nữ tài năng có thể như Cao Ngọc Anh, Đào Văn Khanh, Quý Hương, Uyên Hương, Mộng Tuyết, Thất Tiểu Muội, Hương Khuê, Huệ Mai, Huệ Nga, Bạch Lăng, Phùng Tân, Đinh Thị Việt Liên, Nguyễn Thị Việt Liên, Thục Oanh (vợ của

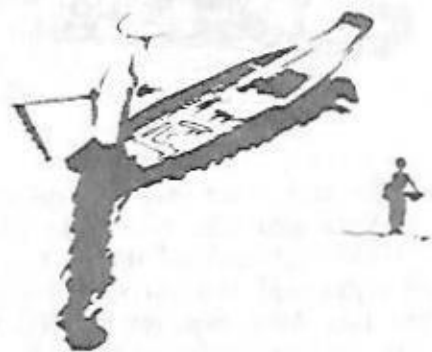
Vũ Hoàng Chương và là chị của Đinh Hùng), Trưng Quang v.v... đã làm sống lại không khí thơ Đường, thơ Tống qua những bài đường luật mượt mà như lụa là và rúc rỏ như gấm vóc. Còn phải kể thêm Kiều Mộng Thu (qua tập thơ "Màu Hoa Tím", "Lá Đỏ Trên Mười Đầu Ngón Tay"), Hồng Khắc Kim Mai (qua tập thơ "Màu Mát Nâu"), Hoàng Hương Trang (qua tập thơ "Khép Đôi Mi Nhỏ", "Linh Hồn Cổ Biếc", "Túy Ca"), Lê Khánh (qua tập thơ "Em Là Gái Trời Bất Xấu"), Lê thị Ý ("Cuộc Tình Và Chân Dung Tôi"), Diễm Phúc ("Viên Mộng Tỉnh Nhân") và các nhà thơ nữ qua những bài ca tụng tình yêu giữa anh trai tiên tuyến và em gái hậu phương như Lý Thụy Ý, Ngô Kim Thu...

Sau ngày 30.4.75, nền thi ca ở hải ngoại nổi bật nhất qua hai khuôn mặt nhà thơ nữ Tuệ Nga và Vi Khuê. Hai nhà thơ nữ này đã đoạt giải thưởng Văn Học Nghệ Thuật Toàn Quốc về bộ môn thơ vào năm 1974 mà Tuệ Nga đã giới thiệu tài năng của mình qua tập thơ "Suối". Báo Văn ở hải ngoại do Mai Thảo chủ trương đã đăng rất nhiều bài của Tuệ Nga và Vi Khuê, đã t h ả p sáng trong cộng đồng kiều bào ở hải ngoại hai tài năng, đa dạng hiếm có. Đặc sắc nhất là giải thưởng Nguyễn Du do tạp san Việt Nam Hải Ngoại chủ trương đã khám phá ra tài năng thi ca độc đáo là Trần Mộng Tú với những bài thơ đẹp tân kỳ qua ngôn ngữ thi ca rất mới, thuần tính chất sáng tạo.

Ở phạm vi bài này, thế giới thi ca và thi đàn nữ giới chỉ trình bày qua những nét g i ả n lược. Người phụ nữ một khi sáng tác thơ, thường lấy cảm hứng ở tình tự, ở khát vọng y ế u đường hay ở chỗ tức cảnh. Đi sâu vào những vấn đề nặng như thân phận con người, cái nhìn phóng vào tư tưởng nhân bản chỉ có Tuệ Mai, Nhã Ca và Nguyễn thị Hoàng. Những Nhã Ca và Nguyễn thị Hoàng lại bước qua lĩnh vực viết tiểu thuyết, và chính ở lĩnh vực mới họ thành c ô n g rúc rỏ hơn. Cả hai đã sáng tác trên 30 tác phẩm trong suốt thập niên 60 qua tới bán thập niên 70.

Về văn, Đoàn thị Diễm đã sáng tác "Tục Truyền Kỳ" rồi bẵng đi khá lâu, chưa có một phụ nữ nào cầm bút viết văn viết truyện. Mãi tới thập niên 10, có nữ sĩ Tường Phở viết văn x u ối tập "Giọt Lệ Thu" có căn thêm rất nhiều thơ. Nhưng chúng ta không thể kể "Giọt Lệ Thu" là một quyển văn, mà là tập thơ viết bằng văn xuôi (tản văn) để hoài niệm mối tình của tác giả với ông chồng, quá cố. Rồi thì Đoàn Tâm Đan, Tú Hoa xuất hiện không gây được tiếng vang nào vì họ chỉ viết một thứ truyện tình cảm đau thương gay cấn theo phong trào lãng mạn. Mãi đến sự xuất hiện của Thụy An qua "Một Linh Hồn", "Bốn Mớ Tóc", văn đàn nữ giới đã có m ột t ngôi sao sáng. Sau này Thụy An lấy thêm bút hiệu là Thụy An Hoàng Dân viết chung với nhà văn Văn Lan quyển "Những Kẻ Lạc Loài". Nói bước Thụy An đã có Mộng Sơn qua hai quyển "Vượt Cạn", "Làn Nùng" gây khá nhiều tiếng vang bên cạnh sự sáng tác dồi dào của các cây bút phụ nữ viết loại diễm tình gay cấn éo le, nhưng không có giá trị nghệ thuật như Tùng Long, Tú Hoa, Xuân Đào, Lan Phương, Thanh Trúc. Do đó Thụy An, Mộng Sơn mới là hai cây bút phụ nữ c ó giá trị nghệ thuật thuần túy. Vào cuối thập niên 50, nhà văn Nhất Linh đã đỡ đầu cho Nguyễn thị Vinh, Linh Bảo xuất hiện trên văn đàn, các tác phẩm của họ được nhà xuất bản P h ầ u ợng Giang ấn hành. Nguyễn thị Vinh cho xuất bản "Thương Yêu", "Hai Chị Em" được xem là một Katherine Manfields Việt Nam hay là một Thạch Lam thứ hai qua văn phong đơn hậu, trong sáng. Linh Bảo xuất sắc hơn qua quyển "Gió Bắc" với lối bút pháp sắc bén, cay cú và thâm t h ứ y hơn.

Sau hiệp định Genève, Nguyễn thị Vinh vào Nam, Linh Bảo từ bên Tàu trở về. Nhà văn Nhất Linh chủ trương tờ tạp san Văn Hóa Ngày Nay đã giới thiệu thêm các nhà v ấ n nữ như Tuyết Hương, Đỗ Phương Khanh, Thu Vân. Lại thêm nữ sĩ Quý Hương đơn thân độc mã cho xuất bản tập truyện "Hai Mối Tình", bút pháp tươi đẹp và sắc sảo. Nhà xuất bản Phương Giang cho xuất bản quyển tập truyện "M e n Chiếu" của Nguyễn thị Vinh, quyển "Những Đêm Mưa" và "Tàu Ngựa Cũ" của Linh Bảo. Thu Vân cho xuất bản "Đất Mẹ", "Màn Mưa Đêm". Nhà thơ nữ Mộng Tuyết đổi bút hiệu bằng cách ghép thêm ba chữ Thất Tiêu, Muội vào bút hiệu Mộng Tuyết cũ, và cho trình làng quyển "Nàng Ái Cổ Trọ Châu Úp". Nhà xuất bản Phù Sa do Ngọc Linh chủ trương cho xuất bản tập truyện "Một Bức Thư Tình" của Văn Trang. Nếu Mộng Tuyết Thất Tiêu Muội đã dày công sưu khảo lịch sử, dựng thi trấn Hà Tiên qua "Nàng, Ái Cổ Trong Châu Úp" làm cho ta nghĩ đến bước đường của nữ sĩ Kathleen Windsor trong quyển "Ambre" đã đi qua, thì Văn Trang là một George Sand qua lối viết, về tập quán, phong tục và nếp sống dân quê t r ờ n g, "Một Lá Thư Tình". Mộng Tuyết Thất Tiêu Muội là vợ của nhà thơ Đông Hồ, văn phong thật c ô



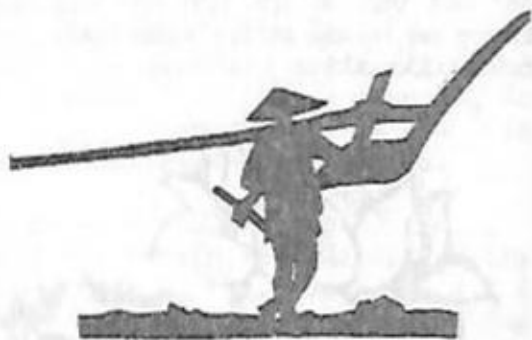
và kiều diễm, óc quan sát của bà thật bén nhạy đối với cái đẹp của nền mỹ thuật truyền thống. Vân Trang vốn là em vợ của nhà văn kiêm chính trị gia Hồ Hữu Tường và là em ruột của nữ sĩ Mộng Trung. Vợ Hồ Hữu Tường là bà Huệ Minh chị của bà nữ sĩ Hàn Xuân, Mộng Trung và Vân Trang. Vân Trang áp dụng triệt để lối văn miền Nam: bộc trực, đơn giản, dí dỏm, xôn xao, nhưng óc quan sát của bà vẫn không kém phần tinh tế. Mãi đến năm 1969, Mộng Tuyết, Thất Tiểu Mươi mới cho xuất bản thêm tập tùy bút "Dưới Mái Trắng Non" gồm những bài mà nữ sĩ đã viết rải rác suốt 40 năm qua. Nữ sĩ Tuyết Hương đã cho đăng truyện dài "Phân Đầu" trên tạp san Bách Khoa, nhưng không cho xuất bản, trong khi đó mãi vào năm 1969, Đỗ Phương Khanh mới cho ra mắt độc giả tập truyện "Hương Thu" gồm những truyện ngắn đã đăng rải rác ở các tạp san Văn Hóa Ngày Nay, Tân Phong.



Nữ sĩ Minh Đức Hoài Trinh, em ruột của Linh Bảo, song song với Bà Mộng Trung đã cộng tác với tạp san Bách Khoa qua nhiều bài bút ký, nhưng mãi đến năm 1964 mới cho xuất bản tập truyện dài "Bỏ Vỡ" tập truyện ngắn "Hắn", rồi thì một loạt truyện dài như "Thiên Nga", "Hai Góc Cây", "Bức Thành B i ê n Giỏi", "Tủ Địa", "Trà Thất"... Giải thưởng Văn Bút vào năm 1965 giới thiệu tài năng sáng tác của nữ sĩ Minh Quân qua truyện ngắn như "Những Ngày Cạn Sữa", "Gần Bó". Sau đó bà cho xuất bản "Đ ấ t v à Người" (truyện dài), "Trời Ấu Qua Mắt Việt" (bút ký và một số sách thiếu nhi hàng hậu.

Vấn đề nữ giới gây tiếng vang ồn ào nhất và cũng quấy nhiễu nhất phải kể vào năm 1966 với sự xuất hiện năm cây bút phụ nữ trẻ, táo bạo, phong phú nhất. Đó là Nguyễn thị Hoàng, Tú y Hồng, Nhã Ca, Trưng Dương và Nguyễn thị Thụy Vũ. Họ đánh mạnh vào ấn tượng độc giả bằng những nét chêm khốc liệt, đập tan những ấn tượng lãng mạn, êm đềm, thơ mộng. Loạt đầu, Nguyễn thị Hoàng qua truyện dài "Vòng Tay Học Trò", Nhã Ca qua truyện dài "Đêm Nghe Tiếng Đại Bác", Tú y Hồng qua hai tập truyện "Thỏ Dài" và "Vết Thương Dày Thịt", Nguyễn thị Thụy Vũ qua hai tập truyện "Mèo Đêm" và "Lao Vào Lửa", Trưng Dương qua "Vừa Đi Vừa Ngược Nhìn" và "M ú a Không Ướt Đất" đã gây nhiều chấn động trong văn giới; báo chí đã tôn nhiều bút mực, d ề viết về hiện tượng sự xuất hiện của họ. Vấn đề nữ giới gió đây không còn mờ trơn nhẹ tằm tình thơ mộng, những tình cảm đơn giản nữa. Nó đi sâu vào đời sống nội tâm phức tạp hơn, vào những khao khát thầm kín, những ước vọng mai phục ở tận tầng lớp thâm sâu của tiềm thức. Rất nhiều cây bút phê bình tán thưởng năm nhà văn nữ này cũng như có nhiều cây bút đã kích mạt sát. Những đầu gì thì đầu, cả năm đều có cương vị sáng chói trên văn đàn, được cộng tác với các tạp san văn nghệ đứng đầu như Bách Khoa, Văn, Văn Đ ế, Thời Tập, Nghệ Thuật. Nhã Ca là vợ của nhà thơ Trần Dạ Từ, trước hết bà được nhà thơ Nguyễn Sa khám phá qua tài năng thi ca. Nguyễn thị Hoàng, Nguyễn thị Thụy Vũ, Trưng Dương, Tú y Hồng là do tạp san Bách Khoa khám phá. Trừ Nguyễn thị Hoàng ra, ba nhà văn nữ như Tú y Hồng, Thụy Vũ, Trưng Dương đều do nhà văn Võ Phiến hướng dẫn cùng một thời với Lê Tất Điều và Y Uyên. Vào năm 1972, Tú y Hồng, Thụy Vũ, Nhã Ca đã chiếm giải Văn Học Nghệ Thuật Toàn Quốc, báo đảm phần nào tài năng của họ.

Vào năm 1972, Lê Hằng xuất hiện qua một loạt truyện dài như "Thung Lũng Tình Yêu", "Tóc Mây", "Chết cho T i nh Yêu", "Tình Yêu Như Bông Sơn", "Sốc Nẫu", "Mắt Tím", "Màu Xanh Đang Lên" đánh dấu một con đường sáng tác d ẽ m tình yêu trộn lẫn tình dục, phản ánh đời sống của tuổi trẻ mất niềm tin. Tạp san Văn Đ ế, Văn còn khám phá ra Trần Thị NgH (tức là Trần thị Nguyệt Hồng), Nguyễn thị Ngọc Minh, Âu thị Phúc Ấn, Ngô thị Kim Thanh. Báo Bách Khoa khám phá thêm Võ Ưu (tức là Ngô thị Kim Cúc) và Du Ly (Julie). Một vài nhà văn nữ dù không được các tạp chí văn nghệ đứng đầu lắng xê, nhưng cũng góp mặt trên văn đàn qua tác phẩm đầu tay n h ư Trinh thị Diệu Tân với truyện dài "Mảnh Vụn", Nguyễn thị Thanh Sâm với "Cội Đ ế Vàng", Lê thị Bích Vân với "Bụi Phấn Hồng", Linh Trang với "Mùa Chiều", Châu Mỹ Quê với "Tuổi N g ọc Mây Mì", Kiều Mỹ Duyên với "Thiên Thần Mũ Nâu", Quỳnh Như với "Ở Cuối Chân Trời", Trúc Viên với "Vết Chân Chim Lạc Loài", Nguyễn Thảo Uyên Ly với "Lá Vỡ Dưới Chân", Nguyễn Đức "Người Tình Tuyệt Vời", Dung Sài Gòn với một loạt truyện dành cho tuổi choai choai như "Đ ế Thường", "Đ ế Ghét"... Vào đầu thập niên 70 cho tới ngày Quốc Hạn 30.4.75, các cây bút viết về tuổi



chơi chơi ăn khách phải kể là Nhã Ca, Lê Hồng, Nguyễn Thảo Uyên Ly, Dung Sài Gòn (Nữ sĩ này thường viết chung với Võ Hà Anh) và Tuyết Oanh.

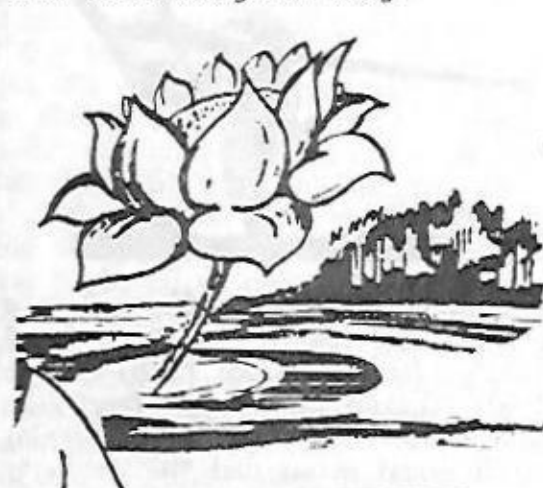
Văn chương nữ giới từ thi ca qua tản văn, qua tiểu thuyết bắt đầu bột phát từ năm 1966, trong hoàn cảnh rối rắm nhất của lịch sử. Thi ca đã có Nhã Ca, Tuệ Mai, Nguyễn thị Hoàng. Văn (về mặt tiểu thuyết đã có năm nhà văn nữ như Nhã Ca, Túy Hồng, Trùng Dương, Nguyễn thị Thụy Vũ là những khuôn mặt đáng kể, tạo nên một hàng ngũ hùng hậu, vạm vỡ bên cạnh văn chương nam giới. Ở địa hạt thi ca, chỉ có Tuệ Mai đeo đuổi cho tới kỳ cùng. Hàng ngũ đi sau chị đã có Hoàng Hương Trang, Phương Đài, Tuệ Nga, Vi Khuê, nhưng trừ Tuệ Nga và Vi Khuê, chưa có ai đã theo bết gót chị. Sau hàng ngũ năm nhà văn nữ đã có Lê Hồng, Trần thị NGH, Nguyễn thị Ngọc Minh. Nhưng, trừ Lê Hồng đã sáng tác hàng chục tiểu thuyết truyện dài, thì các nhà văn nữ đứng ở hàng ngũ đồng thời với cô ta chưa cho ra mắt một tác phẩm nào. Nhưng dù gì thì cũ, hàng ngũ Lê Hồng vẫn là những tiếng phụ họa theo tiếng đề xướng của hàng ngũ năm nhà văn nữ, và họ làm những bước đường tiếp nối lộ trình của năm nhà văn nữ kia vốn đã k h ai phá và đã dân thân từ đầu.

Ở văn nghệ hải ngoại, về địa hạt viết truyện ngắn đã có Huyền Châu và Uyên Khanh trong tập san Hành Động, đã có Nguyễn thị Ngọc Liên do Văn Học, Nghệ Thuật khám phá, đã có Lê thị Huệ do Văn giới thiệu. Sáng tác hàng đã có Huyền Châu, những bà vốn là kỹ gia hội còn ở quê nhà, ra hải ngoại bà mới bắt đầu chuyên hướng qua lãnh vực văn chương. Uyên Khanh chứng tỏ ra một cái nhìn sắc sảo và thông minh, những kể chuyện nhiều hơn viết văn mặc dù bút pháp của bà thật linh hoạt. Còn phải kể thêm cô Thanh Trúc đã từng cộng tác với Nhân Bản và Hành Động với lối diễn tả rất thời t h động, những cũng rất bên nhạy, viết về tâm trạng lứa tuổi chơi chơi rất hay, nếu được g i ở i thiệu qua một tạp chí văn chương đúng đắn, cô sẽ còn tiến xa hơn nữa.



Ở hải ngoại Tuệ Nga, Vi Khuê, Trần Mộng Tú, Nguyễn Tú Anh sáng tác thơ rất hăng, rất n g h e thuật. Giở đây họ làm tiên đạo cho hàng ngũ thơ phái nữ. Phải kể thêm Sao Cỏ Đón qua c á c bài thơ trữ tình với âm điệu thể thiết và lối diễn đạt thật duyên dáng... Những không ai dám kỳ vọng nhiều những nhà thơ, nhà văn nữ ở hải ngoại. Cũng như bên n a m giới, họ rảnh rỗi được lúc nào là sáng tác được lúc ấy. Nhà văn nữ Trùng Dương viết l á ch giở đây mất quá nhiều phong độ, trừ việc viết kịch. Túy Hồng trên tạp san Đất Mới, cho đăng truyện dài "Tay Che Thối Tiết" mãi mãi giữ một phong độ bên bi, sự diễn tả sâu sắc và thông minh như khi còn ở quê nhà.

Văn chương hải ngoại, bên nam cũng như bên nữ, hoạt động không mấy xôn xao, những không vì thế mà đáng để chúng ta bi quan. Nhà văn hay nhà thơ nữ ở hải ngoại đã biết đem chất lửa vào văn chương trong công cuộc chống Cộng bằng văn nghệ, văn hóa. Họ không còn ngâm t h ở vịnh nguyệt hay ca tụng tình yêu, mãi nữa những cảm giác mong manh, uyển chuyển nữa. Họ biết đặt một vấn đề lớn hơn, một địa bàn rộng rãi hơn cho ngòi bút của mình. Đó, là những t h am trạng mà họ đã chứng kiến dưới chế độ Cộng Sản ở quê nhà, tình yêu đất nước, những gay g o trên bước đường lưu vong.



NGUYỄN VIỆT QUANG
05.03.1984

tạp ghi

Nỗi buồn viễn xứ ai buồn hơn ai...

-Trên trần nhớ đã hẳn năm bảy nếp
Đổi lang thang đất khách đến bao giờ.

-Bờ đi con mắc tiêu quá!

Thằng nhỏ miệng vừa la, hai chân dầy dề nh
dịch, nó không làm sao kéo được cái quân của
nó xuống. A. đang nói chuyện với tôi, tay đang
cố gắng xê điều thuốc cho tròn, lâu lâu lại
lê lưỡi liếm tờ giấy cuốn thuốc, nhưng nhữ
g sợi thuốc vẫn vilon vãi ra tay anh. Nghe th
con kêu giật, anh vội bỏ điều thuốc để n g
cuốn dở xuống, đứng dậy ra cõi quân cho th
nhỏ.

Tôi ngồi hút thuốc trầm ngâm, đúng cuộc đời
"vô thường" như Phật nói; tôi nghĩ thâm tr
bung, nếu không có cảnh "biên vi tang điền"
thì chúng tôi đâu phiêu bạt tới xứ sở xa
này; và A. đâu cảnh ở nhà giữ con, để vợ đ
làm nuôi thế này.

Tôi và A. quen nhau khi còn học bậc T r ung
Học ở Việt Nam, sau lên Đại Học, mỗi đứa theo
một phân khoa. Tỉnh A. trầm tĩnh, ít sôi nổi,
nên sau khi đậu xong Tú Tài 2, hẳn thi vào
Quốc Gia Hành Chánh. Hẳn có một quan n i ệm
sống khác tôi, trước khi chọn ngành này hẳn
có nói:

- Cuộc đời bon chen lắm, rồi chết cũng buông
tay, đâu mang theo được gì đâu.
Mí không biết Đức Phật nói à! Sống gởi thác
về. Thôi ta chọn cái nghề cạo giấy này cho
an phận qua một kiếp người.

Hẳn đã toại nguyện. Sau 4 năm học, ra trường
với cấp bằng phó đốc sự hành chánh. A. được
bỏ về làm trưởng ty hành chánh ở một tỉnh

vùng cao nguyên và sau đó mấy năm hẳn, được
lên chức phó tỉnh. Đúng như ước vọng của A.
sáng cấp cấp đi tới cấp về...

Nhưng ngày 30.4.75 đã đến, những ước mơ của A
bông phút chốc đã vỡ vụn. Một cuộc sống bình
thản, có vợ, sinh con, mua xe, mua nhà và tiên
gởi bank, dành tiền cho con du học... Điều
mơ ước của A. có lẽ cũng là điều mơ ước của
nhiều người khác, trong xã hội trước đ ã ã y .
Bông! Thịnh suy như hạt sương rơi đầu cành.
Cộng Sản tràn vào xâm chiếm miền Nam, A. v à
vợ con đã bỏ hết gia tài sự nghiệp chạy về
Sài Gòn. Sau đó ra trình diện cải tạo và năm
năm trôi nổi các trại tù miền Bắc khi trở về
A. cũng còn may mắn hơn cả triệu những thằng
đàn ông khác, vợ vẫn nuôi con thù tiết c h ở
chồng. Hai vợ chồng lại tìm lại những n g ã y
tháng hạnh phúc của 5 năm xa cách. Tuy nhiên
cuộc sống vật chất thật khó khăn, với 4 đứa
con chưa đứa nào tới tuổi trưởng thành. Đời
sống ngày một chật vật, và tinh thần đầy căng
thẳng nay tên công an này tới giục đi kinh
tế mới mai vẫn phòng phường tới hỏi, h ô i
hướng. Con đường duy nhất là tìm đường vượt
biên.

A. đã toại nguyện và sau một năm ở trại A. đã
tới Đức định cư. Ngày tháng trôi qua, thoát đã
3 năm rồi...

Toa có nhớ không. Lạ thiệt, nhớ cái buổi sáng
moa đang dầy đồ ra chợ cho bà xã bán gặptoa
đó, lúc đó moa mới được thả về mấy tháng. Kh
ngờ giờ hơn 3 năm rồi, giờ mình lại gặp nhau
ở đây. Đúng thời gian như gió câu qua cửa sổ.

Gần 3 năm sống ở xứ sở xa lạ này, cuộc sống
vẫn long chông, chênh vênh, chưa vào đâu cả,
với mô tiêng Đức bồi và nghề cạo giấy trước
đây, giờ qua đây đành ở nhà giữ con cho vợ
làm. Có nhiều ngày ngồi co nhìn tuyết rơi nhỏ
lại những ngày huy hoàng ngày xưa râu thú
ruột.

Tôi an ủi A. Toa vậy là diễm phúc hơn m o a
nhiều rồi còn mong gì nữa. Moa qua đây có 1
mình, từ cỡ vợ thân, có nhiều lần bệnh n g óc
lên không nổi mà chẳng biết nhờ ai nấu cho
miếng cháo, nằm liệt giường liệt chiếu.

Bờ đời thằng cu nó xả nước trong hồ tắm...
A. và tôi đang nói chuyện, thì đứa con gái tru
tréo la thảng em nó vô phá nước. A. vào n a t
mấy đứa con và bắt thảng nhớ ra khoanh tay
úp mắt vào tường. Toa thấy không, tình trạng
thế này cứ xảy ra suốt ngày, nhiều lúc mi
điền người lên được. Nhưng mà hôm nào tụi nó
mà nằm im một chỗ thì cũng mệt nữa. Có l ã n
mới qua, tụi nó chưa quen khi hậu cả 4 đứa
bệnh cả, mà lúc đó còn ở trại thật khổ. Nhiều
lúc nghĩ, giá biết tụi V.C. nó cả thảng t h ẽ
này thì ở vậy mà hay...

l' thì đắm trí thức miền Nam mình, thành nào cũng già... tởng... ai ngờ... bây giờ mới có cánh ở nhà nấu cơm, coi con cho vợ t h' ế này...

Bố đi con đói quá à...

Tôi ngó đồng hồ thấy 12 giờ. Đứng lên tử giá A. thôi moa về... khi nào rảnh sẽ ghé lại. A. siết tay tôi, hai đứa cùng cười, những cái cười sao không trọn được miệng...



Tôi kéo cao cổ chiếc áo lạnh, mỗi điếu thuốc và bước vọt xuống phố, cổ chen trong đám đông người để cùng vọt bước với người ta. Nhiều lúc tôi tự dối mình, quần áo, giày dép chính tế, ra phố nhập trong những đám dân bán xít, vôi vàng, hấp tấp. Tôi thử tìm cảm giác của một sự cuốn hút trong cái xã hội vật chất, đưa chen này xem sao. Nhưng rồi bất chợt tôi nhìn thấy tôi trong những tấm kính và t ỉ cuối thăm.

- Thôi giờ ta mất hết rồi, rắng còn giữ lại chút gì của cái ta, tập tành những cái xala của người đó làm gì. Tôi lại trở về phòng, ngồi trầm ngâm thả hồn nhớ về những n g ấy tháng xa xưa bốn ba nơi quê nhà.

Trăm năm thì ngắn, một ngày dài ghê
Đường trần ai tỉnh ai mê...

giờ ở nơi đất nước xa lạ này, ngày rồi lại ngày, ăn ngủ rồi ngủ ăn... ngày tháng cứ kéo dài, một sự tẻ nhạt vô vị lạ kỳ. Tôi c ử n g chẳng biết đâu là lối thoát. Nhưng có lẽ từ ngày tôi chớm hiểu được hai chữ "vô thường" của Phật Pháp, thì lòng tôi cũng cảm t h' ấy bất sự nao nao nhưng nhớ và vui buồn...

Tuần trước tình cờ đi chợ, tôi gặp lại c ô bạn cũ, đang đẩy con đi chợ về. H. đã mời tôi về nhà cô chơi, nhìn thành bẻ mắt xanh, tóc đỏ năm im lìm ngủ, hai mắt khép sâu như một thiên thần. Tôi hỏi H.

- Cô qua đây được bao lâu rồi?

- Gần 4 năm rồi anh a, và em mới lập g i a đình hơn một năm. Ông xã em người Đức.

- Sao cô thấy cuộc sống ở đây thế nào? Tôi mới ở đây được một năm sao thấy buồn quá.

- Bỗng H. thờ dài. Hồi em mới qua cô 1 mình chẳng bạn bè thân thuộc, nhiều khi cả tuần lễ em chẳng bước ra khỏi phòng. Lúc đó em nghĩ, ở lâu rồi nó quen và hết buồn, nhg bây giờ hơn 4 năm rồi đó anh, mà nhiều lúc ngồi

nhớ nhà quá em khóc ngon lành à. Thế rồi e m quen nhà em, rồi hai đứa lầy nhau, em c ử n g nghĩ rằng, cô chồng con, thì bận rộn nộ sẽ bớt thời gian rảnh rồi để suy nghĩ sẽ hết buồn. Nhưng cũng vậy thôi anh a. Nhiều lúc vợ chồng ngôn ngữ bất đồng, ông nói gà bà nói vịt hoặc cô nhiều cái khác biệt Đông Tây mà người A Đông mình khó một sớm một chiều mà hòa hợp được.

- Tôi âm ờ... à ra vậy! Tôi nghĩ khi người ta yêu nhau, đâu cần ngôn ngữ, chỉ nu c ử òi, ánh mắt là có thể thấu hiểu nhau hết c a mà.

- H. cười, anh hay còn cái máu nghệ sĩ n g ấy nào, đó là trong tiêu thuyết. Còn thực tế của cuộc sống nó khác. Nhiều khi em nghĩ như chị T. của em hồi trước năm 1975. Chồng chị l à m thư ký cho một hãng buôn, lương tháng chẳng bao nhiêu, thấy mỗi tháng anh lãnh lương về đưa chị ấy. Chị ở nhà coi 2 con, dọn dẹp nhà cửa, chiều thủ bay, chủ nhật nào, cả gia đình chơ nhau trên chiếc Honda đi chơi mà t h' ấy sống thật hạnh phúc không đâu bằng quê hướg mình.

Cuộc nói chuyện của chúng tôi bị cắt ngang, khi về tới nhà H. Tôi phụ H. đẩy xe con của H. vào nhà.

- Từ hồi em lầy anh ấy, hai đứa mới thuê cái nhà này. Cũng như tất cả các nhà nào của một gia đình người Đức, các tiện nghi vật c h' ấy đều đầy đủ. Nhìn những đồ vật trang trí trog phòng tôi nghĩ bụng, chính những cái t ỉ ế n nghi vật chất này đã làm cho người Tây phương bị trói buộc trong bao nhiêu năm qua và giờ đây đã có một số người họ ý thức được sự nô lệ vật chất này, nên họ đã tìm về nghiên cứu triết lý Đông phương. Tôi đã biết một người Đức qua dạy chulông trình Đức ngữ bên trái tay nạn ở Phi. Ông ta để tóc dài, mặc áo bà ba đen đi chân đất, và nhà ông ở là một cái chòi làm trên một nhánh cây, ông đã sống như vậy gần 2 năm. Có một lần ông ta tâm sự, lậ ông cảm thấy sợ hãi những tiện nghi vật chất, vì nếu khi đã dùng nó mà lúc mình thiếu nó sẽ cảm thấy rất khổ sở.

- Anh uống gì?

- Cho tôi xin một ly nước lạnh.

- Thôi anh uống Bier nhá, nhà em không có nước lạnh, em thì uống nước ngọt, còn chồng em thì uống Bier hay rượu không à.

- Thôi cái gì cũng được...

H. vừa đặt con lên giường vừa nói chuyện.

Em nhớ gặp anh lần cuối ở chợ Bến thành, Thế mà vào cái 5, 6 năm rồi chủ ít à.

Hai đứa quay về dĩ vãng, H. làm như gặp được người để trút những bâng khuâng nhưng n h' ở cảnh quê hương. Nàng đã nói không dứt. Nàng nhớ ngày hai đứa cùng học một trường, những ngày áp Tết của Sài Gòn... Ời thôi những n a' ng, những mla...

Thì ra dù trong một hoàn cảnh nào, những kỷ niệm nơi quê hương nó đã thấm sâu và in hấn

Cô Gái Bình Định

Ai về Bình Định mà coi
Đàn bà cũng biết cầm roi đi quyền (ca dao)

Tiếng chuông công phu bên chùa Minh Tịnh ngân nga trầm bổng. Ngoài bờ biển tiếng sóng b ả a gành từng chập nghe rào rào. Hàng thông reo vi vu bất tuyệt. Gà trong chuồng thỉnh thoảng đập cánh gây vang. Căn bếp sáng lơ mơ dưới ngọn đèn dầu. Giếng củi trong bếp nổ nghe lộp bộp. Mùi khói gay gắt toả đến tận nhà trên. Bà má tôi đã thức dậy từ canh năm để nấu nước pha trà.

Bà tôi nói:

- Từ rày sắp sau bà đừng cho hai đứa nó đi gánh hèm cho bà Tú nữa. Tuy tụi nó được trãi tiền công, mình còn lời nữa thùng cho heo mình ăn, nhưng đường xá xa xôi gần 4 cây số, lại còn nắng gắt. Đã vậy, hôm qua tụi nó gây chuyện xô xát làm lổi xóm xâm xỉ hòa ai. Mà tôi chắc lổi: - Tôi cứ tưởng sẵn dịp tụi nó nghỉ hè, tôi cho tụi nó có dịp tập làm, tập bươi chài vớ người ta. Nào dễ đâu... Mà thôi, dầu ba nó không nói, từ rày về sau, tôi không cho tụi nó đi đâu hết tụi nó cứ lo bếp núc, tưới rau là được rồi.

Chị em tôi đi gánh hèm mướn cho bà Tú, một đôi hèm nặng hơn hai đôi nước trà công cũng khá chớ ất ỏi gì sao? Nhưng hôm qua vừa thấy hai chị em tôi mặt mũi tèm lem, quần áo xộc xệch, mà tôi hỏi nguyên do, rồi từ nhà bà đi như bay, khoảng chừng nhai dập miếng bã trầu, đến nơi xô xát. Bà đứng trước cửa một nhà khang trang kêu lớn!

- Mày chú nào đâu? Mày chú ý lớn đánh hai đứa con tôi. Ra đây bắt đền cho tôi, mau!
Hai cậu thanh niên tuổi đã hai mươi ngoài, gương mặt hiền lành, tỏ ra là người có ăn học; một cậu tên Xuân lễ phép bảo:

- Thưa mời Bác ngồi chơi. Cũng xin Bác bớt nóng, để cho cháu phân trần. Hai cái thùng kia là em trai cháu. Chúng nó rần mất, định chọc ghẹo hai cô em. Nào ngờ hai cô em nổi nóng, rượt đánh tụi nó, đập tụi nó túi bụi. Tụi cháu có điều đình với hai cô em là sẽ đến thùng hèm bị đổ, nhưng hai cô vội vàng bỏ đi. Cháu có la rầy hai em của cháu rồi.

Má tôi hậm hực:

- Đâu có dễ dàng vậy được? con tôi bị rách áo hở cổ hở ngực đây nè. Hai cậu đó đâu rồi? mau ra trả lời tui đi. Bằng không tui xuống bắt ông cò, tui thủa cho hai cậu đó nằm bết chơi.

Thu và Đông hai thanh niên đã chọc ghẹo chị em tôi, đang núp sau cánh cửa, nghe tôi đó liền chạy ra Thu cãi:

- Bác ơi con gái Bác dữ như chàng tinh vậy. Tui tui chưa đụng tới móng tay mấy cở, ở đó mà đã dấm xé áo. Hai cô dùng đòn gánh đánh hai đứa tui muốn vẹo xương sống đây nè.

Hạ câu anh thủ nạt.

- Hai em nên đi đâu sao mình cũng có lổi. Hai em phải xin lổi Bác đi.

Má tôi gọi Linh Quy

- Đâu đuổi ra sao, con phải kể cho má cùng cậu Xuân cậu Hạ nghe coi.

Linh Quy chỉ Đông, mặt tặc lủa vờ giận

- Cái chú này báng qua hồng mặt cây điệp tây, chỗ hai chị em con ngồi nghỉ mát. Chú đó nó con ra nói rằng: Con lúc này mới 12, 13 tuổi mà coi đẹp gái quá xá, tôi đợi chúng hai ba năm nữa sẽ cấp bồ với cô. Còn cái chú kia (Linh Quy chỉ về phía Thu) thì bước lại gần chị hai con giết nôm chị ra để nhìn rõ mặt chị hai, rồi nói: "Cái cô lớn này mới 14, 15 tuổi mà đã thành thiếu nữ rồi. Hai chị em sao mà giống nhau quá. Mặt mày đẹp để, sáng láng mà đi gánh hèm thì coi sao được. Năng ứng anh không? Năng đi, anh muốn đi cưới năng!!!" Hai chị em con bắt mẫn về những lời trêu ghẹo thô lỗ ấy, định đứng dậy gánh hèm đi chỗ khác. Hai chú này lại n ỉ u thùng lại, không cho gánh đi. Chị hai con sợ hèm đổ tháo tùm lum mới để gánh xuống. Chú lớn xăn tở hai chị em con, định giết cây đòn gánh của chị hai con. Con thấy chuyện không êm, nên sợ quá khóc lớn. Chị hai con dẫn lấy cây đòn gánh rượt chú lớn.

Xuân gạt đầu

- Lúc đầu ra sao thì cháu không thấy. Khi nghe bên ngoài có tiếng khách bâng quan vỗ tay ồn ào. Cháu ở trong nhà chạy ra thì thấy cô lớn xách đòn gánh phóng thẳng vào em Thu, trúng vô lưng nó, làm nó chạy hết nôi. Em Đông của cháu thấy vậy, nhào vào tính giết cây đòn gánh trên

tay cô Lành, nào dè cô nhớ lấy cây đòn gánh của mình móc vào cổng Đông, làm Đông tế chúnhúi vào thùng hèm. Vừa lúc Đông lồm cồm ngồi dậy thì cô nhớ bồi lên vai nó một đòn gánh nữa làm nó nằm luôn, dậy hết nổi. Rồi đó hai chị em đấu lưng lại với nhau, tay cầm chặt cây đòn gánh thủ thế. Khách qua đường, hiếm khi đứng xem võ tay hoan hô inh ỏi.

Gia đình Xuân thuộc vào hạng giàu, ở thị xã Qui Nhơn Tỉnh Bình Định. Cha mẹ Xuân có bốn chiếc xe đồ chạy đường Nha Trang-Đà Lạt, Xuân có tám anh em, mà Xuân là anh trưởng. Bốn trai được đặt tên là Xuân, Hạ, Thu, Đông, còn bốn gái là Mai, Lan, Cúc, Trúc.

Trong lúc ba má tôi chuyện trò ở phòng khách, thì trong buồng Linh Quy hỏi tôi:

- Chị hai, hai chú đó chưa đụng tới mình mấy hai chị em mình, mà sao chị bị xẻ rách áo vậy?

Tôi cười chầm chầm:

- Chị tự xẻ áo mình để vu oan giá họa hai thằng quý ấy chứ.

- Bã hết chỗ xẻ rồi sao mà chị xẻ ngay trước ngực bày áo lót, ai cũng thấy rõ hàng nút gài và hai cái quai vậy chị hai?

- Chị làm như vậy, để má nóng ruột, má lên má chửi tụi nó tắt bếp, cho đỡ tức.

Linh Quy bất bình:

- Chèn ơi, chị ác quá mà. Tôi trẻ môi:

- Không ác đâu em. Gặp người khác, hai thằng quý sống dám làm ầu lăm.

Trời vừa sáng trăng. Mẹ tôi gọi:

- Hai đứa bay thức chưa? Sáng bết rồi đó. Dậy xuống bếp múc cháo ăn đi. Bay muốn ăn cháo với đường thè, hay đường các mớ gà? Má cô hâm tở cá bống kho tiêu cho bay đó.

Khi hai chị em tôi đi tìm tâm xong. Má tôi đã chuẩn bị sẵn một thùng rau, và một thùng giá sống. Đủ các thứ rau nấu canh, lăn rau ăn sống. Má tôi ủ giá bằng cát trắng. Bà cô cái khuôn vuông bằng cây. Má tôi gieo hễ một lớp đậu là một lớp đất. Đậu xanh hay đậu nành phải lựa thứ tốt hột về ngâm nước lạnh một đêm, rồi đem gieo cho đều, phủ lên một lớp đất, lại gieo thêm lớp khác, muốn hai hoặc ba lớp tùy ý. Sau đó mỗi bữa bà tưới nước. Muốn có giá dài cọng, thì phải ủ ba đêm, còn muốn có giá cọng thấp và mập thì chỉ cần ủ hai đêm.

Sáng nào má tôi cũng gánh giá và rau đem cân cho bán hàng, và bỏ mồi cho hàng bánh xèo, bẻ bún. Má tôi dặn:

- Lát nữa hai con giúp má gánh rau, giá ra cân cho bán hàng, rồi lựa mua cho má một con cá võ để má kho mắm dầm rau. Ở nhà sẵn có hủ mắm sặc do ngoại làm: Bữa cơm hôm đó có mắm kho ngon lành, tôi hầu như quên tuốt chuyện bực mình hôm trước.

Một rổ rau sống gồm có bông điên điển, bông súng, bắp chuối, thơm, rau thơm, dưa chuột, giá, xà lách, ngò... Cơm gạo đỏ giá bằng tay, dẻo và thơm. Má tôi ngồi nhìn tôi ăn chắc lưỡi:

- Con giống con trai: ăn mạnh, nói bạo, hễ trai chọc gheo là con trả đũa... Con gái mỗi ngày một lớn, chuyện chi cũng phải cứ xử nhỏ nhẹ. Con bày chi chuyện xẻ áo, để cho má nóng ruột đến nhà người ta bắt đền? May mà cậu Xuân cậu Hạ biết điều. Nếu họ nóng tánh rồi câu chuyện nó xảy ra tôi đâu?

Bà nhìn tôi nhai ngau ngáu lại nói:

- Má biết con thích ư ăn thịt. Nhưng một nồi mắm kho đúng cách, mặc hơn một nồi thịt kho nước dừa. Và lại khi con còn ở nhà Thầy Cô con, con đâu được ăn thứ mắm kho này, vì đây là món của người miền Nam. Bà ngoại trước kia ở Bà Rịa biết làm mắm sặc.

Tôi nghĩ thầm, hồi tôi ở nhà Thầy tôi ở làng Hương Thạnh, được Thầy dạy năm ba miếng võ hộ thân. Hôm qua tôi không trở vài miếng để áp đao Thu và Đông thì đời chúng nào?

Trưa hè, nắng gắt, lại không gió. Cây me tây đâu ngờ đứng chơ vơ. Ve kêu rên rì, trên hàng phượng vĩ trở bông đỏ thắm ở trước cổng chùa Minh Tịnh. Tôi ngồi bên ao, bóng ngả vào thân cây dừa lùn. Khi tôi 12 tuổi Thầy cô tôi trả tôi về cha mẹ ruột như lời giao ước hồi. Thầy cô tôi bông tôi về nhà nuôi dưỡng. Ở với cha mẹ ruột tôi được đi học chữ. Trừ hai buổi cấp sách đến trường, tôi luôn có mặt ở ngoài vườn. Tôi hết chuyện từ cây này qua cây khác. Bông trông ở châu này, tôi dời qua châu kia. Ba tôi la rầy tôi luôn. Xoài vừa hái quả, là tôi đem giàn thun bẻ cho những trái non rớt tứ tung. Ba má tôi dù có la tôi, mắng tôi mỗi miếng, cũng đành chịu thua cô con gái nghịch ngợm.

Tôi bông chanh lòng thương cha mẹ, thầm nghĩ cách giúp đỡ cha mẹ. Cha cứ dầm mưa dãi nắng, trồng trọt cây cối. Mẹ cứ mua thùng bán bún. Dòng họ bên ngoại tôi, sanh toàn là con gái. Nữ



sanh ngoại tộc, ông bà thường bảo là như vậy. Nhưng tôi thầm nghĩ nếu tôi biết giúp đỡ gia đình, sống chết vì gia đình, thì gái cũng như trai. Tôi mơ ước có một ngày nào....

Ngày tiêu trường đến, sau khi tan buổi học chiều tôi đi dưới hàng thông rậm, thớ không k h i chán hòa gió biển, cảm thấy tâm hồn thanh thản. Chợt nhìn về mé biển, tôi thấy một tốp người kéo lưới cá vào bờ. Tôi nắm tay Linh Quy, bảo nó chạy xuống xem lưới cá kéo trông nhiều cá. Tôi bảo em tôi:

- Nè giữ áo dùm chị. Chị đi hồi cá đây.

- Đi hồi nghĩa là sao?

- Mình giả bộ đường xỏ rổ gân đó rồi ăn cắp cá chạy đi. Nhưng chị không làm như vậy. Chị tiếp tay với họ kéo lưới, họ sẽ cho chị cá.

Khí chị em tôi mới về tới công nhà, mà tôi nhìn tay bưng rổ cá, áo dài cỡi vắt trên vai chỉ mặc áo tui ngắn hai ống quần xoắn lên qua gối. Bà mắng

- Nửa rổ. Hôm nay lại đi hồi cá, con đi chừng vài tháng nữa con đã 16 tuổi rồi. Con ăn mặc như vậy không sợ thiên hạ chê cười hay sao?

- Sợ gì hả má? con phụ giúp người ta kéo lưới, người ta cho con cá. Bộ con ăn cắp hay sao mà sợ thiên hạ chê cười? Linh Quy sợ bị rầy lây, phân trần:

- Chị hai ầu qua. Miếng chị nói đi hồi cá, tay chị cỡi áo dài liệng qua con rồi chị đồng xuê chỗ kéo lưới. Con đâu có muốn cản ngăn cũng không kịp.

Má tôi nhìn tôi ăn mặc không giống ai, bật cười ha hả. Tôi bày cá ra lựa:

- Cá sông, và bột má để má nấu ngọt với cà chua, rau cần, cà long tong để kho tiêu ăn v ở i cháo. Còn cá bánh đường thì để dành muối phơi khô. Mỗi bữa con sẽ kiếm cá bánh đường làm khô cho nhiều để đem lên Lương Tài cho bà ngoại và dì Hai.

Chiều hôm sau chủ nhật, chị em tôi xách giỏ đến chỗ lưới cá hôm trước, đựng mật bốn đĩa, gồm hai trai, hai gái, ra về bọn đầu nậu lắm. Tụi nó đuổi hai chị em tôi, nói:

- Chỗ này của tụi tao, liệu hồn mà đi chỗ khác.

Chị em tôi chạy sang qua lưới khác, chúng nó cũng đến xô đuổi:

- Chỗ này tụi tao cũng xỉ phân trước rồi.

Tôi nhân nhục kéo Linh Quy đến chỗ lưới khác nữa. Tụi ác ôn này cũng bảo là chỗ tụi nó xỉ phân. Linh Quy sợ tôi nổi sùng, gây ầu ẩu, năn nỉ tôi đi về:

- Về là hơn chị hai à. Má nói năm nay chị gặp sao Kế Đò, đừng gây chuyện mà phải đến cò bót lỗi thôi. Tôi hủ một tiếng:

- Kế Đò hay Cờ Đê gì cũng thấy kệ. Tao phải trị tụi lư này một phen mới được.

Linh Quy lắc đầu, rầu rĩ. Tôi liệng một tàu dĩa khô, lật hết lá, bẻ bỏ đầu nhọn, làm thành một cái cây, bảo em tôi:

- Em giữ chặt cây này trong tay, đứng sau lưng chị thủ thế, để phòng cái thằng ốm nhom kia nhào vào chị là em khện nó cản lối.

Bà chủ lưới cá ngoác chị em tôi, khi thấy chúng tôi bị hiếp đáp:

- Xuông đi hai cháu. Bác cho hai cháu cá về ăn chơi; Còn tụi quý ác ôn kia là quân ăn cắp. Tôi dặn Linh Quy: Nếu nó muốn đánh em, em cứ đánh lại. Mình nhìn tụi nó cũng có hạn thôi chứ.

Con mập và con lẻ con mắt đỏ để chị trị tụi nó cho. Linh Quy gặt đầu mà mặt buồn xo.

Tôi phụ bà chủ lưới hốt cá bỏ vô thùng, thì con mập giulông hai tay ôm cổ tôi kéo ra. Tôi nắm hai tay nó quật ra đằng trước, nó rớt trên đồng cà, nằm dài. Con mắt lẻ sợ bỏ chạy, bị tôi lẩy chân ngoéo vào chân nó nên nó chạy ngã lẩn. Hai thằng kia nhìn cái thế quật và thế ngoéo chân, biết rằng tôi có năm ba miếng võ hồ thân nên cũng rút lui êm. Tôi năn nỉ Linh Quy:

- Khi về tới nhà em đừng mếc má nghe. Tụi rầy về sau, chị không đi hồi cá nữa.

Khí mới lớn, tôi yên chí mình không đẹp, nên chẳng cần làm màu mè cô thiếu nữ thủy mì, đoan trang làm gì. Tôi cười giòn nói năng như con trai. Trong trường tôi làm sao đẹp quý phái như chị Mỹ Nam, sâu mộng như Bạch Trang (con của dì ba tôi) hoặc tươi sáng và trí thức như chị Ngọc Trâm. Ở nhà trong đồng bà con, tôi đâu có vẻ thủy mì dịu dàng như chị Mỹ Hạnh (con d i hai tôi). Tôi cũng không có nét mím mím xinh xắn như Linh Quy. Tôi thua chị kém em, ở nhan sắc, ở cung cách, ở cú chí. Vậy mà hôm đi chơi ở đảo San Hô, tôi đã gặp anh Xuân. Anh chào tôi như nhận rồi hỏi:

Cô Châu mau nhớ giờ cao lớn quá. Tôi tưởng cô nào ở Sài Gòn ra chơi:

Tôi mân mê tà áo dài màu hồng, lòng buồn khuân nhưng chỉ nghĩ rằng anh Xuân vốn nịnh dâm, khen tôi cho có lệ vậy thôi.

Mỗi kỳ bãi trường, nhà trường tổ chức buổi văn nghệ giúp vui cho cuộc phát phần thưởng. Chị Ngọc Trâm viết tuồng rồi giao các vai chính cho Bạch Trang lẫn Mỹ Nam. Còn tôi chỉ đóng vai phụ, làm hề, làm tuồng tàu, tuồng cướp. Những năm đó chị Ngọc Trâm viết vở tuồng "Triệu Trính Nương khởi nghĩa". Tôi được chọn thủ vai Triệu Âu (Triệu Trính Nương). Tôi thắc mắc, tui ó mình chiêm bao:

- Sao chị không giao vai này cho Mỹ Nam hoặc cho Bạch Trang?

Chị Ngọc Trâm giải thích:

Em cao lớn hơn Mỹ Nam và Bạch Trang, đứng trên sân khấu phải thể thao võ.

- Nhưng em không đẹp, không ăn diện.

- Ai nói với em như vậy? Để rồi em coi, em sẽ xuất sắc.

Tôi trở thành nữ tướng Triệu Trinh Nương mặc áo vàng, chít khăn vàng, thắt lưng màu hoàng kim, đi ủng thêu. Khi ra sân khấu tôi thoáng nghe tiếng xầm xì:

- Có phải con Huyền Châu đó không?

- Nó chứ ai.

- Tui cứ tưởng em nào.

Tôi cất tiếng ngâm bài thu hùng. Cả rạp êm lặng. Tôi múa một đường gươm trước mặt Đỉnh Nữ Uy chị dâu của Triệu Ẩu, trách mụ chỉ vì hiềm khích em chồng, mà từ thông với giặc để hại cuộc khởi nghĩa của em chồng. Đỉnh nữ uy (do Mỹ Nam đóng) hẳn che miệng nói nhỏ, đủ cho tôi nghe:

- Con này có ma nhập hay sao mà diễn thật nghệ vậy cả?



Khán giả kẹp tiền vào quạt liêng lên sân khấu tặng tôi. Khi đâm chết Đỉnh Nữ Uy xong, tôi quay mặt xuống sân khấu, thấy anh Xuấn ngồi ở hàng ghế thứ tư đưa tay ngoắc tôi.

Nằm sau nhà trường giao cho tôi vai Trưng Trắc trong vở "Cơ Vàng trên đất Mê Linh". Linh Quy được giao vai Trưng Nhị. Các bạn bè người quen biết hỏi:

- Huyền Châu nhớ giở cao lớn như cô thiếu nữ hai mươi ngoài, bớt khi khọng đi thì sẽ đẹp như ai.

- Có khi nào Huyền Châu nghĩ mình không đến nổi nào không? Huyền Châu đóng vai đào võ điệu nghệ lắm.

"Không đến nổi nào?" Từ trước tới nay, tôi đâu có để ý gì về nhan sắc của mình. Tôi soi gương tôi thấy da mặt tôi bớt điểm mụn, mặt tôi ửng hồng, môi tôi hồng hơn. Dường như cô gái trong gương là ai khác, chứ không phải là tôi. Tôi nhớ lúc anh Xuân nhìn tôi, có vẻ sửng sốt, mơ mộng..... Thôi tôi đã lớn rồi, phải đẹp bớt cái ngớ ngẩn, liền thoãn thướt xưa là vừa.

Tôi áp chiếc áo lụa da trời vào người. Màu lụa sáng lên làm màu tóc đen của tôi như mướt thướt, nổi bật lên. Tôi nhìn qua song cửa. Trời đẹp và nắng tỏa khắp nơi. Phụng vĩ đơm hoa đỏ thắm. Mùa hè trong sáng hay còn dài.

Paris ngày chớm xuân 1984

nhấn tin

Xin nhấn tin cùng với quý vị độc giả xagân Quý vị nào muốn có báo Viên Giác, hoặc muốn giới thiệu cho bạn bè, chỉ cần gọi địa chỉ về chùa, chúng tôi sẽ gửi báo biểu đến quý vị. Việc ủng hộ, xin tùy tâm không có tính cách bắt buộc. Và cũng xin quý nhớ cho một điều là khi nào đổi địa chỉ xin thông báo kịp thời cho nhà chùa địa chỉ mới để báo không bị trả về.

Trung Tâm Phật Giáo Khuôn Việt tại Grand Prairie, TX, USA, dưới sự lãnh đạo tinh thần của Thượng Tọa Thích Trí Hiền, đang dự định dời về nơi khác để thành lập Một Đại Tùng Lâm Phật Giáo Việt Nam. Quý vị Đạo Hữu và Quý Phật Tử xa gần muốn đóng góp vào Phật sự thiêng liêng này. Xin liên lạc về địa chỉ:

1004 Small Street, Grand Prairie
TX, 75050 - USA
Tel. (214) 264 - 1285

TRẦN THỊ CẨM THỊ

HAI CẢNH SỐNG

LỜI TÒA SOẠN :

Nữ tác giả TRẦN THỊ CẨM THỊ đã cộng tác cho tạp san Lạc Hồng (Thụy Sĩ) và Hành Động (Pháp). Đây là hai lá thư từ miền Đông Nam n ư ớ c Pháp gửi về Troyes. Hai bức thư cách nhau trên hai năm. Ở đây, những tình cảm trao đổi riêng tư được gạn lọc bớt, hoặc tiết g i ảm đôi chút.

Hầu hết hai bức thư này đều đặt trên n ền tình hoài hương. Tác giả không có tham vọng trở thành một nhà văn, nhưng chân tình của bà đã biến đổi văn phong của bà tha thiết và đôn hậu, trong sáng. Đọc văn của nữ t á c giả Trần thị Cẩm Thị, ta sẽ nhớ miền Đ ờ ng Đất Đỏ của Nam Việt Nam, xứ của đồn điền cao su.

Amplepnis, ngày ...

Anh,
Mấy tuần này, em đã viết thư cho anh, nhưng không kịp gửi thư từ Lyon, mãi về Amplepnis mới gửi đến anh. Thư em viết vừa xong, t h ì em nhận được thêm một lá thư của anh k ề m thêm tâm bılı ảnh nơi anh ở, với một gốc phở đường lát đá từng miếng vuông, nhà mái ngói tương với bên cây đã nầu. Cảm ón anh t h ật nhiều. Những lời an ủi chân thành của a n h làm em cảm thấy đỡ chân nán, cô đơn.

Anh thân mến ời, nếu anh không tiên đến Lyon thì thôi vậy. Em mong chúng ta thư cho nhau đều đều; thế là quý lắm rồi. Em thật x ú c động khi nhận được thư anh, lúc anh vi ậ xuất viện. Những dòng chữ viết của anh rời rạc, từng nét như nghiêng lệch làm em có c á m tưởng những ngón tay anh run rẩy khi đ ư a đây ngồi bút. Em hồi lo ngại cho anh đây mặc dù trong mỗi lá thư, anh cũng báo là a n h mạnh khỏe, vui vẻ, yêu đời.

Anh muốn biết cuộc sống hằng ngày của em ư: Sáng thứ hai, em thức dậy sớm sửa soạn bữa điểm tâm cho các con em, lo thay quần áo cho chúng để chúng kịp đến trường học. Rồi em

chuẩn bị bữa cơm trưa như bao người nội trợ khác. Khắc hơn những người nội trợ ở quê nhà là ở đây em có bếp ga, rửa bát đĩa có dầu rửa thơm ngát. Chả bù bây giờ ở quê nhà, người nội trợ nấu ăn bằng củi than, trong căn bếp á m khói, còn rửa chén bằng vỏ dừa với tro mận. Chiều, nếu có rảnh, em học thêm gia chánh: làm các thức ăn, làm bánh. Thứ ba, chồng em đi bán ở chợ. Chiều, em có thì giờ học làm đồ g ô m. Thứ tư, em đi Lyon lãnh khăn, quần áo về đ ể l ưỡng tay, em có thời giờ học cắm hoa t h eo lối Nhật. Nếu em cảm thấy mình không khỏe, em đến thăm bà bác sĩ chuyên khoa châm cứu.

Ngày thường, em chỉ ở nhà l ưỡng khăn. Nếu ch ườa nhật, cô năng đẹp, em phải ra bờ hồ phụ buôn bán với chồng em. Nếu anh có dịp đi chơi hồ, thấy xe nào bán bánh kẹp, bánh tằm ong, nước uống, kem và kẹo là "kê hoạch nhỏ" của vợ ch ồng em đây. Năm nay là năm thứ hai, em làm t h ể m thức ăn Việt Nam để bán kèm. Đôi lúc thấy em làm việc nhiều, chồng em chỉ sợ em ngã bệnh. Em tìm l ưỡng quên trong công việc. Vào mùa hè em phải làm việc gấp đôi. Qua đầu thu em mới được rảnh rỗi đôi chút. Chula kê là vào mùa hè em phải trồng thêm rau đậu. Mảnh vườn rau của em phải nói là xinh lắm. Em còn phải làm m ột với nhiều thứ trái cây, mít đào, mít mơ, m ứ t mận, mít đầu tây để dành cho mùa đông. Mùa hè dù không đi du lịch, nhưng em không có thời giờ để buồn, để phiền muộn, để nghiêng mình về quá khứ thăm sâu. Ở hải ngoại, đôi lúc m ì nh phải tự d ờ dành mình chú anh. Nếu không, làm sao em có thể sống với một cuộc đời chay như cái mây ngày đêm không ngừng nghỉ.

Anh chưa gặp thuốc nên cứ mất ngủ luôn đây. Còn sống là còn hy vọng. Đồng ý với anh là mình phải tự cứu lấy mình, nhất là ở c h ững bệnh thần kinh, tâm trí. Anh ời, anh cũng "mong mạnh, để v ờ" quá đi thôi. Em đã dùng thuốc an thần khoảng mười năm rồi đây. Dù mình không muốn, tuổi già rồi cũng sẽ đến, không muốn đau ốm mà vẫn đau, thời gian hạnh phúc và t r ể trung phong được là bao; đôi khi còn trẻ mà vẫn không tìm gặp hạnh phúc. Em mỗi khi buồn và gặp xúc động mạnh là ngã bệnh. Bệnh m ấ i chỉ làm khổ chồng con. Còn anh, một thân, một bóng, nơi đất khách quê người, anh phải tìm 1 điểm tựa tinh thần nào trong lúc đau yêu t ấ y. Chồng em than mãi: "Bà mà đau ốm, d ầ m ra khổ tính hơn mấy cô gái già nữa đây". Nghĩ cũng tội cho anh ấy, anh nhỉ?

Em còn nhớ hôm giá từ Thu An và Thúy Sương để theo chồng sang Pháp, em không thể tưởng tượng nổi cảnh đời tương lai mình sẽ ra sao nữa. Thu An hỏi em: "Mì đi lập nghiệp hay đi trốn kỹ niệm?" Em cười buồn báo: "Có lẽ cả hai". Vợ chồng Thúy Sương có vẻ l ườu l uyễn em lắm. Thúy Sương hỏi: "Chứng bao lâu chỉ sẽ về?". Em nói cho qua chuyện rằng chúng 5 năm

Anh xem em đâu có ngờ rằng em kéo dài đời sống tha hương cho tới khi Cộng Sản chiếm miền Nam, tuy thỉnh thoảng được về thăm quê hương, nhưng không bao giờ tìm lại được hình ảnh của quê hương như xưa. Anh Đức, chồng của Thu Sương, trước đó cũng ở Bà Rịa; anh nhắc chuyện cũ: "Tuồng bà và ông Nghĩa sẽ đi đến hôn nhân. Mỗi sáng chừa nhật tôi đi lễ nhà thờ, vẫn thấy bà ngồi ngoài xe đời ông ấy. Mỗi kỳ rằm, hoặc mỗi kỳ mồng một, ông S ở n, bạn tôi thấy ông Nghĩa đem xe đến đón bà. Trông hai người thân nhau mà chẳng đi đến đâu hết". Em bảo vợ chồng Sương: "Hai ông bà biết đó, đâu phải chỉ đi bất phờ, đi ăn chung với nhau là yêu nhau. Tình cảm con người rắc rối, uyển chuyển lắm...". Anh Đức ái n g ái cho em một mình đến xứ lạ và bảo rằng trog dịp Tết, dịp Noel chắc là em sẽ khổ tâm lắm.

Anh xem, trên giải đất cố hương, ngoài khung cảnh gia đình, em đã trải "nửa hôn t h ướng đau" lên con đường hành hương hương về tình yêu. Em còn gì để mơ mộng, hy vọng ở t ướng lai? Em cần có gia đình, cần có chồng để nương tựa. Em nghĩ rằng ở nửa chúng x u â n cuộc đời người đàn bà gặp nhiều bất h q nh như em, tình yêu vẫn là chuyện "hoa t r ong quồng, trắng đầy nước". Em phải rời Việt Nam theo chồng. Thu An và Thúy Sương, ai cũng có tổ ấm hạnh phúc, còn em chồng chệnh, lạc lõng như chiếc lá giữa cuồng lưu. Em giầu các bạn chí nói mình đi làm việc ở bên Pháp. N h ã n các bạn mình hạnh phúc, mình cam thây bơ vơ thêm. Trước đó, anh Đức đã đi tu nghiệp, bên Mỹ hai năm. Vợ chồng Thúy Sương còn trẻ trng vũng vàng bước vào đời vì họ cũng nương tựa bên nhau, tình yêu càng làm cho họ lạc quan hơn. Thúy Sương và em là hai thái cực, h a í cảnh ngộ riêng biệt. Cuộc đời an ổn đã làm cho cái nhìn của Thúy Sương thêm rạng rỡ, nị cười thêm tươi, tâm hồn bừng sáng n h ú miền quê nhà ngập tràn nắng đẹp. Còn em, em phải đi nốt con đường vui ít buồn nhiều của mình.

Anh thân mến của em, lúc này anh không khỏe đứng viết bài nhiều. Nhu cầu của anh vẫn là chuyện viết lách, vắng viết anh lại buồn. Từ trong vầng trăng thanh thân của anh qua tâm anh, em đã thấy rồi cả một nguồn cảm h í ng tràn đầy, rí ra tuôn ra không ngớt qua những dòng chữ trải đầy từng trang giấy này qua trang giấy khác... Hy vọng sức khỏe anh trở lại bình thường.

Đừng quá lo nhiều cho em, anh nhé. Mấy l ú c gần đây, em cảm thấy dễ chịu hơn nhờ c h ã m cứu một phần, nhưng có lẽ nhờ mỗi tuần e m đi học cảm hoa theo lối Nhật. Môn này e m thích nhất. Ngày còn ở bên quê nhà, em cũng có học, nhưng kèm may mắn vì không gặp giáo sư tận tâm. Giờ đây em có cảm tưởng khi trở

về miền Đất Đỏ, với những hoa rừng như hoa sim, hoa màu tím, hoặc em hái hoa huê, hoamai ở gốc vườn nhà cũng có thể chưng một bình hoa đẹp. Xứ mình ít hoa, anh nhỉ, những phần nhiều là loài hoa thơm, ngay cả hoa xoài hoa mận, hoa ổi vẫn có hương ngan ngát nữa. l à khác. Miền Đất Đỏ của chúng ta có nhiều loài phong lan đẹp mà nhà văn Nhật Linh đặt cho nhiều cái tên mỹ miều như Thanh Ngọc, Thanh Hài, Kim Diệp, Hồ Diệp. Nếu em giầu, em s ã m nhà kính, em sẽ sưu tầm nhiều loài phonglan và cây cảnh xứ mình. Nhìn hoa, giờ đây em tìm gặp rất nhiều an ủi, vì mỗi mùi hương, m ô í màu sắc của chúng như có một ngôn ngữ riêng. Em chỉ biết ở bên quê nhà, hoa sen t ú ó ng trướng cho người quân tử, nhưng cũng t ú ó ng trướng cho đạo Phật. Hoa huê tượng trưng cho tâm lòng trinh khiết của Đức Mẹ Maria. Hoa phượng vĩ tượng trưng cho tuổi học trò. Hoa mai tượng trưng cho ngày Tết và hoa g ữ t ướng trưng cho tình yêu anh nhỉ? Nếu em kh ỹ l ỹ đó là hoa hồng hoặc hoa ngọc lan hay hoàng lan? Còn hoa Pensée, hoa Mimosa ở Đà L q t tượng trưng cho cái gì trong cuộc đời nhiều ý nghĩa này? Em lãng mạn, em yêu hoa tìm đến theo hoa tìm lên tâm ảo dài. Em mến quê nhà nên em yêu thêm hoa huê, hoa sen. Em còn nhiều cuộc tình trên vùng Đông Xoài, Đất Đỏ, n ê n em yêu hoa sim tím đã từng ghi vết thương trong tâm hồn nhà thơ Hữu Loan.

Em cầm một bình hoa đẹp, chỉ cần một vài bộ nho nhỏ xinh trên nhánh lá duyên dáng thôi em đã thấy suốt ngày hôm đó có một ý nghĩa thâm kín tuyệt vời. Rồi em đọc thư anh, em như vừa sống theo nhịp sống của anh, như vừa sống lại khung cảnh ở cố hương, tâm hồn e m t ử d ị mất như thâm mĩa rão. Trước kia, khi sửa soạn đi ngủ em phải dùng thuốc ngủ 2,5 mg, giờ thì được lương giảm thiểu hơn phân nửa chỉ có 1 mg mà thôi. Tuy thế, lâu lâu em ghé phòng mạch của bà bác sĩ quen, và khi ra về em không dùng thuốc nữa. Hơn tuần nay, nghe theo lời anh, em đốt nhang niệm Phật. B ã n thơ Phật của em trong phòng khách, cò cômáy Tivi. Phải dời cả nhà đi ngủ, em mới t h ã p nhang lễ Phật hoặc cúng trà. Sau đó, em cảm thấy ngu ngon hơn trước.

Anh mang chứng mất ngủ mà không tìm x e m nguyên nhân. Theo em, một tâm hồn an tĩnh dễ khiến cho ta tìm một giấc ngủ thoải m ã í. Anh dùng cả phê hoài thì khổ mà ngủ n g on được. Hay uống cà phê loãng thôi, anh thử xem sao. Ở xứ này có loại cà phê rút hết c h ã t caffeine rất thích hợp cho kẻ mất ngủ m ã nghiên cà phê, tuy không thơm như cà p h ê thật, nhưng cũng có hương vị cà phê. Viết tới đây, em sức n ớ cà phê chôn ở miền Đất Đỏ. Lũ chôn ăn trái cà phê, bài tiết hết cà phê ra ngoài. Hột cà phê gặp đất đỏ phì nhiêu, gặp nắng hạnh, mưa rào, sương mát, đ ăm c h ổi

thành cây cà phê sồn sột. Khi trở trái, hột cà phê đem nghiền ra, thơm ngát hơn cà phê thường, vị đậm và dai dặng. Viết tới đây, em có thể miêng tưởng những quán cà phê ở Đông Xoài, ở Bà Rịa chiều chiều tập nập các chàng quân nhân. Quán mái tôn đón gió, bàn gỗ, ghế gỗ đầu vây quanh, trong đó mịt mù khói thuốc, thơm ngát hương vị cà phê phin; từng giọt nâu đậm như thuốc bắc sặc trong ấm đất rơi vào cốc thủy tinh. Ai đã vào đối lĩnh đẽ u biết hút thuốc lá, uống cà phê, bia và rượu dẽ. Anh xem, em là người dân bà đa cảm, thích sống cho dĩ vãng biết bao! Dưới ngời b ụ t của nắng, dĩ vãng lần lượt hiện lên. Dĩ vãng của cuộc chống Cộng hào hùng biết bao, làm sao nắng có thể quên được, khi mà những ng ười dân ông đã đi qua đối nắng, kẻ thì bỏ thây nói chiến địa, kẻ thì giờ đây ở trong trại cải tạo không còn hy vọng ngày được phóng thích.

Vẫn mong một ngày không xa được gặp anh, ngồi bên nhau, uống từng ngụm cà phê, nh ớ lại chuyện ngày xưa, sẽ kể cho nhau nghe chuyện hôm nay và ngày mai, nếu hoàn c ả nh cho phép.

Trở lại tâm b ụ anh mà anh gửi cho em, nhìn những ngôi nhà trong ảnh với mái ngói, cột gỗ giống đa số ngôi nhà trung lưu ở miền cao nguyên. Ở vùng em trai của em ở, dĩ tận vào những làng nhỏ, anh sẽ gặp những ng ười nhà gỗ, mái lợp rơm, làm em liên tưởng những căn nhà nghèo ở vùng đất đỏ với mái l ợp tranh, vách đất. Ở vùng cao nguyên, mái nghèo thường lợp bằng tranh, còn ở vùng phù s ả, Hậu Giang, mái nghèo lợp bằng lá chàm, lá xê (đó là lá dừa nước). Em đã từng sống ở mái nhà lợp tranh, lợp tôn, lợp ngói bên quê nhà, có thể nghe tiếng mưa rơi trên mái trng những đêm tràn trọc. Ở đây, em thường l ắng sâu tâm trí vào tiếng mưa rơi để miêng tưởng lại những cơn mưa quê nhà, những mạch nước thấm nước mưa, chảy vào lòng giếng sâu thẳm và mát rượi trong buổi trưa hè.

Kèm với thư này, em gửi anh hai tấm ảnh của hai cô ái nữ của em. Bê lớn mười tuổi, bê út gần sáu tuổi. Cảnh này chụp trước căn nh ớ bà bạn, cách đây mấy tháng. Anh xem trong 2 cô bê, cô nào có nét Việt Nam nhiều nhất, cô nào là phản ảnh của em?

Em đứng bút ở đây, anh nhé. Chúc anh khỏe, dẽ chịu hơn.

Mền nhiều,

TRẦN THỊ CẨM THỊ

tiếp thu trang 52

trong kỷ ức của tất cả những kẻ tha hương. .. nhìn đồng hồ thấy đã gần trưa, tôi đứng lên từ giả H. ra về, mặc dù H. cố gắng giữ tôi lại ăn cơm, nhưng tôi từ chối và nói đùa với H.

- Nhà H. có mắm tôm cà pháo thì tôi ở lại, còn ăn Wurst Đức thì tôi về.

- H. cười, mắm tôm cà pháo thì không có, nh ớ các món ăn Việt Nam thì có.

- Tôi từ giả H. ra về... H. còn cố dặn với theo, anh nhớ về nhà, khi nào rảnh ghé e m chơi nhà.

Trở về phòng, ngồi vào bàn viết, nhìn qu ả khung cửa sổ, ngoài trời một vài mảnh tuyết nhỏ dạt dờ bay lượn trên không. Phía b ề n tiếng ồn ào của đám thanh niên đọc t h ả n đang quay cuồng bên những kết bia, và khói thuốc. Đó là hình ảnh quá quen thuộc mà khi tôi về trại này tôi đã gặp, nên tôi c ứ n g chẳng lấy làm khó chịu và tôi còn dẽ dàng thông cảm cho họ. Tương lai của họ là gì kh ể thế cao hơn là những tay thợ, vật lộn v ớ i những đồng m ỏ trong những hang xuống. Rồi hít h ứ c chạy theo những cảm đ ộ vật chất và những hưởng thụ xác thịt... rồi nh ớ mất mát và chân chương...

Bóng tối đã xuống lúc nào, căn phòng đã mờ dần, tôi nằm dài trên ghế nhìn dĩ vãng qua làn khói thuốc quện bay, miêng man nghĩ tới khói lam chiều nơi mái tranh giờ này chắc mẹ tôi đang nấu bữa cơm độn khoai b ỏ i chiều...

HÀ LONG (Reutlingen)



mmmmmmmmmmmmmmmmmm

DŨNG SĨ LÊ NGUYỄN

- Kính bạch Thầy! Con tự nghĩ, không lẽ bao năm rèn luyện miệt mài, bao nhiêu công phu tập luyện, chỉ để núi rừng và trăng sao nhìn ngắm? Đất nước đang loạn lạc, lòng người đang l y tán giặc già hoành hành tác hại lương dân, đạo đức bị chà đạp... Chẳng lẽ đứng g ư ở m tuyết bả mà Thầy bao năm khổ công rèn tập cho con phải khoanh vòng trong gió núi? Chẳng lẽ những phương thuốc bí truyền mà Thầy truyền dạy cho con chỉ để chữa trị cho thú rừng? Chẳng lẽ bao lời kính k ệ chỉ để cho là cây r ỉ rào lắng nghe? Con kính xin Thầy cho c o n xuống núi...

Ánh trăng đêm nay bỗng dưng lạc lẽ chỉ là, những ngọn đèn hồng toả sáng cả khu rừng hoa, nghiêng bóng dính thụ đồ dài đến tận bờ sông, mà tiếng sóng vỗ bờ chỉ còn thoang t h óang theo làn gió tản mát v ỡ sức chân của rừng cây dây đặc. Tướng quân Lê Nguyễn ngồi lặng lẽ bên bầu rượu, có lẽ từ lâu lắm rồi, vì trên mái tóc, trên đôi vai, trên tà áo nhung, x a n h tuyết có thêu hình đầu cọp đang vươn những chiếc răng nanh oai vệ bằng kim tuyến v ả ng, quý giá, đã uốn uốn nước sương...

Dân làng bắt đầu để ý đến sự hiện diện của người thanh niên lạ, trong thời buổi loạn lạc này, phòng ngừa là phương cách hay nhất để kịp đối phó với những bất trắc mà giặc c ư ở p hung tàn đem đến trước sự bất lực của triều đình đầy tham quan ô lại, những bộ lão đã già bì mặt họp riêng, và dân làng nhận được chỉ thị chuẩn bị để chống cướp, nhưng chời canh được tăng thêm người, giáo mác được năm cạnh sẵn trên những con đ ề khi những thanh niên ra đồng làm việc, trẻ em không được phép ra xa làng, và trên mỗi bước chân của người thanh niên xa lạ ấy đều có thêm nhiều dấu chân lặng lẽ dậm lên. Dân làng đã chuẩn bị như thế, những bất cảm tù hay tra khảo thanh niên lạ đó thì không ai dám nghĩ đến, sự tra' thù của giặc cướp sẽ tàn hại đến mức nào nếu đồng bọn của họ bị giết. Đùng chóc giận đến cướp, nếu họ c h ư a đứng chạm đến ta, đó là ý nghĩ chung của dân làng, và thêm chừa lại đồng nghít lão bà đến cầu nguyện cho một nạn tai khủng khiếp, đó đến. Hai tháng, ba tháng, rồi bốn tháng trôi qua chẳng thanh niên xa lạ có thân hình rắn chắc, có cặp mắt sáng toát đầy, nghị lực dưới vầng trán cao thông minh... đã chấp chớn trong những giấc mộng xuân thì của các thôn n ữ, t r ề n ữ thích nô đùa, thích lắng nghe những câu chuyện cổ tích kỳ thú với chàng thanh niên đó. Sứ cụ trừ tr ừ có thêm bạn đêm đêm gõ nhịp mõ ngân vang l ời kính hay những khi vào r ừ ừ ng hái thuốc hoặc chân mạch hốt thuốc chữa bệnh dân làng, cuối cùng rồi thanh niên trong làng cũng theo chàng trai xa lạ đó để học hỏi thêm những đường quyền thế kiếm, hay để dậm đạo thi ca. Dân dân, dân làng nhìn chàng thanh niên bằng cặp mắt khác, không còn xa lạ nữa, có ít thường yêu, có ít kính mến. Rồi nạn tai cũng đến, bụi mù gió ngựa của đảng cướp hung, t ả n nhất cũng cuốn cuộn rầm rộ trên đường về làng. Bộ lão cuốn cuồng, thanh niên tất t ả, k h ấ p nđi vang dậy tiếng trống tiếng phen la đồn đập ma quái hòa với tiếng khóc của phụ nđcung tiếng cuốc xới v ỡi và chôn dấu đồ đạc. Cũng chừa lại đồng và cang đồng hơn nữa, khi tin cáo cấp cho biết các làng khác từ chời giúp chống giặc và lĩnh huyện thành còn bận dẹp giặc làng xa. Trong cơn nguy biến đó, đánh giặc chỉ còn là phương pháp cầu may, mà cầu nguyện mới là phương pháp giải nguy, thì chàng thanh niên xa lạ đã oai dũng đứng lên, l ời ch ả ng s a o hùng thép chỉ lạ, đôi mắt chàng sao sắc sáng như gươm. Bỗng dưng dân làng cảm thấy như được truyền vào một làn sinh khí mới, cảm thấy như đang được sự che chở của các đấng Thần linh mà chàng thanh niên xa lạ là con trai là đ ề từ v ả ng l ời Thầy xuống thế. Lửa binh giặc chừa bên đ ềh công làng, thì tướng giặc hung tàn đã hồn l ả khơi xác. Dân làng hân hoan, khắp nơi vang rền l ời ca tụng chàng thanh niên xa lạ, chàng dũng sĩ con Thần linh. L ời ca tụng vang xa, vang xa mãi, từ làng này sang làng khác, vang đến huyện thành, đến tỉnh thành. Thế là ch ả dũng sĩ trở nên một tiêu tướng, đánh đồng dẹp bắc, đem đất nước gồm về một mối cho nhà vua.

Và giờ đây, tướng quân Lê Nguyễn, chàng thanh niên xa lạ, chàng dũng sĩ, viên tiêu tướng của ngày nào, ngồi lặng lẽ bên bầu rượu, có lẽ từ lâu lắm rồi, vì trên mái tóc, trên đôi vai đ ầ u uốn dậm nước sương, xa xa bóng những người lính cận vệ ng ả dài theo ánh đèn hồng từ t ờ a dính thụ đồ s ỏ toả ra, và những n ữ t ử hầu cận đã được phép ch ả ng nghỉ ngơi, vẫn mệt mỏi sau của r ềm đội ch ả ng sai bao. Ở dính thụ, đi quân hầu, đi giải nhận, đi rượu thịt... Lê Nguyễn, chàng dũng sĩ dọc ngang trừ bạo ngày nào, giờ chỉ còn là "Tướng quân" trong ngàn ấy thú, có còn chăng là tên Lê Nguyễn vang bóng thời xưa để ám ảnh giặc cướp và cả dân lành, nhưg

người đang muốn vùng lên để hất đổ những gông cùm áp bức mà triều đình gồm toàn tham quan tàn độc đè ép. Lưỡi gươm bầu đã lâu rồi nằm yên trong vỏ, đường kiếm tuyết luân bao năm Sư phụ khô' công truyền cho đã lâu rồi ngủ quên trên nệm ấm, và những câu kinh đã bị lấp vùi qua bao ngày thặng dần ca rượu thịt với giai nhân. Ngoài kia nhân dân vẫn lâm than cơ cực nhưng chàng dung sĩ vẫn còn tiếc nuôi hủ vị Tướng quân, vẫn còn khom lưng vang lời catụng tham tàn để nhận ân sung rượu thịt với giai nhân...

Nhưng đêm nay, ánh trăng lạc lẽo chi lạ, thật tự nhiên dàng, rượu bỗng đắng cay, chàng dung sĩ nhớ những đêm trăng sáng núi rừng, cùng huynh đệ đàn ca dệt võ, nhớ mùi thơm của trà và cúc trà lái, nhớ cơm rau cải, tiếng chuông chùa êm vang...



Cũng đêm hôm đó, núi rừng cô tịch bị khuấy động bởi tiếng võ ngựa rộn ràng, những đàn chim ngủ thức, ngó ngác nhìn người 10 năm xưa trở lại: Lê Nguyễn. Ở núi rừng, ở ánh trăng thân yêu sau 10 năm xa cách, vẫn không có gì thay đổi, vẫn đẹp, vẫn yêu kiều, vẫn thanh thản như xưa. Lòng Lê Nguyễn rộn rã niềm vui, thấy trước mắt bóng dáng Thầy kính yêu ẩn hiện. Nảy sợ để, nảy sư ca, nảy giọng suối mát trong đã tam gôi chàng cả thời niên thiếu... , chàng bỗng muốn hét to: "Sư phụ ơi! Con đã về". "Sư ca, sư đệ đi! Lê Nguyễn đã về, về với sư huynh đệ, về với núi rừng, về với ánh trăng trong, về với tiếng chuông chiều thanh thản..."

ĐOẠN KẾT :

Nhưng Lê Nguyễn chưa tìm thấy được Thầy, chưa tìm thấy được giọng suối mát trong, thì đôi Hồ trắng bất chợt xuất hiện. Đôi Hồ mà Sư phụ nuôi dạy tư nhớ, dùng để cạo râu những ai lên núi mà lòng còn tham hận, giờ đang đứng canh trước đường chàng. "Đại-, Tiểu Hồ", 2 người không nhận ra ta sao? Lúc ta còn ở đây, vẫn thường nô giỡn với 2 người kia mà". Nhưng đôi Hồ vẫn chồm vọt trước mắt chàng. - "Hãy tránh đường để ta về chào Sư phụ". Nhưng đôi Hồ vẫn lâm lĩ tiển tới. Cơn nóng giận chợt bùng lên, Lê Nguyễn, Tướng quân ngang dọc một thời, hét to, cùng ánh sáng lạnh người của lưỡi gươm bầu vừa tuốt ra khỏi vỏ. "Hay c h o nghịch súc phản bội sư môn". Nhưng, như một cơn gió xoáy, như một trận bão cuồng, đường gươm tuyết bả mà chàng bao năm khô' công tu luyện tan loãng vào hư không, lưỡi gươm từng nhuộm đỏ bao máu hùng anh quân thù giờ nằm gọn giữa 2 hàm răng nanh của Đại Hồ, và chiếc áo, chiếc áo nhung xanh có thêu hình đầu cọp kim tuyến vàng nằm tả tơi dưới móng vuốt của Tiểu Hồ. Lê Nguyễn lùi về 3 bước... 4 bước... ánh mắt lộ vẻ kính hoàng lân giận dữ. Nhưng đôi Hồ lặng lẽ bỏ đi và từ xa vang vang tiếng người sư đệ mà chàng yêu thương nhất: "Chào Sư huynh đã về, Sư phụ dạy đệ đón Sư huynh. Người có nhân lời hỏi tại sao Sư huynh về sớm thế khi đất nước còn loạn lạc, lòng người còn ly tán, đạo đức còn bị chà đạp, nhân dân còn lâm than, và nhất là Sư huynh đã trả lại chức vị "Tướng quân" để trở lại chàng "dung sĩ" ngày nào chưa?".

Khi ánh bình minh vừa lộ dạng, khi tiếng chim rừng vừa cất tiếng liu lo, đàn trong v ù n g trông thấy từ trên núi cao, từ khu rừng xanh, bóng một kỵ sĩ rạp người trong võ ngựa võiva đồ xuống, vắng vắng từ cao quỵện trong gió sớm từng hồi chuông chùa...

Lünen, ngày 19.03.1984
BÌNH DƯƠNG

Hạnh phúc của Thi

Yên Nữ Hiền Thuỳ

(tiếp theo)

Phải khi ông Trưởng giả lâm bệnh, các thầy lang đến chữa được ông tiếp đãi rất trong hậu, ăn uống dàng hoàng, tiền bạc tốn kém khá nhiều. Nhưng không may ông gặp bọn thầy lang gian ác, chẳng có lương tâm vì biết ông giàu có nên cho uống trái thuốc, cốt ngấm bệnh ông lê nhè mãi không khỏi để chúng kiếm nhiều tiền.

Lúc bấy giờ ông có một người ở gái, nàng này hàng ngày thuốc thang cơm cháo hầu hạ, cô ta biết mưu của bọn thầy lang gian ác như thế, nên cô ta thưa với ông rằng: "Thưa ông, các công lang không tốt đâu, họ ác lắm! Vì thấy ông giàu có, nên cho ông uống trái thuốc cốt dặng gấm bệnh đây đưa cho lâu khỏi để cầu lợi. Vậy ông cứ để tôi cứ như lần trước, theo đúng phép điều trị thì chóng khỏi!!". Ông nói: "Phải, mi nói đúng, cho mi được tùy ý". Quả nhiên không bao lâu ông Trưởng giả khoẻ mạnh lại như xưa. Sau một thời gian cô thưa với ông rằng: "Thưa ông Trưởng giả! Tôi lâu nay hầu hạ thuốc thang cho ông, ngày nay ông đã khỏi bệnh. Vậy tôi mạo muội xin ông một điều, nếu ông vui lòng tôi xin thưa? Ông Trưởng giả đáp: "Được, mi cứ việc nói. Nàng hầu nói tiếp: "Tôi mong ước đã lâu, để được sống vui thú bên ông một đêm, xin ông đừng từ chối!" Ông Trưởng giả mỉm cười gật đầu ...

Cô mừng quá, đêm hôm ấy cùng ông thỏa mãn sự mong muốn. Sau đó cô thụ thai, qua thời gian an thai nguyệt khai hoa cô sinh được một cậu con trai, vì được mãn nguyện vọng nên đặt tên cho thằng bé là Mãn Nguyên. Song cũng hay! cậu bé khẩu khí, khi lớn khôn có đức tính không gò tuấn tú, lòng dạ ngay thẳng trung chính và thông minh, về mặt thương mại có tinh thần ý chí hơn người. Lại biết cách trồng cây, nuôi súc vật, đi đến đâu cũng gặp phúc lành được mọi người kính mến thương yêu vì những đức tính tốt của cậu ta. Như vậy, là do tinh khí của ông Trưởng giả, nên cậu được thông minh xuất chúng, chỉ nói làm con người ở gái nên đứng vào hàng nô tỳ hèn hạ không được cao quý bằng con bà lớn. Ít lâu ông Trưởng giả lâm bệnh, biết mình phải chết, ông cho gọi hai con lớn lên dặn rằng: "Con người có sinh phải có tử, xem trong mình cha không còn phần nào ở với các con được nữa, vậy sau khi cha mất phần các con nên ở với nhau, chớ phân chia tài sản...". Đáp: Dạ vâng, xin cha cứ yên tâm điều dưỡng thuốc thang nếu cha có mệnh hệ nào, chúng con anh em ăn ở hòa thuận với nhau một nhà như lời cha dạy bảo. Dặn dò con cái xong ít ngày ông Trưởng giả lìa đời. Nhớ lời cha dặn trời anh em nhà họ Pháp ăn ở với nhau, trên dưới thuận hòa, sống chung một nhà đoàn viên vui vẻ, không xảy ra chuyện xích mích. Qua thời gian khá lâu, sau khi mãn tang cha cũng vì sự sinh sống 2 người anh con bà lớn, đi ra nước ngoài buôn bán, vợ con và tài sản đều giao cho Mãn Nguyên là người em thứ ba ở nhà coi sóc, thay thế hai anh đảm nhiệm việc gia đình.

Theo lời hai anh, Mãn Nguyên ở lại nhà phụng sự gia nghiệp, tăng gia sản xuất để nuôi gia đình một cách chu đáo, đối với hai chị dâu và các cháu. Một hôm đứa con trai nhỏ của Thằng Quân đến xin tiền Mãn Nguyên, gặp lúc không sẵn tiền Mãn Nguyên nói với cháu: "Hôm nay chú không có mang tiền theo, cháu muốn mua gì để chú mua cho!" Thằng bé giận dỗi chạy về mách mẹ rằng: "Mẹ ơi! chú Mãn Nguyên không có công tâm thương yêu cháu chẳng công bằng; con bác muốn gì chú cũng cho, thế mà hôm nay con xin tiền mua quà chú ấy không cho!" Mẹ, thằng bé nói trong giận dữ: "Thê! à! Làm sao con đứa ở lại thiên lệch như vậy? Thôi không thèm xin nữa để mẹ về mách lại với ba. Sau khi Thằng Quân về, chị hai tức giận đem chuyện đó nói với chồng. Thằng Quân si mê vội nghe lời rầy tai to nhỏ của vợ sinh lòng bực tức nổi giận nói: "Con đứa ở sao dám thiên lệch như vậy? Nó muốn chết ư? Ta sẽ giết nó cho xem!" Nghe lời vợ con Thằng Quân bèn lên nói với anh cả rằng: "Thưa anh, theo lời cha dặn lúc sinh thời, anh em phải hòa thuận ăn ở chung nhau, nhưng em thấy chú Mãn Nguyên quá đáng, em muốn xin anh cho ở riêng.

Anh cả khuyên như Thằng Quân: "Thôi chú ạ, Mãn Nguyên chú ấy tôi làm đó, chú nghe chỉ t r ể

con đàn bà, trái lời cha dặn là bất hiếu! Thăng Quân một mực không vừa lòng nói với anh cả đến đời ba lần không thôi. Người anh biết rằng nếu còn ở chung rồi đây sẽ xảy ra những chuyện không hay, bất đắc dĩ phải cho phân củ. Tất cả ruộng vườn, của cải, súc vật chia đều ra bốn phần. Anh cả hai phần, Thăng Quân một phần, còn lại một phần cho Mã Nguyên, chia gia tài xong Thăng Quân nói: "Phần anh thì anh lấy, còn của chú Mã Nguyên thì để em giữ".

Người anh biết ý Thăng Quân không tốt muốn tìm cách hại đứa em khác mẹ, nên khéo léo cho Mã Nguyên đi ở nơi xa. Lúc tư gia ra đi Mã Nguyên được chị cả cho năm đồng tiền ăn đường. Mã Nguyên nghe lời anh cả trở sang tỉnh khác làm ăn, hôm ấy ra chợ mua củi, mang về đờn được mấy đoạn gỗ chiên đàn và mấy đoạn gỗ ngưu đầu, anh bèn chặt ra mười đoạn cất đi. Cũng nhờ phúc lành của Mã Nguyên đến ngày phát hiện, khi đó Hoàng hậu đương triều mắc bệnh nhiệt, phải dùng hai thứ gỗ nói trên mà uống thì khỏi, nhà vua cho người đi tìm mãi không được, phải viết ban cáo thị: "Nếu ai tìm được gỗ chiên đàn, ngưu đầu cho Hoàng hậu trị bệnh ta sẽ trả cho ngàn lạng vàng". Mã Nguyên hay tin mừng quá đem dâng vua một đoạn, vua cho một ngàn lạng vàng, cứ thế anh dâng vua hết mười đoạn, đoạn được mười lạng vàng. Anh đem về mua mười mẫu đất, xây cất nhà cửa, xe, ngựa, lục súc, nuôi nô tỳ, thuê người làm lụng, tư đồ gia nghiệp anh mỗi ngày trở nên phong phú.

Bấy giờ, có năm trăm người lái buôn biết Mã Nguyên có khá nhiều vốn liếng, rủ anh ra biển buôn bán. Mã Nguyên về thưa với anh cả rằng: "Thưa anh, em muốn ra biển buôn bán và tìm tài trân bảo có được xin anh cho phép? Anh cả đáp: "Được lắm, tôi sẽ cấp thêm tiền bạc và cho một người đi theo cùng chú... Gặp thời cơ đã đến Mã Nguyên ra biển làm ăn buôn bán được phát tài gấp bội lần trong đất liền, và lấy được rất nhiều hạt xoàn, ngọc thạch, trân bảo, vàng, bạc nên mừng thắm, lớp này về nhà đã được giàu có nay lại tăng phần khá giả hơn, của này ăn đến bảy đời không hết. Đương lúc thuyền lênh đênh trên mặt biển, đã bao nhiêu ngày một trời một vực, bỗng nhiên mọi người đều nhìn thấy ba mặt trời xuất hiện. Thấy điềm lạ mọi người trong chiếc thuyền đồng nhau sợ hãi hỏi người lái đò rằng: "Hôm nay, sao lại có đến ba mặt trời, ông có biết đó là điềm gì không? Ông lái đò đáp lời: "Các ông nên biết đây là điềm nguy hiểm cho chúng ta đây, không bao giờ có ba mặt trời. Ở biển này có loài cá Ma Kiệt lớn dài bảy trăm do tuần, mỗi giấc ngủ của nó là một trăm năm khi thức giấc nó hăm dọa cho nước biển và tôm cá chạy vào làm món ăn. Các ông nhìn xem, trên kia là mặt trời chính, còn hai bên là hai mặt cá, giữa khoảng trắng kia là răng nó, nước dương chảy vào chỗ t ở i kia là mồm nó. Nguy đến nơi rồi các bạn ơi! Bọn ta sẽ chết trong mồm cá này đây, thời thế là hết lối tẩu thoát tại mình chết đến nơi rồi, thuyền cứ theo dòng nước tự tự chảy vào mồm cá. Khi gần đến nơi, có một người Ưu Bà Tắc theo Phật giáo lớn tiếng nói rằng: "Các bạn ơi! Cái chết của chúng ta đến nơi rồi các bạn mau mau cùng tôi dốc lòng thành kính niệm Nam Mô Phật vì Ngài là một đấng có đức nhân trong ba cõi không ai bằng, Ngài lại có đại lực cứu khổ ban vui, trong chớp mắt. Ai nấy đều sợ chết nghe ông Hiền giả nói xong, một lòng thành kính tha thiết đồng thanh niệm Nam Mô Phật.

Cá Ma Kiệt nghe được danh hiệu Phật, phát từ tâm ngậm mồm lại rồi lặn xuống đáy biển, mọi người nhờ đó đều được thoát nạn trở về nước. Đến nhà, Mã Nguyên lấy mâm dâng các thứ của quý ở ngoài biển, biếu người anh cả tên Tiên Na, chị dâu và các cháu rồi nói rằng: "Thưa anh em đã vì gia đình lo sinh kế mà lập nghiệp. Đến nay nhà cửa ruộng đất, các trang vật đầy đủ, con cháu ăn đến bảy đời không hết, em xin biếu hết cả cho anh chị và các cháu, xin anh vui lòng cho em xuất gia theo Phật tu hành hầu thoát khỏi các sự khổ não cõi trần gian. Anh cả đáp: "Chú nói phải, tôi cũng không muốn làm trái ý nguyện của chú, song chú hay còn ít tuổi chưa học hỏi lẽ nhân luân, Phật pháp cao sâu làm sao theo nổi, chú hãy đợi vài năm nữa hãy đi, tôi rất tán thành không cản. Mã Nguyên đáp lời anh cả: "Thưa anh, mạng người vô thường, sớm còn chiều lại mất không có nhất định, không lấy gì để báo đảm, buổi trước đây em ra biển gặp cá Ma Kiệt suýt chết! chết hụt, may cũng nhờ ơn của đức Phật cứu sống, vậy anh hãy hoan hỷ cho em đi đừng cản em nữa không nên dẫu anh a, vì em đã quyết định như vậy.

Anh cả nghe em mình phân bày như vậy thấy hợp lý nên bằng lòng và nói: "Thôi chú đã có tâm ước muốn việc tốt, tôi cũng không dám cản chú xuất gia, tôi vui lòng. Mã Nguyên mừng rỡ tiếp lời: "Anh hoan hỷ cho em nhé". Sau khi được sự chấp thuận của người anh cả Mã Nguyên rủ năm trăm người lái buôn đi đến nước Xá Vệ xin yết kiến Phật, tới nơi cúi đầu lễ sát đấ t bạch rằng: "Kính lạy đức Thế Tôn! Chúng con tìm đến đây để cầu xin xuất gia tu đạo cúi xin Ngài từ bi tế độ cho. Đức Thế Tôn nhìn thấy họ tới cần đã hết, quả Bồ đề đã phát sinh, nên Ngài mỉm cười nói: "Thiện Lai Ty Khưu". Vừa dứt lời, năm trăm người lái buôn đều biến thành các vị Sa Môn theo Phật tu học, chẳng bao lâu tâm trí giác ngộ, dứt hết lậu nghiệp ba cõi, đặc quả La Hán. Duy có Mã Nguyên kết sự nặng quá phải giảng thuyết cho nghe nhiều s o ng cũng không giác ngộ.

(còn tiếp)

VỤ ÁN THỊ LỘ

PHONG HÙNG

(tiếp theo)

NHÂN CHỨNG :

Nhân chứng khi Lê Thái Tông băng hà là Thị Lộ, quan ngự y cận thân và cận vệ tại hành cung trên đường về Thăng Long. Chính những người này chứng kiến tận mắt, ngay tại long sàng. Ai đã giết Thị Lộ, cận quan hay quân hầu? Ngự y khám nghiệm bệnh bất đắc kỳ tử của vua khai gì? Trong đoàn tùy tùng có ai là vi phạm của Lê Sát không? Ai nghĩ ra mưu chước vu cáo Thị Lộ là răn? Lời khai của Ngự y ra sao? Những yếu tố cơ bản cách chi tiết không được sự chép, chỉ qua truyền miệng hoặc dư luận. Có thể đề phi tang trốn trách nhiệm, các quan cận vệ giết Thị Lộ tức khắc, thay vào con răn để chạy tội mình không bảo vệ mình xong. Ngự y chuẩn bệnh khai thế nào và quan trọng nhất Thị Lộ báo cáo gì với quan Ngự y, Thị Lộ đã bị giết, lời khai thật truyền. Những chứng nhân, ngoài Thị Lộ, có khai trung thực với sự kiện xảy ra không hay họ cùng đồng loã che dấu sự tội lỗi? Nếu khai đúng là Lê Thánh Tông chết vì tức sắc, liệu quan Ngự y có yên thân hay bị khiển trách vì bất tài? Sao mọi người khai Thị Lộ là răn, mà không là hồ ly như Đắc Kỷ thời Trụ Vương? Sao là răn? Răn nhiều ở vùng rừng núi thời hoang sơ, nhất là ở Chi Linh, phải chăng là trùng hợp? Hoặc giả Vua bị răn cần chết? Sự chép Vua "bệnh", mơ hồ, mơ ám, che dấu. Nếu bị răn độc can, hoặc phong hàn, hoặc bị thích khách thì sự gia đã chép, không cần dấu diếm vì điều đó không làm mất uy tín Vua và hoàng tộc. Giải thoát răn báo oán có trước hay sau vụ án? Chưa điều tra xong.

Các chứng nhân lúc bấy giờ không ai đại dật cung khai, báo cáo theo chiều hướng bất lợi cho mình, sự trung thực thiếu sót, nên chỉ còn cách giết Thị Lộ và đổ tất cả tội trạng lên đầu nàng Thị Lộ và con răn độc. Chứng nhân không được tận nhiệm vì khai man. Triều đình và hoàng tộc mê tín đến đâu để tin chuyện "Răn báo oán". Giết xong Thị Lộ, tất cả đều được êm nhem. Thị Lộ và con răn đã bị giết, người và vật chết không tiết lộ gì cả.

Chủ tọa phiên án gồm luôn công tố viện, cả hai thành phần chỉ là một trên thực tế, gồm có: Vua Lê Nhân Tông, Hoàng hậu vợ Lê Thái Tông, hoàng tộc và bá quan trong triều.

Vua Lê Nhân Tông tức Thái tử Bằng Cơ con Lê Thái Tông, lên ngôi mới 2 tuổi, còn nhỏ dại nên xin bố qua không nhắc đến, người quan trọng sau lưng vua là Hoàng hậu vợ Lê Thái Tông. Tuy sự gia không đề cập, nhưng chính bà là người quyết liệt nhất trong vụ án tru di tam tộc Nguyễn Trãi. Đau đớn tột cùng vì mất chồng và thất vọng ghen tuông đến điên cuồng, bà hoàng trẻ này chắc chắn không tha ai dính liú đến cái chết của chồng, dù oan hay ứng. Giết tất cả để thỏa cơn ghen tức, điều này dễ hiểu, vì Hoàng hậu quá trẻ, không đủ trí phân đoán suy xét hành động bà thỏa mãn sự giận dữ nhất thời.

Ngoài ra, quan trọng không kém là triều đình. Triều đình chính là các quan đồng liêu, đồng thời và hậu sinh của Nguyễn Trãi. Tâm giao cũng có, ganh tỵ cũng nhiều vì ân sủng và bổng lộc Nguyễn Trãi được hưởng. Rất nhiều vì khai quốc công thần theo Lê Thái Tổ trước Nguyễn Trãi, nhưng chỉ có ông được Vua đãi ngộ cực kỳ trọng hậu. Đứng đầu vạn quan, nhập nội hành khiển, lại là mưu thần kế cận vua Lê Thái Tổ, quyền uy Nguyễn Trãi bao trùm cả triều đình. Lúc đang còn tại chức, Nguyễn Trãi chắc đâu làm vừa lòng các bạn đồng liêu, nhân vô t h ập toàn. Giao tình với các bạn đồng liêu bị phạm hàm ngàn cách, không ai đại dật chạm đến Nguyễn Trãi, ngược ý ông là ngược ý vua. Sự tranh giành ảnh hưởng của các công thần âm ỉ từ đời Lê Thái Tổ, nào Ta tướng quốc Trần Nguyên Hãn (thân thích của Nguyễn Trãi), Thái úy Phạm Văn Xảo, tiếp theo là Phu chính Lê Sát, Lê Kha, Lê Khắc Phục, Lê Ngân. Họ đều là những công thần, tất cả vì lý do này hay lý do khác lần lượt bị giết. Quan thân dù thương Nguyễn Trãi (được bao nhiêu người?) không đủ can đảm đứng ra tâu xin tru di tam tộc cho triều đình tra xử thực. Sở dĩ đồng quan trong triều thừa cơ hạ luôn Nguyễn Trãi để hưởng lợi. Kết quả, Nguyễn Trãi bị kêu án "tru di tam tộc". Thị Lộ bị giết ngay từ đầu, trước khi tòa án bắt đầu, nên không cần nhắc đến trong phiên tòa.

Sau biến cố xáo trộn, Lê Nhân Tông bị anh là Nghi Dân giết đoạt ngôi, Nghi Dân lại bị giết

Mười tám năm sau vụ án, đến đời Lê Thánh Tông, vụ án được xét lại lần thứ hai.

Chủ toạ vụ án là vua Lê Thánh Tông. Mười tám năm qua các quan công thần và cựu thần bị giết quá nhiều, hầu hết còn sống cũng đã về hưu. Mộ Nguyễn Trãi đã xanh cỏ. Người xét lại vụ án là vua Lê Thánh Tông, một minh quân nhân hậu, một thi sĩ thích ngâm vịnh và là một nhà cai trị lỗi lạc. Qua bài thơ Vĩnh Miếu Vệ Chàng Trulong, người ta đoán là vị vua này thâm trầm, biết suy xét, không hấp tấp.

Người truy tặng các công thần bị giết oan thời trước và xét lại vụ án, thấy Nguyễn Trãi vô tội, nên cho tìm con cháu Nguyễn Trãi cấp 100 mẫu ruộng hưởng hóa. Phiến tòa bê mặt vĩnh viễn, Thị Lộ không được vào hầu tòa.

Trở lại "Vụ Án Thị Lộ". Sự gia người đời chép vậy, nói vậy, ta quen gọi vậy cho tiện. Sao gọi là "Vụ Án Thị Lộ"? mà không là "Vụ Án Nguyễn Trãi"? hay "Vụ Án Nguyễn Trãi Thị Lộ"? Vô hình chung, chúng ta tự nhiên tách rời Nguyễn Trãi ra khỏi vụ án (vì được phục hồi) và Thị Lộ được xem là thủ phạm duy nhất gây cái chết Lê Thái Tông?.

Ai là thủ phạm gây cái chết Lê Thái Tông?

Chỉ có hai người biết chắc chắn là Thị Lộ và vua Lê Thái Tông. Ngụ ý, cận vệ, Nguyễn Trãi có thể chia sẻ phần nào sự thật. Ngoài ra chúng ta chỉ phỏng đoán, chưa chắc sai cũng có thể đúng. Lê Thái Tông chết bất ngờ, Thị Lộ bị trảm ngay sau đó, nên sự thật không dễ để tiết lộ. Yếu tố chính gây ra án mạng xem chừng cũng bằng bạc mớ hồ, thành giai thoại. Nhìn những biến cố chính trị thời Lê Thái Tông trị vì, qua Lê Thái Tông, Lê Nhân Tông, Nghi Dân đến Lê Thánh Tông, sự giao tế của Nguyễn Trãi đối với bá quan, sự tranh giành thế lực ảnh hưởng của các công thần lòng quyền, hàng loạt bị loại. Lê Thái Tông tuy thông minh nhưng lúc lên ngôi quá trẻ, tham mê tài sắc quá độ, Thị Lộ tài sắc quyền rũ vua. Tất cả những yếu tố trên và những yếu tố chưa được khám phá phối hợp tỉ mỉ đúng lúc theo định mệnh đưa đến cái chết Lê Thái Tông và kéo theo vụ án tru di tam tộc Nguyễn Trãi cùng vụ án Thị Lộ. Sau hai phiên án, công lý không được áp dụng tương đối chính xác. Thị Lộ không được đứng trước vành móng ngựa vai bị cáo để trả lời. Vụ án xem như hoàn tất, Thị Lộ tội ngộ sát hay cô's á t? Tông phạm hay thủ phạm, hay đồng lõa? Tòa án không trả lời hợp lý, và không ai chịu trách nhiệm gì cả. Kế hậu sinh giờ trang sử cũ không buồn suy gẫm. Người ta thường tình Nguyễn Trãi nhờ văn tài và công lao đối với Lê triều nói riêng và nhà Nam nói chung. Lê triều và những người liên hệ vô tâm hấp tấp giết Nguyễn Trãi và Thị Lộ. Nguyễn Trãi dù sao còn được minh oan, an ủi phần nào. Thị Lộ cô thế, không được dự phiên tòa để minh oan một lời, Nàng g ả nh chịu tất cả kết quả bản án khốc liệt dù đó không phải tội nàng, ít nhất cũng không phải tội riêng nàng.

Tội ai? Lỗi lão già Nguyễn Trãi nghệ sĩ mang năng làm hầu thiếp, năng đầu dâm cuồng? Lỗi Lê Thái Tông hoang dâm vô độ, tham mê tài sắc, ép bức mang năng về triều, dù vua đã có bao nhiêu tần phi xinh đẹp ở tam cung lục viện, năng không có quyền làm ngược ý vua, tội k h i quân đó!

Lỗi triều đình và hoàng tộc (người ngồi chủ toạ vụ án) khiếp nhược không dám tâu lời trung ngôn nghịch nhĩ cần gián vua, có khi còn xúi dục để hưởng lộc. Họ thi hành bản án vủ c ả lập miệng em, mang tội tay trời phù đầu thiếu phụ thấp cổ bé miệng.

Nguyễn Trãi, Triều đình, Hoàng tộc Lê triều, trực tiếp hay gián tiếp đều là tông phạm. Lê Thái Tông, nạn nhân vừa là thủ phạm gây chính cái chết riêng mình. Thị Lộ chỉ là chất xúc tác vô tình gây sự nổ bùng của các chất hóa học.

Nguyễn Trãi, Lê Thái Tông, Triều đình đều vô tội? Bất công! Bất công!

Bản án được thi hành, hủ ý hay vô tình, người chủ toạ phiên án dùng thủ đoạn bá đạo, h ế t sức thâm độc mà hợp pháp, mục đích che dấu trách nhiệm a tông mình bằng bản án tử h ì nh, thậm trọng hơn trong lên đầu Thị Lộ xác rắn. Người đồng thời không ai phản đối vì khiếp sợ uy quyền triều đình và ghê tởm nọc rắn Thị Lộ.

Nguyễn thị Lộ, người thiếu phụ vô phúc, quê mùa cô thế và thiếu học, ngoài tài sắc thiên phú không thu được chính trị, bị cuốn lốc trong cơn bão ngầm quyền hành, tranh chấp tại triều đình và sự háo sắc của quân vương. Quan tòa, thủ phạm, tông phạm, đồng lõa, tất cả thành tro bụi, bên kia thế giới, họ đều hài lòng yên nghỉ. Phạm nhân và nạn nhân mang lốc rắn đứng bờ vớ trước phiên tòa hơn sáu thế kỷ, Thị Lộ hóa rắn mất rồi.

Tòa án vô lương, cô nhân vô ý, người nay vô tình, Thị Lộ vô tội. Ai lột bỏ xác rắn giùm "ả ở Tây Hồ bán chiếu gon"? Oan ức lắm! Trời đi!

Tám Chánh Đạo

1.- LỜI NÓI ĐẦU

Muốn chúng sinh giải thoát an vui, xa tr ù triền phược đau khổ, đức Phật thuyết minh 8 chánh đạo. Tám chánh đạo là một phương pháp giản dị, hợp với lối sống tâm lý hành động hằng ngày của chúng sanh, mục đích để c á i thiện tâm lý hành động con người trở thành chân chánh.

2.- ĐỊNH NGHĨA

Tám chánh đạo là con đường chân chánh có 8 ngành, giúp chúng sanh hướng tiến đến 1 đời sống chí diệu. Vì vậy chánh đạo cũng gọi là thánh đạo. Muốn tiến đến quả vị Thánh g i a phải tu theo pháp chân chánh có 8 ngành này

3.- HÀNH TƯỚNG

Tám chánh đạo là: chánh tri kiến, chánh t ư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm và chánh định.

1/ Chánh tri kiến: Kiến thức chân chánh. Nghĩa là sự nhận thức sáng suốt và hợp lý. Trái lại là tà tri kiến.

A.- Kiến thức chân chánh

a) Nhận thức sự vật hiện hữu đều là duyên sinh, không thường tồn và sẽ biến diệt.

b) Nhận rõ quả báo của hành vi và của ý niệm.

c) Nhận rõ chơn giá trị sự sống của mình của người, của muôn vật.

d) Nhận rõ người và người, người và muôn vật đều chung cùng trong một bản thể thanh tịnh.

d) Nhận rõ nghiệp báo thiện ác để thiết hành hay tránh xa.

e) Nhận thức đạo lý chân chính, để 1 à m đích hướng tiến.

B.- Kiến thức sai lầm

a) Cho sự hiện hữu của tự thân và h o àn cảnh đều là tự nhiên, không có quả báo cùng nhiều duyên khác tập hợp.

b) Chấp Thượng Đế tạo vật, phủ nhận nhơn quả nghiệp báo.

c) Chủ trương định mệnh, phủ nhận kết quả của hành nghiệp.

d) Quan niệm giai đẳng làm gián cách giữa người và người, giữa người và muôn vật.

d) Cố chấp thành kiến quan niệm, phân biệt phải trái.

e) Chấp theo thần thoại mê tín dị đoan.

2/ Chánh tư duy: Suy nghĩ chân c h á n h nghĩa là suy nghĩ không trái với lẽ phải, có lợi cho mình cho người. Chánh tư duy cũng gọi là chánh dục, nghĩa là mong muốn chơn chính, trái lại là tà tư duy và tà dục.

A.- Suy nghĩ chơn chính

a) Suy nghĩ giới , định, huệ để tu tập giải thoát.

b) Suy nghĩ nguyên nhân đau khổ của chúng sanh để giải thích và khuyên tu.

c) Suy nghĩ những hành vi lỗi lầm và tâm niệm xấu xa để sám hối cải đổi.

B.- Suy nghĩ không chân chính

a) Suy nghĩ tà thuật để mê hoặc mọi người.

b) Suy nghĩ những phương cách sâu độc, để đi hại mọi người mọi loài.

c) Suy nghĩ mưu cơ để trả thù oán.

d) Suy nghĩ tài sắc, danh vọng.

3/ Chánh ngữ: Lời nói ngay thật c h â n chánh. Nghĩa là nói những lời có lợi ích ch ị n h đ ắ n g. Trái lại là tà ngữ, nghĩa là những lời nói không chính đáng, phi lý có tổn hại đến đời sống cùng danh dự mọi người.

A.- Lời nói chân chính

a) Nói thành thật và sáng suốt.

b) Nói ngay thẳng, hợp lý không thiên vị.

c) Nói hòa nhã rõ ràng và giản dị.

d) Nói lợi ích, dung hoà, khuyên tấn và duy nhất.

B.- Lời nói không chân chính

a) Lời nói dối trá không đúng sự thật.

b) Nói không ngay thẳng, thiên vị, đua nịnh xuyên tạc, ngụy biện.

c) Nói sâu độc, đay nghiến, nguyên rủa nh ấ t má n g, vu h o a và thô tục.

d) Nói chia rẽ có đi hại.

4/ Chánh nghiệp: Hành động chơn chánh. Nghĩa là hành vi đồng tác cần phải sáng suốt chân chánh có lợi ích. Trái lại không nên làm những điều tà vạy, bất lương, có tổn hại cho mọi người.

A.- Hành động chân chánh

a) Hành động theo lẽ phải biết tôn trọng quyền sống và hạnh phúc chung của mọi người mọi loài.

b) Tôn trọng nghề nghiệp và tài sản của mọi người không lảng lơat xâm phạm.

c) Giữ hạnh thanh tịnh chân chánh không đ ắ n g

điểm trắc táng.

d)Biết phục vụ chức nghiệp và tận t ã m với việc làm.

d)Biết hy sinh chánh đáng để giải thoát nỗi khổ cho mình và người.

B.- Hành động không chân chính

a)Sát hại, tàn bạo.

b)Trộm cắp xâm đoạt.

c)Sống xa hoa trác táng.

d)Sáng chế khí cụ mạnh lợi để sát hại.

e)Chế hóa vật giá để đổi hoặc mọi người

e)Lợi dụng văn nghệ để khích thích sự dăng điểm ăn chơi trác táng.

5/ Chánh mạng: Sinh sống chân chính nghĩa là nghề nghiệp để sanh sống chính đ ã n g, lương thiện, không bạo tàn hèn mạt.

A.- Mạng sống chân chính

a)Tận lực làm việc để sinh sống, n h ứng không tổn hại đến người và vật.

b)Đem tài năng chân chính để sinh sống chứ không giả dối, lừa gạt mọi người.

c)Sống thanh cao, không lòn cúi vô lý.

d)Sống đúng chánh giáo không mê tín dị đoan.

B.- Mạng sống không chân chính

a)Cây cuốc phá vỡ ruộng vườn, làm thương hại chúng sanh, (riêng người xuất gia không nên làm).

b)Xem sao, tinh vân bói xảm giò quẻ tinh tú, thiên di để sống.

c)Chịu chuộng quyền quý, môi láigiaodịch và miếng lưới để sinh sống.

6/ Chánh tinh tấn: Siêng năng chân chính .

Nghĩa là siêng làm những việc chính đáng, có lợi cho mình, cho người. Trái lại không nên siêng năng làm những việc bất chính, bi' ối và ác độc.



A.- Siêng năng chân chánh

a)Thấy mình có tội ác, lỗi lầm, siêng năng sám hối trừ bỏ.

b)Tội ác và lỗi lầm chưa sanh, siêng năng tu tập các pháp lành để giữ gìn ngăn đón.

c)Thấy mình chưa có phước nghiệp siêng năng và cố gắng đào tạo phước nghiệp.

d)Đã có phước nghiệp, siêng năng duy trì và tiến triển thêm lên.

B.- Siêng năng không chân chính

a)Siêng năng sát hại.

b)Siêng năng gian xảo trộm cắp.

c)Siêng năng dăng điểm.

d)Siêng năng dối trá siêng độc, xuyên tạc và dùa nịnh.

d)Siêng năng rượu chè, xa hoa, ca kỹ, cờ bạc v.v...

7/ Chánh niệm: Nhớ nghĩ chân chánh. C h á nh niệm có 2: Chánh ức niệm và chánh quán niệm. Ưc niệm là nhớ nghĩ cảnh quá khứ. Quán niệm là quán sát cảnh hiện tại và sắp đặt, tưởng tượng cảnh tương lai.

Ưc niệm có hai: Ưc niệm chân chính và ức niệm không chân chính.

A.- Ưc niệm chân chính

a)Nhớ ân cha mẹ thầy, bạn để báo đáp.

b)Nhớ ân nước nhà để phụng sự bảo vệ.

c)Nhớ ân chúng sanh giúp đỡ để đền trả.

d)Nhớ ân Phật Pháp Tăng để tu hành.

d)Nhớ lỗi lầm xưa để sám hối cải đổi.

B.- Ưc niệm không chân chính

a)Nhớ lại khuyết điểm của người để p h ê bình chê cười.

b)Nhớ lại oán hận cũ để phục thù.

c)Nhớ lại dục cảnh xưa để lung lạc ý chí

d)Nhớ lại hành động xảo trá và tàn bạo vuã qua để hãnh diện tự đắc.

Quán niệm: có hai. Quán niệm chân chính và quán niệm không chân chính.

A.- Quán niệm chân chính

a)Quán niệm tứ bi: quán niệm cảnh đói khổ, tật, bệnh, cô quã, và tối tăm của chúng sanh, trong hiện tại và vô số tai nạn sẽ xảy ra trong tương lai, sanh tâm thương xót, giúp đỡ và tìm phương để phòng che chở.

b)Quán niệm trí huệ: quán niệm n g u yên nhân sanh hóa của vũ trụ vạn vật, hữu tình, vô tình, oán, thân, tốt, xấu vạn vật để tự tu và khuyến giáo đượ rõ ràng, thuận lợi g i á i thoát.

B.- Quán niệm không chân chính

a)Nhớ nghĩ tài sắc danh vọng.

b)Nhớ nghĩ phước tiện sát hại.

c)Nhớ nghĩ độc kế thâm mưu.

d)Nhớ nghĩ văn tự xảo trá.

d)Nhớ nghĩ cao lương mỹ vị.

8/ Chánh định: Tu tập thuyên định chân chính trái lại, không nên tu tập các môn t h u yên định không chân chính.

A.- Thuyên định chân chính

a)Bất tịnh quán: Nghĩa là quán các pháp không thanh tịnh, để trừ tham dục si ái v.v.

b)Tứ bi quán: Nghĩa là quán tất cả h ư u tình chúng sanh đều đồng một chơn tâm, bình đẳng, không khác, để tăng trưởng kính tâm và thương xót cứu độ đoạn trừ tâm hận thù.

c)Nhân duyên quán: Nghĩa là quán tất cả các pháp hữu hình như sự vật, vô hình như tâm niệm, lớn như núi sông, nhỏ như vi trần, nếu có một pháp riêng đều là giá hợp duyên sanh khg

chân thật, trường tồn, để đạ n trư n g u si thiên chấp.

d) Giới phân biệt quán: Nghĩa là p h â n biệt và quán sát sự giả lập của 18 giới (6 căn, 6 trần, 6 thức) để thấy không thật công pháp, mục đích trừ ngã chấp và pháp chấp.

đ) Sở tức quán: Nghĩa là chuyên quán hơi thở ra vào v.v. (xem sở tức, tịnh niệm) mà để đối trị tâm tán động ly loạn.

B.- Thuyền định không chân chính

a) Tu diệt tận định (diệt hết hiện h à nh của 7 Thức) câu chứng quả Niết Bàn giả danh

b) Tu vô tướng định (diệt hiện hạnh 6 thức trước) câu an vui các cõi trời, ngoại đạo:

c) Tu thuyền định để luyện đôn, vận k h i v.v. câu thần thông, trường sanh, pháp lạ, tu tiên, ngoại đạo.

4.- CÔNG NĂNG TAM CHANH ĐẠO

1/ Cải thiện tu thân: Tất cả mọi hành vi bất chính, ngôn ngữ đạo điên và ý niệm mê mờ đều do con người đi ngược 8 chánh đạo, sống theo 8 tà đạo; trái lại nếu con người chuyên tu theo tám chánh đạo sẽ hoán c a i được tất cả mọi sự bất chính trên, còn tạo thành cho tư thân một đời sống chân chính, lợi ích và thiện mỹ

2/ Cải tạo hoàn cảnh: Hoàn cảnh là hình thành của tâm niệm, là kết quả của hình vi; cho nên tất cả mọi hiện cảnh không tịnh lạc sơ dĩ có trong thế gian, đều do con người đã hành động theo 8 tà đạo. Trái lại hiện cảnh thế gian sẽ an lành và hoàn toàn tịnh lạc, nếu hành động theo 8 chánh đạo.

3/ Làm căn bản cho chánh giác: 8 Chánh đạo là căn bản đầu tiên cho sự giác n g ô chân chính của 10 phương chư Phật. Phật tử muốn hướng tiến đến cực quả tốt đẹp ấy, không thể không theo tám chánh đạo.

5.- LỢI ÍCH THẬT HẠNH TAM CHANH ĐẠO

1/ Kiến thức chân chánh không bị mê hoặc điên đảo.

2/ Suy nghĩ chân chánh không bị lỗi lầm đen tối.

3/ Ngự ngôn chân chánh lợi mình lợi ng.

4/ Hành động chân chánh, không thường tổn mình và người.

5/ Đời sống chân chánh không bị k h i nh r e, được mọi người kính n e.

6/ Siêng năng chân chánh kết quả khả quan

7/ Nhớ nghĩ chân chánh hoàn toàn n h ân cách, thấu hoạch nhiều kết quả tốt đẹp.

8/ Thuyền định chân chánh: trí huệ dũng phát và Phật quả để thành tựu.

6.- KẾT LUẬN

Pháp 8 chánh đạo giới thiệu chúng ta một đời sống hoàn toàn chân chánh. Pháp ấy được trình bày trên tám nguyên tắc chính đáng mục đích áp dụng trong mọi trườ g h ộp mật thiết của sự sống, để cải thiện mọi

xấu xa và tội lỗi cho chúng sanh.

Pháp Tám chánh đạo lại là nền tảng. Chánh giác, là căn bản Giải thoát. Phật tử muốn cải thiện đời sống tự thân, cần phải học và hành 8 chánh đạo. Phật tử muốn cải thiện hoàn cảnh xã hội cần phải học và hành 8 chánh đạo. Phật tử muốn giác ngộ chân chánh như chữ P h ật, cần phải tu tập 8 chánh đạo.

(Còn tiếp)

An lạc

Thân tâm thường an lạc
Phật tử hay chúc nhau
Ra khỏi nhà bất tịnh
Của Thân cũng như tâm.

Sinh lý nẻo âm thân,
Động lực hay thúc đẩy
Dục lạc năm môn tìm
Thỏa mãn muôn lòng tham.

Tiền tài và sắc đẹp
Nhiều danh vọng, cao lương
Ngủ nghĩ cũng bình nhac
Năm môn không cùng tận.

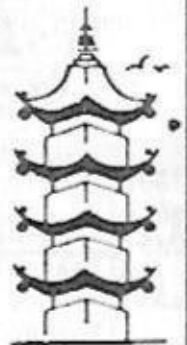
Tâm không quán triết để
Thân bất tịnh là nơi
Tâm như vườn chuy ến cảnh
Pháp vốn không tũ tánh
Ma chính Thọ, Khổ, Vui.

Bốn nẻo thiên đ ịnh quán
Phật, Thánh Ch úng xưa, nay
Thông đ ọng, tũ tại bước
Đạo quả viên thành tựu.

Chỉ vì vọng niệm mê
Thân, Tâm tạo điều ác
Trở thành nạn nhân chung
Của tham vọng, hôn oán.

Thiếu dục, tri túc hành
Hiện bày ch ờn an lạc
Đạo giải thoát tiến tu
Cứu mình và độ người

Viên mãn hành trì sự
Vượt b e' kh ỏ luân hồi
Th e' ta luôn chúc nhau
Thân tâm thường an lạc



Kính tặng gia đình cùng đồng đạo
Phật Đản 2528

✻ TÂY PHƯỜNG

ĐOÀN TỤ GIA ĐÌNH

Vấn đề đoàn tụ gia đình trong khuôn khổ chương trình cứu trợ nhân đạo của chính phủ Đức dành cho dân tỵ nạn Đông Nam Á đã có từ lâu, từ năm 1975, tuy nhiên vấn đề trên lúc này vẫn còn là một vấn đề thời sự nóng bỏng của bà con tỵ nạn người Việt - không những số bà con vừa mới đến Đức theo chương trình đoàn tụ muốn biết về vấn đề này, ngay cả những người đã ở Đức từ lâu đang làm đơn xin bảo lãnh cho thân nhân còn lại ở Việt Nam vẫn còn nhiều thắc mắc về vấn đề trên. Chúng tôi xin trình bày sau đây vấn đề đoàn tụ gia đình theo tin tức của Bộ Ngoại Giao của chính quyền tiểu bang Niedersachsen, của các cơ quan ICM, Deutsche Flüchtlingshilfe Bonn theo tin tổng hợp báo chí, sự hiểu biết cá nhân cũng như theo lời thuật lại của một số bà con vừa mới đến Đức theo chương trình đoàn tụ gia đình.

SƠ LƯỢC VỀ CHƯƠNG TRÌNH CỨU TRỢ NHÂN ĐẠO CỦA CHÍNH PHỦ ĐỨC

Sau nhiều lần họp chính quyền liên bang và các tiểu bang quyết định đầu nhận tất cả là 35.504 người tỵ nạn Đông dương. Tổng số 35.504 này gồm những người tỵ nạn đã đến Đức và những người sắp đến Đức theo chương trình đoàn tụ cũng như những người tỵ nạn bằng đường biển sẽ được tàu Đức vớt. Trong khoảng thời gian cuối năm 1978 đến cuối năm 1979 chính phủ Đức đầu nhận ở các trại tỵ nạn Đông Nam Á. Ngoài số người được tàu Đức vớt được đưa thẳng đến Đức, chính phủ Đức còn đầu nhận một số lượng lớn người tỵ nạn ở các trại tỵ nạn. Vấn đề xét chấp thuận cho đoàn tụ gia đình trong khoảng thời gian này cũng rất rộng rãi. Không những vợ chồng, con cái ngay cả ông bà nội ngoại, cháu chắt, anh em họ xa gần đều được chính phủ Đức chấp thuận cấp giấy nhập cảnh để từ Việt Nam hoặc từ các trại tỵ nạn Đông Nam Á sang Đức đoàn tụ gia đình. Tình trạng trên đưa đến hiện tượng số người tỵ nạn và thân nhân đến Đức càng lúc càng đông. Tổng số người tỵ nạn dự định sẽ cho đến Đức theo chương trình cứu trợ nhân đạo (viết tắt CTCIND) dù đã được tăng lên nhiều lần cũng gần đạt đến mức giới hạn, chưa kể số đơn xin đoàn tụ gia đình càng ngày càng nhiều.

Đến đầu năm 1980 chính phủ Đức quyết định

ngưng cử phái đoàn đến các trại tỵ nạn Đông Nam Á để đầu nhận người, đồng thời chỉ chấp thuận cho đoàn tụ gia đình theo tiêu chuẩn con cái dưới tuổi vị thành niên (dưới 18 tuổi) bảo lãnh cho cha mẹ và ngược lại. Quyết định này của chính phủ Đức căn cứ vào điều khoản thứ 6 bộ luật hiến pháp CHLB, theo đó gia đình (Kernfamilie, được hiểu là chỉ gồm có cha mẹ con cái) phải được ưu tiên giúp đỡ và bảo vệ. Những thân nhân khác trong lúc này không được chấp thuận cho đến Đức đoàn tụ gia đình theo CTCIND.

Ngày 5.3.83 chính quyền liên bang và các tiểu bang xác định rõ ràng hơn những thân nhân nào và những người thuộc diện nào không còn được đầu nhận theo CTCIND:

- a/- Ông bà, cha mẹ, dù già yếu cần được nuôi dưỡng.
- b/- Anh chị em ruột trên 18 tuổi.
- c/- Anh chị em ruột đang ở các trại tỵ nạn, dù bị các mức độ tam tứ chồi không đầu nhận cho di định cư vì có thân nhân ở Đức.
- d/- Thân nhân xa gần còn ở Việt Nam, dù bị theo dõi đàn áp vì trong gia đình có người vượt biên.
- e/- Những người trước đây có liên hệ với chính phủ Đức (chẳng hạn nhân viên táu bệnh viện Helgoland ở Đà Nẵng, nhân viên trung tâm sinh ngữ Goethe tại Sài Gòn v. v. . .).
- f/- Những người thuộc các diện khác.

ĐƠN XIN ĐOÀN TỤ GIA ĐÌNH ĐƯỢC XÉT NHƯ THẾ NÀO ?

Như đã trình bày ở trên chỉ diện con cái dưới tuổi vị thành niên được phép bảo lãnh cho cha mẹ và ngược lại. Trên thực tế anh em ruột dưới 18 tuổi và còn độc thân cũng được chấp thuận cho theo gia đình di đoàn tụ. Có người thắc mắc tại sao trong lúc này có người không thuộc diện trên nhưng vẫn được đến Đức theo chương trình đoàn tụ gia đình.

Điều này được Bộ Ngoại Giao giải thích trong thông cáo mới nhất như sau: số người này đã được cấp giấy nhập cảnh từ năm 1979 nên đến nay mới được nhà cầm quyền Việt Nam cho xuất cảnh. Có bạn thắc mắc tại sao đến Đức với người khác cùng một thời gian, cùng có chung một t

hoàn cảnh, làm đơn xin đoàn tụ cùng một lần mà đơn của người kia được chấp thuận trong lúc đơn của mình bị từ chối, hoặc chỉ được chấp thuận sau đơn của người kia đến 6, 7, tháng. Điều này có thể xảy ra nếu bạn và người kia định cư không cùng một tiểu bang.

Theo quyết định chung chính quyền các tiểu bang nhận người tỵ nạn đến Đức trong CTCT ND theo tỷ lệ sau:

- Baden Württemberg	16,9 %	tổng số
- Bayern	13,8 %	"
- Berlin	4,5 %	"
- Bremen	1,3 %	"
- Hessen	8,9 %	"
- Hamburg	3,4 %	"
- Niedersachsen	9,2 %	"
- Nordrhein Westfalen	31,7 %	"
- Saarland	2,5 %	"
- Schleswig Holstein	2,5 %	"
- Rheinland Pfalz	5,3 %	"

Dù đã đồng ý với nguyên tắc trên một vài tiểu bang vẫn "xé lẻ" nhận một số lớn người tỵ nạn (được tàu Đức vớt chẳng hạn) vào tiểu bang và tính vào tỷ lệ nhận người của mình. Do đó tại một số tiểu bang như Baden Württemberg, Nordrhein Westfalen, Niedersachsen, Bremen số "chỗ" dành cho chương trình đoàn tụ gia đình hết rất nhanh.

Như vậy nếu tiểu bang nơi bạn ở đã nhận đủ số người tỵ nạn theo tỷ lệ quy định thì Bộ Ngoại Giao sẽ từ chối đơn xin của bạn. Cùng một trường hợp như bạn những đơn xin đoàn tụ được chấp thuận vì tiểu bang của người bạn quen còn "chỗ".

Nếu đơn xin đoàn tụ của bạn bị từ chối Bộ Ngoại Giao sẽ ghi tên thân nhân của bạn vào một danh sách chờ đợi của tiểu bang. Bạn không cần phải làm đơn tiếp. Trong trường hợp chính quyền liên bang và các tiểu bang quyết định nhận thêm người theo CTCTND thì thân nhân của bạn sẽ được xét cho nhập cảnh theo số thứ tự ưu tiên của danh sách chờ đợi. Hiện nay tiểu bang Niedersachsen có chỗ biết sẵn sàng nhận thêm 240 người đến theo chương trình đoàn tụ gia đình (ngoài tổng số 35.504 người), tức là chính quyền liên bang chưa chấp thuận. Nếu chính quyền liên bang đồng ý thì 240 người hiện có tên trong danh sách chờ đợi của tiểu bang Niedersachsen sẽ được đến Đức.

Một vấn đề nữa bạn cần nên biết là vấn đề cấp giấy nhập cảnh. Cho đến tháng 5 năm 1981 chính phủ Đức chấp thuận cấp giấy nhập cảnh cho 5.000 người đến từ Việt Nam (Aufnahmequote). Đa số thuộc diện đoàn tụ gia đình. Dù đã được chính phủ Đức thâu nhận nhưng rất nhiều trong số 5.000 người này vẫn chưa

rời khỏi Việt Nam được, vì nhà cầm quyền VN không cấp giấy xuất cảnh, hoặc gây khó khăn không cho rời khỏi nước. Chưa biết lúc nào số người này đến Đức được, có điều chắc chắn là chính phủ Đức không rút lại sự chấp thuận của mình, dù tình trạng kẹt lại Việt Nam của số người này có thể kéo dài nhiều năm.

Tình trạng ứ đọng này đưa đến nhiều khó khăn cho chương trình đoàn tụ gia đình: nhiều người đã được thâu nhận thì không biết lúc nào mới rời Việt Nam được, trong lúc nhiều đơn xin đoàn tụ gia đình đủ tiêu chuẩn lại không được xét, vì chính phủ Đức không thể cấp giấy nhập cảnh, hay nói đúng hơn, không thể nhận người quá số quy định. Do đó thể theo yêu cầu của các tiểu bang, kể từ tháng 5 năm 1981 trở đi Bộ Ngoại Giao chỉ chấp thuận cấp giấy nhập cảnh cho những người nào đã có giấy xuất cảnh của nhà cầm quyền Việt Nam. Nhưng người nào họ có giấy xuất cảnh thì chỉ nhận được giấy hứa thâu nhận (Aufnahmezusage) của chính phủ Đức. Điều này có nghĩa là bạn nào làm đơn bảo lãnh cho thân nhân của mình và hội đồng điều kiện sẽ nhận được thư trả lời của Bộ Ngoại Giao, trong đó ghi rõ chính phủ Đức chưa thâu nhận thân nhân của bạn. Tòa Đại Sứ Đức tại Hà Nội cũng được chỉ thị cấp giấy hứa nhập cảnh ("Attestation") để thân nhân bạn làm đơn xin xuất cảnh. Khi thân nhân bạn nhận được giấy xuất cảnh thì giấy hứa nhập cảnh của Bộ Ngoại Giao sẽ chuyển thành giấy nhập cảnh. Dù Bộ Ngoại Giao trong thư trả lời đơn xin đoàn tụ của bạn chỉ hứa chấp thuận và ghi rõ chỉ chính thức chấp thuận khi tiểu bang của bạn còn "chỗ", Bộ cũng lo liệu không để số thư hứa chấp thuận vượt quá mức Bộ có thể cấp giấy chấp thuận.

Đến đây chúng tôi xin mở ngoặc đơn và yêu cầu một số bạn có thân nhân đã được chính phủ Đức hứa chấp thuận, hay đã chấp thuận cho đi Đức nhưng đã di định cư tại các nước khác (Mỹ, Pháp...) nên viết thư cho Bộ Ngoại Giao biết tin, để nhường số "chỗ" đó cho những người đang nằm trên danh sách chờ đợi. Điều này chẳng thiệt hại gì đến cho cá nhân cũng như gia đình bạn.

LÀM ĐƠN XIN ĐOÀN TỤ GIA ĐÌNH NHƯ THẾ NÀO ?

Đơn xin đoàn tụ gia đình phải gửi đến Bộ Ngoại Giao, vì Bộ Ngoại Giao là cơ quan duy nhất có thẩm quyền xét và quyết định về đơn xin đoàn tụ của bạn. Riêng phần bạn ở tiểu bang Niedersachsen (các tiểu bang khác không được) ngoài thể thức trên có thể đến số Ngoại Kiều thành phố (hay tỉnh) nơi mình cư ngụ xin bảo lãnh cho thân nhân theo chương 5 điều 1 của chỉ thị thi hành luật người ngoại quốc (§ 5 Abs. 5 IV Ausl G). Điều kiện để bảo lãnh theo lối này là bạn phải có công an việc làm nhà cửa rộng rãi, lương tiền đầy đủ và phải

cam kết nuôi dưỡng thân nhân mà mình muốn bảo lãnh. Đối xin đoàn tụ theo phương cách này trước đây để thành công, hiện tại thì rất rất khó được chấp thuận dù hội đủ điều kiện. Cho đến nay không có một qui tắc nhất định nào chỉ dẫn cách làm thủ tục xin đoàn tụ để đạt kết quả tốt. Có người chỉ gửi đơn bảo lãnh đến Bộ Ngoại Giao và ngồi chờ đến ngày ra phi trường đón thân nhân. Có người nhìn ăn mới đủ tiền mua tem gửi thư khẩn cấp nói xin can thiệp cho thân nhân sớm được đến Đức: từ Bộ Ngoại Giao, Bộ Nội Vụ cho đến cơ quan Hồng Thập Tự quốc tế, từ Tổng Thống ở Bonn, ông Đại Sứ Đức ở Hà Nội cho đến cha xứ nhà thờ địa phương v.v... Theo sự hiểu biết của chúng tôi bạn nên làm đơn xin đoàn tụ theo những bước sau:

1/ Viết đơn theo mẫu đơn quy định sẵn của Bộ Ngoại Giao. Mẫu đơn này (có bản dịch tiếng Việt hay tiếng Trung Hoa) bạn có thể gửi thư xin tại chùa Viên Giác.

2/ Cố gắng nộp đầy đủ các loại giấy tờ như trong mẫu đơn ghi rõ. Các giấy hôn thú, khai sinh có thể gửi đến trung tâm Độc Lập ở Stuttgart, văn phòng VIDDI ở Dortmund hay trung tâm Nazareth ở Norddeich nhờ phôi gửi.

3/ Gửi đơn đến Bộ Ngoại Giao. Những giấy tờ còn thiếu có thể bổ túc sau.

4/ Khi nhận được thư trả lời của Bộ Ngoại Giao hứa chấp thuận cho thân nhân nhập cảnh bạn nên viết thư (phờ kèm theo một bản "foto" bức thư trả lời của Bộ Ngoại Giao) cho:

a) - Tòa Đại Sứ Đức ở Hà Nội yêu cầu gửi cho bạn một bản "Attestation" để bạn tự gửi về cho thân nhân ở Việt Nam.

Có trường hợp Tòa Đại Sứ tự động gửi cho bạn thêm một bản sao giấy này, nhưng cũng có lúc quên gửi. Do đó tốt hơn hết là viết thư nhắc trước. Thư này có thể gửi thẳng cho Tòa Đại Sứ Đức ở Hà Nội hay nhờ Bộ Ngoại Giao chuyển.

b) - Cơ quan Cao Ủy tỵ nạn UNHCR (vịết tắt HCR) tại Bonn, báo tin thân nhân cư minh đã được chính phủ Đức chấp nhận, và yêu cầu HCR giúp đỡ cho thân nhân bạn sớm rời khỏi Việt Nam. Cũng như Tòa Đại Sứ Đức ở Hà Nội cơ quan HCR không có quyền can thiệp vào việc cấp phát giấy xuất cảnh của chính quyền Việt Nam, tuy nhiên theo lợi của ông T. Malia, nhân viên HCR và là trưởng phái đoàn phôi, vẫn những người được di Mỹ tại Sài Gòn (Thu Đức), cơ quan HCR có thể chuyển tên của thân nhân bạn đến chính quyền Việt Nam yêu cầu cứu xét cho xuất cảnh theo chế trình ra đi có trật tự (Orderly Departure Programm) mà chính quyền Việt Nam đã cam kết với quốc tế tại hội nghị Genève cuối năm 1979. Ngoài ra HCR là cơ quan phối hợp với tổ chức ICM lo liệu các chuyến bay cho tỵ nạn rời khỏi Sài Gòn, cũng như đứng trung gian đại diện Tòa Đại Sứ Đức ở Hà Nội phát

giấy nhập cảnh cho thân nhân bạn.

c) - Cơ quan HCR tại Thái Lan, vì đây là trạm nghỉ chân của các phái đoàn Cao Ủy tỵ nạn tại Việt Nam. Thư từ chuyển từ Thái Lan đến Sài Gòn dù sao cũng nhanh hơn là từ Bonn đến Sài Gòn. Lưu ý là thư gửi cho HCR Thái Lan phải viết bằng tiếng Anh.

d) - Cơ quan HCR tại Hà Nội. Nếu thư của bạn không bị thất lạc dọc đường thì quá quý

5/ Khi nhận được tờ "Attestation" do Tòa Đại Sứ Đức gửi, bạn nên "foto" làm nhiều bản đem đến Ordnungsamt thị thực, và gửi từ từ cho thân nhân ở Việt Nam. Cũng nên dặn thân nhân một khi nhận được giấy xuất cảnh thì "foto" gửi qua cho bạn, để bạn gửi cho Bộ Ngoại Giao. Để phòng trường hợp xuất cảnh của thân nhân bạn bị trở ngại.

Địa chỉ của các cơ quan trên như sau:

- . Answärtiges Amt (Bộ Ngoại Giao)
Referat 301 - 2
Postfach 1148
5300 Bonn 1
- . UNHCR (tại Bonn)
Rheinallee 18
5300 Bonn 2
- . UNHCR Branch Office (tại Thái Lan)
P.O.Box 2 - 121, Rajdamern, Bangkok 2
Thailand
- . UNHCR Branch Office (tại Việt Nam)
60 Rue Nguyễn Thái Học - Hà Nội
Việt Nam
- . Embassy of the Federal Republic of Germany
c/o Hotel Thống Nhất - Hà Nội
Việt Nam

Đến đây "nhiệm vụ" bảo lãnh của bạn đã xong. Chỉ còn ngồi chờ tin xuất cảnh của thân nhân ở Việt Nam. Đối với nhiều bạn thời gian chờ đợi này không hẳn là thoải mái. Nhiều người lo lắng không rõ thân nhân của mình ở Việt Nam làm giấy tờ như thế nào, thủ tục đến đâu, có biết "chạy" không? Nhất là những bạn có thân nhân không quen làm các công việc giấy tờ hành chính thì sự lo lắng càng nhiều. Chúng tôi xin trình bày sau đây cách làm thủ tục xin xuất cảnh tại Việt Nam, cũng như những điều cần lưu ý khi làm đơn xin xuất cảnh, theo lời thuật lại của một số bà con vừa đến Đức (tháng 4/84) theo chương trình đoàn tụ gia đình.

THỦ TỤC XIN XUẤT CẢNH TẠI VIỆT NAM A/. TẠI SÀI GÒN

1- Thân nhân của bạn nhận được giấy báo của văn phòng số 1B Duy Tân mời đến nhận

giấy Attestation de laissez passez (giấy hứa cho phép nhập cảnh) của Tòa Đại Sứ Đức ở Hà Nội nhờ chuyển lại.

Chỉ có giấy Attestation này mới có thể làm đơn xin xuất cảnh. Trong trường hợp thân nhân bạn nhận được giấy Attestation do bạn chuyển qua trước thì có thể nộp đơn xin xuất cảnh sớm hơn.

Ngay lúc này nếu muốn thân nhân bạn phải lo chuyển nhượng, sang, bán nhà của gia đình mình. Nếu không thì quá muộn. Dù chuyển nhượng hay bán, thân nhân bạn phải sang tên nhà cho chủ mới để khai liên hệ về giấy tờ thuê mướn.

2- Lên quận nộp đơn xin xuất cảnh tại phòng công tác người nước ngoài của quận. Tại đây có thông cáo ghi rõ thân nhân bạn phải làm những loại giấy tờ gì để nộp đơn. Một trong những loại giấy tờ mà thân nhân của bạn phải làm là bản tường trình ghi rõ người báo lãnh di nam nào, thuộc thành phần gì (di tản? du học? vượt biên?). Theo lời số bà con mới qua thì bản tường trình này rất quan trọng, vì chỉ thân nhân của những người nào vượt biên từ 1980 trở về trước mới được xét cấp xuất cảnh. Những người vượt biên sau 1980 thì hồ sơ xin xuất cảnh của thân nhân không được xét. Tuy nhiên tin này cũng được một số bà con khác phủ nhận. Vượt biên trước hay sau 1980 cũng không ảnh hưởng vấn đề.

3- Nếu giấy tờ đầy đủ, quận sẽ nhận hồ sơ và cấp cho thân nhân bạn một biên lai. Phải giữ biên lai này cẩn thận vì khi nhận giấy xuất cảnh phải nộp trả lại. Ngay từ giai đoạn này thân nhân bạn nên lập một cặp hồ sơ, trong đó để tất cả các giấy tờ cần thiết liên hệ đến việc xin xuất cảnh, và đem theo mỗi khi đi làm thủ tục xuất cảnh. Khi làm hồ sơ và nộp giấy tờ tại bất cứ một cơ quan nào chủ nộp bạn sao, bạn chính giữ lại. Do đó những giấy tờ phải "foto" làm nhiều bản.

4- Khoảng 1 tháng sau thân nhân bạn đến quận hỏi xem hồ sơ của mình đã được chuyển lên văn phòng ở đường Nguyễn Du chưa.

5- Nếu quận cho biết hồ sơ đã được chuyển đi thì khoảng 2 đến 3 tháng sau thân nhân bạn sẽ được văn phòng Nguyễn Du gọi gặp mới. Khi đi nhớ đem theo đầy đủ giấy tờ như Attestation, khai sanh, hôn thú của người báo lãnh cũng như giấy tờ cá nhân của những người trong gia đình. Khai sanh của trẻ em dưới 12 tuổi phải dán 2 tấm hình, cần cước. Nhớ quên đem theo hay không có phải trở về. Hồ sơ lại đẹp qua một bên. Lại phải châu chực. Mất số thứ tự ưu tiên. Tại văn phòng Nguyễn Du dù không được yêu cầu cũng nên nộp giấy nghỉ việc, hay giấy hứa nghỉ việc.

6- Sau khi bỏ túc hồ sơ tại văn phòng

Nguyễn Du, thân nhân bạn nên nghỉ việc ngay để có giấy nghỉ việc.

7- Khoảng 1 tháng sau văn phòng ở đường Nguyễn Du sẽ gọi giấy mới thân nhân bạn đến bỏ túc hồ sơ, hoặc điều tra lại những lỗi khai cu. Tại "cửa ải" này nếu không có giấy nghỉ việc thì phải trở về. Lại phải chạy chọt, châu chực, mất thời gian lâu.

8- Nếu tất cả mọi chuyện êm đẹp, khoảng bốn tháng sau thân nhân bạn sẽ được văn phòng Nguyễn Du mới lên nhận giấy xuất cảnh. Lệ phí mỗi giấy xuất cảnh là 200 \$. Sau khi nhận giấy xuất cảnh phải nộp lại tất cả các giấy biên lai, giấy CMND v.v...

9- Với giấy xuất cảnh thân nhân bạn đến văn phòng 1B Duy Tân đăng ký chuyển bay. Thông thường từ khi đăng ký chuyển bay đến khi lấy giấy máy bay lên đường là 1 tháng. Trong thời gian một tháng này thân nhân của bạn phải làm xong 9 thủ tục như giấy không thiếu nợ ngân hàng, giấy không thiếu thuế nhà nước v.v...

Một trong những vấn đề khó khăn nhất là thân nhân bạn phải biết số căn cước cũ của mình (trước 1975) để xin giấy không thiếu nợ ngân hàng. Số căn cước cũ này có thể tìm ở bạn sao tờ khai gia đình cũ hay trong các loại giấy tờ khác. Nếu không có phải lên Công An Phường xin truy lục (di nhiên không phải dễ). Vấn đề nhà của đến giai đoạn này cũng gay go. Nếu nhà của đã bán mà thân nhân của bạn vẫn còn đứng tên thì sẽ gặp rắc rối.

10- Khi có tên trên danh sách chuyển bay thân nhân bạn đến số 116 Nguyễn Huệ đăng ký lấy giấy máy bay. Sau đó đến đường Nguyễn Đình Chiểu để được đưa lên phi trường gặp đại diện cơ quan HCR. Tại phi trường Tân Sơn Nhứt nhân viên HCR sẽ kiểm tra lại giấy Attestation (bản chính) và giấy xuất cảnh. Nếu giấy tờ hợp lệ nhân viên HCR báo cho biết ngày nào đến đường Nguyễn Huệ lấy giấy máy bay.

11- Giấy máy bay chỉ nhận được một vài ngày trước khi lên đường. Trong vòng vài ngày này thân nhân của bạn phải đi đăng ký căn hành lý, đăng ký mũ trang và đi thuê xe của hãng hàng không Air Việt Nam để đưa ra phi trường. Điểm khởi hành ở đây là hãng hàng không không cứ xe đi đưa hành khách, mà hành khách phải thuê xe của hãng với giá cắt cổ (cả ngàn đồng) và phải lo đi thuê xe sớm, chứ không thì hết xe, mà hết xe thì khó vì chỉ có xe của hãng mới được vào phi trường.

12- Đến ngày đi, thân nhân của bạn phải trình đầy đủ giấy tờ cho nhân viên nhà cầm

quyền Việt Nam tại phi trường. Nếu thiếu 1 loại giấy tờ như giấy chứng nhận không thiếu thuế, hay giấy tờ nhà cửa chưa lo xong sẽ bị đuổi về. Trước khi lên máy bay nhân viên HCR sẽ kiểm soát lại một lần nữa theo danh sách của họ, và trao giấy nhập cảnh của chính phủ Đức cho thân nhân bạn. Thân nhân bạn chỉ chắc chắn rời khỏi Việt Nam khi máy bay cất cánh.

B/. TẠI CÁC TỈNH

Tại các tỉnh thân nhân của bạn phải làm đơn xin xuất cảnh theo hệ thống hành chính từ xã lên huyện từ huyện lên tỉnh (hoặc hệ thống Phường, Thị xã, Tỉnh). Tỉnh sẽ chuyển hồ sơ xin ra Hà Nội xét. Nếu Hà Nội chấp thuận sẽ gởi giấy xuất cảnh cho tỉnh, và tỉnh phát giấy xuất cảnh lại cho thân nhân bạn. Khi có giấy xuất cảnh thân nhân của bạn phải vào Sài Gòn đến số 1B Duy Tân đăng ký chuyển bay. Thủ tục giấy tờ sau đó làm như những người ở Sài Gòn.

Các loại giấy tờ không thiếu thuế v.v.... phải về tỉnh xin, sau đó lên Sài Gòn nộp. Những người ở Tỉnh thường thiệt thòi hơn số bạn con ở Sài Gòn. Giấy tờ làm tại địa phương gặp nhiều khó khăn; hồ sơ xin xuất cảnh khó để chuyển đi. Trong lúc tất cả những người đến từ Sài Gòn (được chúng tôi phỏng vấn) cho biết chỉ tốn tiền "vật vạnh" để lo các loại giấy tờ, thì một số người đến từ tỉnh cho biết không có tiền, không biết cách "chạy" hoặc "chạy" không đúng "gốc" thì khó nhận được giấy xuất cảnh. Tóm lại thủ tục xin xuất cảnh tại các tỉnh không thuận nhất như tại Sài Gòn. Mỗi địa phương mỗi luật lệ. Giấy tờ cũng phải theo luật lệ địa phương mà làm. Dù ở Sài Gòn hay ở tỉnh ai cũng đồng ý chỉ lúc nào lên máy bay và máy bay cất cánh mới chắc chắn mình được đi thoát. Ngày nào, giờ nào còn ở Việt Nam là còn nơm nớp lo sợ không đi thoát được.

MỘT VÀI CON SỐ THỐNG KÊ VỀ CHƯƠNG TRÌNH CỨU TRỢ NHÂN ĐẠO

Thống kê về số người thật sự đã rời khỏi Việt Nam đến Đức theo CTCIND như sau :

1975 - 1979	524 người
1980	386 "
1981	1.234 "
1982	631 "
1983	2.826 "
Từ tháng 1 đến tháng 4/1984	821 người

Thứ Trưởng Ngoại Giao Möllemann trong cuộc phỏng vấn đầu năm cho biết hiện có 29.248 người tỵ nạn Đông Dương đang sinh sống tại Tây Đức. Như vậy số người tỵ nạn Đông Dương tính cho đến tháng 4/1984 có thể lên đến con số trên dưới 30.000, và khoảng trên 5000 người tỵ nạn Đông Dương sẽ đến Đức

theo CTCIND.

Như đã trình bày ở trên quyết định của chính phủ Đức đầu nhận tối đa 50.504 người tỵ nạn Đông Dương không phải là quyết định sau cùng bất di bất dịch. Chính phủ Đức có thể nâng con số này lên và nhận thêm người tỵ nạn. Vấn đề này cũng còn tùy thuộc vào nhiều yếu tố như tình hình kinh tế, chính trị v.v....

Tuy nhiên chúng ta phải nhận rõ ràng vấn đề trên, hay nói đúng hơn hy vọng trên có trở thành sự thật được hay không cũng còn tùy thuộc vào chúng ta, tùy thuộc vào việc ổn định đời sống, tôn trọng trật tự xã hội, tùy vào tinh thần đoàn kết tương thân tương trợ tùy vào việc nêu cao ý nghĩa tỵ nạn chính trị của chúng ta cũng như việc tranh thủ cảm tình của chính phủ và dân chúng Đức trợ giúp sống hàng ngày.

Đỉnh chính

Trong bài "Trợ cấp GARANTIEFONDS" (báo Viên Giác số 20, trang 73) vì sơ suất kỹ thuật chúng tôi đánh máy nhầm 50g. Garantiefonds. Xin các bạn sửa lại sog. Garantiefonds.

Trả lời thắc mắc

Anh LÊ VĂN TÁM (Emden)

HỎI : 1. Học bổng Bafög mà học sinh học nghề được lãnh hiện là bao nhiêu? và những điều kiện cần hội đủ để lãnh học bổng này?

2. Những điều kiện để một công nhân, sau khi bị thất nghiệp, được lãnh tiền thất nghiệp, hoặc phụ cấp thất nghiệp?

TRẢ LỜI : 1. Học sinh đi học nghề tại các cơ quan, hàng xưởng thì không được lãnh Bafög mà chỉ được lãnh tiền trợ cấp của hàng và trợ cấp của Ty Lao Động. Nếu đi học nghề tại các trường như Berufsfachschule v.v... thì được lãnh Bafög. Số tiền được lãnh tùy thuộc vào nhiều yếu tố như: độc thân hay có gia đình, ở một mình hay ở với cha mẹ, mức lợi tức của thân nhân như thế nào v.v... Xin anh theo dõi báo Viên Giác trong những số tới. Chúng tôi sẽ có một bài báo về vấn đề học bổng Bafög và học bổng Nafög.

2. Điều kiện để được lãnh tiền thất nghiệp (Arbeitslosengeld) như sau :

- Thất nghiệp và đã khai thất nghiệp tại Ty Lao Động.
- Trong vòng 3 năm cuối có đi làm và đóng tiền bảo hiểm thất nghiệp tối thiểu là 12 tháng.

- Đã làm đơn xin tiền thất nghiệp và sẵn sàng chịu sự phân phối của Ty Lao Động.

3. Điều kiện để được lãnh tiền phụ cấp thất nghiệp (Arbeitslosenhilfe) như sau :

- Thất nghiệp, đã khai thất nghiệp tại Ty Lao Động cũng như sẵn sàng chịu sự phân phối của Arbeitsamt.
- Đã làm đơn xin tiền phụ cấp thất nghiệp
- Không nhận được tiền Arbeitslosengeld, vì không hội đủ điều kiện hay đã làm tiền thất nghiệp quá thời gian ấn định được lãnh.
- Trong vòng 12 tháng sau cùng đã đi làm tối thiểu là 150 ngày (Kalendertage).
- Hoặc đã có nhận trợ cấp trong khoảng thời gian tối thiểu là 240 ngày trước khi làm đơn xin tiền phụ cấp thất nghiệp (chẳng hạn: trợ cấp của Ty Lao Động trợ thời gian tham dự các khóa tu nghiệp, chuyển nghề, hay có đi làm nhưng không có lương trong chương trình đi học nghề v.v...).
- Lâm vào hoàn cảnh túng thiếu. Những người thân có trách nhiệm nuôi dưỡng như vợ chồng, cha mẹ, không đủ khả năng tài chính để chu cấp hay tiền để dành không đủ mục quy định (vợ chồng 8.000DM, cha mẹ 12.000DM). Nếu anh muốn biết rõ hơn xin đến Ty Lao Động để hỏi thêm.

1. Danh xưng Hội SV và KBPTVN tại Tây Đức trong những năm qua, không ít nhiều đã gây nhiều sự ngộ nhận đến Kiều Bào Phật Tử, là việc phân chia Sinh Viên và Kiều Bào.

2. Thời điểm xây dựng Hội trong những thời gian đầu nay đã hết, vì thế để đáp ứng với nguyện vọng chung của đại đa số, tránh mọi sự nghi kỵ hiểu lầm đối với Hội, cũng phù hợp với hoàn cảnh và môi trường phát triển của Phật Giáo tại Tây Đức trong tương lai.

Danh xưng Hội SV và KBPTVN tại Tây Đức được đề nghị sửa đổi lại là :

HỘI PHẬT TỬ VIỆT NAM TĨ NẠN tại Cộng Hòa Liên Bang Đức (e.V). Về cơ cấu tổ chức vẫn giữ như cũ, chỉ thay đổi danh xưng mà thôi

Để nghị thay đổi danh xưng này, chúng tôi xin được thông tin đến toàn thể Kiều Bào xa gần trong báo Viên Giác số 21 này, cũng như sẽ thông báo đến mọi người, về tham dự Đại Lễ Phật Đản 2528 sắp đến tại Hannover.

Trong chương trình Phật sự năm 1984, một trại Đại Hội Đồng sẽ được tổ chức giữa tháng 7 và 8.84. Mọi đề nghị và dự thảo trong phiên họp BCH kỳ I/84 vừa qua sẽ được Đại Hội Đồng này chuẩn y.

Vì tính cách hợp tình hợp lý của việc thay đổi danh xưng này chúng tôi xin được tạm dùng danh xưng mới của Hội cho đến Đại Hội Đồng sắp đến. Kính mong tất cả mọi người hoan hỷ cho.

Ban Chấp Hành Hội Phật Tử VN tịnh tại Tây Đức



TIN HỘI PHẬT TỬ

Thay đổi danh xưng

Ban Chấp Hành Hội Phật tử Tây Đức đã họp kỳ I/84 vào 2 ngày 31.3 và 1.4.84 tại chùa Viên Giác. Phiên họp được sự chứng minh và cổ vũ giáo hạnh của Đại Đức Thích Như Điện, Chi Bộ Trưởng Chi Bộ GHVNTN tại Tây Đức, Trụ trì chùa Viên Giác tại Hannover. Quý Bác và Anh Chị Em hiện diện là thành viên BCH hội PT, cũng như Ban Điều Hành, liên lạc Phật tử của các Chi Hội địa phương.

Sau phần tường trình những thành quả cũng ưu khuyết điểm những Phật sự trong thời gian qua của BCH trung ương và Ban Điều Hành Chi Hội, Quý Bác và Anh Chị Em trách nhiệm đã thảo luận và hoạch định chương trình sinh hoạt cho tương lai.

Trong phần này, mọi người đã đồng ý đề nghị sửa đổi danh xưng của Hội Sinh Viên và Kiều Bào Phật Tử VN tại Tây Đức vì những lý do sau:

GIA CHÁNH CHAY

MINH LOAN phụ trách

Gỏi cuốn chay

A. VẬT LIỆU: 1 miếng tàu hủ
500 g chả lụa
1/2 gói bún
1 xấp bánh tráng
300 g giá sống
1 cây poireau
100 g dầu phộng
200 g đồ chua
1 cây sà lách, 1 ít rau cần
1 bó rau thơm (húng cây, quế)
1 hộp tương xay nhuyễn
1 trái ớt sừng trâu chín

GIA VỊ: Đường, muối, bột ngọt, tiêu, dầu ăn, bột năng.

B. CÁCH LÀM: Tàu hủ bỏ làm đôi theo chiều dọc, chiên vàng, xắt từng lát mỏng. Dầu phộng rang, bóc vỏ dầm nhuyễn. Đồ chua, cà rốt, củ cải trắng xắt sợi nhỏ bóp sơ với muối vắt ráo. Dầm hòa tan với nước lã và đường, đoạn cho vào ngâm. Poireau rửa sạch xắt mỏng khúc vàng với dầu. Ớt băm nhuyễn để sẵn. Bắc chảo lên bếp đợi nóng, cho độ 5 muỗng canh dầu ăn, đổ đến poireau khúc vàng xong cho tàu hủ và một chút màu gạch tôm vào xào chung, gia vị đường, muối, bột ngọt tiêu cho vừa ăn. Chả lụa xắt miếng mỏng độ hai ngón tay. Bắc một cái chảo nhỏ lên bếp, đổ vào 2 muỗng dầu, poireau khúc vàng, đổ đến cho tương vào xào và 1/2 lít nước lạnh vô, nấu sôi, gia vị vừa ăn. Lấy hỗn hợp một muỗng bột năng hòa với một ít nước, đoạn cho vào nồi tương nấu sền sệt xong nhắc xuống. Bún trung chín vắt ra rổ để ráo. Rau sống, sà lách lột rửa sạch để sẵn. Bánh tráng rửa sạch ngâm nước lạnh, thấm đều nước cho bánh dẻo, để sà lách, rau sống, giá bún lên bánh tráng tàu hủ xào chả lụa xắt miếng để phía ngoài, rau cần cuộn chặt làm hai để lộ ra ngoài một ít xong cuộn lại thật chặt. Đoạn múc một chén tương cho vào một chút đồ chua, dầu phộng, poireau khúc và một chút ớt băm. Món gỏi cuốn này ăn với tương rất ngon.

(Kỳ tới "MÌ XÀO ĐƠN")

Giới thiệu sách báo

- Nhằm mục đích bảo tồn nền văn học Việt Nam tại hải ngoại - Ban VĂN HOA/HNVTN tại Frankfurt và vùng phụ cận có xuất bản một tuyển tập VĂN THƠ với đề tựa NỤ AN CĂN.

NỤ AN CĂN một tuyển tập văn thơ với sự đóng góp của các nhà văn và thi sĩ trẻ tại Cộng Hòa Liên Bang Đức. Quý bạn đọc nào muốn nhận được tuyển tập nói trên xin liên lạc với:

BAN VĂN HOA/HNVTN tại Frankfurt
và vùng phụ cận
Kaiserstr. 74
6000 Frankfurt am Main 1
Tel. 0611-234557

- Chùa Khánh An có "ăn hành báo" KHÁNH ANH" mỗi năm 4 số giá 30,00DM. Quý vị nào muốn có báo xin liên lạc về chùa Viên Giác, h o ặ c Chùa Khánh An địa chỉ như sau:

Chùa KHÁNH ANH
14, Av. Henri Barbusse
92220 Bagneux
FRANCE
Tel. 655 84 44



Tùy bút

Giấc mộng tha hương tính đã lâu
Nổi lòng thêm nghĩ chuyện dâu đầu
Quê người nường nấu bao mùa nắng
Đất khách xoay vần thấy bể dâu
Kinh kệ ngân nga tìm lý đạo
Mở chuông trầm bổng lắng cơn sầu
Lâu cao trăng rằm ngoài song tổ
Man mác hồn thơ quện ý đầu.

Muôn rứt còn không thể rứt đành
Thân này lưu luyến nợ phù sinh
Thoảng tai thể sự vui cùng cảnh
Ngỡ mắt trần ai nhẹ với tình
Cực Lạc vốn cùng trong cõi tục
Thiên Đường đâu phải tận trời xanh
Trò đời ảo mộng không rồi có
Tâm vẫn lắng lắng giữ tắc thành.

✻ Tôn nữ CHUNG ANH

Tin tức

● Tin tức trong nước vừa cho biết là vào ngày 2.4.1984 Hòa Thượng Thích Trí Thủ, nguyên Viện Trưởng Viện Hóa Đạo Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất và Chủ tịch Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam thân chính quyền đã viên tịch một cách đột ngột sau khi bị Công an thành phố mời lên, đồng thời 12 vị Đại Đức Tăng Ni nổi tiếng khác cũng bị bắt. Sau đây là bản tin tóm lược được dịch từ tiếng Anh của Phái Đoàn Hòa Bình Phật Giáo Việt Nam Hải Ngoại.

"Cái chết của Hòa Thượng Thích Trí Thủ và sự bắt bớ hầu hết những người lãnh đạo Phật Giáo xuất chúng ở thành phố Hồ Chí Minh đã gây ra nhiều xúc động trong Giáo Hội Phật Giáo trong những ngày qua. Buổi sáng ngày 2.4.1984, Công an đã vào chùa Quảng Hương Già Lam và bắt Hòa Thượng Thích Trí Thủ. Ngài là Chủ tịch Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam (một tổ chức Phật Giáo thân Chính Quyền được thành lập năm 1981 để thay thế Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất). Vào buổi tối, Hòa Thượng được đem tra lại chùa. Ngài chết lúc 9g. tối đó là ngày 2.4.84 và cũng như những ngày trước đó, Công an đã bao vây chùa Quảng Hương Già Lam (tại 498/11 đường Lê Quang Định, Gia Định, Thành phố Hồ Chí Minh) và chùa Vạn Hạnh (tại 716 đường Võ Di Nguy, Phú Nhuận, TP. HCM) bắt hầu hết những người lãnh đạo Phật Giáo xuất chúng, trong số những vị này, người ta có thể ghi nhận là Đại Đức Thích Tuệ Sỹ, Đại Đức Thích Mạnh Thất, Đại Đức Thích Nguyên Giác và Sư Cô Thích Nữ Trí Hải. Nhưng Đại Đức và Sư Cô này rất được dân chúng biết đến cả, miền Nam cũng như miền Bắc Việt Nam. Người ta có cảm tưởng rằng trong nước Chính quyền đang theo đuổi chính sách loại bỏ những tinh hoa của tập thể lãnh đạo Phật Giáo Việt Nam. Mười hai (12) Thầy và Sư Cô đã bị bắt đem đi trong làn sóng bắt bớ này.

Sự chết bất thình lình của Hòa Thượng Thích Trí Thủ đã thực sự làm rung động toàn thể Công đồng Phật Giáo. Người ta mô tả là sức khỏe của Ngài luôn luôn tráng kiện. Ngài không bao giờ có những vấn đề khó khăn về tim và sự lưu thông máu. Cái chết của Ngài gây nên bối rối bao tàn của một Chính sách đàn áp của Chính quyền hiện tại. Tháng 10.1981, Hòa Thượng đã chấp nhận hợp tác với chế độ để thành lập Giáo Hội Việt Nam, một tổ chức Phật Giáo thân Chính quyền. Tổ chức này là 1 phần của "Mặt Trận Tổ Quốc" với hy vọng cho Phật Giáo một cơ hội sống sót trong một xã

hội chuyên quyền độc đoán. Vì sự thỏa hiệp với Chính quyền, Ngài đã phải chấp nhận nhìn thấy những ban đạo của Ngài trong Giáo Hội Phật Giáo Thống Nhất Việt Nam (thành lập tại chùa Ấn Quang năm 1963-64 sau khi chế độ Ngô Đình Diệm bị sụp đổ) bị đàn áp và lưu đày (Thượng Toạ Thích Quảng Độ bị lưu đày ra Thái Bình - Bắc Việt và Thượng Toạ Thích Huyền Quang ra Nghĩa Bình - Trung Việt). Năm 1981, Thượng Toạ Quảng Độ và Thượng Toạ Huyền Quang đã bảo cho Ngài biết rằng sau khi thành công trong việc rút phép hoạt động của Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Chế độ sẽ không ngăn ngại đàn áp tổ chức Giáo Hội vừa mới được thành lập. Hòa Thượng Thích Trí Thủ không muốn tin như vậy. Hôm nay sự việc đã đến là một xác thực. Không 1 người nào hiểu rõ lý do cái chết của Hòa Thượng. Có thể trong thời gian bị giam cầm và tra hỏi, ngày 2.4.84, Hòa Thượng bị tra tấn hay là ngay đến bị đầu độc. Người ta thuật lại là khi Ngài trở lại chùa, Ngài không nói một lời nào và mặt thì đỏ thẫm. Trước giờ mai táng, không một người nào dám xin phép khám tử thi; sự yêu cầu này có thể bị từ chối trong mọi trường hợp. Hòa Thượng dường như bị si nhục nặng nề về tinh thần bởi một Chế độ xảo quyết bắt chước hiện thời.

Sự bắt bớ tất cả những Thầy và Sư Cô thuộc một thế hệ của những người lãnh đạo Phật Giáo có tài. Thích Tuệ Sỹ (Phạm Văn Thường) là một học giả Phật Giáo tiếng tăm nòng cốt trong nước, tác giả hàng chục tác phẩm uyên thâm nghiên cứu về Phật Giáo. Thích Mạnh Thất được coi là một Thầy thông minh nhất trong nước. Thầy đạt được văn bằng cao nhất của trường Đại Học Wisconsin ở Hoa Kỳ. Sư Cô Thích Nữ Trí Hải (Công Tăng, Tôn Nữ Phật Khánh) cũng là một người nổi tiếng trong Giáo Hội. Sư Cô tốt nghiệp trường Đại Học Bloomington, Indiana về Văn chương, Anh ngữ. Tất cả bốn (4) vị này là hội viên của Ủy ban biên soạn cuốn Bách Khoa Tự Điển Phật Giáo Việt Nam.

Người ta không biết địa điểm giam cầm họ ở đâu ngay đến những người bạn thân cận nhất và cha mẹ của họ cũng không biết.

Sau đây là tiểu sử ngắn của Hòa Thượng Thích Trí Thủ:
Tên tục Nguyễn Văn
Ngày sanh: 13.10.1908 tại làng Trung Kiên tỉnh Quảng Trị.
Hành đạo từ 1925-1928 tại chùa Trà Am Huế
Thọ giới: 1928
Tông học tại Phật học viện Tây Thiên từ 1935-1939.
1939 Trụ trì tại chùa Ba La Mật.

- 1947 Viện trưởng Phật Học Viện Báo Quốc Huế
- 1956 Giám đốc Phật Học Viện Hải Đức Nha Trang.
- 1964 Giám đốc Trường Cao Đẳng Phật Học
- 1973 Viện trưởng Viện Hòa Đạo GHPGVNTN (tại chùa Ân Quang)
- 1981 Chủ tịch Giáo Hội Phật Giáo VN thân Chính quyền.

● Một số chùa Việt Nam trên thế giới đều có cử hành lễ cúng tiến Giác linh của Hòa Thượng hoặc công khai, hoặc nội bộ. Việc làm của Hòa Thượng trong quá khứ (trước năm 1981) rất có công đối với Dân Tộc và Đạo Phật; nên chư Tăng Ni và Phật tử tưởng niệm đến Ngài; nhưng kể từ sau năm 1981; khi Ngài làm Chủ tịch Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam thân Chính quyền Cộng Sản, đã có nhiều Tội Chết và Hội Đoàn Phật Giáo Quốc Nội cũng như Hải Ngoại phản đối về vấn đề trên. Việc Ngài thỏa thuận để làm việc với Chính quyền chưa rõ nguyên ước của Ngài đối với Dân Tộc và Đạo Phật ra sao - Ngài đã vội vã ra đi; nấp quan tài đã đầy lại; nhưng chúng ta cũng không nên phân xét vội, chờ cho lịch sử của Dân Tộc và của Đạo Phật phân xét về sau này. Chúng ta chỉ biết thành kính chấp tay nguyện cầu cho Giác linh của Hòa Thượng sớm cao đăng Phật Quốc.

● Ngày 7.4.84, Đồng Bào Phật tử vùng Irlzen đã tập trung tại tư gia của một Phật tử để lễ Phật và nghe thuyết pháp. Buổi lễ đã quy tụ hầu hết những người Việt Nam đang sống tại vùng này.

● Ngày 14.4.84, Đại Đức Thích Như Điển cùng một số quý Phật tử vùng Hannover và phước duyên đã đến Stuttgart để làm lễ cho đồng bào do Trung Tâm Độc Lập tổ chức. Nhân ngày lễ Phật hôm đó Trung Tâm Độc Lập cũng đã cử hành lễ giỗ tổ Hùng Vương một cách trang nghiêm và trọng thể. Khoảng 100 đồng bào đã tham dự buổi lễ Phật và nghe pháp vào ngày trên.

● Ngày 15.4.84, sau khi làm lễ tại Stuttgart, Đại Đức đã đến Sindelfingen để làm lễ và thuyết pháp cho đồng bào. Đặc biệt tại đây đồng bào Phật tử đã tổ chức những bữa cơm chay thân mật để khoản đãi những người tham dự lễ.

● Tại Norddeich vào ngày 28.4 vừa qua cũng đã cử hành một buổi lễ Phật định kỳ cho đồng bào. Tham gia buổi lễ Phật và nghe pháp hôm đó khoảng 100 người. Được biết tại trại tạm cư Norddeich trong hiện tại số người đoàn tụ gia đình mới đến từ Việt Nam lên đến 200 người. Con số cao nhất từ trước đến nay ở trại tạm cư này.

● Tối 30.4.84 cũng là tối 30.3 âm lịch

năm Giáp Tý tại chùa Viên Giác có cử hành lễ Hồng Danh Sám Hối, cầu siêu cho các anh hùng tử sĩ đã hy sinh cho đất nước vào ngày 30.4.75. Và nhân cơ hội này Đại Đức Trụ Trì Chùa Viên Giác cũng nhắc đến công cuộc tranh đấu của Phật Giáo Việt Nam từ sau năm 1975 cho đến nay đối với chính quyền Cộng Sản. Đồng thời cũng có đọc tiểu sử của cố Hòa Thượng Thích Trí Thủ và một bài văn tế đề cầu nguyện cho Ngài sớm Cao Đăng Phật Quốc.

● Chương trình lễ Phật Đản tháng 5 và tháng 6 vẫn không thay đổi; ngoại trừ hai nơi vì lý do kỹ thuật nên đã đổi ngày. Niệm Phật Dương Khánh Hòa tổ chức lễ Phật Đản vào ngày 5.5 thay vì 12.5 và tại Hòa Lan thay vì 2.6.84 là 23.6.84 như Viên Giác đã loan tin trên số 20 vừa rồi.

● Sau lễ Phật Đản tại Hannover là mùa An Cư Kiết Hạ của chư Tăng. Quý vị Phật tử nào muốn tham dự các lễ Thọ Bát Quan Trai và học tập giáo lý, kính điển xin xem thời khóa biểu tu học nơi bìa sau của báo này để biết ngày giờ.

● Chùa Đức Viên tại 2003 Evelyn Avenue San Jose, CA. 95122, USA, dưới sự hướng dẫn tinh thần của Ni Sư Thích Nữ Đàm Lưu cũng đang dự định dời về nơi mới để kiến tạo ngôi Tam Bảo thực thụ, có nơi lễ bái nguyện cầu cho đồng bào Phật tử. Vậy quý Đạo Hữu và quý Phật tử nào muốn đóng góp, cúng dường vào Phật sự thiêng liêng này. Xin liên lạc về địa chỉ trên.

Quảng cáo

Đại Nhạc Hội Hoài Hương sẽ được tổ chức vào ngày thứ bảy 23.6.84 lúc 15,00 giờ chiều tại rạp ROBERT SCHUMANN SAAL - Ehrenhof 4 4000 Düsseldorf.

Do các nghệ sĩ Thái Hiền, Kim Anh, Huyền Châu Gia đình Phạm Duy, Hương Lan, Duy Quang, và Ban nhạc lừng danh Saigon Dreamer's trình diễn.

Giá vé 25 DM và 30 DM.

Quý vị nào muốn có vé xin liên lạc về địa chỉ:

VŨ DUY TOẠI
Im Ardeytal 1
5810 Witten
Tel. 02302-63989

Phương danh quĩ Đạo Hữu Phật Từ ủng hộ

Bất thường

(Tính đến ngày 2 tháng 5 năm 1984)

ĐH Phan văn Tử(Bremen)10DM.GĐĐH Thái Châu (Stein-Holla)hối hưởng hưởng linh t h ân mẫu Trần Hoa 500 Gulden.ĐH Phan thị Bình Minh(Dortmund)hối hưởng hưởng linh thânphụ Phan văn Sùng 50DM.ĐH Vũ Tiên Đạt(Bonn) 20 DM.ĐH Nguyễn Thanh Hải(Berlin)20DM.GĐĐH Lê Đức(Laatzten)20DM.ĐH Huệ Lộc(Pháp)100DM.ĐH Diệu Thảo(Köln)hối hưởng hưởng linh PT Trịnh Thị Phụng và PT Lý Nhỏn Trúc 30DM.PT Lý Duy Bân(Landstuhl)40DM.GĐĐH Diệu Hải(Spaichingen) 50DM.ĐH Lưu thị Hương(")20DM.ĐH Hữu Nguyễn Hữu Hậu(")20DM.ĐH Diệu Hộ(AL.USA)20 US.ĐH Nguyễn thị Anh(Berlin)30DM.ĐH Hữu Trần Quang Lân(Sindelfingen)50DM.ĐH Đoàn thị Yên (Rottweil)50DM.ĐH Đỗ Chánh Dân(Sindelfingen)20DM.ĐH Viên Kim Quy(")100DM.ĐH Hữu Hùng Thục Kim(Troissingen)50DM.ĐH Hữu Nguyễn Hữu Vĩnh(Sindelfingen)100DM.ĐH Nguyễn thị Tú (")20DM.ĐH Đỗ Kiên Châu(")20DM.ĐH Phạm thị Thuồng(")20DM.ĐH Trần Hoa Lê(")20DM.Đạo Hữu Trần Phúc Hiến(")20DM.ĐH Lê Sangh(Spaichingen)170DM.ĐH Khiêm(")10DM.ĐH Đỗ Hữu Ai (Oberhausen)20DM.ĐH Hồ Kim Lệ(Kiel)20DM.ĐH Hữu Nguyễn thị Lý(Göttingen)20DM.ĐH Liêu thị Tú (")20DM.ĐH Trần Thu Hà(")20DM.Đạo Hữu Dũng Chánh Quân(Cloppenburg)20DM.ĐH Trịnh văn Bộ (Koblenz)20DM.ĐH Trịnh Tân Khôn(Idar-Oberstein)10DM.ĐH Vũồng Cúc Minh(Emden)20DM.ĐH Thang Trạch(Wupperthal)hối hưởng hưởng linh thân mẫu Trịnh Tuyết Anh 100DM.ĐH Đoàn văn Ngôn(")20DM.ĐH Tông Hồng Tạ(")50DM.ĐH Chung Châu Kim(")50DM.ĐH Huỳnh văn Kỳ(Sobernheim)20DM.ĐH Giảng và Anh(Düsseldorf)30DM.ĐH Hữu Bùi thị Ngọc Loan(Mainz)50DM.GĐĐH Phạm văn Nam(Wiesbaden)hối hưởng hưởng linh nhạcphụ Lâm Xứng 300DM.ĐH Mã văn Yên(Berlin)40DM.Đông bào Việt Nam tại Norddeich 200DM.GĐĐH Nguyễn Phạm(Essen)hối hưởng hưởng linh ĐH Nguyễn thị Tác, 150DM.ĐH Nguyễn văn Lộc(Uden-Holla)hối hưởng hưởng linh Hoàng t h i Nhũng 50Gulden.ĐH Lôi thị Sáu(Norddeich) 100DM.ĐH Phạm văn Ken(Neueustein)hối hưởng hưởng linh Trác Mỹ Tuấn 50DM.Đạo hữu Vũồng Nghĩa Ngọc 130DM.ĐH Chu Triệu Ân 20DM.ĐH Hữu Lâm Tuyết Hạnh(Fürth)20DM.ĐH Diệu Ngọc(IN. USA)50US.

Định kỳ

GĐĐH Lê văn Hiệp(TX-USA)486,16DM/1-12/84.ĐH Dũng văn Phưởng(Essen)60DM/1-6/84.Đạo hữu Phạm Đăng Dung(Lindenberg/Allg.)50DM/4/84.ĐH Lê thị Thu Ba(Mochenwangen)50DM/1-5/84.ĐH Nguyễn Ngọc Thành PD Vĩnh Trí phấtnguyên ấn tổng Bạch Y Thần Chú và Đại Bi Thần Chú 200DM.

Củng dường xây Chùa

ĐH Lâm Kiến Huệ(Spaichingen)20DM.ĐH Trường văn Giới(")10DM.ĐH Trường Bình Thông(Meß-tetten)100DM.ĐH Nguyễn văn Nhiệm(Spaichingen)50DM.ĐH Phùng Chánh(")10DM.ĐH Đinh Công Trọng(")10DM.ĐH Võ văn Hùng(")20DM.ĐH Nguyễn thị Mai(Troctelfingen)20DM.Quý vị ăn danh - 20DM.ĐH Lý San Hà(Freiburg)100DM.ĐH Cao văn Hoa(Regensburg)50DM.ĐH Vũ Quang Tú(Seelze)đợt 3-100DM.GĐĐH Đỗ Anh Hoàng,ĐH Đỗ t h i Nguyệt,ĐH Đinh Ngọc Diệp,PT Đỗ Hoàng M i nh (Uelzen)600DM.ĐH Đỗ văn Chánh(")200DM.ĐH Diệu Hải(Spaichingen)300DM.ĐH Nguyễn v.Liêm (Sindelfingen)20DM.ĐH Lưu Cẩm(")1.000,00DM.ĐH Kongmee Southala(")20DM.ĐH Huỳnh Trịnh Việt(")20DM.ĐH Nguyễn thị Đức PD Diệu Hạnh (Stuttgart)50DM.ĐH Giảng và Anh(Düsseldorf)70DM.ĐH Đào Hữu Đức(Brussel-Bi)50DM.

Bảo Viên Giác

ĐH Cao văn Hoa(Regensburg)20DM.Sr. Theresia Phưởng(Bonn)100DM.ĐH Nguyễn Như Huỳnh 50US.ĐH Nguyễn Huệ Xuân(TX-USA)100FF.Đạo hữu Diệu Tường(M'giadbach)10DM.ĐH Hà Phước Thảo(Weiler Simmerberg)10DM.ĐH Trần văn Côn(Lausanne Suisse)10DM.ĐH Diệu Thuật(Norwalk-CA-USA)10US.ĐH Hồ văn Cung(Abkuraar-Holla)20DM.ĐH Tạ Thành Cảnh(")20DM.ĐH Trần thị H i ê p (Montréal-Canada)20Can.ĐH Nguyễn Thanh Tâm (Merzig)20DM.ĐH Đào Hữu Đức(Brussel-Bi)25DM.ĐH Thái văn Tử(ng)20DM.ĐH Hữu Nguyễn văn Lộc(Uden-Holla)50Guld.ĐH Tăng Q u ô c Tuấn(Berlin)20DM.ĐH Tăng Quốc Hải(")20DM.

Mọi sự củng dường, ủng hộ, Quĩ vị có thể gửi thẳng về chùa trong bao thư hoặc qua 1 trong 2 số Konto của Ngân hàng, Deutsche Bank Hannover như sau: Chùa Viên Giác, Konto Nr. 8650228. BLZ 250 700 70. Hoặc số Konto Cong.d.Verein.Vietn.Buddh.Kirche e.V. 8657470. BLZ 25070070. Xin thành thực cảm ơn quĩ vị.

CHƯƠNG TRÌNH THỌ BÁT QUAN TRẠI HÀNG TUẦN TRONG MÙA AN CỬ KIẾT HẠ TẠI CHÙA
VIÊN GIÁC HANNOVER TỪ 28 THÁNG 5 NĂM 1984 ĐẾN 19 THÁNG 8 NĂM 1984.

• Lễ Thọ Bát Quan Trai cho Quý Vị Phật Tử tại gia, học hạnh của người xuất gia một ngày một đêm được bắt đầu vào sáng thứ bảy mỗi cuối tuần và chấm dứt vào sáng chủ nhật. Gồm có những cuối tuần sau đây:
2-3/6; 9-10/6; 16-17/6; 23-24/6; 30-1/7; 7-8/7; 14-15/7; 21-22/7; 28-29/7; 4-5/8 ;
11-12/8/1984.

5 Chương trình Thọ Bát được ấn định như sau:

Thứ bảy: 10:00 Lễ truyền giới Bát Quan Trai

11:00 Giảng giải ý nghĩa thọ giới và những quy luật trong ngày thọ giới.

11:30 Nghi thức Qúa Đương, Kinh hành nhiều Phật.

12:30 - 14:00 Chi tịnh.

14:00 - 16:00 Giảng kinh, học tập giáo lý, nghi lễ v.v...

17:00 Công phu chiều

18:00 Đọc sách

19:00 Tiểu thực

20:00 Tịnh Đố

21:00 Học tập giáo lý

22:30 Toạ Thiền

23:00 Chi tịnh

Chủ nhật: 05:00 Tảo thực

05:30 Toạ Thiền

06:00 Công phu khuya; tụng thần chú Thủ Lăng Nghiêm.

07:00 Chắp tác

08:00 Tiểu Thực

08:30 Đọc sách

09:30 Các giới tử văn tập chánh diện để kiểm điểm thành quả trong 24 giờ Thọ Bát Quan Trai và làm lễ xả giới.

10:00 Chấm dứt.

• Tại chùa vào mỗi tối 14 và 30 âm lịch (tháng thiếu 29) đều có cử hành 1 lễ Hồng danh sám hối và mỗi sáng rằm; mồng một đều có lễ Thủ Ấn Chúc Tấn.

• Trong mùa An Cư Kiết Hạ cứ mỗi tối thứ hai, thứ tư và thứ sáu vào lúc 20 giờ đều có những chương trình tu học cho Quý Phật Tử tại gia như sau:

- Tối thứ Hai: học nghi lễ chuông mõ

- Tối thứ Tư: học giáo lý căn bản

- Tối thứ Sáu: học Hán văn, các ngôn ngữ khác và tập cách diễn giảng.

• Quý vị Đạo Hữu cũng như Quý vị Phật Tử ở trong hoặc ngoài nước Đức cũng đều có thể tham gia những chương trình trên; hoặc một ngày cho đến một tuần hay một tháng để tìm hiểu thêm về giáo lý của Đạo Phật cũng như thực tập cho đời mình một cuộc sống đúng theo chơn tinh thần của Đạo Phật. Công đức thật vô lượng vô biên.

• Nếu Quý vị có những thắc mắc về những vấn đề trên có thể biên thư về chùa để hỏi hoặc Quý vị cũng có thể gọi điện thoại số: 0511-864638 để chùa sẽ trực tiếp hướng dẫn, giúp đỡ Quý vị.

Nam Mô Công Đức Lâm Bồ Tát Ma Ha Tát.

Hình bìa trước: Nàng Mục Nữ Sujata dâng sữa lên Đức Phật

Đón Mừng Ánh Đạo

MODERATO

NGUYỄN ĐAM - HỮU NGHĨA

Ngày tràn gian reo hát vang mừng Đản Sinh tử muôn
phương trong gió vương cầu an lành . Báo tin
rạng Tắt - Đạt - Đa nào Đản Sinh . Đức Giác
Ngộ đem sáng tưới cho quần sanh . Vang tiếng
kinh ca ngợi ngày tràn sắc hương . Niềm an
vui Thích Ca bông người cha lành và tử đây bốn
phương tràn ngập hào quang . Tim hân hoan ta đón ánh thiêng đạo
vàng . Vườn Tự Ni hương ngát bay ngoài trời mây . Mầm tử
bi gieo giống thơm khắp muôn lòng . Đón tâm tình Đức Thế
Tôn thượng quần sanh . Ta hát mừng hôm thơ gian ngập hào
quang . Ngày trànquang . NGUYỄN TỬ - NHƯ VINH